

**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**




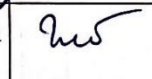

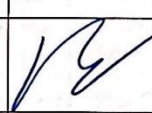
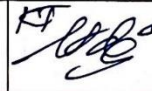

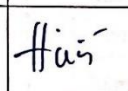
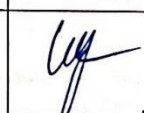
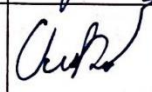
**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
CỬ NHÂN NGÀNH ĐẠO DIỄN ĐIỆN ẢNH**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

*(Lưu hành nội bộ)*

**Hà Nội, tháng 01 - 2022**

**DANH SÁCH KIẾN TOÀN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH ĐẠO DIỄN ĐIỆN ẢNH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 706/QĐ-SKĐAHN ngày 26 tháng 6 năm 2020 của*  
*Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)*

| TT | Họ và tên               | Chức danh, chức vụ   | Nhiệm vụ     | Ký tên  |
|----|-------------------------|--|--------------|---|
| 1  | Ông Nguyễn Đình Thi     | PGS. TS. NGND. Hiệu trưởng   | Chủ tịch     |    |
| 2  | Bà Nguyễn Thị Thanh Quế | ThS. Phó Hiệu trưởng   | Phó Chủ tịch |    |
| 3  | Ông Lý Thái Dũng        | NSND. Phó Trưởng khoa Nghệ thuật Điện ảnh, giảng dạy môn nghiệp vụ quay phim | Phó Chủ tịch |   |
| 4  | Bà Trịnh Thúy Hương     | TS. Trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục                      | Thư ký       |  |
| 5  | Ông Bùi Tuấn Dũng       | NSUT. Đạo diễn phim truyện Điện ảnh.   | Thành viên   |  |
| 6  | Bà Nguyễn Thị Hồng Hiền | TS. Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý KH & Hợp tác quốc tế                       | Thành viên   |  |
| 7  | Bà Nguyễn Thị Thu Hiền  | ThS. Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp                                       | Thành viên   |  |
| 8  | Bà Lê Minh Đức          | ThS. Giảng viên dạy môn Nghiệp vụ đạo diễn, khoa Nghệ thuật Điện ảnh         | Thành viên   |  |
| 9  | Bà Nguyễn Tú Anh        | SV lớp Đạo diễn Điện ảnh K38   | Thành viên   |  |

*(Danh sách gồm có 09 người).*

## MỤC LỤC

|  |           |
|--|-----------|
| <b>MỤC LỤC</b> .....   | <b>1</b>  |
| <b>PHẦN I. KHÁI QUÁT</b> .....   | <b>7</b>  |
| 1.1. Đặt vấn đề .....  | 8         |
| 1.2. Tổng quan chung .....   | 10        |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ</b> .....  | <b>16</b> |
| <b>TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> .....   | <b>16</b> |
| Mở đầu.....  | 16        |
| Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. ....        | 16        |
| Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. .... | 17        |
| Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai. ....  | 20        |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 1 .....   | 21        |
| <b>TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> .....  | <b>22</b> |
| Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.....   | 22        |
| Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....  | 23        |
| Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. ....   | 24        |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 2:.....   | 25        |
| <b>TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC</b> .....   | <b>26</b> |
| Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra .....   | 26        |
| Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.....   | 28        |
| Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp .....  | 29        |
| Kết luận Tiêu chuẩn 3:.....  | 31        |
| <b>TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC</b> .....   | <b>31</b> |
| Mở đầu.....  | 31        |
| Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan .....  | 32        |

|   |    |
|---|----|
| Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra..   | 34 |
| Tiêu chí: 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học .....   | 36 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 4:.....  | 38 |
| <b>TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC</b> .....   |    |
| Mở đầu.....   | 40 |
| Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.....   | 40 |
| Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học .....                            | 41 |
| Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng .....  | 43 |
| Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.....  | 46 |
| <b>Kết luận về Tiêu chuẩn 5:</b> .....  | 47 |
| <b>TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN</b> .....  |    |
| <b>Mở đầu</b> .....   | 48 |
| Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu chương trình học và các hoạt động phục vụ cộng đồng ..... | 48 |
| Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.....  | 51 |
| Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai .....  | 54 |
| Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá .....  | 56 |
| Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó .....  | 58 |
| Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. ....            | 59 |
| Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. ....   | 61 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 6.....   | 63 |
| <b>TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN</b> .....  |    |
| <b>Mở đầu:</b> .....  | 64 |

|  |           |
|--|-----------|
| Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng..... | 64        |
| Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai .....   | 66        |
| Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá .....  | 67        |
| Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó .....  | 68        |
| Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng .....                                   | 69        |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 7:.....   | 71        |
| <b>TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC .....</b>   |           |
| Mở đầu.....  | 73        |
| Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và được cập nhật .....  | 73        |
| Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.....   | 75        |
| Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học .....   | 77        |
| Tiêu chí 8.4: Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.....  | 79        |
| Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học .....   | 82        |
| Kết luận về tiêu chuẩn 8 .....   | 84        |
| <b>TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ.....</b>   |           |
| <b>Mở đầu.....</b>   | <b>86</b> |
| Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. ....  | 86        |
| Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. ....  | 88        |
| Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. ....   | 91        |
| Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....   | 94        |
| Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. ....  | 96        |

|  |            |
|--|------------|
| Kết luận về Tiêu chuẩn 9:.....   | 98         |
| <b>TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG</b> .....  |            |
| <b>Mở đầu</b> .....  | 100        |
| Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình.....   | 100        |
| Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....   | 102        |
| Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.      | 103        |
| Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học  | 105        |
| Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến ..... | 108        |
| Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến .....   | 110        |
| Kết luận về tiêu chuẩn 10 .....  | 112        |
| <b>TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA</b> .....   |            |
| <b>Mở đầu</b> .....  | 113        |
| Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....   | 113        |
| Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....   | 117        |
| Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....  | 118        |
| Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.....   | 120        |
| Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....  | 123        |
| Kết luận về tiêu chuẩn 11 .....  | 125        |
| <b>PHẦN III. KẾT LUẬN</b> .....  | <b>126</b> |
| <b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>  |            |

## DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

|                         |  |
|-------------------------|--|
| <b>DHSKĐAHN</b>         | <b>Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội</b>                    |
| <b>CTĐT</b>             | <b>Chương trình đào tạo</b>                                |
| <b>BGDĐT</b>            | <b>Bộ Giáo dục và Đào tạo</b>                              |
| <b>BVHTTDL</b>          | <b>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>                     |
| <b>ĐDDA</b>             | <b>Đạo diễn điện ảnh</b>                                   |
| <b>NTĐA</b>             | <b>Nghệ thuật điện ảnh</b>                                 |
| <b>KT&amp;ĐBCLGD</b>    | <b>Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục</b>       |
| <b>ĐT,QLKH&amp;HTQT</b> | <b>Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế</b>  |
| <b>QLHSSV</b>           | <b>Phòng Quản lý Học sinh, sinh viên</b>                   |
| <b>TT TTTV</b>          | <b>Trung tâm Thông tin Thư viện</b>                        |
| <b>GV</b>               | <b>Giảng viên</b>  |
| <b>SV</b>               | <b>Sinh viên</b>   |
| <b>CĐR</b>              | <b>Chuẩn đầu ra</b>  |
| <b>NSUT</b>             | <b>Nghệ sỹ ưu tú</b>                                       |
| <b>NSND</b>             | <b>Nghệ sĩ nhân dân</b>                                    |
| <b>CTDH</b>             | <b>Chương trình dạy học</b>                                |
| <b>SK-ĐA</b>            | <b>Sân khấu-Điện ảnh</b>                                   |
| <b>KQHT</b>             | <b>Kết quả học tập</b>                                     |
| <b>HCTH (TCCB)</b>      | <b>Phòng Hành chính, Tổng hợp (bộ phận Tổ chức cán bộ)</b> |
| <b>NCKH</b>             | <b>Nghiên cứu khoa học</b>                                 |
| <b>CSGD</b>             | <b>Cơ sở giáo dục</b>                                      |
| <b>GVCN</b>             | <b>Giáo viên chủ nhiệm</b>                                 |

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội trong suốt chặng đường 40 năm xây dựng và phát triển. Để có một bức tranh cụ thể về một Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đa ngành phát triển toàn diện, đạt chuẩn chất lượng kiểm định trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo và trước xã hội, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội tiến hành thực hiện quy trình đánh giá CTĐT một số ngành đào tạo trong đó có CTĐT trình độ đại học ngành Đạo diễn điện ảnh.

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo cũng như xây dựng văn hóa chất lượng tại Khoa Nghệ thuật Điện ảnh trình độ đại học ngành Đạo diễn Điện ảnh. Trong quá trình triển khai công việc này, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Đạo diễn Điện ảnh căn cứ vào các tiêu chuẩn và các mốc chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Đạo diễn Điện ảnh để phát huy những điểm mạnh cũng như nhìn nhận lại những mặt tồn tại của CTĐT giai đoạn 2015 – 2020, trên cơ sở đó, Khoa và Trường có những phương hướng, hành động cụ thể nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục trong những năm tiếp theo.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Đạo diễn Điện ảnh được thành lập theo Quyết định quyết định số 706/QĐ-SKĐAHN ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội bao gồm 09 thành viên và Ban thư ký giúp việc Hội đồng gồm 07 thành viên. Trong đó, Ông Nguyễn Đình Thi, Hiệu Trưởng của Trường là Chủ tịch hội đồng; bà Nguyễn Thị Thanh Quế, Phó Hiệu trưởng - Phó chủ tịch hội đồng; Nghệ sĩ Nhân dân Lý Thái Dũng – P.Trưởng khoa Nghệ thuật điện ảnh - đồng Phó chủ tịch hội đồng; bà Trịnh Thúy Hương, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (KT& ĐBCLGD) - Thư ký. Các thành viên còn lại trong Hội đồng và Ban thư ký đến từ tất cả các phòng chức năng liên quan (P.Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; P. Hành chính tổng hợp; P. Công tác Học sinh, sinh viên; P. KT& ĐBCLGD) và Khoa Nghệ thuật điện ảnh.

Mục đích tự đánh giá chương trình đào tạo là nhằm đảm bảo chất lượng CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh, Khoa Nghệ thuật điện ảnh - Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Nâng cao chất lượng CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh thông qua việc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của chương trình đào tạo ở thời điểm tự đánh giá; là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội.

Công cụ đánh giá là 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí đánh giá chất lượng theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và Kế hoạch số 118/KH-BGDĐT ngày 23/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm và



trung cấp sư phạm năm 2017. Mỗi tiêu chí được tiến hành tự đánh giá theo trình tự sau: Mô tả, làm rõ thực trạng của chương trình đào tạo; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những giải pháp khắc phục; lên kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo.

Quy trình đánh giá được tiến hành từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 8 năm 2020. Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau: Thành lập Hội đồng tự đánh giá; lập kế hoạch tự đánh giá; phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được; viết báo cáo tự đánh giá; lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá; triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài Trường từ năm 2015 đến năm 2020, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Với mỗi một tiêu chuẩn, các tiêu chí được phân tích thành các yêu cầu và các câu hỏi đặt ra cho các yêu cầu, sau đó các thông tin, minh chứng được thu thập từ các phòng chức năng, Khoa, Viện, và các đối tượng liên quan.

Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

Hx.ab.cd. ef

H: viết tắt của “hộp minh chứng”

x: số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 1 đến 11)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01)

ef: số thứ tự minh chứng theo từng tiêu chí.

Bản “Báo cáo tự đánh giá Chương trình đào tạo cử nhân ngành Đạo diễn điện ảnh” là sản phẩm của một quá trình tự đánh giá khách quan, trung thực, dân chủ, minh bạch và công khai CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh - Khoa Nghệ thuật điện ảnh theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT). Bản báo cáo gồm bốn phần chính: Khái quát, đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, kết luận và phụ lục. Phần đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí là phần trọng tâm của báo cáo, trong đó các tiêu chuẩn, tiêu chí được trình bày lần lượt theo thứ tự: Mở đầu, mô tả, điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch hành động, đánh giá các tiêu chí và kết luận mỗi tiêu chuẩn. Phần mở đầu giới thiệu sơ lược về các tiêu chuẩn. Các tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn được mô tả chi tiết nhằm nêu ra những điểm mạnh và những tồn tại, thông qua đó lên kế hoạch hành động và các giải pháp cải tiến. Các tiêu chí sau khi phân tích được tự đánh giá một cách khách quan theo 7 mức quy định. Những điểm nổi bật, những tồn tại cơ bản ở mỗi một tiêu chuẩn được trình bày tóm tắt ở phần kết luận. Tuy còn một số hạn chế về CTĐT nhưng theo đánh giá, các tiêu chuẩn đều đạt mức từ 4/7 đến 5/7.

## 2. Tổng quan chung

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội (sau đây viết tắt là Trường hoặc Nhà trường) trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Giáo Dục và Đào tạo. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; hoạt động theo các quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường đại học. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Mục đích hoạt động của Trường là đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu hoạt động trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình có trình độ từ đại học đến sau đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực sáng tạo tốt, đáp ứng nhu cầu giữ gìn, kế thừa và phát triển văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Là một trung tâm đào tạo trọng điểm hàng đầu của cả nước trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình; có khả năng hội nhập và giao lưu quốc tế, đi đầu trong việc tiếp thu kinh nghiệm đào tạo trong lĩnh vực sân khấu - điện ảnh của các nước vận dụng vào thực tế Việt Nam.

Sứ mạng của Trường được công bố như sau: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế”. Tầm nhìn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN” (Ban hành kèm theo Quyết định số 1219 /QĐ-SKĐAHN ngày 13/10 /2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội). Tầm nhìn này sẽ giúp nhà Trường vạch ra cho mình hướng đi đúng và nâng cao vị thế của Nhà trường trong nước cũng như vươn tầm quốc tế.

Vào năm 2017, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đã được công nhận là trường đạt chuẩn Quốc gia (Do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận). Thành quả đạt được đó chính là nhờ vào những chiến lược đúng đắn và những mục tiêu rõ ràng của nhà Trường. Những mục tiêu đó được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Trong đề án “Phát triển Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2014-2020” đã ghi rõ mục tiêu là: "Xây dựng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia và đạt trình độ các trường tiên tiến trong khu vực về các lĩnh vực nghệ thuật và kỹ thuật của các ngành sân khấu, điện ảnh, truyền hình, múa, nhiếp ảnh và thiết kế mỹ thuật; góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Mục tiêu của Trường trong giai đoạn mới đã được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và gắn với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học nhằm cụ thể hóa mục tiêu giáo dục. Kế hoạch năm học được phổ biến rộng rãi trong toàn Trường thông qua nhiều hình thức: Tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của Trường; “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV”; đại hội Đảng và các đoàn thể; trên mạng lưới website của Trường; sổ tay sinh viên; các hội nghị tổng kết năm học của Nhà trường, của các đoàn thể, các đơn vị hàng năm có đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học.

Để những mục tiêu đã đề ra đạt được hiệu quả cao, Nhà trường đã có những chính sách cụ thể nhằm nâng cao và đảm bảo chất lượng về mặt giáo dục cũng như các hoạt động khác trong Nhà trường.

Trước hết, Nhà trường ban hành hệ thống các văn bản về tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Những văn bản này đều được công bố minh bạch trên phần mềm văn phòng điện tử eOffice, thông báo trong các cuộc họp, hội nghị, gửi thông báo công khai đến từng đơn vị, cá nhân trong toàn Trường. Trong đó quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc cũng như quy chế hoạt động, tổ chức hoạt động của khoa đào tạo. Các quy định, quy chế này phù hợp với Điều lệ trường đại học, các quy định của pháp luật và thường được bổ sung, cập nhật phù hợp với từng giai đoạn phát triển như sứ mạng và mục tiêu đã tuyên bố thông qua việc lấy ý kiến của các đơn vị, cá nhân liên quan. Những văn bản có tính pháp lý này đã và đang phát huy hiệu quả việc quản lý các hoạt động chung của nhà trường, tạo nên một khối thống nhất, sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị trong quá trình triển khai các hoạt động. Từ đó nâng cao chất lượng toàn diện trong toàn trường.

Ngoài các văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của khoa, phòng, Trường còn ban hành các văn bản để phân định rõ chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên. Sự phân công này được công bố công khai trên subweb của các đơn vị, nhờ đó việc liên hệ công tác của các đơn vị, cá nhân bên ngoài cũng như giữa các đơn vị, cá nhân trong Trường được tiện lợi. Việc phân công, phân cấp quyền hạn và trách nhiệm cho các đơn vị khá hợp lý, được cán bộ, nhân viên đồng tình, ủng hộ, phát huy được vai trò, tính tự chịu trách nhiệm của từng cá nhân và tập thể. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành các mặt hoạt động của các đơn vị và Nhà trường.

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường luôn được nhấn mạnh về vai trò dẫn đầu trong việc duy trì cũng như phát huy hiệu quả làm việc của toàn trường. Dưới sự lãnh đạo sâu sát, toàn diện của Đảng uỷ, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên đã tổ chức được các hoạt động phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo đảng viên, đoàn viên tham gia. Tổ chức Công đoàn đã đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động; chăm lo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức. Công đoàn Trường đã tích cực, chủ động phối hợp với lãnh đạo các đơn vị, tham mưu cho cấp uỷ Đảng tổ chức triển khai, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết đến cán bộ, viên chức trong toàn Trường; tham gia tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tiền lương và việc điều phối quỹ phúc lợi đảm bảo công bằng, minh bạch, góp phần ổn định Nhà trường.

Đoàn Thanh niên Trường đã tổ chức được các phong trào cho thanh niên sinh viên rèn luyện đạo đức, lối sống, kỹ năng sống. Bên cạnh việc chú trọng đảm bảo hiệu quả

vận hành về mặt tổ chức, nhà Trường luôn coi chất lượng giáo dục đại học là chìa khoá thành công trong việc phát huy sức mạng đào tạo của mình. Bởi vậy, từ năm 2014, Trường đã có Phòng Khảo thí & ĐBCLGD. Công tác của Phòng là kiểm tra, giám sát thường xuyên thời gian giảng dạy, chất lượng giảng dạy, tính bảo mật của việc ra đề thi, chất lượng bài thi, tính nghiêm túc của các kỳ thi... Bên cạnh đó, Nhà trường có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013-2020 đã giới thiệu khái quát các giai đoạn phát triển quan trọng, các lĩnh vực hoạt động và những thành tựu của Nhà trường; phân tích những điểm mạnh cơ bản, những tồn tại cần khắc phục; đồng thời đánh giá những cơ hội và thách thức mà Nhà trường đang đối mặt trên các lĩnh vực hoạt động; tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn đến năm 2020 và xây dựng mục tiêu chiến lược cho các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường; cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược bằng hệ thống các giải pháp, chỉ số giám sát, khung thời gian và nguồn tài chính để thực hiện như hoàn thành kiểm định chất lượng trường đại học trước tháng 4 năm 2017, đẩy mạnh việc xây dựng Trường thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Song song với việc xây dựng kế hoạch dài hạn, công tác xây dựng kế hoạch phát triển Nhà trường ngắn hạn, trung hạn cũng được Nhà trường xúc tiến hàng năm. Nhà trường đã đề ra được các chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường bao gồm: Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định, hướng dẫn để cụ thể hóa. Triển khai thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trong chương trình công tác hàng năm của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Ban Thanh tra nhân dân... BGH trực tiếp duyệt kế hoạch công tác năm học của tất cả các đơn vị trực thuộc Trường.

Đơn vị thực hiện CTĐT chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh là Khoa Nghệ thuật điện ảnh. Đồng hành với trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (SKĐAHN) từ buổi sơ khai, quá trình phát triển của Khoa Nghệ thuật điện ảnh trải dài 61 năm lịch sử (Từ 1959- tiền thân là Khóa đào tạo Đạo diễn ĐA đầu tiên mà Giảng viên là các chuyên gia Liên xô) Từ năm 1962, khi phân hiệu Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội được thành lập. Sau đó năm 1980 để phù hợp với xu thế mới và đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, Bộ VH-TT (tên lúc đó) đã có quyết định thành lập trường ĐHSKĐA với Hiệu trưởng là GSTS, Đạo diễn SK, NSND Đình Quang. Quy tụ được đội ngũ cán bộ nhiều kinh nghiệm nhất trong quản lý giáo dục và các giảng viên, nghệ sỹ chuyên ngành ĐA của cả nước... Trong đó có rất nhiều người là Học viên khóa 1 của Trường ĐAVN kết hợp cùng các đạo diễn được đào tạo tại các trường ĐHĐA nổi tiếng tại Khối các nước XHCN như: NGND, NSUT Đạo diễn ĐA (VGIK) Lê Đăng Thục, NSND Đạo diễn ĐA Nguyễn Khắc Lợi, NSND ĐD phim TLKH Lương Đức....

Trải qua 40 năm đào tạo liên tục, chuyên ngành đạo diễn ĐA đã đào tạo khoảng 400 cử nhân đạo diễn điện ảnh. Có đến 70 - 80% cán bộ lãnh đạo chủ chốt của ngành ĐA, TH trên cả nước là các Đạo diễn do Khoa ĐA đào tạo. Họ góp phần làm nên diện mạo của nền ĐA Cách mạng VN qua các thời kỳ chiến tranh CM, đổi mới, và xây dựng đất nước hiện nay. (Danh sách từ khóa 1 Đại học đến nay: NSND Khải Hưng, Lưu Trọng Ninh, Thanh Vân, Nhuệ Giang, Đỗ Thanh Hải, Bùi Tuấn Dũng, Đặng Thái Huyền).

Hiện nay đội ngũ giảng dạy của Khoa có 11 GV trong biên chế, trong đó có: 03 nghiên cứu sinh nước ngoài, tại các nước có nền ĐA tiên tiến nhất TG (Mỹ, Pháp) 01 giảng viên chính, và tất cả đều là thạc sĩ. Tuy nhiên, ở độ tuổi 8X các GV thật sự chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc làm phim và giảng dạy... vì vậy, việc đào tạo chuyên ngành đạo diễn vẫn thật sự dựa vào các GV thỉnh giảng có từ 20 - 40 năm kinh nghiệm, có danh hiệu NSUT, NSND vốn được đào tạo cả trong và ngoài nước như các GV kể trên (cộng thêm các GV: Khắc Lợi, Xuân Sơn, Hà Sơn, Vũ Châu, Lê Chương, Nguyễn Thuộc, Trần Quốc Dũng).

Sinh viên khoa Khoa Nghệ thuật điện ảnh năng động và sáng tạo, luôn nằm trong nhóm đầu của Nhà trường khi tham gia các hội thi LHP SV, Ong Vàng, CDV, LHP ngắn tại LHP QG, Trường ĐHSKĐA còn là Thành viên Hiệp hội các Trường Điện ảnh toàn thế giới (CILECT), hàng năm đều có Phim ngắn gửi đi dự LHP của Hiệp hội và đã mang về các giải thưởng uy tín.

Bằng các mối quan hệ tốt với các Nhà tuyển dụng trong cả nước, các công ty SX phim nhà nước và tư nhân, các GV của Khoa ĐA đã tạo dựng nhiều cơ hội để các SV của mình đi thực tập, làm việc tại các Đoàn phim... nâng cao nghiệp vụ thực hành, cọ sát thử thách nghiệp vụ ở các trình độ ... và cũng là cơ hội tiếp cận việc làm khi SV ra trường. (Hãng Phim Truyện VN, Hãng phim TH VFC, VTV, HTV các công ty HK, PS, và rất nhiều Cty Truyền thông tư nhân ...). Cán bộ và sinh viên Khoa Nghệ thuật điện ảnh có truyền thống tinh thần tương thân tương ái. Các cựu sinh viên, giảng viên của khoa có quỹ học bổng hỗ trợ các sinh viên có điều kiện khó khăn và động viên khuyến khích các sinh viên có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện. Các Hãng SX, Kinh doanh cho thuê thiết bị ĐA của TG và VN thông qua các GV đã tài trợ, tổ chức các cuộc thi: Canon, SONY, FUJIFIM, Blackmagic... tạo điều kiện cho SV Đạo diễn làm phim ngắn trong và ngoài chương trình học tập....

Sứ mạng chính của Khoa cũng là Sứ mạng của Trường ĐH SKĐA là đào tạo các Đạo diễn ĐA, cung cấp nguồn nhân lực chính dẫn đầu quốc gia. Cụ thể, Khoa chịu trách nhiệm đào tạo cử nhân chính quy ngành Đạo diễn, BK, QP và sắp tới là kết hợp với Bộ VH Bì, trường INSAD của vương quốc Bỉ đào tạo chuyên ngành Nhà Sản xuất ĐA khóa đầu tiên với mục đích nâng cao nghiệp vụ Điện ảnh nói chung cho các GV của Khoa và đáp ứng nhu cầu của thị trường ĐAVN.

Khoa Nghệ thuật điện ảnh đã và đang thực hiện những chính sách và hoạt động cụ thể nhằm đảm bảo chất lượng toàn diện. Chính sách đầu tiên liên quan tới công tác chính trị, tư tưởng, truyền thông và cải cách hành chính. Được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy trường Đại học SKĐAHN, Chi bộ Điện ảnh, cán bộ viên chức, sinh viên của đơn vị luôn quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của ngành Giáo dục và Đào tạo; phát huy quyền làm chủ của cán bộ viên chức, người học, gắn liền với sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng. Toàn thể cán bộ khoa đoàn kết, đồng lòng với các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như Nhà trường, góp phần xây dựng Trường và Khoa ngày càng vững mạnh.

Thứ hai, công tác sinh viên; công tác đoàn thể cũng được chú trọng. Khoa đã chỉ đạo liên chi đoàn và liên chi hội sinh viên tổ chức nhiều hoạt động bổ ích, thiết thực. Tổ chức tốt tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, đầu các năm học. Tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của ngành Giáo dục và Đào tạo cho người học thông qua các buổi sinh hoạt cán bộ lớp, cán bộ đoàn và các hoạt động chung của khoa. Tham gia Hội nghị đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo Nhà trường, Khoa nắm bắt thông tin và giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của sinh viên và học viên, không có hiện tượng khiếu nại vượt cấp.

Thứ ba, công tác tổ chức và xây dựng đội ngũ được coi là nòng cốt để tạo nền móng bền vững cho chất lượng đào tạo. Đội ngũ giảng viên được đào tạo; được tham gia tập huấn và học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước. (ThS Lê Minh Đức: học Đạo diễn, Biên kịch tại Khoa ĐA, ĐH Nam Caliphornia; ThS Nguyễn Hồng Quân Học Đạo diễn phim TL nâng cao Tại Bỉ, Pháp; ThS Trương Quế Chi học Điện ảnh học tại ĐH Sococon Pháp; NSND Lý thái Dũng: Học Công nghệ quay phim, SX phim Kỹ thuật số tại Mỹ (ĐH Tổng hợp Nam Cali). Các GV còn lại đều theo học những khóa ngắn hạn trong nước và ngoài nước để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Hầu hết đều có công trình nghiên cứu Khoa học, các KB phim ĐA, TH dài tập, các tham luận nghề nghiệp tại Hãng phim, các Hội thảo ĐA, là Dịch giả của nhiều cuốn sách, giáo trình Đạo diễn và ĐA, Kỹ thuật, công nghệ....

Thứ tư, công tác đào tạo, đảm bảo chất lượng và thanh tra giáo dục cũng là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng giáo dục.

Chương trình đào tạo của Khoa thường xuyên được cập nhật với xu thế của thế giới, nội dung giảng dạy ngày càng phong phú, linh hoạt và theo định hướng phát triển năng lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

Thứ năm, Khoa rất chú trọng công tác nghiên cứu khoa học, Thư viện phim của Khoa luôn cập nhật các Phim của các LHP uy tín trên TG để các GV cùng phân tích, thảo luận để sử dụng trong các bài giảng. Đặc biệt, các chuyên đề mới luôn được tổ chức, mời các Nhà SX, đạo diễn, QP, hóa trang, phục trang chia sẻ những kinh nghiệm từ thành công cũng như thất bại trong nghề nghiệp để các GV và SV có được những giao lưu thực sự cần thiết: Đạo diễn, NXS: Phan Đăng Di, Nguyễn Hoàng Điệp, đạo diễn phim tài liệu Tạ Quỳnh Tư, dựng phim Nguyễn Thị Hảo

Cuối cùng, công tác cơ sở vật chất, thiết bị, kế hoạch - tài chính, đời sống cũng được coi là nhiệm vụ thiết yếu trong tổng thể đảm bảo chất lượng của Trường và Khoa. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ của Khoa do Nhà trường phân bổ. Cán bộ phụ trách thiết bị có tinh thần trách nhiệm cao, bảo quản tốt các thiết bị máy móc tại phòng thực hành và các thiết bị tại văn phòng. Quỹ hoạt động của Khoa luôn được chi đúng mục đích và minh bạch, theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Quỹ phúc lợi được chia công bằng cho cán bộ nhân dịp các ngày lễ lớn như 20-11, Tết âm lịch. Ngoài ra đơn vị còn tổ chức đi du lịch trong và ngoài nước cho toàn thể cán bộ trong các

dịp hè, thăm hỏi động viên cán bộ và thân nhân khi có việc trọng đại. Công tác thăm hỏi cựu giáo chức luôn được quan tâm chu đáo, duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa các thế hệ cán bộ. Đời sống cán bộ Khoa ngày càng được nâng lên, cán bộ yên tâm làm việc và gắn bó với nghề.

Với những chính sách bao quát và toàn diện trong việc đảm bảo và phát huy chất lượng giáo dục của Trường từ khi thành lập đến nay, Khoa Nghệ thuật điện ảnh luôn là địa chỉ tin cậy cho sinh viên chọn làm nơi rèn đức luyện tài, là một trong những cơ sở đào tạo chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh tốt nhất khu vực miền Bắc, là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho các SV trong nhiều lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

### Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

#### Mở đầu

Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Đạo diễn điện ảnh được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học (GDDH) quy định trong Luật GDDH. Trên cơ sở mục tiêu này, chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT trình độ cử nhân Đạo diễn điện ảnh được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

#### 1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học [H1.01.01.01]; mục tiêu của CTĐT hướng tới việc thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà Trường [H1.01.01.02]. Cụ thể, SV sau khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học ngành Đạo diễn điện ảnh, người học có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến điện ảnh nói riêng và văn hoá nói chung trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế [H1.01.01.03].

CTĐT đã được rà soát, điều chỉnh, để phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.04]. Đặc biệt từ năm 2018, thực hiện hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT của Trường Đại học SKĐAHN, Khoa NTĐA đã tổ chức xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh [H1.01.01.05]. Mục tiêu của CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, luôn được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, quy mô phát triển của Khoa, của Trường. Theo đó, một điểm đổi mới quan trọng là sự thay đổi về số đơn vị học trình (ĐVHT) và số đầu môn. Từ năm 2015 đến 2020, ngành đạo diễn điện ảnh đã có những đổi mới và cập nhật các công nghệ liên quan đến cả hai lĩnh vực nghệ thuật và kỹ thuật điện ảnh, nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới của xã hội. Sinh viên được tiếp cận với những làn sóng sáng tạo mới cũng như những kỹ thuật làm phim từ các nền điện ảnh trên thế giới. Giai đoạn 2015-2020, Khoa đã lấy ý kiến đóng góp của chuyên gia,



cơ quan quản lý chuyên môn, trưởng bộ môn, SV năm cuối, cựu SV và nhà tuyển dụng [H1.01.01.06]. Kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá các kiến thức, kỹ năng, năng lực trong CDR, các học phần trong khung CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường [H1.01.01.07].

## *2. Điểm mạnh*

Mục tiêu của CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Nội dung của CTĐT đã có sự tích hợp, được cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh chưa được tiến hành thường xuyên, kịp thời.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Hội đồng KHĐT của Khoa Nghệ thuật điện ảnh sẽ tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, với Luật giáo dục đại học sửa đổi và đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới. (Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục ĐH).

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp với P.KT&ĐBCLGD định kỳ 2 năm một lần tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.*

*Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.*

### *1. Mô tả hiện trạng*

CDR của CTĐT trình độ cử nhân chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh được xác định rõ ràng và bắt đầu xây dựng từ năm 2017 theo một quy trình thống nhất [H1.01.02.01]. CDR phù hợp với mục tiêu của CTĐT được thể hiện thông qua các yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cũng như triển vọng việc làm trong tương lai. Theo đó, CDR của CTĐT đã

được thiết kế rõ ràng, giúp cho SV và GV dễ dàng xác định mục tiêu cần đạt được trong quá trình giảng dạy và học tập về các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy [H1.01.02.02].

*CĐR của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể là: (1) Về mặt kiến thức: Về kiến thức và lập luận ngành, CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh hướng đến trang bị cho SV những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức xã hội, sử dụng CNTT trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu, các kiến thức cơ bản, hiểu biết về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp. Những kiến thức cơ sở ngành liên quan đến các kiến thức và kỹ năng về điện ảnh, hiểu biết phương pháp NCKH chuyên ngành. Những kiến thức chuyên ngành giúp SV xác định và nắm bắt một cách rõ nét khối kiến thức nền tảng của ngành Đạo diễn điện ảnh và của từng chuyên ngành chuyên sâu như phim truyện, phim tài liệu; giúp người học vận dụng và sử dụng sáng tạo các kiến thức Đạo diễn điện ảnh vào nghiên cứu và ứng dụng như đạo diễn phim, sản xuất phim; kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp. (2) Về mặt kỹ năng: Trong khối kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp, SV được trang bị kiến thức lập kế hoạch thực tập nghề nghiệp, triển khai quy trình thực tập nghề nghiệp, áp dụng các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả, đánh giá và cải tiến hoạt động thực tập nghề nghiệp. CĐR ngành Đạo diễn điện ảnh xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp mà SV phải đạt được như sau: Sau khi tốt nghiệp, SV có kỹ năng đạo diễn trong hoạt động nghề nghiệp, bao gồm kỹ năng chỉ tổ chức và chỉ đạo đoàn làm phim. Bên cạnh đó, kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình cũng được chú trọng trong CĐR ngành Đạo diễn điện ảnh. Cụ thể, SV phải có kỹ năng thể hiện khả năng cập nhật các kỹ năng mới, trải nghiệm sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc khác nhau. CĐR ngành Đạo diễn điện ảnh cũng xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như liêm chính và trách nhiệm xã hội, hành xử chuyên nghiệp, trung thực trong nghề nghiệp, nhiệt tình và say mê công việc, tính kỷ luật nghề nghiệp đạo diễn điện ảnh.*

Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp được nhấn mạnh trong CĐR ngành Đạo diễn điện ảnh. Theo đó, SV phải có kỹ năng làm việc nhóm bao gồm kỹ năng triển khai thành lập nhóm, hoạt động nhóm, lãnh đạo hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, tổ chức sản xuất. (3) Về mức tự chủ và trách nhiệm: Nhóm CĐR cuối cùng mà SV cần đạt liên quan đến năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong môi trường xã hội và tổ chức. Liên quan đến bối cảnh xã hội, SV phải nhận thức được vai trò và trách nhiệm của cử nhân ngành Đạo diễn điện ảnh, xác định được tác động giữa người làm nghệ thuật với xã hội, hiểu biết được các quy định của xã hội đối với hoạt động nghề nghiệp, hiểu biết bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc và bối cảnh hội nhập quốc tế. Bối cảnh tổ chức yêu cầu SV có hiểu biết về sự đa dạng

văn hóa của tổ chức, hiểu biết sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển của tổ chức; hiểu biết bối cảnh kinh doanh, hoạt động của tổ chức. CĐR quy định SV hình thành được ý tưởng hoạt động nghề nghiệp, liên quan đến năng lực xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động nghề nghiệp, xác định chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trình hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp; năng lực xây dựng phương án liên quan đến xây dựng phương án khả thi cho hoạt động nghề nghiệp, phân tích các giai đoạn của hoạt động nghề nghiệp, lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp, xây dựng phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp. CĐR còn chú trọng đến năng lực thực hiện triển khai hoạt động nghề nghiệp và vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. (4) Về triển vọng việc làm trong tương lai: Sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh SV có thể đảm nhận công việc của trợ lý đạo diễn, đạo diễn quay phim điện ảnh truyền hình tại các hãng phim, đoàn làm phim; tổ chức dự án liên quan đến điện ảnh - truyền hình, làm phim, sản xuất chương trình truyền hình; nghiên cứu lĩnh vực điện ảnh. Tuy nhiên, CĐR cho từng môn học mới chỉ được phản ánh dưới dạng mục tiêu của từng môn học **[H1.01.02.03]**.

CĐR của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh được đo lường và đánh giá về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của SV thông qua năng lực của SV giải quyết các bài tập tình huống trên lớp, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thi kết thúc học phần và thực hiện bài tốt nghiệp (làm phim). Thang điểm đạt được của các phương pháp đánh giá trên cho thấy SV đạt được CĐR ở mức độ khá cao theo yêu cầu **[H1.01.02.04]**. Bên cạnh đó, Khoa NTĐA còn thực hiện việc khảo sát nhà tuyển dụng, các giảng viên là các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành và cựu SV về CĐR thông qua buổi tọa đàm về CTĐT. Kết quả cho thấy các đối tượng tham gia khảo sát đều đánh giá CĐR đáp ứng được yêu cầu người học cũng như yêu cầu tại đơn vị tuyển dụng **[H1.01.02.04, H1.01.02.05]**.

## *2. Điểm mạnh*

CĐR của CTĐT đảm bảo được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt trong đào tạo đó là trang bị cho người học các chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ của người học giúp người học giải quyết tình huống thực tiễn tốt hơn từ đó giúp cho SV có nhiều cơ hội về việc làm, phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

## *3. Điểm tồn tại*

Chưa có nhiều phương pháp và công cụ để đánh giá và đo lường CĐR.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA tiếp tục thực hiện đúng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho SV theo CĐR đã xây dựng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng ĐT, QLKH & HTQT (bộ phận đào tạo), Phòng KT& ĐBCLGD, Khoa NTĐA phối hợp tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường ban hành hướng dẫn về phương pháp và công cụ đo lường mức độ đạt được của CĐR.

5. *Tự đánh giá*: Đạt, mức 4/7.

*Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai*

1. *Mô tả hiện trạng*

CĐR của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. CĐR của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh được xây dựng từ năm 2017. Căn cứ vào hướng dẫn xây dựng CĐR được Trường ban hành, ý kiến khảo sát của các bên liên quan, khảo sát nhu cầu thị trường lao động, khoa Nghệ thuật điện ảnh đã tiến hành hợp xây dựng và thống nhất CĐR **[H1.01.03.01]**. Do CĐR được rà soát, điều chỉnh theo ý kiến của các bên liên quan nên CĐR của CTĐT cử nhân chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình.

CĐR của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh được định kỳ rà soát điều chỉnh 2 năm 1 lần. Theo đó, sau khi ban hành CĐR vào năm 2017, đến năm 2019, Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT phối hợp với khoa NTĐA đã tiến hành rà soát và điều chỉnh CTĐT nói chung và CĐR nói riêng của CTĐT các chuyên ngành khoa NTĐA trong đó có ngành đạo diễn điện ảnh. Việc rà soát điều chỉnh được thực hiện theo trình tự như sau: Đầu tiên là lấy ý kiến đánh giá của người học các khóa trước, ý kiến nhà sử dụng lao động **[H1.01.03.02]**, tổng hợp thực trạng nhu cầu nhân lực trên thị trường **[H1.01.03.03]**. Sau khi tổng hợp ý kiến của các bên có liên quan, Khoa tiến hành so sánh với CTĐT với 02 trường quốc tế (trường INSAS của Bỉ và Đại học Nam California) **[H1.01.03.04]**. Tiếp đến Khoa tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá việc điều chỉnh bổ sung CĐR áp dụng cho khóa học kế tiếp, cuối cùng là trình Hiệu trưởng ký ban hành và công bố công khai **[H1.01.03.05]**.

CĐR của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh được công bố công khai, rộng rãi thông qua website của trường, khoa NTĐA và sổ tay SV, giúp GV; người học; các bên liên quan dễ dàng tiếp cận được CĐR của CTĐT trình độ cử nhân chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh **[H1.01.03.06]**.

2. *Điểm mạnh*

CĐR được định kỳ rà soát và điều chỉnh giúp cho CĐR của CTĐT được cập nhật, thay đổi phù hợp với nhu cầu thực tế và được công bố công khai.

3. *Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến các bên liên quan về CDR chưa rộng rãi và thường xuyên. Chất lượng và số lượng tham gia đóng góp của các bên liên quan chưa nhiều.

#### 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp các phòng chức năng (ĐT, Khảo thí & ĐBCLGD, CTHSSV) tiếp tục truyền thông đến các bên liên quan về nội dung CDR thông qua các kênh website, thông báo tuyển sinh, sổ tay SV và rà soát cập nhật CDR của chương trình.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA chủ động thành lập Ban liên lạc cựu SV để có thêm kênh thông tin liên lạc. Duy trì và mở rộng mối quan hệ với các DN (hãng phim, Hội điện ảnh...) để gia tăng quy mô của các đợt khảo sát. Định kỳ 2 năm/lần tổ chức hội nghị cựu sinh viên và nhà tuyển dụng để lấy ý kiến về CTĐT và CDR.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

#### Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT trình độ đại học ngành đạo diễn điện ảnh của trường được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường. CDR của CTĐT trình độ đại học ngành đạo diễn điện ảnh được xây dựng theo một quy trình rõ ràng, được điều chỉnh và bổ sung kịp thời trên cơ sở tham khảo ý kiến của các bên liên quan. CDR được công bố rộng rãi trên các website của trường, của khoa NTĐA.

Điểm mạnh nổi bật: Mục tiêu CTĐT và CDR được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của trường, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan.

Điểm tồn tại cơ bản: Số lượng nhà tuyển dụng, nhà khoa học tham gia vào công tác xây dựng và rà soát CDR cũng như nội dung CTĐT chưa nhiều và chưa thường xuyên.

#### Đánh giá về Tiêu chuẩn 1:

| Tiêu chí     | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 1 |                 |                           |
|--------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|----------------------------|-----------------|---------------------------|
|              | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức trung bình             | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|              | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 1.1 |                |   |   |     | x |   |   | 4.33                       | 3               | 100                       |
| Tiêu chí 1.2 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 1.3 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |

## **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

### *Mở đầu*

*Bản mô tả CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Trường/ Bộ GD &ĐT ban hành. Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh theo các quy định, hướng dẫn để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa. Bản mô tả CTĐT được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh cung cấp các thông tin về chương trình, kết quả học tập dự kiến, cấu trúc khóa học, chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần.*

### **Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật**

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT trình độ cử nhân chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh có đầy đủ thông tin và cập nhật cùng với thời điểm chỉnh sửa, rà soát, cập nhật CTĐT. Năm 2014, được chỉnh sửa, rà soát. Năm 2018, sau hoạt động đánh giá ngoài cơ sở giáo dục của Trường, CTĐT ngành đạo diễn điện ảnh được cập nhật, điều chỉnh và đến đầu năm 2021 Khoa NTĐA đã tiến hành hoàn thiện bản mô tả CTĐT qua 2 lần cập nhật **[H2.02.01.01]**.

Bản mô tả CTĐT thể hiện đầy đủ các nội dung: Tóm tắt mục tiêu đào tạo; CDR; cấu trúc khóa học; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của chương trình; bản mô tả các học phần. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin liên quan như: Tên cơ sở GDĐT, mục tiêu đào tạo, tiêu chí tuyển sinh, thông tin về CDR, cấu trúc khóa học, số đơn vị học phần (số tín chỉ tương đương), nội dung học phần giúp người học có cái nhìn tổng quát về CTĐT **[H2.02.01.02]**.

Bản mô tả CTĐT có sự cập nhật và điều chỉnh những nội dung mới nhất có liên quan của CTĐT. Bên cạnh kiến thức, chương trình còn thể hiện các kỹ năng mà người học đạt được khi tốt nghiệp **[H2.02.01.03]**. Đồng thời, chương trình được cập nhật, chỉnh sửa trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của GV; cựu sinh viên; nhà tuyển dụng; nhà quản lý nhằm đảm bảo chương trình mang tính thực tiễn, phản ánh nhu cầu xã hội **[H2.02.01.04]**.

#### *2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin theo quy định và thường xuyên được rà soát, cập nhật phù hợp thực tế phát sinh theo nhu cầu thị trường và trên cơ sở ý kiến khảo sát của các bên liên quan. Ma trận CDR thể hiện rõ mức độ đóng góp của từng học phần trong chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết của từng học phần.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến khảo sát CTĐT của các bên liên quan chưa rộng.

### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT, ma trận CĐR theo định kỳ trên cơ sở ý kiến các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT, ma trận CĐR thường xuyên được cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA, P. ĐT, QLKH & HTQT, P. CTHSSV phối hợp mở rộng quy mô lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan về số lượng người tham gia khảo sát và phạm vi thực hiện khảo sát.

### *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

#### *Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật*

##### *1. Mô tả hiện trạng*

Đề cương các học phần của CTĐT được Khoa Nghệ thuật điện ảnh xây dựng theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội [H2.02.02.01]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CĐR của từng học phần [H2.02.02.02].

Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin bao gồm: tên đơn vị/ tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số đơn vị học trình (số tín chỉ tương đương); mục tiêu, CĐR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo [H2.02.02.03].

Tất cả đề cương môn học/học phần được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu. Tất cả những sự điều chỉnh và cập nhật này đều dựa trên ý kiến khảo sát từ GV; SV năm cuối; cựu SV; các nhà quản lý và các nhà tuyển dụng lao động nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục bám sát nhất với nhu cầu xã hội và đáp ứng được nhu cầu xã hội [H2.02.01.04].

##### *2. Điểm mạnh*

Các đề cương học phần có đầy đủ thông tin và liên tục được rà soát, cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

##### *3. Điểm tồn tại*

Các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá sinh viên còn đơn giản, chưa chi tiết và cụ thể. Thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá sinh viên còn đơn giản, chưa cập nhật các nội dung liên quan đến dạy, học trực tuyến.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp với P.ĐT, QLKH&HTQT căn cứ vào việc điều chỉnh, rà soát CTĐT theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục ĐH, Khoa thực hiện chuẩn hóa mẫu ĐCCT học phần theo mẫu mới và tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật phù hợp với mục tiêu của CTĐT và yêu cầu thực tiễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA yêu cầu các GV rà soát ĐCHP, diễn tả chi tiết hơn về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá người học, đặc biệt đối với hình thức học trực tuyến do dịch bệnh.

#### *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.*

##### *1. Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học/ học phần ngành đạo diễn điện ảnh được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Để tạo điều kiện cho các đối tượng liên quan có quan tâm dễ tiếp cận CTĐT và đề cương học phần, Khoa NTĐA đã đăng tải CTĐT và đề cương các khóa lên website của Trường **[H2.02.03.01]**. Bên cạnh đó, những điều chỉnh trong Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được Nhà trường thông báo cho cán bộ GV và SV, niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại bảng tin của Khoa. Những điều chỉnh đều được cập nhật trên website của Nhà trường để cán bộ, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện **[H2.02.03.02]**.

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học **[H2.02.03.03]**. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần trước khi công bố công khai đều được phản biện bởi hội đồng KHĐT của Khoa, các chuyên gia trong và ngoài trường. Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được điều chỉnh định kỳ dựa trên việc thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV, SV năm cuối. **[H2.02.03.04]**.

##### *2. Điểm mạnh*

Mọi thông tin trong bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được công bố kịp thời, rộng rãi và công khai qua nhiều kênh khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.



### *3. Điểm tồn tại*

Chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các bên liên quan.

### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA, cùng với việc tuyển sinh hằng năm, tiếp tục công bố rộng rãi bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần lên website của trường, của Khoa NTĐA, hoặc triển khai các cách thức công khai để tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận bằng cách truy cập cổng thông tin trang Web của Trường hoặc tham gia thực hiện các khảo sát, đánh giá CTĐT và các đề cương học phần.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp các phòng chức năng xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các bên liên quan, sau đó tổ chức đánh giá hằng năm.

*5. Tự đánh giá:* Đạt, mức 4/7.

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2:***

CTĐT trình độ đại học ngành đạo diễn điện ảnh của khoa NTĐA có bản mô tả CTĐT và các ĐCCT được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo định kỳ và theo xu hướng mới về đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực Đạo diễn. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT được công bố công khai, đầy đủ, rộng rãi và kịp thời. Quá trình xây dựng, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật CTĐT đều căn cứ theo quy định chung của BGDĐT. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của hội đồng KHĐT khoa, cựu SV, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

Tuy nhiên việc khảo sát các bên liên quan khi thực hiện CTĐT mặc dù đã thực hiện khảo sát tuy nhiên chưa rộng và cần xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các bên liên quan.

## **Đánh giá về Tiêu chuẩn 2:**

| Tiêu chí     | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 1 |                 |                           |
|--------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|----------------------------|-----------------|---------------------------|
|              | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức trung bình             | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|              | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 2.1 |                |   |   | x   |   |   |   | 4.0                        | 3               | 100                       |
| Tiêu chí 2.2 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 2.3 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |

### **Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### **Mở đầu**

*Chương trình dạy học xác định rõ mục tiêu chung của ngành, mục tiêu cụ thể của từng học phần và đạt được CĐR trong CTĐT trình độ đại học ngành Đạo diễn điện ảnh.*

*Cấu trúc, trình tự của các học phần ngành Đạo diễn điện ảnh được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT và Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành Đạo diễn điện ảnh, hướng đến thực hiện mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường, thực hiện trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.*

*Các học phần trong CTĐT được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ, đảm bảo tính hợp lý và logic đồng thời đảm bảo mỗi học phần đều đáp ứng một hoặc nhiều tiêu chí trong CĐR. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Nội dung chương trình được cập nhật thông qua các lần chỉnh sửa, rà soát CTĐT nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể.*

#### **Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra**

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Bắt đầu từ năm 2015, chương trình dạy học đại học chuyên ngành đạo diễn điện ảnh được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Đồng thời, việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các môn học/học phần trong chương trình dạy học là phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, cụ thể như sau:

Chương trình dạy học của ngành đạo diễn điện ảnh được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, cụ thể: Chương trình được xây dựng và điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của GV trong bộ môn, Hội đồng Khoa [H3.03.01.01], kết quả phản hồi của các bên liên quan [H3.03.01.02] để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR. CTDH đảm bảo việc đạt được chuẩn đầu ra của ngành đạo diễn điện ảnh thể hiện cụ thể thông qua bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần [H3.03.01.03], ma trận kỹ năng; hồ sơ giảng dạy của GV; tài liệu bài giảng [H3.03.01.04] và mô tả chuẩn đầu ra của CTĐT gồm: mục tiêu đào tạo; chuẩn đầu ra của ngành và chuẩn đầu ra của mỗi học phần; nội dung đào tạo; phương pháp kiểm tra đánh giá người học và thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần.

Chương trình dạy học phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo, thể hiện trong nội dung từng học phần và từng khối kiến thức. Đảm bảo các học phần bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau, đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng.

Trình tự thực hiện các khối kiến thức và các học phần đạt CĐR một cách tối ưu. Cụ thể, chương trình của ngành đạo diễn điện ảnh hiện nay được thiết kế gồm 38 đầu môn học trên tổng số 213 đơn vị học trình (tương đương 145 tín chỉ), tập trung vào các khối kiến thức chung đại cương, khối kiến thức ngành bao gồm kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành (gồm các môn học bắt buộc và tự chọn); đồ án tốt nghiệp (thường là 1 tác phẩm điện ảnh cụ thể - 1 bộ phim ngắn). Bên cạnh đó là các học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. Chủ đề của CĐR CTĐT bám sát 4 trụ cột chính là khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp [H3.03.01.05].

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các môn học/học phần trong CTĐT ngành đạo diễn điện ảnh phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, điều này được thể hiện rất chi tiết và rõ ràng ở bản mô tả CTĐT và bản mô tả học phần (hiện tại Khoa mới có tóm tắt nội dung học phần) [H3.03.01.06]. Bên cạnh đó, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện chương trình dạy học [H3.03.01.07].

## *2. Điểm mạnh*

Cấu trúc của chương trình dạy học trình độ đại học ngành Đạo diễn điện ảnh được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành nhằm đạt mục tiêu của CĐR. Các đề cương chi tiết trong từng học phần đều thể hiện tính gắn kết giữa dạy-học và đánh giá để đạt được CĐR.

### *3. Điểm tồn tại*

CTĐT chưa được xây dựng theo phương thức đào tạo tín chỉ; chưa thực hiện việc đối sánh, đánh giá về hiệu quả của CTĐT sau khi thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi. Việc lấy ý kiến phản hồi về chương trình dạy học chưa được rộng rãi.

### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA chủ động thực hiện định kỳ rà soát cấu trúc chương trình dạy học hợp lý hơn nữa để phát huy tính gắn kết chặt chẽ giữa dạy – học nhằm đạt được CĐR ngày một cao hơn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp với P.ĐTQLKH&HTQT thường xuyên kết hợp với các nhà khoa học, GV, các nhà tuyển dụng và cựu SV để lấy ý kiến điều chỉnh, xây dựng chương trình dạy học được hoàn thiện hơn. Từ năm học 2021-2022, Khoa NTĐA tăng cường công tác dự giờ, tổ chức hoạt động xêmina cấp khoa và bộ môn để góp ý xây dựng nâng cao hiệu quả việc triển khai nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá ở tất cả các học phần; đồng thời thực hiện đối sánh, đánh giá về hiệu quả của CTĐT sau khi thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi.

### *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Tỷ lệ 100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR. Cụ thể, mỗi học phần được phân nhiệm theo ma trận CĐR của CTĐT, trên cơ sở đó cụ thể hóa các mục tiêu và và CĐR chi tiết của từng học phần nhằm đáp ứng CĐR được phân nhiệm. Các học phần xác định rõ nội dung, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy được chi tiết hóa và ứng với từng chủ đề CĐR của học phần. Các học phần theo các khối kiến thức (kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành) được phân chia theo nội dung giảng dạy, thời lượng, thời gian giảng dạy phù hợp theo khung của CTĐT và dựa trên cơ sở của độ khó học phần để phân nhiệm mục tiêu học phần cần đạt theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp cụ thể đã xác định trong CTĐT [**H3.03.02.01**].

Mặt khác, 100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đạt được CĐR, cụ thể như sau: Tất cả các học phần trong CTĐT đều có đề

cương chi tiết, do GV của các bộ môn biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT. Mỗi đề cương đều có đầy đủ thông tin về đơn vị đào tạo, thông tin về học phần, thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo [H3.03.02.02].

Thông qua việc kiểm tra, đánh giá điểm quá trình, điểm kết thúc học phần và điểm bài tốt nghiệp của các SV để đo lường mức độ đạt được chuẩn kiến thức của mỗi môn học cơ bản đã đạt yêu cầu, chứng tỏ mỗi học phần đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CDR của chương trình [H3.03.02.03]. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, nhất là ý kiến của các DN về chuẩn đầu ra và chương trình dạy học đạt CDR chưa được thực hiện định kỳ và rộng rãi.

## *2. Điểm mạnh*

Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành. Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần, phương pháp đánh giá và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy - học và có nội dung bao trùm các CDR của chương trình dạy học.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt ý kiến của các DN thực hiện chưa thường xuyên. CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh chưa thực hiện định kỳ tự đánh giá, điều này ảnh hưởng đến việc rà soát, bổ sung kịp thời các nội dung còn thiếu để đạt được CDR của CTĐT.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Nghệ thuật điện ảnh xây dựng kế hoạch cải tiến chương trình dạy học thể hiện rõ hơn mục tiêu, yêu cầu của học phần, hoàn thiện hơn nữa phương pháp đánh giá nhằm đảm bảo quá trình dạy - học đạt được mục tiêu đề ra.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, định kỳ 2 năm 1 lần, Khoa NTĐA phối hợp với P.ĐTQLKH&HTQT tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan trong việc hoàn thiện chương trình. Từ năm 2022, mỗi năm 1 lần, Khoa Nghệ thuật điện ảnh chủ trì tổ chức ít nhất 01 đề tài KH&CN hoặc hội thảo cấp Khoa/ Trường về đổi mới nội dung, PPGD và KTĐG đối với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành đạo diễn điện ảnh.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật*

và có tính tích hợp

### *1. Mô tả hiện trạng*

Các học phần trong chương trình dạy học trình độ đại học ngành đạo diễn điện ảnh được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình thành một khối thống nhất, cụ thể:

Từ năm học 2018 - 2019, CDHD ngành Đạo diễn điện ảnh có 213 đơn vị học trình (tương đương 135 tín chỉ) trên tổng số 213 đơn vị học trình, với cấu trúc và trình tự logic hơn những năm trước đó. Cụ thể, khối kiến thức đại cương gồm 21 học phần tương đương 47 tín chỉ, chiếm 32,8 % tổng số học trình tương đương tín chỉ của CTĐT; khối kiến thức cơ sở ngành gồm 15 học phần tương đương 37 tín chỉ, chiếm 24,9 %; kiến thức chuyên ngành gồm 15 học phần tương đương 61 tín chỉ, chiếm 42,3 %; các học phần thuộc khối kiến thức đại cương được tiến hành từ học kỳ I đến học kỳ VII; khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được tiến hành từ học kỳ I đến học kỳ VIII đảm bảo tính hợp lý và logic; thực tập chuyên ngành được tiến hành vào kỳ VIII. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp sinh viên có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động. **[H3.03.03.01]**

100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/ học kỳ thực hiện) **[H3.03.03.02]**.

Chương trình dạy học ngành đạo diễn điện ảnh được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật vào năm 2014, năm 2018 tiếp tục được rà soát và điều chỉnh **[H3.03.03.03]**. Chương trình dạy học khi được điều chỉnh có tham khảo với CTĐT 02 trường quốc tế (trường INSAS của Bỉ và Đại học Nam California) [Xem **H1.01.03.04**] đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

### *2. Điểm mạnh*

CTDH của các học phần trong CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các qui định trong CĐR của CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh.

### *3. Điểm tồn tại*

CTDH chưa được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật định kỳ theo quy định (tối thiểu 2 năm một lần); chưa lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về

hiệu quả của CTDH.

#### 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Ban chủ nhiệm khoa sẽ tập trung chỉ đạo GV thực hiện CTDH phải thường xuyên trao đổi thông tin để biết các nội dung cần phải điều chỉnh nhằm đạt được mục tiêu học phần và các tuyên bố của CĐR CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp P.KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đánh giá một cách toàn diện hơn về hiệu quả triển khai CTDH ngành đạo diễn điện ảnh để kịp thời có những điều chỉnh, cải tiến CTDH, đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

#### Kết luận Tiêu chuẩn 3

Chương trình dạy học xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt CĐR, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần cũng được xác định rõ. Cấu trúc, trình tự của các học phần theo các nhóm kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành, bài tốt nghiệp được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ có tính logic cao. Các học phần và nội dung học phần có hệ thống tích hợp liên quan chặt chẽ với nhau được thiết kế và mô tả trong chương trình. Nội dung chương trình được cập nhật thông qua việc đối sánh với một số CTĐT của nước ngoài; từ đội ngũ GV được bồi dưỡng và tập huấn ở nước ngoài có sự rà soát và kiểm tra chặt chẽ của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

Tuy nhiên việc lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục.

#### Đánh giá về Tiêu chuẩn 3:

| Tiêu chí     | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 1 |                 |                           |
|--------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|----------------------------|-----------------|---------------------------|
|              | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức trung bình             | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|              | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 3.1 |                |   |   | x   |   |   |   | 4.0                        | 3               | 100                       |
| Tiêu chí 3.2 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 3.3 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |

#### Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học 4

##### Mở đầu

*Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng CTĐT. Ngành Đạo diễn điện ảnh cũng như nhiều ngành đào tạo khác trong trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động thực tập đạt được CDR đã tuyên bố trong CTĐT; sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Giai đoạn 2015-2020, phương pháp tiếp cận trong dạy và học được GV, SV ngành Đạo diễn điện ảnh cập nhật, áp dụng và triển khai tương đối hiệu quả và được rà soát điều chỉnh hàng năm. Năm 2017, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội tuyên bố triết lý giáo dục của Nhà trường là: **“Sáng tạo, chuyên nghiệp; bảo tồn, phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại”**, từ đó trong hoạt động đào tạo của Trường nói chung, ngành đạo diễn điện ảnh nói riêng có sự điều chỉnh, hướng đến mục tiêu đào tạo những con người có đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh để tư duy độc lập, chuyên nghiệp; biết sáng tạo để làm giàu mạnh những giá trị bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc; có đủ năng lực hội nhập; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại và quảng bá giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam ra thế giới. Đồng thời, hướng đến việc dạy và học như thế nào để đạt được CDR theo các nhóm mục tiêu chính: Kiến thức và lập luận ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội và tổ chức.*

*Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Năm học 2018-2019, CTĐT của ngành đạo diễn điện ảnh được rà soát, các nội dung cơ bản của triết lý giáo dục Nhà trường được đưa vào mục tiêu của CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh [H4.04.01.01]; hoạt động rà soát tập trung chủ yếu vào công tác điều chỉnh khung CTĐT, điều chỉnh phân kỳ của học phần và điều chỉnh bổ sung nội dung giảng dạy [H4.04.01.02].

Từ năm 2019, ngành đạo diễn điện ảnh có thêm đối tượng sinh viên tài năng, Nhà trường chỉ đạo Khoa Nghệ thuật điện ảnh nghiên cứu xây dựng CTĐT tài năng đảm bảo những yêu cầu cơ bản của Bộ VHTTDL và Bộ GD&ĐT [H4.04.01.03], theo đó Khoa Nghệ thuật điện ảnh tiến hành nghiên cứu xây dựng CTĐT tài năng trên cơ sở phân tích đối sánh giữa CTĐT hiện hành với các mục tiêu đào tạo tiếp cận những yêu cầu mới nhất của ngành và đất nước, xây dựng CDR và khung CTĐT và thực hiện lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan nhằm xây dựng CTĐT phù hợp yêu cầu của Nhà trường về đổi mới giáo dục trong giai đoạn mới [H4.04.01.04]. Khoa Nghệ thuật điện ảnh đã xây dựng mục



tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng lập luận ngành; phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Triết lý giáo dục được tuyên bố trong CĐR của CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh, được cụ thể hóa trong từng đề cương chi tiết học phần và được phổ biến cho toàn thể cán bộ, giảng viên, SV, nhà tuyển dụng và toàn xã hội [H4.04.01.05].

Đối với giảng viên, triết lý giáo dục cũng như mục tiêu đào tạo và CĐR được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT, xây dựng bản mô tả CTĐT đảm bảo tính logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương học phần [H4.04.01.06].

Đối với SV, ngay từ khi SV năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu năm dành cho tân SV, đồng thời giới thiệu về ngành đào tạo, và mục tiêu đào tạo ngành Đạo diễn điện ảnh cho SV của Khoa. Ngoài ra, Đoàn thanh niên cấp Trường và cấp Khoa cũng tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của SV trong quá trình học tập [H4.04.01.07].

Hàng năm, công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường, ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV Trường, Khoa cũng như việc lấy ý kiến của các bên liên quan về triết lý giáo dục được tiến hành khảo sát đo lường về mức độ hài lòng [H4.04.01.08]. Kết quả khảo sát đối với triết lý giáo dục của CTĐT ngành, hoạt động dạy-học của GV, SV khoa được đánh giá từ mức hài lòng trở lên.

## *2. Điểm mạnh*

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, sổ tay sinh viên, v.v., đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

## *3. Điểm tồn tại*

Mặc dù triết lý giáo dục/ mục tiêu của CTĐT được công bố cho các nhà tuyển dụng, nhưng mới chỉ giới hạn ở ở một số đơn vị (nhà tuyển dụng chỉ được giới thiệu mục tiêu giáo dục khi tham gia giảng dạy, xây dựng CTĐT hoặc tham dự các buổi hội thảo, hội nghị hoặc các cuộc họp rà soát CTĐT). Nhà trường chưa nhận được nhiều phản hồi của đông đảo các nhà tuyển dụng trong cả nước.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Khoa NTĐA tiếp tục duy trì các hoạt động nhằm công khai, phổ biến rộng rãi triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022, định kỳ 02 năm một lần, Khoa Nghệ thuật điện ảnh sẽ tổ chức ít nhất một buổi tọa đàm thường niên với các nhà tuyển dụng để giới thiệu về triết lý giáo dục/mục tiêu CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, CĐR CTĐT cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

*Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra*

#### 1. Mô tả thực trạng

Để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR đã được công bố, các hoạt động đào tạo của Khoa Nghệ thuật điện ảnh được áp dụng theo các chuẩn chung về CTĐT và đánh giá kết quả học tập theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khoa không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học **[H4.04.02.01]**.

Các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR, CTĐT được Hội đồng KHĐT của khoa cập nhật, bổ sung và điều chỉnh theo định kỳ 2 năm 1 lần, cùng với sự điều chỉnh của toàn Trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước **[H4.04.02.02]**. Từ năm học 2018-2019, việc rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy được tiến hành nghiêm túc, có tính cập nhật, đổi mới **[H4.04.02.03]**.

Từ năm 2020, Bản mô tả CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh được xây dựng, ban hành, CTĐT được rà soát và phát triển theo hướng tăng cường phát triển năng lực của người học **[H4.04.02.04]**. Theo đó, CĐR CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh chú trọng đến nâng cao tỷ lệ thực hành, thực nghiệm, thực tập rèn nghề cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn thế giới việc làm, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp **[H4.04.02.05]**.

Để hoạt động dạy học đạt hiệu quả cao nhất, mang lại lợi ích lớn nhất cho sinh viên, Khoa NTĐA đã bổ trí GV trong việc giảng dạy các môn chuyên ngành, môn cơ sở ngành, chẳng hạn: Trong môn Nghiệp vụ đạo diễn (1-7); môn Nhiếp ảnh, Phân tích phim, Dựng phim, Kịch học, đó là sự kết hợp giảng dạy của các giảng viên trẻ được đào tạo từ các

nước G7 với độ tuổi từ 30-35 và các giảng viên giàu kinh nghiệm được đúc kết qua nửa thế kỷ làm nghề. Bên cạnh đó, sự đánh giá của hai đối tượng GV giúp cho SV có cái nhìn đa chiều hơn về quan điểm nghề nghiệp và thẩm mỹ **[H4.04.02.06]**.

Bên cạnh đó, các môn học cơ sở ngành được bố trí song song với các môn kiến thức cơ bản ngay từ những kỳ học đầu tiên (những môn học này sinh viên các ngành được học chung với nhau), điều này giúp cho các sinh viên (tuổi đời còn rất trẻ) cân bằng được cảm xúc, thiết lập sự tương tác giữa các sinh viên khác chuyên ngành; giữa việc tiếp cận những kiến thức mang tính lý luận chính trị với những kiến thức đặc thù nghề nghiệp. Việc bố trí các môn học như vậy vừa tạo cho các em có kiến thức mang tính nền tảng lý luận, phương pháp học tập khoa học, vừa giúp các em có hứng thú để tiếp cận với môn học chuyên ngành **[H4.04.02.07]**.

Cách thức giảng viên hướng dẫn người học được đặc biệt chú ý và thay đổi theo mỗi nhóm sinh viên. Chẳng hạn, trong giảng dạy các môn chuyên ngành, giảng viên luôn phối hợp tác dụng của các phương pháp giảng dạy (thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận, đàm thoại, tạo tình huống học tập ...), họ đề cao việc hướng dẫn người học làm việc theo nhóm, để phát huy tốt nhất sở trường của mỗi sinh viên. Chẳng hạn, trong môn nhiếp ảnh hay phân tích phim, một nhóm 3,4 sinh viên các em tự phân công nhau theo sở trường để đảm nhận vai trò: Nhà Biên kịch, Đạo diễn, Quay phim, Biên tập dựng phim. Và trong quá trình học, làm bài tập đến hết môn, các SV được trải nghiệm qua cả 4 vị trí trên ở vai trò sáng tác **[H4.04.02.08]**. Tỷ lệ 88-92% sinh viên hài lòng về phương pháp giảng dạy của GV. Như vậy, số liệu trên cho thấy rằng không có trở ngại nào đối với GV và SV trong việc triển khai các phương pháp dạy để đạt CĐR **[H4.04.02.09]**. Trong quá trình giảng dạy GV đã đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá để đo lường hiệu quả chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức trong từng môn học, nhằm đạt được CĐR **[H4.04.02.10]**.

Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Người học được tiếp cận chương trình học tập do GV công bố ngay khi bắt đầu môn học, được tham gia các hình thức học tập đa dạng giúp đạt được CĐR **[H4.04.02.11]**. Hoạt động thực tập là một phần bắt buộc của CTĐT, gồm 9 đơn vị học trình. SV được cử đến hoặc tự liên hệ với các cơ sở thực tập để thực hành, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, hằng năm, Khoa NTĐA tổ chức Hội thi tài năng sinh viên nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV ngành đạo diễn điện ảnh đáp ứng CĐR của CTĐT, tạo cơ hội cho SV làm quen với công việc trong tương lai, một số sinh viên đã tham gia các hoạt động nghề nghiệp và được xã hội công nhận (giải thưởng về phim) **[H4.04.02.12]**.

Tuy nhiên, tỷ lệ giờ thực hành tại các đơn vị tuyển dụng còn hạn chế, do đặc thù của cơ chế quản lý. Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học chưa được triển khai định kỳ, việc đối sánh hiệu quả của các hoạt động dạy và học qua các năm còn hạn chế; hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên còn chưa rõ nét.

## *2. Điểm mạnh*

Hoạt động dạy và học của CTĐT trình độ đại học ngành đạo diễn điện ảnh kết hợp nhiều phương pháp đa dạng và hiệu quả để đạt được CDR. Hoạt động dạy và học giúp người học lĩnh hội kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất từ các học phần. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

## *3. Điểm tồn tại*

Trường chưa định kỳ khảo sát mức độ hài lòng của người học với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học do đó việc đối sánh hiệu quả của các hoạt động dạy và học qua các năm còn hạn chế; hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên còn hạn chế; tỷ lệ thời gian cho sinh viên thực hành tại các đơn vị tuyển dụng chưa cao.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA, Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT; viện nghiên cứu SK-ĐA phối hợp tiếp tục đánh giá và cải tiến các phương pháp giảng dạy thông qua các hội thảo, tọa đàm thường niên với các bên liên quan, chú trọng đến phương thức thực tập nhằm nâng cao chất lượng thực tập thực tế cho SV, tập huấn cho GV; có nhiều chính sách hơn nữa để GV tham gia NCKH, bồi dưỡng nghề nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA, Phòng Khảo thí & ĐBCLGD, phòng CTHSSV phối hợp khảo sát mức độ hài lòng của người học với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học. Xây dựng quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Cải tiến phương thức hợp tác với các cơ sở thực tập, nhằm nâng cao chất lượng thực tập thực tế cho SV.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí: 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học*

### *1. Mô tả hiện trạng*

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học. Đề cương chi tiết của từng học phần có mô tả việc sử dụng các phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của sinh viên. Trên các đề cương đều thể hiện các kỹ năng đạt được đối với từng học phần trong CTĐT ngành đạo diễn điện ảnh. Chẳng hạn, các kỹ năng

thiết yếu, kỹ năng đặc thù của chuyên ngành như: kỹ năng phân cảnh từ kịch bản thành cảnh quay và thực hiện bài tập quan sát trên máy quay video; kỹ năng dàn cảnh trên trường quay và kỹ năng chỉ đạo diễn xuất; thực hành làm phim ngắn không lời. Các kỹ năng mềm là hành vi ứng xử của mỗi người, là cách tương tác với bạn bè, đồng nghiệp, cách làm việc nhóm... như: kỹ năng truyền đạt, thuyết phục, kỹ năng quản lý thời gian; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp, dẫn chương trình... **[H4.04.03.01]**.

Các hoạt động dạy và học nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Tất cả đề cương chi tiết môn học đều cơ cấu rõ tỷ lệ giờ học trên lớp và giờ tự học, qua đó cho thấy tất cả các đề cương của các môn học đã tập trung nhấn mạnh hoạt động tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Bên cạnh đó, khi bắt đầu một môn học, giảng viên giới thiệu và cung cấp cho sinh viên đề cương của môn học đó. Đặc biệt, đề cương giới thiệu chi tiết các tài liệu học tập trong đó chỉ rõ giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ cho môn học. Điều đó tạo cho sinh viên sắp xếp thời gian, nội dung học tập của mình, sinh viên chủ động lên kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để thực hiện các mục tiêu của môn học.... **[H4.04.03.02]**.

Trong bài giảng, giảng viên đã thiết kế phối hợp và vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp dạy học nhằm tạo được sự vận động phát triển tư duy sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên tham gia chiếm lĩnh bài học một cách hiệu quả nhất. Đồng thời, GV của Khoa NTĐA đã kết hợp sử dụng linh hoạt nhiều hình thức dạy học: dạy lý thuyết, thực hành, thảo luận, sinh viên thuyết trình, làm việc trực tiếp tại xưởng phim để việc học của sinh viên không bị nhàm chán, mệt mỏi..... **[H4.04.03.03]**.

Ngoài ra, SV được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do Đoàn TNCSHCM Trường ĐH SKĐAHN tổ chức góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học **[H4.04.03.04]**.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên thư viện trường, qua đó giúp SV có điều kiện tốt để tự học **[H4.04.03.05]**. Để chuẩn bị hành trang cho SV khi tốt nghiệp, Khoa Nghệ thuật điện ảnh hàng năm tổ chức hội thi “Tài năng sinh viên” “Ong vàng”..... và tổ chức đoàn thực tập cho SV ngành Đạo diễn điện ảnh **[H4.04.03.06]**.

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, kết quả tổng hợp phiếu phản hồi cho thấy, mức độ hài lòng của sinh viên về hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy của GV khá cao. Điều này cho thấy GV tham gia giảng dạy luôn sử dụng thành thạo tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời **[H4.04.03.07]**. Ngoài ra, Trường và Khoa đã tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp

ngành Đạo diễn điện ảnh, tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm là khá cao.....%  
[H4.04.03.08].

## *2. Điểm mạnh*

100% đề cương chi tiết các môn học đều mô tả rõ việc sử dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm của người học hiệu quả.

GV trong Khoa sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết.

## *3. Điểm tồn tại*

Do đặc thù của nghề đạo diễn đòi hỏi người giảng viên phải có kiến thức chuyên môn, am hiểu tâm lý lứa tuổi, có kinh nghiệm và sự trải nghiệm thực tế, nhất là phải có những thành tích trong nghề nghiệp được cộng đồng biết đến. Tỷ lệ giảng viên trẻ của Khoa NTĐA vừa là một điểm mạnh nhưng đồng thời cũng là điểm ảnh hưởng đến hiệu quả khích lệ SV.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập để nâng cao kỹ năng cho người học.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022, Khoa NTĐA xây dựng kế hoạch chiến lược hoặc tham mưu cho Nhà trường trong bồi dưỡng giảng viên trẻ của khoa, đồng thời đề xuất với Nhà trường có chính sách thu hút, sử dụng giảng viên có kinh nghiệm, có thành tích được cộng đồng ghi nhận, có tầm ảnh hưởng về nghề nghiệp (nhưng vướng những quy định về bằng cấp). Từ năm 2022, GV của Khoa NTĐA xây dựng, bổ sung các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động tự học của SV.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4:***

Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, sinh viên tốt nghiệp không thể ngày một ngày hai trở thành đạo diễn điện ảnh, họ phải tự học rất nhiều. Bên cạnh đó, do đặc thù về chuyên ngành đào tạo đạo diễn điện ảnh là lĩnh vực đòi hỏi một cách tiếp cận mang tính đặc thù, để đạt hiệu quả cao khi triển khai đa dạng các phương pháp trong đào tạo phụ thuộc rất lớn chất lượng đầu vào của người học; cơ sở vật chất và trang thiết bị; kỹ năng

giảng dạy của giảng viên. Hoạt động đào tạo thực hành gặp trở ngại lớn về đội ngũ giảng viên, người có kinh nghiệm trong nghề, có nhiều thành tích được cộng đồng công nhận lại bị vướng vào quy định về bằng cấp, những giảng viên lớn tuổi dành phần lớn thời gian vào làm nghề, trải nghiệm và có thành tích thì lại không thể đủ thời gian hoàn thành bằng cấp, chứng chỉ. Thêm nữa, thù lao nghề nghiệp giảng dạy thấp hơn việc hoạt động nghệ thuật ngoài thị trường, điều này ảnh hưởng rất lớn đến nguồn lực giảng viên có kinh nghiệm trong khoa NTĐA thời gian tới.

***Đánh giá về Tiêu chuẩn 4:***

| Tiêu chí     | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 1 |                 |                           |
|--------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|----------------------------|-----------------|---------------------------|
|              | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức trung bình             | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|              | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 4.1 |                |   |   | x   |   |   |   | 4.0                        | 3               | 100                       |
| Tiêu chí 4.2 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 4.3 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |

## **Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

### **Mở đầu**

*Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học. Kết quả đánh giá cung cấp cho các bên liên quan về mức độ đạt được của người học so với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT). Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên (SV) ngành Đạo diễn điện ảnh được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt khóa học nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần và CTĐT. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá đảm bảo sự đa dạng, độ giá trị, tin cậy, sự công bằng, đồng thời mức độ hiệu quả của các phương pháp kiểm tra đánh giá được giảng viên (GV) ghi chép lại để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc thử nghiệm các phương pháp mới. Người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.*

*Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Đánh giá kết quả học tập của người học là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Với mục tiêu đảm bảo chuẩn đầu ra cho người học, Trường đã xây dựng các quy định đánh giá kết quả học tập của SV từ giai đoạn tuyển sinh đầu vào đến khi hoàn thành bài tốt nghiệp.

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thực hiện đánh giá đầu vào đối với người học ngành Đạo diễn điện ảnh theo Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường. Quy trình tuyển sinh được thực hiện minh bạch, công bằng và đúng quy định từ khâu công bố chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức thi đến khâu chấm thi và công nhận kết quả tuyển sinh [H5.05.01.01], đồng thời có các quy định về tuyển sinh đầu vào hệ đào tạo liên thông, sinh viên học ngành (văn bằng) 2 tuyển sinh đào tạo hệ chất lượng cao [H5.05.01.02].

Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập SV ngành Đạo diễn điện ảnh được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học SKĐAHN [H5.05.01.03].

Tổ hợp các phương pháp đánh giá hồ sơ học tập của SV được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CDR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, v.v... tùy theo đặc thù từng học phần, và chiếm 20% trọng số điểm của mỗi học



phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá gắn với CDR của học phần về kiến thức, kỹ năng tương ứng, trong đó có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, kỹ năng trình bày, thuyết trình vấn đề, kỹ năng tổng hợp, phân tích, phản biện, v.v... Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và tỷ trọng của các đầu điểm thành phần như sau: điểm chuyên cần và thái độ học tập (10%), điểm kiểm tra giữa kỳ (30%), điểm thi hết học phần (60%) [H5.05.01.04].

Trường Đại học SKĐAHN và Khoa Nghệ thuật điện ảnh có các văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp. Mô tả quy trình thi tốt nghiệp.....[H5.05.01.05].

Tuy nhiên, trường chưa khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp với đặc thù đào tạo của chuyên ngành đạo diễn điện ảnh.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học. Về cơ bản các phương pháp đánh giá các học phần đều hướng đến đạt CDR của CTĐT.

## *3. Điểm tồn tại*

Nhà trường chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra-thi nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức đạt được chuẩn đầu ra và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2021-2022, các bộ môn phụ trách các học phần thuộc CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh rà soát hình thức kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra, đồng thời phân tích đánh giá kết quả học tập của người học để điều chỉnh phù hợp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa sẽ phối hợp với Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra-thi của người học để đánh giá chính xác hơn kết quả học tập của SV.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học*

## *2. Mô tả hiện trạng*

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học của ngành Đạo diễn

điện ảnh- Khoa Nghệ thuật điện ảnh được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo (Quy chế 25 - Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo hình thức niên chế của Nhà trường **[H5.05.02.01]**. Giai đoạn 2015-2020, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học gồm đánh giá mức độ chuyên cần của người học trên lớp (10%), kiểm tra giữa kỳ (30%) và thi cuối kỳ (60%). Mức độ chuyên cần được đánh giá trong suốt mỗi kỳ học, theo đó SV phải tham dự tối thiểu 25 % giờ học trên lớp; tích cực tham gia các hoạt động tại lớp học và làm bài tập ở nhà do GV yêu cầu; kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 8 của học kỳ theo hình thức bài kiểm tra thực hành hoặc tự luận, hoặc kết hợp cả 2 hình thức này; các học phần chuyên ngành có sự kết hợp 2 phương thức trên với phương thức đánh giá về thuyết trình nhóm, hoặc bài tập theo dự án để đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ của SV **[H5.05.02.02]**.

Hoạt động đào tạo một đạo diễn điện ảnh là một hoạt động đặc thù, do đó, các phương pháp đánh giá cũng rất đa dạng. Với công việc chuyên môn của đạo diễn, có nhiều thang bậc đánh giá (đó là các công đoạn trong quá trình sản xuất 1 bộ phim), cụ thể: (1) Đề cương kịch bản (ý tưởng câu chuyện), (2) Đề cương chi tiết (đã hoàn thiện để đưa vào triển khai viết kịch bản), (3) Phim đã quay, ghép nối thành phim hoàn chỉnh (cả kỹ thuật và nghệ thuật). Giảng viên phải đào tạo kỹ năng từng công đoạn trên cho sinh viên và phải có phương pháp kiểm tra, đánh giá mức độ đạt được yêu cầu đó của sinh viên. Tại khoa NTĐA, SV biết chắc chắn yêu cầu của bài tập cuối kỳ (Bài thi cụ thể là đề cương kịch bản đã hoàn thiện hoặc phim ngắn hoàn thiện) ngay từ đầu học kỳ để có sự chuẩn bị các điều kiện thực hiện bài tập ấy - bao gồm cả thời gian, phương tiện kỹ thuật, sự cộng tác với các đồng nghiệp khác như quay phim, diễn viên.... và cả tài chính của bản thân SV và với đạo diễn ĐA thì phim ngắn là chủ yếu), điều này giúp cho nội dung các bài giảng của GV suốt học kỳ luôn bám sát và cung cấp kiến thức cũng như kỹ năng thực hành cần thiết cho SV để SV thực hành làm bài tập cuối kỳ với hiệu quả cao nhất. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần **[H5.05.02.03]**.

SV được cung cấp Sổ tay sinh viên từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi-kiểm tra **[H5.05.02.04]**. Ngoài ra, SV ngành Đạo diễn điện ảnh được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, v.v... từ trợ lý khoa và giảng viên chủ nhiệm của khoa. Bên cạnh đó, các thông tin, quy định về kiểm tra đánh giá các môn học được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học **[H5.05.02.05]**.

Trường có đầy đủ các quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, phúc khảo và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được công bố công khai cho người học trước mỗi khóa học. Tuy nhiên, Trường chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.

## *2. Điểm mạnh*

Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

## *3. Điểm tồn tại*

Chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp với P. Đào tạo, QLKH & HTQT, Phòng KT& ĐBCLGD tiếp tục rà soát quy định, quy trình về đánh giá kết quả học tập của người học và công khai cho SV.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA tăng cường kênh thông tin đến SV và xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận và hiểu thông tin của SV.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng*

### *1. Mô tả hiện trạng*

Với mục tiêu giúp người học nhận thức đúng đắn về kết quả học tập của bản thân, cũng như tạo điều kiện tối đa cho người học phát huy kỹ năng và kiến thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập đối với sinh viên đạo diễn điện ảnh được xây dựng đa dạng, đảm bảo có giá trị, công bằng và đáng tin cậy. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy chế đào tạo; quy định về khảo thí; các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐH SKĐAHN [**H5.05.03.01**].

Về độ đa dạng, các phương pháp đánh giá được thực hiện tùy theo từng học phần, tùy thuộc nội hàm của học phần là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế. Khi đó, phương pháp đánh giá được GV lựa chọn và thực hiện theo đề cương và quy định thi kết thúc học phần. Hình thức kiểm tra đa dạng: như bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm, bài tập theo dự án, viết báo cáo, tiểu luận và có các tiêu chí đánh giá cụ thể, logic và bám sát chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT [**H5.05.03.02**]. Thi kết thúc học phần theo hình thức bài kiểm tra thực hành hoặc tự luận, hoặc kết hợp cả 2 hình thức này.

Về độ giá trị, đề thi được các giảng viên trực tiếp giảng dạy biên soạn, tùy đặc điểm của môn học (có những yêu cầu về bài thi kết thúc học phần được GV báo trước cho sinh viên ngay từ khi bắt đầu môn học, chẳng hạn môn nghiệp vụ đạo diễn: SV biết chắc chắn yêu cầu của bài tập cuối kỳ ở ngay từ đầu HK để có sự chuẩn bị các điều kiện thực hiện bài tập ấy - bao gồm cả thời gian, phương tiện kỹ thuật, sự cộng tác với các đồng nghiệp khác như quay phim, diễn viên... và cả tài chính của bản thân). Hầu hết, trong các buổi chiếu báo cáo đánh giá phim bài tập của SV đạo diễn, các GV đều mời các GV trong tổ bộ môn, Khoa và các SV cùng chuyên ngành của toàn Khoa tham dự, điều này có tác dụng trong việc tạo dựng được không khí tốt, môi trường giao lưu học hỏi giữa các SV trong Khoa... và qua đó, các SV của 3 chuyên ngành biên kịch, đạo diễn, quay phim (là 3 thành phần quan trọng nhất của 1 đoàn làm phim) có thể tìm thấy các mối quan hệ cộng tác trong học tập và làm phim của học kỳ sau. Các bài tập thi kết thúc học phần đều được SV, khoa NTĐA lưu trữ.

Đối với những môn học có đề thi tự luận, giảng viên biên soạn bộ câu hỏi ôn tập cho mỗi môn học. Bộ câu hỏi này được gửi về tiểu ban chuyên môn đánh giá để đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương môn học **[H5.05.03.03]**, được các bộ môn phê duyệt và Phòng KT&ĐBCLGD của Trường lưu trữ dưới dạng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, được thẩm định trước khi đưa vào sử dụng **[H5.05.03.04]**.

Về độ tin cậy và sự công bằng, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết được bộ môn phê duyệt để đảm bảo tính hiệu lực đánh giá trước khi chuyển về phòng KT&ĐBCLGD. Đồng thời GV phải chấm thi theo hướng dẫn cụ thể trong qui định về thi kết thúc học phần của Trường **[H5.05.03.05]**.

Ngoài ra, để đánh giá kết quả học tập được chính xác, quy trình chấm thi được thực hiện với sự tham gia của ít nhất hai giảng viên chuyên môn dưới sự giám sát của phòng Đào tạo để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học, bên cạnh đó Trường ban hành quy định về khảo thí nhằm đảm bảo đánh giá đúng kiến thức người học với phương pháp phù hợp và cũng để bảo mật đảm bảo công bằng cho người học **[H5.05.03.06]**.

Tuy nhiên, việc khảo sát về các phương pháp đánh giá kết quả của người học từ các bên liên quan chưa đa dạng (mới dừng lại ở việc lấy ý kiến phản hồi của người học), chưa đo lường độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá kết quả người học.

## *2. Điểm mạnh*

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy định, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần

và chuẩn đầu ra của CTĐT. Trường chưa ghi nhận trường hợp SV khiếu nại, phản nản bằng văn bản chính thức về kiểm tra đánh giá.

### *3. Điểm tồn tại*

Chưa thực hiện sơ kết, tổng kết về hiệu quả sử dụng tổ hợp các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình giảng dạy và chưa được lấy ý kiến rộng rãi sự phản hồi của các bên liên quan.

### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp P.ĐTQLKH&HTQT, P.KT&ĐBCLGD tiếp tục nghiên cứu xây dựng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm để lấy ý kiến về độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá kết quả của người học.

### *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Nhằm tạo điều kiện cho người học nhanh chóng biết được kết quả đánh giá kết quả học tập để có kế hoạch điều chỉnh học tập của bản thân, Trường có quy định về thời gian giảng viên chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của người học về kết quả đánh giá **[H5.05.04.01]**. Điểm đánh giá ý thức học tập và điểm đánh giá giữa kỳ phải được thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần; điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai cho SV qua ban cán sự lớp, giáo viên chủ nhiệm, trên bảng thông báo tại văn phòng qua và công khai trên website, fanpage của Khoa/ Trường. **[H5.05.04.02]**.

Người học nắm rõ quy trình kiểm tra đánh giá, quy định về phản hồi kết quả học tập và phúc khảo, khiếu nại/kiểm tra kết quả học tập thông qua Sổ tay sinh viên và quy chế khảo thí **[H5.05.04.03]**. Việc thông báo kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ được GV tiến hành kịp thời, đồng thời có nhận xét đánh giá kết quả kiểm tra của SV để SV nhận diện được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối với học phần qua đó lập kế hoạch cải tiến kết quả học tập. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá thì GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để SV nhận ra các điểm yếu cần cải thiện, hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV...đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các cuộc thanh tra công tác đào tạo, trong đó có nội dung liên quan đến việc GV thực hiện quy định về phản hồi kết quả học tập cho

người học theo đúng thời gian, tiến độ trong kế hoạch giảng dạy của giảng viên **[H5.05.04.04]**.

Phòng KT& ĐBCLGD Nhà trường phối hợp với Khoa Nghệ thuật điện ảnh tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về mức độ hài lòng đối với phương pháp kiểm tra đánh giá, thông báo kết quả thi, mức độ hài lòng về kết quả học tập và hoạt động hỗ trợ người học của GV. Kết quả phản hồi của SV về các nội dung trên thường đạt mức hài lòng trở lên và được gửi đến lãnh đạo khoa, Trưởng bộ môn và từng GV của bộ môn **[H5.05.04.05]**.

## *2. Điểm mạnh*

Kết quả học tập được thông báo kịp thời đến người học và công bố công khai theo thời gian qui định, giúp người học có kế hoạch cải thiện việc học tập.

## *3. Điểm tồn tại*

Trường chưa thường xuyên lấy ý kiến của người học cũng như các bên liên quan (cựu sinh viên) về cách thức; thời gian phản hồi kết quả học tập.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục thực hiện và rà soát quy trình công bố kết quả đánh giá đến SV đúng thời hạn. Đơn vị thực hiện: P. Khảo thí & ĐBCLGD, Phòng ĐT, QLKH & HTQT. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021.

Khắc phục tồn tại: Định kỳ thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học, cựu người học về cách thức; thời gian phản hồi kết quả học tập. Đơn vị thực hiện: K. NTĐA; P. Khảo thí & ĐBCLGD, Phòng ĐT, QLKH & HTQT. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021, theo tần suất 2 lần /năm.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập*

### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học SKĐAHN có các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học và được công bố công khai **[H5.05.05.01]**. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, đối thoại trực tiếp giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, sổ tay sinh viên **[H5.05.05.02]**, theo đó SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép theo quy định.

Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi phải được gửi đến giáo viên chủ nhiệm, khoa chuyên môn và phòng đào tạo. Sau khi nhận được đơn, giáo viên chủ nhiệm, khoa chuyên môn và phòng đào tạo sẽ tiếp nhận và giải quyết khiếu nại về kết quả học tập. Thời gian kiểm tra kết quả không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV. Sau khi kiểm tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Chủ nhiệm khoa hoặc Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD phải đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải do Chủ nhiệm khoa (hoặc Trưởng bộ môn) ký xác nhận mới được công bố cho SV, muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận đơn. Điểm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của học phần.

Về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ, GV đọc điểm cho từng SV trước lớp học dựa vào các tiêu chí đánh giá cụ thể do đó việc SV không hài lòng với kết quả kiểm

tra đánh giá là rất ít. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá thì GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để thuyết phục SV hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV...đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá **[H5.05.04.03]**.

Tuy nhiên, từ năm 2015 đến 2020, ngành Đạo diễn điện ảnh - Khoa NTĐA chưa ghi nhận trường hợp nào khiếu nại bằng văn bản về kết quả học tập.

### 2. Điểm mạnh

Người học dễ dàng tiếp cận với qui trình khiếu nại về kết quả học tập. Trong giai đoạn 2015-2020, Khoa NTĐA chưa có trường hợp khiếu nại về kết quả học tập.

3. *Điểm tồn tại:* Chưa có kênh đánh giá sự hài lòng của người học về việc tiếp cận quy trình khiếu nại.

### 4. Kế hoạch hành động

*Phát huy điểm mạnh:* Từ năm 2022, Khoa NTĐA tiếp tục rà soát và phổ biến qui trình khiếu nại kết quả học tập trên website của Trường, Khoa NTĐA.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm 2022, Khoa NTĐA, P. KT&ĐBCLG thiết lập sổ theo dõi việc khiếu nại/ kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của người học. Tiến hành khảo sát đánh giá việc tiếp cận quy trình khiếu nại của người học.

5. *Tự đánh giá:* Đạt, mức 4/7.

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

Việc đánh giá kết quả học tập người học chuyên ngành đạo diễn điện ảnh được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GDĐT và quy định của Trường ĐH SKĐAHN. Khoa Nghệ thuật điện ảnh luôn tập trung sâu vào đánh giá năng lực của người học thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về phương pháp đánh giá còn chưa rộng rãi và định kỳ.

### **Đánh giá Tiêu chuẩn 5:**

| Tiêu chí     | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 5 |                 |                           |
|--------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|----------------------------|-----------------|---------------------------|
|              | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức trung bình             | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|              | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 5.1 |                |   |   | x   |   |   |   | 4.0                        | 5               | 100                       |
| Tiêu chí 5.2 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 5.3 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 5.4 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 5.5 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |

## **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

### **Mở đầu**

*Việc quy hoạch đội ngũ GV của chương trình đào tạo ngành đạo diễn điện ảnh trong các năm qua đã đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Trường nói chung và của chương trình đào tạo Đạo diễn điện ảnh nói riêng đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD năm 2017, điều đó cho thấy đội ngũ GV của Trường có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia các loại hoạt động NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích trong nghề nghiệp của các ứng viên. Khoa luôn phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của từng giảng viên. Giảng viên của khoa được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ở trong nước và quốc tế để phát triển chuyên môn. Những thành tích, đóng góp về hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học, các hoạt động đoàn thể và các hoạt động phục vụ cộng đồng luôn được Nhà trường biểu dương và đánh giá cao, tạo động lực cho giảng viên của khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ.*

*Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu chương trình học và các hoạt động phục vụ cộng đồng*

### **1. Mô tả hiện trạng**

*Việc quy hoạch đội ngũ GV cho CTĐT cử nhân đạo diễn điện ảnh được thực hiện theo định hướng phát triển của Trường nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo. Căn cứ theo Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030 và Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia [H6.06.01.01] và thực hiện công tác quy hoạch, Trường đã ban hành các văn bản về hành lang pháp lý; quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc khoa và tương đương thuộc Trường [H6.06.01.02]. Theo đó, công tác quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ của trường đều được thực hiện theo định hướng phát triển của trường và đáp ứng nhu cầu đào tạo [H6.06.01.03]. Mỗi giai đoạn Trường đều thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch [H6.06.01.04]. Theo kết quả rà soát tình hình nhân sự và nhu cầu đào tạo, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, việc tuyển dụng được thực hiện theo qui trình tuyển dụng viên chức, có tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch [H6.06.01.05]. Dựa theo các yêu cầu về công việc của GV và các kế hoạch của trường, Khoa đã xây dựng đề án vị trí việc làm của Khoa [H6.06.01.06]. GV sau khi tuyển dụng được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc [H6.06.01.07]. Theo đó, số lượng cán bộ, GV được tuyển dụng phục vụ đào tạo cho ngành đạo diễn điện ảnh trong*



5 năm qua đã đáp ứng cả về lượng và chất cho CTĐT [H6.06.01.08]. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích nghề nghiệp. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

**Bảng 6.1: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT**

| TT | Trình độ, học vị, chức danh                  | Số lượng GV | GV cơ hữu                             |                                 | GV thỉnh giảng trong nước |
|----|--|-------------|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|
|    |  |             | GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |                           |
| 1  | Giáo sư                                      | 0           | 0                                     | 0                               | 0                         |
| 2  | Phó Giáo sư/ Nghệ sĩ nhân dân/ nghệ sĩ ưu tú | 0/10/0      | 0/1/0                                 | 0                               | 9                         |
| 3  | Tiến sĩ                                      | 2           | 0                                     | 0                               | 2                         |
| 4  | Thạc sĩ                                      | 18          | 10                                    | 1                               | 7                         |
| 5  | Đại học                                      | 10          | 1                                     | 0                               | 9                         |
| 6  | <b>Tổng số</b>                               | <b>40</b>   | <b>12</b>                             | <b>1</b>                        | <b>27</b>                 |

**Bảng 6.1.1. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi**

| S<br>T<br>T | Trình độ /<br>học vị | Số<br>lượng,<br>người | Tỷ lệ | Phân loại<br>theo giới<br>tính (ng) |    | Phân loại theo tuổi (người) |           |           |           |         |
|-------------|----------------------|-----------------------|-------|-------------------------------------|----|-----------------------------|-----------|-----------|-----------|---------|
|             |                      |                       | (%)   | Nam                                 | Nữ | <<br>30                     | 30-<br>40 | 41-<br>50 | 51-<br>60 | ><br>60 |
| 1           | Giáo sư              | 0                     | 0     | 0                                   | 0  | 0                           | 0         | 0         | 0         | 0       |
| 2           | Phó Giáo sư          | 0                     | 0     | 0                                   | 0  | 0                           | 0         | 0         | 0         | 0       |
| 3           | Tiến sĩ              | 0                     | 0     | 0                                   | 0  | 0                           | 0         | 0         | 0         | 0       |
| 4           | Thạc sĩ              | 10                    | 83.3  | 4                                   | 6  | 0                           | 9         | 1         | 0         | 0       |
| 5           | Cử nhân              | 2                     | 16.7  | 1                                   | 1  | 0                           | 1         | 0         | 1         | 0       |
|             | <b>Tổng</b>          | 12                    |       | 6                                   | 7  | 0                           | 10        | 1         | 2         | 0       |

Bên cạnh đó, việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội của GV được thực hiện nghiêm túc đúng quy định hiện hành **[H6.06.01.09]**.

Đa số các GV giảng dạy chương trình đạo diễn điện ảnh đều có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động nghiên cứu tài liệu nước ngoài để phục vụ các hoạt động đào tạo **[H6.06.01.10]**. Trường có chiến lược ngắn hạn và dài hạn quy hoạch phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn theo quy định **[H6.06.01.11]**.

Do đặc thù đào tạo ngành đạo diễn điện ảnh, đòi hỏi giảng viên vừa có trình độ học vấn từ thạc sĩ trở lên, vừa có công hiến, thành tích trong hoạt động nghề nghiệp (yêu cầu của cơ chế quản lý). Bên cạnh đó, trong chiến lược phát triển ĐA của Bộ VHTTDL, ngành ĐA đã tuyển và cử đi học tập tại các nước có nền ĐA phát triển như: Mỹ, Anh, Pháp, Hàn quốc, Úc, Trung Quốc... Nhưng GV giảng dạy ở các trường tại các quốc gia trên chiếm đa số là người làm nghề ĐA, họ không có bằng ThS và TS. Những khó khăn trên dẫn đến trong những năm tới số lượng giảng viên có tuổi nghề, nhiều kinh nghiệm, nhiều thành tích được xã hội công nhận lại có bằng thạc sĩ, tiến sĩ và có nhu cầu trở thành giảng viên sẽ ít dần, khả năng thu hút giảng viên cho CTĐT sẽ gặp những trở ngại nhất định.

## 2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đúng quy trình; phát triển được đội ngũ GV, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

### *3. Điểm tồn tại*

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV cho CTĐT đạo diễn điện ảnh còn gặp trở ngại do đặc thù nghề nghiệp và chính sách đào tạo thực tế (mô tả trên). Tỷ lệ giảng viên đạt trình độ tiến sĩ của Khoa còn thấp, tỷ lệ giảng viên nam/nữ còn mất cân đối.

### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Nhà trường xây dựng cơ chế thu hút giảng viên có trình độ cao về làm việc hoặc cộng tác giảng dạy với Trường. Tiếp tục bổ sung ưu đãi trong chính sách hỗ trợ giảng viên học thạc sĩ, tiến sĩ (trong và ngoài nước) của Trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp với P.HCTH (TCCB) rà soát, đánh giá mục tiêu cụ thể về phát triển đội ngũ để đảm bảo đạt được các chỉ tiêu theo Chiến lược xây dựng và phát triển nguồn lực của Nhà trường.

### *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Tính đến 3/2021, Khoa Nghệ thuật điện ảnh có 12 GV (7 nữ và 5 nam), trong đó có 01 Nghệ sĩ nhân dân, 10 thạc sĩ, 01 đại học, (trong đó có 01 GV đang là nghiên cứu sinh). Độ tuổi trung bình của GV là 38,5 tuổi (36 tuổi đối với nữ và 41 tuổi đối với nam). **[H06.06.02.01].**

Thực hiện các hoạt động đào tạo của CTĐT cử nhân đạo diễn điện ảnh do bộ môn đạo diễn điện ảnh. Bộ môn có 5 GV (2 nữ, 3 nam), trong đó 01 GV là nghệ sĩ nhân dân, 3 giảng viên có trình độ ThS; GV ở trong độ tuổi 30 - 40 chiếm tỷ lệ 60 %, độ tuổi 41 - 60 chiếm tỷ lệ 40 %. Ngoài ra còn có sự tham gia của các giảng viên cơ hữu trong Khoa, Trường và các giảng viên thỉnh giảng tham gia thực hiện CTĐT. **[H6.06.01.03].**

**Bảng 6.1.2: Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành ĐDDA.**

| Năm học   | Tổng số giảng viên cơ hữu ngành ĐDDA | Tổng số sinh viên ngành ĐDDA | Tỷ lệ GV/SV ngành ĐDDA |
|-----------|--------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| 2015-2016 | 10                                   | 56                           | 1/5.6                  |
| 2016-2017 | 8                                    | 62                           | 1/7.75                 |
| 2017-2018 | 13                                   | 51                           | 1/3.9                  |
| 2018-2019 | 13                                   | 60                           | 1/4.6                  |
| 2019-2020 | 12                                   | 57                           | 1/4.75                 |

*Ghi chú: Giảng viên cơ hữu ngành ĐDDA tính theo số lượng giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT ĐDDA.*

Bảng 6.1.2 Thể hiện tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành đạo diễn điện ảnh trong 05 năm gần đây (2015-2020). Kết quả cho thấy tỷ lệ GV/SV của ngành đạo diễn điện ảnh phù hợp với Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT và Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT quy định về tỉ lệ GV/người học quy đổi là không quá 10 sinh viên/GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Khối lượng công việc của đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa thực hiện theo Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 quy định chế độ làm việc của GV và QĐ1015/QĐ-SKĐAHN ngày 09/9/2016 của Hiệu trưởng trường ĐHSKĐAHN ban hành quy định về chế độ làm việc của GV, từ năm 2020 thực hiện theo thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học và QĐ 1415/QĐ-SKĐAHN ngày 08/12/2020 của ĐHSKĐAHN về việc ban hành quy định về chế độ làm việc của GV [H06.06.02.06].

Định mức giờ chuẩn cho GV trong một năm học là 270 giờ, các công việc được quy đổi theo giờ chuẩn khác nhau. Định mức giờ chuẩn đối với các GV được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác khác được giảm trừ giờ chuẩn và các trường hợp GV được miễn giảm giờ chuẩn được quy định trong Quy định về chế độ làm việc của GV của ĐHSKĐAHN (Điều 9 và Điều 10). Ngoài ra còn có các điều kiện được quy định rõ ràng để tính vượt giờ cho GV (Điều 12). Quy định về NCKH, mỗi năm GV phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh nghề nghiệp hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH cụ thể, tối thiểu là một đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên

tạp chí khoa học có phản biện hoặc một bài báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành. Định mức khối lượng giờ thực hiện NCKH của các chức danh GV được quy định cụ thể **[H06.06.02.07]**.

Việc đánh giá cán bộ, viên chức căn cứ vào chức trách nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ về tiến độ và chất lượng công việc của từng người, số lượng công việc được giao theo kế hoạch, những nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất, những yêu cầu về trình độ chuyên môn của công việc, mức độ cần cù, chịu khó, tận tâm, tận tụy, trách nhiệm với công việc, chấp hành kỷ cương. Việc đánh giá được xem xét qua các cấp: cá nhân tự đánh giá, tự chấm điểm, bộ môn xem xét, đề nghị, hội đồng Khoa chấm điểm, hội đồng Thi đua khen thưởng của Trường rà soát, công nhận và ra quyết định **[H06.06.02.08]**.

Đầu năm học, các GV phải có biên bản giao, nhận nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, Khoa rà soát khối lượng công việc để có kế hoạch phân công công việc trong năm học mới một cách hợp lý, tránh tình trạng không cân đối về khối lượng công việc **[H06.6.02.09]**. Sau mỗi năm học, việc đánh giá khối giảng dạy và NCKH, cũng như các hoạt động chuyên môn và nghiệp vụ khác được Khoa thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả, phân loại CBVC, để hưởng lương tăng thêm và xếp loại thi đua **[H06.06.02.10]**. Ngoài việc quản lý trực tiếp của Khoa, bộ môn; các phòng chức năng của Trường kiểm tra giám sát đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó đảm bảo chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của GV. Kết quả là trong 5 năm qua, toàn bộ GV trong Khoa đều hoàn thành công việc, nhiều GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được nhận các danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng khen các cấp, đặc biệt giảng viên của Khoa có nhiều giải thưởng trong hoạt động nghề nghiệp được xã hội công nhận **[H06.06.02.11]**. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến đánh giá của người học về chất lượng giảng dạy của GV nhằm giúp GV khoa đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề có giải pháp tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cải tiến chất lượng đào tạo **[H6 06.02.12]**.

Mặc dù, tỷ lệ GV/SV ngành Đạo diễn điện ảnh đủ và đảm bảo khối lượng trong những năm qua. Tuy nhiên, trong những năm tới, do đặc thù giảng dạy ngành đạo diễn luôn cần tiếp cận cái mới, luôn phải nâng cao trình độ, số lượng giảng viên học lên bậc tiến sĩ còn hạn chế sẽ ảnh hưởng nhiều đến chiến lược đào tạo nếu không tính đến việc xây dựng đội ngũ giảng viên.

## *2. Điểm mạnh*

Khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn và có thể đo lường được, có quy định về số giờ giảng tối thiểu theo quy đổi đối với GV. Tỷ lệ GV/người học

và khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc đo lường các nhiệm vụ khác đối với GV (ngoài giờ giảng, giờ NCKH) còn mang tính định tính, chưa có những tiêu chí cụ thể, các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa định lượng được.

### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB), Phòng ĐT, QLKH & HTQT giám sát, khuyến khích GV thực hiện tốt công việc để đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA bám sát quy định “Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội” xây dựng Kế hoạch về việc tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng theo từng năm học, đồng thời tổ chức đánh giá hằng năm đối với nội dung này.

### *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7*

*Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, cụ thể.

Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên hoặc được công nhận nghệ sĩ nhân dân đối với giảng viên giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ (hoặc được công nhận là nghệ sĩ nhân dân) đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5- Lý lịch bản thân rõ ràng.

Đối với ngành đào tạo đại diện điện ảnh, ngoài các tiêu chí trên, còn có những tiêu chí đặc thù như: Nếu chưa có danh hiệu (NSND, NSUT) nhưng có thời gian công tác từ 10 năm trở lên - có từ 03 tác phẩm ĐA để tham gia giảng dạy cho chuyên ngành Đạo diễn **[H6.06.03.01]**. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, được phổ biến công

khai trên Trang thông tin điện tử của Trường và Khoa; gửi Thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí khi có các đợt tuyển dụng tập trung. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước **[H6.06.03.02]**.

Trường đã xây dựng và đưa vào thực hiện các tiêu chí cho quy trình tuyển dụng cán bộ, giảng viên sao cho phù hợp với yêu cầu của trường đào tạo nghệ thuật mang tính đặc thù cao. Ngoài quy trình tuyển dụng cán bộ, giảng viên riêng của Trường, những năm qua Trường đã thực hiện đúng kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trước năm 2018, thực hiện nghiêm túc quy định về tuyển dụng, trước mỗi kỳ tuyển dụng, Nhà trường đều có thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hình thức thông báo trên báo chí và truyền thông các thông tin về tiêu chuẩn và số lượng cũng như cần tuyển vào biên chế. Việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên của Trường phải trải qua hai hội đồng sát hạch, đó là hội đồng sơ tuyển tại trường và hội đồng tuyển dụng cấp Bộ VHTTDL **[H6.06.03.03]**. Hiện nay, Trường đã được Bộ phê duyệt đề án tự tuyển dụng và được tự tổ chức tuyển dụng viên chức để chủ động hơn trong việc bổ sung nguồn nhân lực cho Nhà trường **[H6.06.03.04]**.

Sau mỗi kỳ thi tuyển dụng, Nhà trường đều có văn bản công khai danh sách những người trúng tuyển và thông báo rộng rãi trên các bảng tin của Trường. Các cán bộ, giảng viên đã trúng tuyển trong các kỳ thi tuyển dụng phải trải qua một thời gian làm hợp đồng thử việc. Sau khi hoàn thành tốt những công việc được giao, các cán bộ, giảng viên này sẽ được Nhà trường ký hợp đồng chính thức **[H6.06.03.05]**.

Đối với những giảng viên được điều chuyển từ đơn vị khác về Trường, để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng nhằm đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác, khách quan và có sự đồng thuận tập thể **[H6.06.03.06]**. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn dự giờ các cán bộ giảng dạy khác và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới giảng trước Hội đồng của nhà trường. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch, nếu đạt GV mới được lên lớp chính thức. Trong 1 năm tập sự, khoa sẽ cử 1 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự **[H6.06.03.07]**.

Do đặc thù của chuyên ngành đạo diễn là học truyền nghề, trải nghiệm thực hành, thực tế chiếm 50 % các ĐVHT trong CTĐT, do đó Khoa NTĐA đã mời nhiều người nổi tiếng trong giới nghề về cộng tác giảng dạy(NSUT Bùi Tuấn Dũng, Đào Duy Phúc, NSND Nguyễn Thước, Khải Hưng, Nhuệ Giang, Trần Quốc Dũng, Phạm Thanh Hà, Hoàng tấn Phát) **[H6.06.03.08]**. Tuy nhiên, một số NSND, NSUT có uy tín từ các hãng

phim nhà nước, hoặc đã từng làm công tác quản lý đa phần là nhiều tuổi, đã nghỉ hưu hoặc bị rào cản bởi quy định bằng cấp khiến việc mời những nghệ sĩ như vậy cộng tác với Khoa ngày càng khó khăn.

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của Chương trình đào tạo đạo diễn điện ảnh được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn **[H6.06.03.09]**.

## *2. Điểm mạnh*

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định một cách rõ ràng và được phổ biến công khai. Các GV được tuyển dụng, lựa chọn đều đáp ứng các tiêu chí của Trường.

## *3. Điểm tồn tại*

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm có những trở ngại, mâu thuẫn nhất định đối với thực tế nguồn lực của giảng viên Khoa NTĐA trong những năm tới (chỉ bổ nhiệm người đã có trình độ thạc sĩ trở lên, dù đã là nghệ sĩ nhân dân hoặc là tiêu chí trường khoa phải là tiến sĩ đúng chuyên ngành), do đó việc tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được đào tạo hoặc có thâm niên, tầm ảnh hưởng trong nghề...thường gặp khó khăn. Hiện tại, giảng viên đạt trình độ tiến sĩ của khoa NTĐA chưa có (mới có 01 nghiên cứu sinh).

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Nhà trường giao cho P.HCTH (TCCB) tiếp tục công khai các thông tin và tiêu chí khi tuyển dụng GV trên các phương tiện truyền thông (Khi có kế hoạch tuyển dụng).

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp P.ĐTQLKH&HTQT, P.HCTH (TCCB) rà soát chiến lược phát triển nguồn nhân lực; xây dựng, đề xuất với Bộ VHTTDL những tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm mang tính đặc thù (Chia theo giai đoạn để có thời gian bổ sung nguồn nhân lực, trước khi nâng cao yêu cầu của tiêu chí). Có chính sách thu hút mạnh hơn nữa như thưởng nóng cho các ứng viên đủ tiêu chuẩn và có tầm ảnh hưởng tốt về nghề muốn về công tác tại trường. Khoa/Phòng HCTH (TCCB) cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của Chương trình.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá*

### *1. Mô tả hiện trạng*



Các ứng viên được tuyển làm giảng viên của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh nói chung đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung về giảng viên đại học. Sau khi trúng tuyển, hằng năm họ đều được cử đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn do Bộ VHTTDL tổ chức (nếu có). Cụ thể là 100% giảng viên của Khoa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ công nghệ thông tin đạt chuẩn của Bộ quy định **[H6.06.04.01]**. Bên cạnh đó, Nhà trường tạo điều kiện cho các GV của khoa nói chung và GV chuyên ngành Đạo diễn tham gia mọi hoạt động sáng tác để nâng cao nghiệp vụ, kinh nghiệm **[H6.06.04.02]**.

Đội ngũ giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học dưới hình thức các hoạt động đặc thù của ngành: Tham gia làm phim; tham gia các dự án, LHP, hội thảo nghệ thuật, hội thảo giáo dục của các tổ chức trong nước, quốc tế, giao lưu giữa các hội thảo, chia sẻ giữa các khoa trong trường **[H6.06.04.03]**. GV của Khoa NTĐA đã có nhiều công trình chất lượng được xã hội ghi nhận **[H6.06.04.04]**.

Trường ĐH SKĐAHN luôn khẳng định GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Nhà trường, đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, theo đó các tiêu chí xác định năng lực của giảng viên cũng là mục tiêu phấn đấu của các giảng viên Khoa NTĐA **[H6.06.04.05]**. Trường ĐHSKĐAHN có văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức trong đó quy định rõ các tiêu chí phân loại các mức hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành nhiệm vụ... với các tiêu chí về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần thái độ, trách nhiệm trong công việc, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, kết quả NCKH... **[H06.06.04.06]**. Nhà trường ban hành quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn **[H06.06.04.07]**, các văn bản này được Nhà trường tổ chức cho CBGV thảo luận, thống nhất và được thông báo công khai bằng văn bản **[H06.06.04.08]**.

Hằng năm, Nhà trường đều có thông báo, hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của giảng viên **[H6.06.04.09]**. Theo đó, mỗi GV viết báo cáo đánh giá kết quả công tác, tu dưỡng, rèn luyện để bộ môn đánh giá. Kết quả này tiếp tục được kiểm duyệt đánh giá ở cấp Khoa và cấp Trường. Kết quả đánh giá cho thấy 100% giảng viên khoa NTĐA hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có nhiều giảng viên hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao **[H6.06.04.10]**.

Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hằng năm được triển khai một cách đa dạng, bên cạnh việc bám sát các tiêu chí khen thưởng đã được ban hành, Nhà trường còn đề nghị Bộ VHTTDL khen tặng đối với giảng viên có thành tích xuất sắc trong các hoạt động nghệ thuật nghiệp vụ (được giải trong liên hoan phim); hoặc vinh danh các giảng viên có thành tích trong Hội nghị công chức viên chức hằng năm **[H6.06.04.11]**.

Phòng KT&ĐBCLGD có lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV, kết quả cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của SV [H6.06.04.12].

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được Nhà trường xác định rõ ràng, nhất quán. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Tuy nhiên, Khoa NTĐA chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên khoa nghệ thuật điện ảnh. Do đó, năng lực của đội ngũ GV tham gia giảng dạy chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh đôi khi còn đánh giá mang tính định tính.

## *2. Điểm mạnh*

Giảng viên của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm học và có kết quả đánh giá về công tác giảng dạy ở mức cao.

## *3. Điểm tồn tại*

Khoa NTĐA chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên khoa nghệ thuật điện ảnh, chưa cụ thể hóa tiêu chí đánh giá để GV có thể phấn đấu đáp ứng yêu cầu đặt ra.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp với P.HCTH (TCCB) tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn năng lực GV để làm cơ sở cho quá trình đánh giá kết quả công việc.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên giảng dạy của Khoa NTĐA.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó*

### *1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường đã có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ GV, CB của Trường tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và nước ngoài; có chính sách khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, tạo điều kiện về kinh phí đối với giảng viên học thạc sĩ, tiến sĩ, đi đào tạo ở nước ngoài [H06.06.05.01]. Bên cạnh đó, Trường và Khoa luôn công khai thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển, có quy định rõ ràng về các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường, trong đó hướng dẫn cụ thể cho GV khi

tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ...ở nước ngoài. **[H06.06.05.02].**

Các quy định về khen thưởng, hỗ trợ NCKH, đi hội thảo trong nước và nước ngoài; các nội dung chi, mức chi được quy định cụ thể trong các quy chế chi tiêu nội bộ (hỗ trợ chi trả học phí, trả thù lao biên soạn giáo trình, viết chuyên đề NCKH,...) của Nhà trường. **[H06.06.05.03].**

Ngoài các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Trường tổ chức, về cơ bản, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Khoa chủ yếu là tự đào tạo thông qua hình thức tọa đàm, hội thảo, tham gia BGK các LHP QG, CDV, LHP sinh viên các trường ĐA Thế giới..., các tổ chức Văn hóa nghệ thuật độc lập của VN và Quốc tế **[H06.06.05.04].**

Tuy nhiên, Khoa NTĐA chưa tổ chức nghiên cứu, khảo sát/ đánh giá nhu cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên.

### *2. Điểm mạnh*

Giảng viên có nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn cao. Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, các khóa đào tạo tại ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...). Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho GV nhanh chóng, hiệu quả.

### *3. Điểm tồn tại*

Khoa NTĐA chưa tổ chức nghiên cứu, khảo sát/ đánh giá nhu cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên. Kinh phí hỗ trợ GV tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế còn hạn chế.

### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Nhà trường tiếp tục duy trì hoặc nâng cao hơn nữa mức hỗ trợ trong các chính sách, cơ chế để khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp P.HCTH (TCCB) khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học. Tăng cường tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp hoặc dự án để hỗ trợ GV tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế.

### *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.*

### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng và được Bộ VHTTDL phê duyệt đề án vị trí việc làm, đây là căn cứ để quản trị theo kết quả công việc của giảng viên [H6.06.06.01], theo đó, với từng chức danh công việc, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy. Bên cạnh đó, Nhà trường lấy phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; kiểm tra việc dự giờ, kế hoạch giảng dạy của GV... làm cơ sở triển khai hoạt động viên chức giảng dạy (giảng viên) theo năng lực làm việc [H6.06.06.02]

Các GV đều phải xây dựng kế hoạch giảng dạy ngay từ đầu mỗi năm học [H6.06.06.03]. Hàng năm, khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo Hướng dẫn của Trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.04].

Nhà trường sử dụng kết quả đánh giá giảng viên để thực hiện quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và các chính sách đãi ngộ đối với giảng viên, cụ thể: Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác sẽ là cơ sở để Khoa bình xét và đề cử danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, cấp bộ; được đề nghị khen thưởng Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ,... Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, đột xuất xuất sắc sẽ được nâng lương trước hạn hoặc là cơ sở xem xét để bổ nhiệm vào vị trí quản lý chuyên môn hoặc hành chính. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho GV sẽ tạo động lực cho GV phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu [H6.06.04.05].

Tính đến tháng 12 năm 2021, Nhà trường chưa nhận được đơn khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thu đua, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV. Các đánh giá theo kết quả công việc của GV công khai, minh bạch, rõ ràng [H06.06.06.06].

Về nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, do đặc thù của đào tạo nghệ thuật điện ảnh, các giảng viên tham gia làm phim, hoặc hoạt động thực tiễn có liên quan đến chuyên môn như tham gia là ban giám khảo cho Liên hoan phim, LHP sinh viên các trường ĐA Thế giới..., các tổ chức Văn hóa nghệ thuật độc lập của VN và quốc tế. Đây là những hoạt động mang lại nhiều ý nghĩa cho phát triển chuyên môn của giảng viên cũng như có giá trị ảnh hưởng, góp phần vào sự phát triển chung của cộng đồng. Do đó, Nhà trường đã có văn bản quy định cụ thể về việc căn cứ vào thành tích nghề nghiệp để tính quy đổi thành điểm nghiên cứu khoa học cho các giảng viên khoa NTĐA.

**Bảng 6.3.** Thành tích thi đua và khen thưởng của giảng viên K.Nghệ thuật điện ảnh

(2015-2020)

| Năm học   | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở | Chiến sĩ thi đua cấp Bộ | Bằng khen của Bộ trưởng Bộ VHTTDL | Các giải thưởng |
|-----------|----------------------------|-------------------------|-----------------------------------|-----------------|
| 2015-2016 | 3                          | 1                       | 1                                 | 0               |
| 2016-2017 | 1                          | 0                       | 0                                 | 1               |
| 2017-2018 | 1                          | 0                       | 0                                 | 4               |
| 2018-2019 | 1                          | 0                       | 0                                 | 0               |
| 2019-2020 | 1                          | 0                       | 1                                 | 1               |

Tuy nhiên, qua nghiên cứu minh chứng cho thấy, còn ít GV của Khoa NTĐA được khen thưởng về thành tích NCKH mang tính lý luận (công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở/ cấp bộ; bài báo đăng tạp chí quốc tế, tạp chí chuyên ngành...).

## 2. Điểm mạnh

Trường có các quy định để thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của GV, tạo ra động lực cho GV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiều GV vượt định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc và đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp cũng như các giải thưởng điện ảnh.

## 3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2015-2021, các hoạt động nghiên cứu khoa học (mang tính lý luận) của giảng viên khoa NTĐA chưa nhiều, mới chỉ có các đề tài cấp Trường, chưa có giảng viên tham gia đề tài cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước.

## 4. Kế hoạch hành động

*Phát huy điểm mạnh:* Năm 2022, Khoa NTĐA tổ chức đánh giá về sự đáp ứng của GV khoa NTĐA đối với vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ của Khoa. Duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm 2022, Khoa NTĐA thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ GV về quy trình và tiêu chí đánh giá kết quả công việc, thi đua khen thưởng. Khảo sát chỉ số quy đổi trong tính điểm NCKH, bổ sung ưu đãi trong chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH.

## 5. Tự đánh giá: Đạt, 4/7.

*Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.*

### *1. Mô tả hiện trạng*

Viện Sân khấu điện ảnh - Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là đầu mối xây dựng kế hoạch về KHCN hằng năm của Nhà trường **[H6.06.07.01]**. Nhà trường đã ban hành Quy định rõ ràng về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu khoa học của Trường ĐHSKĐAHN **[H6.06.07.02]**.

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được Trường quy định rõ (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV TN) đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định, phù hợp với nhiệm vụ khoa học công nghệ của Trường. Kết thúc năm công tác, khoa và Trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV **[H6.06.07.03]**.

Nhà trường đã có quy định rõ ràng về hướng nghiên cứu các đề tài ứng dụng phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy, các hình thức tham gia làm phim, hoạt động trong ngành ĐA đều có các văn bản của Nhà trường hướng dẫn quy đổi sang định mức nghiên cứu khoa học. (Quy định chế độ làm việc của GV có xác định 12 nội dung các tác phẩm nghệ thuật được tính giờ NCKH). Nhiều tác phẩm, sản phẩm khoa học của Nhà trường được ứng dụng và hợp tác sản xuất với các đài truyền hình, các hội chuyên ngành uy tín như ANTV, VTV,...GV của Khoa NTĐA đạt được các giải thưởng trong nước và quốc tế **[H6.06.07.04]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường có văn bản cụ thể hoá quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ **[H6.06.07.05]**; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ **[H6.06.07.06]**. Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được thông qua bởi một Hội đồng nghiệm thu với các thành viên là những người am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của GV **[H6.06.07.07]**.

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường dưới nhiều hình thức từ đề tài, giáo trình đến tư liệu đã hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ GV của Trường. Tuy nhiên, do đặc thù đào tạo của ngành đạo diễn điện ảnh mang tính thực tiễn, các NCKH thể hiện trong các tác phẩm, sản phẩm điện ảnh cụ thể (một bộ phim, việc rà soát hoặc chỉnh sửa để hoàn thiện một kịch bản phim...), Khoa cũng nhận định rằng, GV chưa có nhiều đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH; số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo và tạp chí quốc tế còn chưa nhiều. Do đó, hiện nay việc đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV chưa được Khoa rà soát, điều chỉnh, đối sánh để nâng cao chất lượng của các hoạt động NCKH.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH theo định mức ứng với mỗi vị trí công việc của GV, có chính sách quy đổi giờ NCKH đặc thù.

## 3. Điểm tồn tại

GV của Khoa NTĐA chưa có nhiều đề tài nghiên cứu lý luận cấp Bộ hoặc cấp nhà nước; Khoa chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH.

## 4. Kế hoạch hành động

*Phát huy điểm mạnh:* Từ năm 2022, Khoa NTĐA phát huy các cơ chế hiện có (quy đổi; khen thưởng) để khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm 2022, định kỳ 2 năm 1 lần Khoa NTĐA tổ chức hội thảo, tọa đàm để tìm ra giải pháp nâng cao chất lượng, số lượng đề tài NCKH. Thực hiện định kỳ rà soát, đối sánh kết quả và mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV để cải tiến chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 6**

Đội ngũ giảng viên trong ngành đạo diễn điện ảnh có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy; nghiên cứu khoa học; phục vụ cộng đồng của Khoa đã có những thành tích nhất định. Trong giảng dạy, với số lượng người học như hiện tại, đội ngũ giảng viên của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số giảng viên có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ sinh viên. Trong NCKH, đội ngũ giảng viên của Khoa đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu, nhiều giảng viên được khen thưởng hoặc nhận các giải thưởng danh giá. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa và nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của giảng viên, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường. Tuy nhiên, GV của chương trình chưa có nhiều đề tài NCKH cấp bộ hoặc cấp nhà nước.

## **Đánh giá về Tiêu chuẩn 6:**

| Tiêu chí     | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 6 |                 |                           |
|--------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|----------------------------|-----------------|---------------------------|
|              | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức trung bình             | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|              | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 6.1 |                |   |   | x   |   |   |   | 4.0                        | 7               | 100                       |

|              |  |  |  |   |  |  |  |  |  |  |
|--------------|--|--|--|---|--|--|--|--|--|--|
| Tiêu chí 6.2 |  |  |  | X |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 6.3 |  |  |  | X |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 6.4 |  |  |  | X |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 6.5 |  |  |  | X |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 6.6 |  |  |  | X |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 6.7 |  |  |  | X |  |  |  |  |  |  |

## **Tiêu chí 7: Đội ngũ nhân viên**

### **Mở đầu**

*Đội ngũ nhân viên Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội bao gồm nhân viên làm việc tại phòng chức năng (Phòng hành chính tổng hợp; Phòng đào tạo, quản lý khoa học và hợp tác quốc tế; Phòng công tác học sinh sinh viên; Phòng khảo thí & đảm bảo chất lượng giáo dục); Trung tâm thông tin thư viện. Do đặc thù đào tạo, Trường không có phòng thí nghiệm, thay vào đó là Trung tâm thực hành sân khấu - điện ảnh (xưởng phim thực nghiệm, nhà hát thể nghiệm, trung tâm âm thanh ánh sáng) và các bộ phận hỗ trợ sinh viên tại các phòng chiếu phim/ trường quay/ phòng tin học. Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa được tuyển dụng và đánh giá theo đúng quy định, được hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện hiệu quả công việc đáp ứng tốt cho các hoạt động của Nhà trường nói chung và Khoa Nghệ thuật điện ảnh nói riêng.*

*Tiêu chí: 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Từ năm 2018 trở về trước, việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện theo các quy định của Bộ VHTTDL trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên. Từ năm 2019, Nhà trường có đề án tự tuyển dụng **[H07.07.01.01]**. Số lượng và chất lượng của nhân viên đáp ứng được nhu cầu để thực hiện công tác quản lý đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H07.07.01.02]**. Việc xác định nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phần phát triển đội ngũ) và trong Đề án vị trí việc làm **[H07.07.01.03]; H07.07.01.04]**.

Bên cạnh đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm TTTV Nhà trường, phòng chiếu phim, phòng tin học, trường quay, Trung tâm Âm thanh - ánh sáng sân khấu,



nhà hát, xưởng Trường, vv... các đơn vị phòng chức năng (Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT; khảo thí & ĐBCLGD, HC-TH; Quản lý HSSV) đều phân công nhân viên trực tiếp phụ trách, hỗ trợ cho Khoa Nghệ thuật điện ảnh [H07.07.01.05]. Nhà trường đã có chính sách phát triển đội ngũ nhân viên thể hiện trong các văn bản: Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Nhà trường [H07.07.01.06], Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội [H07.07.01.07], Quy chế chi tiêu nội bộ [H07.07.01.08]. Cụ thể, Nhà trường đã thực hiện chuyển đổi ngạch viên chức [H07.07.01.09], chính sách hỗ trợ kinh phí, thời gian cho cán bộ phục vụ tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo chuyên ngành và tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ [H07.07.01.10].

Bên cạnh đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa NTĐA còn có các giảng viên kiêm nhiệm công tác trợ lý, hỗ trợ công tác đào tạo và NCKH và kịp thời hỗ trợ cho người học giúp người học hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập [H07.07.01.11].

Đội ngũ nhân viên thực hiện quy trình đánh giá chất lượng công việc cũng như mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, được bình xét thi đua theo đúng các quy định của Nhà trường. Tỷ lệ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt tỷ lệ rất cao trên .....% [H07.07.01.12].

Tuy nhiên, Nhà trường cũng như Khoa NTĐA chưa thực hiện công tác khảo sát, đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; chưa phân tích, đánh giá nhu cầu về đội ngũ để có các kế hoạch tuyển dụng nhân sự hàng năm.

## *2. Điểm mạnh*

Đội ngũ nhân viên của Trường/Khoa được quy hoạch đáp ứng hiệu quả công việc phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH. Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân viên.

## *3. Điểm tồn tại*

Chưa thường xuyên khảo sát phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA; các phòng chức năng; Trung tâm thực hành SK-ĐA; Trung tâm TTTV tiếp tục cử các chuyên viên, kỹ thuật viên, NV tham gia các khóa tập huấn để tăng cường nghiệp vụ chuyên môn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, P.Khảo thí & ĐBCLGD, Khoa NTĐA định kỳ hằng năm khảo sát người học, giảng viên về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân

viên.

5. *Tự đánh giá:* Đạt, mức 4/7.

*Tiêu chí: 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai*

#### 1. *Mô tả hiện trạng*

Nhằm đảm bảo chất lượng nhân viên khi tuyển dụng và để phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt; Trường đã ban hành các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm tuân theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định khác của các Bộ liên quan [H07.07.02.01]. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H07.07.02.02].

Các chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H07.07.02.03]. Việc bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H07.07.02.04] [H6.06.03.09.DC].

Trường, Khoa và các đơn vị luôn tuân thủ chặt chẽ các qui định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên viên (chuyên viên chính) [H07.07.02.05]. Bên cạnh đó, trong quá trình làm việc, một số nhân viên có thể được thay đổi sang một vị trí mới phù hợp hơn với nhu cầu và khả năng [H07.07.02.06].

#### 2. *Điểm mạnh*

Trường có xây dựng các tiêu chí tuyển chọn nhân viên để bổ nhiệm. Các tiêu chí là rõ ràng và được công khai để tuyển chọn.

#### 3. *Điểm tồn tại*

Trường chưa khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm.

#### 4. *Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường giao Khoa NTĐA phối hợp P.HCTH (TCCB) và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch về cơ cấu độ tuổi cho đội ngũ nhân viên trong đề án nhân sự cho giai đoạn tiếp theo của trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, định kỳ 2 năm 1 lần Phòng HCTH (TCCB) tổ chức khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để đáp ứng yêu cầu tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm.

## 5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

### *Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Để đánh giá năng lực của đội ngũ NV, các đơn vị đều triển khai thực hiện đồng bộ quy trình đánh giá do Trường quy định **[H07.07.03.01]**. Theo đó, căn cứ vào yêu cầu công việc, mỗi cán bộ NV các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc Trường đều phải thực hiện đăng ký thi đua hàng năm **[H07.07.03.02]**. Vào cuối mỗi năm học, các NV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học **[H07.07.03.03]**. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức danh (nhân viên làm quản lý có tiêu chí đánh giá riêng), nhiệm vụ được giao. Sau đó, lãnh đạo đơn vị thực hiện đánh giá (lãnh đạo đơn vị được đánh giá bởi cấp trên - Ban Giám hiệu), cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Kết quả đánh giá phản ánh rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ hỗ trợ **[H07.07.03.04]**. Như vậy, năng lực của đội ngũ NV đều được đánh giá theo đúng quy trình thủ tục.

Hàng năm, các quy định, quy trình đánh giá năng lực NV đều được cải tiến dựa trên những ý kiến đóng góp của cán bộ NV **[H7.07.03.05]**. Kết quả bình xét đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ nhân viên hàng năm (kể từ năm 2015 đến 2020) đạt nhiều danh hiệu Lao động tiên tiến. Trong đó có cán bộ, nhân viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Bằng khen của Bộ trưởng...và được xét đề nâng lương trước hạn **[H7.07.03.06]**. Đặc biệt, đội ngũ làm công tác quản lý các phòng chức năng của Trường đa phần có học vị tiến sĩ, bên cạnh đó còn tham gia công tác giảng dạy, góp phần hiểu rõ và phục vụ tốt hơn công tác đào tạo. Đội ngũ trợ lý Khoa NTĐA được đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và được hỗ trợ kinh phí **[H7.07.03.07]**.

#### *2. Điểm mạnh*

Năng lực của đội ngũ nhân viên của Trường được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng, bản mô tả vị trí việc làm và kết quả và kết quả làm việc được đánh giá hàng năm. Các nhân viên đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

#### *3. Điểm tồn tại*

Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên thực hiện CTĐT chưa được triển khai định kỳ.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB), các phòng chức năng, trung tâm thực hành, TTTTV tiếp tục thực hiện các chính sách bồi dưỡng, nâng

cao trình độ cho đội ngũ nhân viên. Duy trì chế độ khen thưởng như xét nâng lương trước hạn, khen thưởng các sáng kiến, cải tiến của đội ngũ nhân viên để khuyến khích sáng tạo, đóng góp cho Trường/ Khoa.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB), Khoa NTĐA lấy ý kiến đánh giá của người học về thái độ, năng lực làm việc của đội ngũ nhân viên. Duy trì hoạt động này hằng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

*Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trường luôn chú trọng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV hỗ trợ, các chính sách này được thực hiện từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch [H7.07.04.01]. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia các khóa học tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.04.02]. Trên cơ sở đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên, Trường lập danh sách gửi về Bộ VHTTDL hoặc các đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, bên cạnh đó, Trường hỗ trợ 100 % kinh phí đào tạo bồi dưỡng [H7.07.04.03]. Đội ngũ nhân viên được tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Nhà trường. Song, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học, an ninh quốc phòng [H7.07.04.04]. Các khóa học đáp ứng yêu cầu thực tiễn nên đã thu hút đông đảo cán bộ NV nhiệt tình tham gia. Sau mỗi khóa học, các nhân viên được yêu cầu gửi minh chứng như bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy chứng nhận về bộ phận tổ chức cán bộ, đồng thời thực hiện khai bổ sung sơ yếu lý lịch hằng năm [H7.07.04.05]. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của các nhân viên, hàng năm Trường luôn xác định cụ thể các nội dung cần bồi dưỡng cho nhân viên và có phân bổ ngân sách đào tạo [H7.07.04.06]. Từ năm 2015-2020, nhiều nhân viên của Trường đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn để dự thi nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính hoặc được cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ [H7.07.04.07].

#### 2. Điểm mạnh

Hàng năm, Trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên và có những hình thức để đáp ứng nhu cầu đó. Khoa luôn cử đội ngũ nhân viên của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù, số lượng cán bộ hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn

đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của ngành Đạo diễn điện ảnh.

### *3. Điểm tồn tại*

Các hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên, nhất là bộ phận hỗ trợ cho Khoa NTĐA còn chưa đa dạng. Kinh phí hỗ trợ cho đội ngũ nhân viên về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp.

### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, hằng năm Phòng HCTH (TCCB); các phòng chức năng; Trung tâm thực hành; Trung tâm TTTV khuyến khích các nhân viên phòng ban tham gia các khóa tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn. Giao các phòng chủ động đề xuất các lớp học, khóa tập huấn có liên quan đến nghiệp vụ của đơn vị.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB), các phòng chức năng, Trung tâm thực hành, Trung tâm TTTTV chủ động khảo sát nhu cầu đào tạo của đội ngũ nhân viên và có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ hỗ trợ. Nhà trường tổ chức các khóa, lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên theo nhu cầu.

### *5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7.*

*Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Để việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được triển khai tốt để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường cũng như Khoa NTĐA triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao thể hiện qua bản mô tả vị trí công việc và các quy định cụ thể trong quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H07.07.05.01][H07.07.05.02]. Tất cả nhân viên đều được phân công phụ trách từng mảng công việc cụ thể phù hợp với năng lực chuyên môn [H07.07.05.03]. Trưởng các đơn vị trực tiếp giám sát hiệu quả công việc của mỗi nhân viên; nhận xét của đồng nghiệp và bản tự nhận xét đánh giá của nhân viên để đánh giá xếp loại vào cuối năm [H07.07.05.04].

Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường dựa vào kết quả đánh giá để đánh giá, ghi nhận và khen thưởng thành quả của từng nhân viên [H07.07.05.05]. Quy trình đánh giá được thực hiện chặt chẽ theo các bước: nhân viên tự đánh giá, lãnh đạo đơn vị đánh giá, họp đơn vị thảo luận kết quả tự đánh giá và đánh giá của thủ trưởng

đơn vị, Ban Giám hiệu đánh giá (đối với nhân viên làm công tác quản lý) và Hội đồng thi đua khen thưởng đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, trên cơ sở tổng điểm đánh giá (có mẫu phiếu); nhân viên được đánh giá ở 4 mức là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Yêu cầu đối với mức xuất sắc của nhân viên là phải có sáng kiến kinh nghiệm hoặc công trình khoa học được đăng trên tạp chí có tính điểm của Hội đồng chức danh Nhà nước, hoặc bài viết tham gia Hội thảo chuyên đề (đối với ngành đạo diễn điện ảnh được quy đổi thành các tác phẩm/ sáng tác/ hoạt động nghề nghiệp được ghi nhận bằng giải thưởng...). Kết quả xếp loại viên chức là cơ sở để bình xét các danh hiệu thi đua và xét nâng lương trước hạn [H07.07.05.06] H07.07.05.07].

Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn tích cực tiếp thu ý kiến của đội ngũ nhân viên để hoàn thiện Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H07.07.05.08]. 100% nhân viên của Trường được tham gia xây dựng góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị CCVC và có báo cáo của Thanh tra nhân dân, trong đó ghi nhận kết quả giám sát đối với việc thực hiện các chính sách của Nhà trường. Tính đến năm 2021, Nhà trường không nhận được những ý kiến khiếu nại gì về việc quản trị theo kết quả công việc thông qua các hình thức thi đua khen thưởng [H07.07.05.09].

## *2. Điểm mạnh*

Có tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rõ ràng, triển khai đồng bộ công tác đánh giá kết quả công việc của NV, kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ NV thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

## *3. Điểm tồn tại*

Đội ngũ nhân viên rất khó khăn để đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (ví dụ: thiếu bài báo - công trình NCKHV hoặc sáng kiến cải tiến kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế.) theo các quy định trong Quy chế thi đua khen thưởng.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB); các đơn vị thuộc Trường hoàn thiện chính sách quản trị nguồn nhân lực chú trọng khâu đánh giá kết quả thực hiện bằng cách xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể để ĐGCL công việc và theo dõi, giám sát thực hiện.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB); các đơn vị thuộc Trường khảo sát sự hài lòng của NV về công tác đánh giá NV. Rà soát bản mô tả vị trí việc làm. Nhà trường bổ sung những chính sách hỗ trợ để tạo điều kiện cho nhân viên đạt danh

hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

5. *Tự đánh giá:* Đạt, mức 4/7.

***Kết luận về Tiêu chuẩn 7:***

Trường có đội ngũ nhân viên (cán bộ hỗ trợ) đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Đội ngũ này được tuyển dụng, bổ nhiệm đúng quy định và công khai. Nhà trường luôn tạo điều kiện để đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện một cách công bằng, có tác dụng kích thích, động viên lớn. Bên cạnh đó vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục như: Nhà trường/ Khoa chưa khảo sát các bên liên quan (nhất là người học) về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; kinh phí hỗ trợ cho đội ngũ nhân viên về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp; tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên (cũng như để đạt được mức độ ghi nhận cao nhất) chưa được lượng hóa cụ thể, cơ bản vẫn còn định tính.

**Đánh giá Tiêu chuẩn 7**

| Tiêu chí     | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 7 |                 |                           |
|--------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|----------------------------|-----------------|---------------------------|
|              | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức trung bình             | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|              | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 7.1 |                |   |   | x   |   |   |   | 4.0                        | 5               | 100                       |
| Tiêu chí 7.2 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 7.3 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 7.4 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 7.5 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |



## **Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

### **Mở đầu**

*Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội - Khoa NTĐA luôn xác định người học và hoạt động hỗ trợ người học đóng một vai trò rất quan trọng trong đảm bảo chất lượng của CTĐT. Giai đoạn 2015-2021, Trường đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp tuyển sinh được công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch đẹp, trang thiết bị dạy-học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.*

*Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và được cập nhật*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Chính sách tuyển sinh của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội - Khoa Nghệ thuật điện ảnh luôn được coi là khâu khởi đầu rất quan trọng của chuỗi quá trình đào tạo, do đó những chính sách/ quy định về tuyển sinh của Trường/ Khoa đều thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết nhằm cung cấp thông tin về các hình thức tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh đến với những thí sinh có nhu cầu. Ngành đạo diễn điện ảnh được tuyển sinh theo quy chế của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng áp dụng cho khối các trường năng khiếu đã được Bộ GD & ĐT phê duyệt **[H08.08.01.01]**. Các thông tin được xác định rõ ràng như: Đối tượng thi tuyển/ xét tuyển, những chính sách ưu tiên, chỉ tiêu, ngành và chuyên ngành đào tạo; điều kiện dự thi; quy trình thi năng khiếu; hồ sơ và lệ phí và thời gian thi tuyển. Hằng năm, các thông tin tuyển sinh của Nhà trường được công bố công khai trên website của Trường, tại địa chỉ <http://skda.edu.vn>; trang facebook của Khoa/ Trường; trong các chương trình tư vấn tuyển sinh do ĐH Bách khoa, Sở Giáo dục & Đào tạo; các đơn vị báo chí tổ chức (Ngày hội tuyển sinh) **[H08.08.01.02]**. Ngoài ra các thông tin về tuyển sinh còn được gửi văn bản tới các sở GD&ĐT các tỉnh thành phố, các trường THPT trên toàn quốc; các đơn vị tuyển dụng đặc thù: Đài truyền hình, đài phát thanh, hãng phim, nhà hát, đoàn nghệ thuật trung ương, địa phương **[H08.08.01.03]**.

Bên cạnh các quy định về tuyển sinh được cụ thể hóa trong các văn bản của Trường, Khoa NTĐA còn tổ chức lớp giải đáp thắc mắc để hỗ trợ trực tiếp thông tin cần thiết đến các thí sinh. Trước 1 ngày thi của kỳ thi sơ tuyển, khoa cùng nhà trường hỗ trợ, giải đáp tất cả các thắc mắc của các thí sinh trực tiếp tại trường, từ chuyên môn tới các thủ tục hành chính giúp thí sinh tránh được các sai sót đáng tiếc. **[H08.08.01.04]**. Để người có nhu cầu học dễ dàng tìm kiếm thông tin; nhằm nâng cao

hiệu quả quảng bá và đưa thông tin tuyển sinh đến các địa phương khác, nhà trường thành lập Tổ truyền thông đi đến từng địa phương để quảng bá về hoạt động tuyển sinh của Nhà trường hoặc tổ chức cho các Trường THPT đưa học sinh đến thăm quan hướng nghiệp, trải nghiệm tại Nhà trường [H08.08.01.05].

Chính sách tuyển sinh được Trường rà soát và cập nhật theo đúng quy định hiện hành. Sau khi kết thúc công tác tuyển sinh hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh nhằm mục đích đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh, từ đó xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học tới nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh hằng năm [H08.08.01.06].

Tuy nhiên, Trường/ Khoa NTĐA chưa phân tích/ dự báo nhu cầu nhân lực trên cơ sở góp ý của các bên liên quan để làm cơ sở xây dựng chính sách tuyển sinh.

**Bảng 8.1: Thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất**

*(từ năm 2015 đến 2020)*

| Năm học   | Ứng viên                  |                      |                   |            |                                    |
|-----------|---------------------------|----------------------|-------------------|------------|------------------------------------|
|           | Số lượng nộp đơn dự tuyển | Số lượng trúng tuyển | Số lượng nhập học | Điểm chuẩn | Điểm trung bình của TS trúng tuyển |
| 2019-2020 | 71                        | 23                   | 20                | 16.75      | 20.93                              |
| 2018-2019 | 69                        | 18                   | 17                | 17.25      | 20                                 |
| 2017-2018 | 57                        | 14                   | 10                | 16.50      | 20                                 |
| 2016-2017 | 57                        | 19                   | 17                | 17.00      | 19.68                              |
| 2015-1016 | 51                        | 14                   | 13                | 17.50      | 20.86                              |

**Bảng 8.2: Thống kê số người học đang học CTĐT ngành ĐDDA**

*(từ năm 2015 đến 2020)*

| Năm học   | Người Học    |             |            |            |               | Tổng số |
|-----------|--------------|-------------|------------|------------|---------------|---------|
|           | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Năm thứ tư | Năm tiếp theo |         |
| 2019-2020 | 20           | 15          | 9          | 13         |               | 57      |

|           |    |    |    |    |  |    |
|-----------|----|----|----|----|--|----|
| 2018-2019 | 19 | 11 | 16 | 14 |  | 60 |
| 2017-2018 | 11 | 15 | 15 | 10 |  | 51 |
| 2016-2017 | 18 | 17 | 12 | 15 |  | 62 |
| 2015-2016 | 13 | 14 | 18 | 11 |  | 56 |

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách tuyển sinh được thực hiện đúng quy chế của Bộ GD & ĐT. Chính sách tuyển sinh cũng được xác định rõ ràng, công bố công khai giúp cho việc tuyển sinh của Trường thuận lợi; đối tượng tuyển sinh được tiếp cận thông tin dễ dàng và đầy đủ.

## 3. Điểm tồn tại

Việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực chưa được thực hiện thường niên. Nhà trường chưa có nhiều dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh chưa đáp ứng đầy đủ cho việc.

## 4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm 2022, P. ĐTQLKH&HTQT tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách tuyển sinh, cập nhật và chủ động công bố thông tin và hình ảnh trên website của trường, của khoa, thực hiện tuyển sinh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Thành lập Ban truyền thông để thực hiện tốt hơn nữa công tác quảng bá tuyển sinh và các hoạt động chung của nhà trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, P. ĐTQLKH&HTQT thực hiện khảo sát sinh viên; cựu sinh viên; nhà tuyển dụng, đồng thời thu thập dữ liệu về nhu cầu nhân lực ngành Đạo diễn điện ảnh của xã hội để làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh.

## 5. Tự đánh giá: Đạt, 4/7.

*Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá*

### 1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội - Khoa Nghệ thuật điện ảnh thực hiện các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời dựa trên cơ sở đúc kết thực tế tuyển sinh của Trường qua các năm trước [H08.08.02.01]. Thông tin về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh của Trường [H08.08.02.02].

Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, các Ban Thư ký, Ban coi thi, bên cạnh đó Hiệu trưởng Nhà trường còn thành lập Ban thanh tra tuyển sinh để thực hiện giám sát toàn bộ quy trình và phương pháp tuyển chọn thí sinh [H08.08.02.03]. Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường đều tổ chức tập huấn công tác tuyển sinh cho toàn bộ lực lượng liên quan đến kỳ thi tuyển [H08.08.02.04].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, để rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, Trường tổ chức hội nghị (họp) rút kinh nghiệm, trong đó tham khảo ý kiến của mỗi thành viên hội đồng tuyển sinh; đánh giá điểm mạnh và những điểm cần cải thiện về công tác tổ chức để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh. [H08.08.02.05]. Tất cả thông tin về kết quả tuyển sinh đều được thông báo rõ ràng, đầy đủ trên website của Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội và facebook của Trường [H08.08.02.06]. Tính đến thời điểm, Nhà trường chưa nhận được bất kỳ ý kiến nhận xét nào đánh giá không tốt về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học [H08.08.02.07]. Theo đánh giá của GV Khoa NTĐA (NSND - Nhà quay phim Lý Thái Dũng), tiêu chí và phương pháp lựa chọn người học ngành Đạo diễn điện ảnh đã được xây dựng từ 40 năm trước (K1 - 1981) - dựa trên TC và PP của trường Đại học ĐA Liên bang xô viết, (VGIK - đây là ngôi trường nổi tiếng bậc nhất trên thế giới mà học viên các nước đều mơ ước để được theo học). Một trở ngại là trong bối cảnh thực tế là tỷ lệ HS vừa tốt nghiệp PT trung học tham gia tuyển sinh ngày càng tăng, khi đào tạo chuyên môn thuần túy - ở độ tuổi quá trẻ, sự lựa chọn nghề nghiệp của các em chưa hoàn toàn chính xác và cũng khó khăn hơn trong công tác đào tạo nghề nghiệp đặc thù cần sự trải nghiệm tối thiểu. Bên cạnh đó, do bối cảnh dịch bệnh COVID-19, Khoa phải thực hiện biện pháp tuyển chọn người học bằng hình thức trực tuyến.

## *2. Điểm mạnh*

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Khoa được xác định rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và đề án tuyển sinh của Nhà trường; được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào ngành Đạo diễn điện ảnh.

*3. Điểm tồn tại:* Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học bằng hình thức trực tuyến chưa được đánh giá.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp với P. ĐT, QLKH & HTQT nghiên cứu tiêu chí và phương pháp tuyển sinh mới để có thể thu hút được đa dạng các đối tượng thí sinh, chú trọng xác định năng lực nền của học sinh phù hợp với ngành học.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA tổ chức tọa đàm, hội thảo để đánh

giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học trong bối cảnh mới, đặc biệt là khi phải tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.

5. *Tự đánh giá:* Đạt, mức 5/7.

*Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Người học được tư vấn hỗ trợ kịp thời trong suốt quá trình học. Trước hết, Nhà trường có quy trình, có công cụ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng của người học. Nhà trường dựa trên Quy chế đào tạo đại học [H08.08.03.01], đồng thời ban hành những quy định đào tạo riêng của Trường về việc xây dựng đề cương chi tiết, quy định về tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết thúc học phần, công bố điểm, quy định rõ ràng chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, tốt nghiệp các môn lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng [H08.08.03.02]. Sự tiến bộ, kết quả học tập và khối lượng học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên ngành đạo diễn điện ảnh được quản lý bởi phòng Đào tạo, QLKH & HTQT; Công tác học sinh sinh viên (HSSV), Khảo thí & ĐBCLGD, trợ lý Khoa NTĐA và giáo viên chủ nhiệm, giảng viên chuyên môn [H08.08.03.03]. Giáo viên chủ nhiệm, các giảng viên trong bộ môn và khoa căn cứ vào kết quả học tập để kịp thời khích lệ, tuyên dương cũng như nhắc nhở, tư vấn và hướng dẫn người học điều chỉnh kế hoạch học tập. Trường triển khai hoạt động đánh giá xếp loại sinh viên, khen thưởng, kỷ luật theo đúng quy định hiện hành [H08.08.03.04].

Để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, Nhà trường có bộ phận kiểm tra nề nếp giảng dạy và học tập [H08.08.03.05]. Các thông tin về tình hình học tập và rèn luyện của sinh viên được cập nhật hằng tuần, được công bố trong cuộc họp giao ban hằng tháng giữa trường các đơn vị với Ban Giám hiệu Nhà trường để trao đổi và tìm các biện pháp chấn chỉnh (nếu cần)[H08.08.03.06]. Hiệu trưởng Nhà trường trực tiếp chỉ đạo và giao Phó HT phụ trách công tác HSSV trực tiếp điều hành kế hoạch kiểm tra nề nếp giảng dạy học tập, trong đó thể hiện việc giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học cũng như việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giảng viên [H08.08.03.07].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều công bố Thời khóa biểu của từng Khoa trong đó có các thông tin về lớp học, giảng viên, thời gian học, môn học [H08.08.03.08]. Điều này cung cấp cho SV thông tin về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập, đảm bảo người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Số lượng môn học/ học phần được phân bổ hợp lý giữa các kỳ, trong đó các môn học đại cương về lý luận chính trị được phân bổ đều vào các học kì để tránh sự nhàm chán, đặc biệt trong học kỳ đầu tiên khi sinh viên mới vừa nhập học, chương trình phân bổ 1-2 học phần liên quan đến

chuyên ngành không cần điều kiện tiên quyết để các giảng viên của bộ môn tiếp cận sinh viên ngay từ đầu, kịp thời định hướng nghề nghiệp, giải đáp thắc mắc về cơ hội việc làm cũng như tương tác, hỗ trợ, đồng hành với từng cá nhân sinh viên trong từng bài giảng chuyên môn và cả trong đời sống. Do số lượng sinh viên học ngành đạo diễn điện ảnh luôn ít hơn các ngành khác, do đó sự rỗi theo của GV giúp cho sinh viên có được sự định hướng phát triển và lựa chọn các nhà tuyển dụng ngay cả khi chưa tốt nghiệp. Bên cạnh đó, các học phần trong khung CTĐT của Đạo diễn đã được Khoa ĐA được xây dựng chặt chẽ trong "Quy trình sản xuất đặc thù của ngành ĐA", trong đó lấy vai trò của ngành học Đạo diễn làm trung tâm đúng như vai trò của họ trong công việc sau này.... đó là mối quan hệ tương tác với các thành phần sáng tạo quan trọng nhất trong sản xuất, sáng tạo nghệ thuật là: Biên Kịch và Quay phim.... Vì vậy, hầu hết các bài tập trong các học phần của Đạo diễn đều có sự cộng tác, đánh giá cùng của các GV và học viên cả 2 chuyên ngành nói trên - và ngược lại **[H08.08.03.09]**.

Các kỳ học được phân bổ hợp lý từ lý thuyết, thực hành, thực tập để người học phát triển đầy đủ kiến thức, kỹ năng, để đảm bảo hầu hết sinh viên có thể tốt nghiệp đúng tiến độ. Sinh viên ngành đạo diễn điện ảnh có sự tương tác chặt chẽ với GV trong đào tạo chuyên môn, SV luôn biết chắc chắn bài thi của họ có vấn đề gì và họ được bàn bạc với GV để có ngay giải pháp cả về nội dung chuyên môn và thủ tục hành chính trong suốt quá trình học. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành Sổ tay sinh viên, hỗ trợ các thông tin về Trường ngay từ các buổi học trong tuần giáo dục công dân **[H08.08.03.10]**.

Theo kế hoạch của Nhà trường, Khoa tổ chức các buổi sinh hoạt lớp để trợ lý khoa/ giáo viên chủ nhiệm của khoa nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, quá trình học tập của sinh viên. Qua đó phối hợp với Ban chủ nhiệm khoa để có hướng điều chỉnh và hỗ trợ SV tốt nhất. Sinh viên được đối thoại trực tiếp với toàn bộ giảng viên trong khoa để giải đáp các thắc mắc của sinh viên về đào tạo, học tập. Qua đây, khoa, nhà trường tổng hợp các ý kiến, các đề xuất của người học để kịp thời điều chỉnh, giám sát và hỗ trợ người học (các bản tổng hợp ý kiến này được đưa ra Hội nghị đối thoại với sinh viên). Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức hội nghị đối thoại giữa Ban Giám hiệu, trưởng các phòng chức năng (đơn vị hỗ trợ) với sinh viên, nhằm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên những thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường liên quan tới chế độ, chính sách đối với sinh viên, quyền và nghĩa vụ của sinh viên trong quá trình học tập tại Trường. Qua đó, kịp thời giải quyết những đề nghị, nhu cầu chính đáng của sinh viên nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện. **[H08.08.03.11]**.

Kết quả học tập của từng môn học của người học được thực hiện lưu trữ theo quy định tại P. ĐTQLKH&HTQT, **[H08.08.03.12]**. Trước mỗi kỳ tốt nghiệp của khóa học,

phiếu điểm (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi, điểm tổng kết học phần) của sinh viên được P. Khảo thí & ĐBCLGD kiểm tra, đối chiếu với bảng tổng hợp điểm toàn khóa [H08.08.03.13]. Kết quả học tập là cơ sở để xét học bổng, cảnh báo học vụ, danh hiệu được đề xuất, điều kiện lên lớp, điểm rèn luyện, xét điều kiện để được làm bài tốt nghiệp hoặc xét kết nạp vào ĐảngCSVN [H08.08.03.14]. Trường có những văn bản pháp quy để thực hiện việc giám sát hoạt động của người học, tuy nhiên Nhà trường chưa hệ thống hóa thành quy định về theo dõi sự tiến bộ của người học.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống giám sát phù hợp nhằm theo dõi và cập nhật tiến độ học tập của người học kịp thời, chính xác. Cán bộ giảng viên trong khoa NTĐA là những người giàu kinh nghiệm thực tế, hầu hết là người trẻ, nhiệt huyết, gần gũi với sinh viên nên kịp thời nắm bắt chính xác vấn đề của sinh viên gặp phải và sẵn sàng hỗ trợ người học.

## *3. Điểm tồn tại*

Kết quả học tập từng môn học của người học chưa được cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến để thông báo cho sinh viên. Điều này gây khó khăn cho GVCN trong quá trình theo dõi sự tiến bộ của người học.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA, Phòng ĐT, QLKH & HTQT, P. KT & ĐBCLGD theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của người học, đặc biệt là các sinh viên bị cảnh báo học vụ để hỗ trợ kịp thời.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA, Phòng ĐT, QLKH & HTQT, P. KT & ĐBCLGD, Phòng CTHSSV xây dựng phần mềm chuyên dụng, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong quản lý đào tạo. Cải tiến công cụ giám sát kết quả học tập của sinh viên; cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến để thông báo cho sinh viên; mở tài khoản điện tử dành cho GVCN để hỗ trợ trong quá trình theo dõi sự tiến bộ của người học.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 8.4: Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học*

### *1. Mô tả hiện trạng*

Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua cũng như các dịch vụ hỗ trợ khác đối với người học của Trường Đại học Sân khấu - Điện

ảnh Hà Nội - Khoa NTĐA được thực hiện kịp thời ngay từ thời gian đầu ở trường đại học cho đến khi tốt nghiệp.

Phòng Công tác học sinh, sinh viên của Trường là đơn vị chức năng chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua để hỗ trợ việc học tập của SV, Ban Giám hiệu Nhà trường phân công một Phó HT phụ trách công tác HSSV [H08.08.04.01]. Bên cạnh đó, các hoạt động tư vấn được thực hiện bởi Đoàn Thanh niên, đội ngũ giảng viên chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và trợ lý của Khoa [H08.08.04.02]. Qui trình triển khai các hoạt động động tư vấn, hỗ trợ SV được vận hành ngay khi mỗi khóa đào tạo bắt đầu, Trường có quyết định phân công GVCN cho từng lớp [H08.08.04.02], phân công cán bộ lớp [H08.08.04.03], đây là những đầu mối giao tiếp cơ bản của Trường đối với người học.

Trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H08.08.04.03] giúp SV nắm nhất tiếp cận các quy chế, hướng dẫn phương pháp học tập, cách thức đánh giá cũng như các quy định công dân để nhanh chóng hòa nhập với môi trường học tập mới trong trường đại học. Bên cạnh đó, Trường còn cung cấp sổ tay sinh viên để mỗi SV tham khảo và sử dụng khi cần trong suốt quá trình học [H08.08.04.04]. Ngoài ra, Trường phân công Khoa NTĐA tổ chức buổi đón tiếp SV mới với sự tham gia đầy đủ CBGV, đại diện Nhà trường và tất cả SV của Khoa [H08.08.04.05].

Trong suốt quá trình học, người học được hỗ trợ các chính sách như: học bổng, và hỗ trợ thủ tục hành chính trong chương trình vay vốn tín dụng đối với học sinh, sinh viên [H08.08.04.06], miễn giảm học phí theo quy định của Nhà nước (người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, cũng như việc trợ cấp xã hội cho SV) [H08.08.04.07], đăng tải thông tin tuyển dụng cũng như có báo cáo tổng kết đánh giá tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp [H08.08.04.08].

Sinh viên ngành đạo diễn điện ảnh còn được tham gia những hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ trực tiếp cho việc học tập như: tham gia các chuyên đề được thực hiện theo lịch (và cả bất thường) tùy theo sự kiện, diễn ra trong đời sống ĐA Việt Nam cũng như Quốc tế; tham dự các buổi chiếu phim mở rộng của lớp, của khoa; tham gia các Liên hoan phim sinh viên trong và ngoài trường; các Hội thảo, chiếu phim của ngành ĐA hàng năm, hoặc tham gia trải nghiệm nghề nghiệp tại hãng phim ...[H08.08.04.09]. Những hoạt động hỗ trợ đặc thù nghề nghiệp này đã giúp cho sinh viên đạo diễn điện ảnh được trải nghiệm ngay từ khi còn đang theo học tại trường, đó là họ đã được gửi phim đi tham dự các LHP và nhận được giải thưởng...[H08.08.04.10].

Để nâng cao hiệu quả học tập cho SV, GV chuyên môn của Khoa chịu trách nhiệm hỗ trợ, theo dõi và hướng dẫn SV trong suốt quá trình học tập theo quy định của Trường. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban định kỳ hằng tháng, công tác hỗ trợ



HSSV được Nhà trường rà soát, P. CTHSSV có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, cũng như những công việc trong tháng để toàn Trường được biết, Hiệu trưởng Nhà trường đều có kết luận chỉ đạo kịp thời **[H08.08.04.11]**.

Đặc biệt, đối với những sinh viên xuất sắc, Khoa NTĐA đều đề nghị Nhà trường xem xét để thi vào lớp tài năng, giúp sinh viên có nhiều điều kiện, cơ hội cải thiện việc học tập và cơ hội nghề nghiệp **[H08.08.04.12]**.

Định kỳ mỗi năm một lần, Trường tổ chức Hội nghị đối thoại giữa cán bộ lãnh đạo Nhà trường với SV toàn trường, nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học, Ngoài ra, Khoa cũng chỉ đạo các lớp tổ chức sinh hoạt lớp hàng tháng, có đại diện Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm, trợ lý khoa tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV **[H08.08.04.13]**.

Trường, khoa tích cực chủ động lên danh sách các đơn vị thực tập phù hợp với ngành đào tạo để sinh viên lựa chọn hoặc khuyến khích SV chủ động lựa chọn, tìm kiếm đơn vị thực tập theo mong muốn và có sự hướng dẫn của GV trong quá trình SV thực tập nghề nghiệp, đồng thời thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV **[H8.08.04.14]**.

Ngoài ra, Đoàn thanh niên trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa như tổ chức các hoạt động thể thao phong trào cho SV, nhằm tạo điều kiện giao lưu giữa SV các khóa, các ngành đào tạo và giữa SV với GV, viên chức Trường, hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho SV **[H08.08.04.15]**.

Qua mỗi hoạt động SV được trau dồi và rèn luyện thêm các kỹ năng mềm đồng thời SV có cơ hội thể hiện sức sáng tạo, nhiệt huyết và bản lĩnh của tuổi trẻ; mỗi hoạt động đều được đánh giá thi đua, khen thưởng cho cá nhân và tập thể **[H8.08.04.16]**. Công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV ngành Đạo diễn điện ảnh đã có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần cũng như khuyến khích SV nỗ lực học tập, rèn luyện tốt hơn.

Từ năm 2015-2021, Nhà trường/ Khoa chưa nhận được thông tin nào phản hồi không tốt về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác từ sinh viên.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường và Khoa có rất nhiều hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa, thi đua để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

## *3. Điểm tồn tại*

Trong năm 2020, do tình hình Covid nên hoạt động trao đổi sinh viên với các đơn vị đối tác bị trì hoãn. Nhà trường và khoa chưa khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp phòng CTHSSV, Đoàn TNCSHCM, tiếp tục tăng cường các hoạt động ngoại khóa, trao đổi sinh viên (bằng cả hình thức trực tuyến).

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA không ngừng hỗ trợ cho mọi hoạt động của người học trong khoa. Nâng cao rà soát tất cả các hoạt động hỗ trợ người học các chuyên ngành trong khoa. Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp với phòng CTHSSV, Khảo thí & ĐBCLGD định kỳ hằng năm lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học đánh giá về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của Khoa/ Trường.

#### *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học*

##### *1. Mô tả hiện trạng*

Nhằm thiết lập môi trường làm việc, học tập thân thiện, không khí thoải mái tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, Nhà trường luôn có chính sách về đảm bảo môi trường học tập, sức khỏe và an toàn cho người học, các hoạt động này được giao cho Phòng Hành chính, tổng hợp chủ trì và phối hợp các đơn vị trong toàn Trường [H08.08.05.01]. Để có được cảnh quan sạch đẹp nhà trường luôn hợp đồng với đội vệ sinh của công ty Hoàn Mỹ làm việc từ 6h30-16h30 tất cả các ngày [H08.08.05.02].

Sơ đồ trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội được bố trí hợp lý các khu giảng đường, khu hành chính, trung tâm thực hành SK-ĐA, phòng chiếu phim, nhà hát, sân tập...Đặc biệt, nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Trường (1980-2020), Nhà trường đã thiết kế, trang trí khu nhà B của Trường (nơi có sự bố trí văn phòng Khoa NTĐA) với việc tái hiện những dấu ấn, khung cảnh mang tính nghệ thuật, sáng tạo [H08.08.05.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường được sử dụng khu giáo dục thể chất và ký túc xá thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng riêng cho các trường văn hóa nghệ thuật. Khu thể chất có sân bóng đá, nhà thi đấu đa năng và khu bể bơi với cảnh quan thoáng mát, tiện nghi cùng nhiều chính sách hỗ trợ internet, thể thao, ăn uống, sinh hoạt [H08.08.05.04]. Đoàn TNCS Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao và nhiều cuộc

thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong trường **[H08.08.05.05]**.

Nhà trường có sơ đồ, vị trí lắp đặt pano, băng rôn và hình ảnh pano, băng rôn trong đó có các Pano tại các khu giảng đường để mỗi người học, nhân viên luôn nhận thức được vai trò sứ mệnh của bản thân, có động lực làm việc, học tập, phát triển bản thân **[H08.08.05.06]**.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, nhà trường có phòng y tế tại tòa nhà A2 với một cán bộ phụ trách luôn hỗ trợ sinh viên về vấn đề y tế cơ bản **[H08.08.05.07]**. Giai đoạn 2015-2020, 100% SV khoa Nghệ thuật điện ảnh được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ. Hàng năm, SV được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế **[H8.08.05.08]**. SV được cung cấp Sổ tay sinh viên và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như học sinh, sinh viên trong Nhà trường **[H8.08.05.09]**. Công tác an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được trường, khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả **[H8.08.05.10]**. Hàng năm, nhà trường tổ chức phun thuốc muỗi để phòng chống dịch sốt xuất huyết; thực hiện nghiêm túc các biện pháp sát khuẩn/ phòng chống dịch theo quy định, nhất là trong giai đoạn phòng chống dịch Covid vừa qua **[H8.08.05.11]**.

Ngoài ra, nhà trường luôn chú trọng hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các giảng đường, phòng thực hành, các phòng làm việc, được trang bị đầy đủ, được lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy kiểm tra định kỳ **[H08.08.05.12]**. Ngoài ra, định kì nhà trường tổ chức khóa tập huấn phòng cháy chữa cháy cho nhân viên để có kĩ năng đảm bảo an toàn về cháy nổ trong nhà trường **[H08.08.05.12]**. Nhà trường quy định toàn cán bộ công nhân viên phải đeo thẻ (bảng tên, chức danh) khi làm việc, giữ thái độ hòa nhã và tận tụy với sinh viên và luôn nhấn mạnh văn hóa học đường, ban hành các nội quy giảng đường, phòng thực hành, phòng chiếu phim, nội quy tại TTTT Thư viện... **[H08.08.05.13]**.

Để đáp ứng cho hoạt động nghiên cứu khoa học của khoa NTĐA (Thực chất việc làm phim, hoàn thiện, đánh giá kết quả học tập của SV chuyên ngành Đạo diễn ĐA là 1 quá trình học tập và NCKH của chính nhóm làm phim đó với nhiều hệ quy chiếu và đối sánh giữa cả 3 chuyên ngành, là 3 thành phần chính: BK,DD, QP. Các NCKH được viết ra, đúc kết về nghề nghiệp hầu hết chỉ hiện hữu ở các bài viết của thế hệ làm nghề lâu năm, đặc biệt của báo chí, của chuyên ngành lý luận phê bình, hoặc người xem phim sau này và hầu như trong thực tế của ĐA Thế giới... những người làm nghề chỉ viết ra những kinh nghiệm làm nghề khi đã không còn làm phim nữa). Hình thức NCKH đặc thù và hiệu quả ngành học đạo diễn điện ảnh là sản xuất được 1 bộ phim (các thể loại), Nhà trường có Trung tâm thực hành sân khấu - điện ảnh, ở đây có đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ

các sinh viên làm bài tập. Nhiều bộ phim, clip được chính các em tổ chức sản xuất ngay trong khuôn viên của Trường. **[H08.08.05.14]**.

Định kỳ, Khoa và Trường tổ chức đối thoại với sinh viên để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên, từ đó đưa ra những giải pháp cho các vấn đề mà sinh viên gặp phải. Đa số sinh viên hài lòng với những điều kiện về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan mà Nhà trường mang lại **[H08.08.05.15]**.

## *2. Điểm mạnh*

Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

## *3. Điểm tồn tại*

Khu thể chất của Trường do Bộ VH-TT-DL quản lý riêng, do đó quần thể để sinh viên rèn luyện thể dục thể thao bị hạn chế. Nhà trường chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ 2022, Khoa NTĐA phối hợp với phòng CT-HSSV, P. HCTH định kỳ lấy phiếu phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường.

Khắc phục tồn tại: Từ 2022, Khoa NTĐA phối hợp với phòng CT-HSSV, P. HCTH sẽ tiến hành định kỳ lấy phiếu phản hồi của người học về môi trường ký túc xá, cảnh quan, tâm lý của người học tại khoa, tại trường. (đề xuất Nhà trường khi xây dựng Khu B, bố trí thêm khu thể dục thể thao).

*5. Tự đánh giá:* Đạt, mức 5/7.

## ***Kết luận về tiêu chuẩn 8***

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành Đạo diễn điện ảnh. Chất lượng người học thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành từ khâu Nhà trường tổ chức tuyển sinh cho đến kết quả học tập và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại trường của người học được lưu trữ tại Phòng ĐT, QLKH & HTQT, Phòng CT-HSSV của Nhà trường. Người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Bên cạnh đó, Trường vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: Chưa có sự phân tích, đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hàng năm; chưa định kỳ lấy

phiếu phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

**Đánh giá về Tiêu chuẩn 8:**

| Tiêu chí     | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 8 |                 |                           |
|--------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|----------------------------|-----------------|---------------------------|
|              | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức trung bình             | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|              | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 8.1 |                |   |   | x   |   |   |   | 4.4                        | 5               | 100                       |
| Tiêu chí 8.2 |                |   |   |     | x |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 8.3 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 8.4 |                |   |   | x   |   |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 8.5 |                |   |   |     | x |   |   |                            |                 |                           |

## **Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

### **Mở đầu**

*Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, phòng chiếu phim, trường quay (Trung tâm Âm thanh - Ánh sáng SK) và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành được đặt tại Trung tâm Thông tin - Thư viện của Trường, thư viện điện tử (băng đĩa, phim v.v...) Khoa NTĐA đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.*

*Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường ĐHSKĐAHN có tổng diện tích là 20.610,8 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích nơi học: 11.257 m<sup>2</sup>. Nhà trường có đủ phòng học là 161 phòng học lý thuyết và thực hành thuộc các khu vực giảng đường là nhà A1, A2, khu B, khu C với trung bình tỷ lệ diện tích sàn/sinh viên là 8,77 m<sup>2</sup>. Phòng thực hành/ xưởng thực tập là 4575 m<sup>2</sup>. Thư viện, hội trường, các phòng chức năng và khoa có không gian rộng rãi thuận lợi cho cán bộ làm việc cũng như đón tiếp sinh viên [**H09.09.01.01**].

Hiện nay, hệ thống phòng làm việc của Khoa NTĐA được đặt tại khu C2, bao gồm 01 văn phòng Khoa và 01 phòng Trưởng khoa. Các phòng này có diện tích khoảng 35 m<sup>2</sup> (bình quân 8 m<sup>2</sup>/1 giảng viên), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, điều hòa, tủ đựng tài liệu phù hợp yêu cầu công việc [**H9.9.01.02**]. Ngoài các phòng học lý thuyết, sinh viên của Khoa NTĐA còn được học tại phòng chiếu phim, trường quay (01 Trường quay tầng 1 nhà D, dùng chung với khoa TH; 01 phòng chụp quy mô nhỏ tầng 1 nhà D, dùng chung khoa Nhiếp ảnh, TH; 02 Phòng chiếu nhà D, 02 phòng chiếu nhà A - tầng 5 và 7 - sử dụng chung với Khoa TH, TC và khoa Công nghệ ĐATH). Đến năm học 2019-2020, với số lượng 146 sinh viên chính qui. Đồng thời, các khu vực giảng đường và khu vực các phòng chức năng đều được bố trí đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, nội quy sử dụng phòng [**H09.09.01.02**]. Bên cạnh đó, Trường được sử dụng cơ sở vật chất với quần thể nhà thi đấu thể thao, bể bơi, sân bóng, nhà thi đấu đa chức năng, ký túc xá thuộc Bộ VHTTDL quản lý [**H09.09.01.03**].

Trường giao cho Phòng Hành chính, Tổng hợp (bộ phận Hành chính, quản trị) quản lý, bảo dưỡng, lập kế hoạch, sửa chữa, quản lý tài sản, trang thiết bị nhằm đảm bảo an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng [**H09.09.01.04**]; xây dựng kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết

bị hàng năm nhằm bổ sung, bảo trì, thay thế và nâng cấp cơ sở vật chất **[H09.09.01.05]**. Nhà trường đã có Kế hoạch chiến lược phát triển về cơ sở vật chất để định hướng, xác định và triển khai các hoạt động nhằm tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao hiệu quả hoạt động đối với các CSVC hiện có **[H09.09.01.06]**. Bên cạnh đó, hằng năm, trong Hội nghị cán bộ CCVC, Trường luôn công khai kinh phí về các kế hoạch xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống phòng học và các phòng chức năng đến cán bộ và giảng viên **[H09.09.01.07]**.

Trong Báo cáo đánh giá ngoài của Trung tâm KĐCLGD ĐH QGHN đã thực hiện kiểm tra thực tế và ghi nhận Nhà trường đạt tiêu chuẩn về việc có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo **[H09.09.01.08]**.

Mặc dù cơ sở vật chất của Nhà trường thường xuyên được Bộ VHTTDL đầu tư, nâng cấp, nhưng do đặc thù của ngành công nghệ luôn luôn thay đổi với khoảng thời gian ngày càng ngắn hơn, chi phí đắt đỏ... điều này là một trở ngại lớn cho Trường khi đầu tư các thiết bị chuyên ngành đáp ứng nhu cầu công tác đào tạo, NCKH.

## *2. Điểm mạnh*

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, phòng chiếu phim, trường quay ....với nhiều thiết bị hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho dạy, học. Cơ sở vật chất được đầu tư nâng cấp thường xuyên để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu.

## *3. Điểm tồn tại*

Khu nhà C được xây dựng cách đây khá lâu (khoảng 20 năm), do đó kiến thiết cơ bản của cơ sở hạ tầng lạc hậu, xuống cấp; các phòng chiếu phim có màn ảnh lớn đều lạc hậu so với công nghệ hiện nay.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Phòng HCTH, Khoa NTĐA tiếp tục có những biện pháp để nâng cao ý thức trong việc giữ gìn trang thiết bị phòng học. Thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa và sinh viên các lớp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng HCTH đề xuất với Nhà trường cung cấp đầy đủ phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng làm việc phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH. Khoa Nghệ thuật điện ảnh sẽ đề xuất với Nhà trường tiếp tục hỗ trợ thêm trang thiết bị mới; thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa nói chung và ngành Đạo diễn điện ảnh nói riêng.

5. *Tự đánh giá:* Đạt, mức 5/7.

*Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.*

### *1. Mô tả hiện trạng*

Trung tâm Thông tin, Thư viện của trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội được bố trí trên một mặt bằng khá thuận lợi cho bạn đọc với tổng diện tích sử dụng là 581,4m<sup>2</sup> [H09.09.02.01]. Thư viện của Trường hiện nay chia thành hai bộ phận: Thư viện sách và thư viện điện tử đặt tại Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, phục vụ việc học tập của sinh viên và giảng dạy của viên chức Nhà trường. Tổ chức biên chế của Thư viện thực hiện theo Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ VHTTDL ban hành về Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học [H09.09.02.02]. Hiện tại nhân sự của thư viện là 04 cán bộ biên chế, thư viện hoạt động 05 ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, thời gian hoạt động từ 8h-18h.

Về cơ sở hạ tầng: Trung tâm Thông tin thư viện được bố trí tại tầng 6 nhà A1 gồm 05 phòng (A601, A602, A604, A606, A608) với tổng diện tích sử dụng là 581,4m<sup>2</sup>, trong đó 01 phòng đọc mở (A608) bao gồm cả thư viện điện tử có diện tích 190,3m<sup>2</sup>; toàn bộ diện tích còn lại (391,1m<sup>2</sup>) bao gồm: Kho sách, tài liệu (A601, A602, A604) và phòng xử lý dữ liệu (A606) [H09.09.02.03]. Để đáp ứng nhu cầu phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học. Hằng năm, thư viện đặt báo, tạp chí cho các phòng, ban, khoa và thư viện; phô tô nhân bản tài liệu, nhập sách tài liệu do các nơi tài trợ như: Nhà xuất bản văn học, Nhà xuất bản Sân khấu, Hội điện ảnh. Hội nghệ sĩ Nhiếp ảnh...[H09.09.02.04].

Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy/quy định/hướng dẫn, v.v). Thư viện cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Có đầy đủ sách giáo trình chính cho mỗi học phần thuộc CTĐT đạo diễn điện ảnh và có tài liệu tham khảo tối thiểu đối với mỗi học phần thuộc CTĐT....[H09.09.02.05].

Nhà trường có hệ thống thư viện điện tử với tài liệu số hoá, ebooks, liên kết đến thư viện số, tạp chí online đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của GV, người học và các bên liên quan; dễ dàng truy cập phục vụ học tập mọi lúc mọi nơi. Thư viện điện tử được nối mạng Internet và mạng Lan với 01 máy chủ và 10 máy trạm (tại trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội). Thư viện điện tử lưu giữ các bài giảng của chuyên gia nước ngoài và các giáo sư đầu ngành về nghệ thuật, các phim điện ảnh - truyền hình kinh điển trong nước và nước ngoài, các loại sách và tài liệu phục vụ các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của



Trường, phục vụ nhu cầu nghiên cứu học tập của cán bộ giảng viên và sinh viên (gồm các bài giảng chuyên ngành, trích đoạn, ảnh tư liệu, ảnh biểu diễn [H09.09.02.06].

Hệ thống máy vi tính trong Trung tâm thông tin, thư viện được nối mạng nội bộ và internet; máy tính tại quầy thủ thư được cài đặt phần mềm quản lý thư viện Ilib ver 4.1 do CMC cung cấp. Phần mềm Ilib bao gồm các module bổ sung, biên mục, lưu thông, mượn trả dành cho thủ thư phòng đọc. Cơ sở dữ liệu về sách, tài liệu và các thông tin về bạn đọc, quá trình lưu thông, mượn trả được lưu trữ thông qua máy chủ Thư viện. Tài liệu được phân loại theo chuẩn DDC14 và mô tả dưới dạng biểu ghi MARC 21, nhập vào cơ sở dữ liệu, sau đó được dán mã vạch và được xếp giá theo phân loại thập phân DDC. Thông tin bạn đọc cũng được nhập các trường họ, tên, ngày sinh, lớp, ảnh vào cơ sở dữ liệu và phát hành thẻ có mã vạch [H09.09.02.07].

Tại thư viện, tài liệu phục vụ cho chuyên ngành đạo diễn điện ảnh là: 110 tựa/ 2212 bản sách, 80 tựa luận văn ThS, chuyên đề tốt nghiệp và 02 tạp chí chuyên ngành, cùng với đầy đủ các tài liệu phục vụ cho khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành và các CSDL dùng chung [H9.09.02.08].

**Bảng 9.1.** Thống kê các tài liệu học tập tại thư viện Trường Đại học SKĐAHN.

| Loại tài liệu        | Thống kê qua các năm |           |           |           |           |
|----------------------|----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|                      | 2016                 | 2017      | 2018      | 2019      | 2020      |
| Sách                 | 2675 /               | 2690/     | 2710/     | 2727/     | 2752/     |
|                      | 29437                | 29452     | 29472     | 29489     | 29514     |
|                      | cuốn sách            | cuốn sách | cuốn sách | cuốn sách | cuốn sách |
| Khóa luận tốt nghiệp | .                    | 2.721     | 3.052     | 3.325     | 3.574     |

Bên cạnh nguồn học liệu tại Trung tâm TTTV, hàng năm, sau 2 kỳ tốt nghiệp của SV khoa ĐA, khoa đều nộp về Thư viện tất cả các Phim Tốt nghiệp của chuyên ngành Đạo diễn, Quay Phim để SV các khóa sau có thể tham khảo. Khoa cũng lưu trữ để các GV minh họa cho các bài giảng và cung cấp cho SV mượn. Hầu hết các Phim của LHP SV, Cilect, các phim đoạt giải của các giải thưởng ĐA Quốc gia, Quốc tế như : LHP Quốc gia, Giải thưởng của Hiệp hội nghề nghiệp Hội Điện ảnh VN, OSCAR, Berlin, Canes, Venise, Hongkong đều được khoa sưu tập để phục vụ công tác Giảng dạy. [H09.09.02.09].

**Bảng 9.2.** Thống kê các tài liệu học tập tại văn phòng Khoa NTĐA

| Loại tài liệu        | Thống kê qua các năm |           |           |           |           |
|----------------------|----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|                      | 2016                 | 2017      | 2018      | 2019      | 2020      |
| Sách                 | 2675 /               | 2690/     | 2710/     | 2727/     | 2752/     |
|                      | 29437                | 29452     | 29472     | 29489     | 29514     |
|                      | cuốn sách            | cuốn sách | cuốn sách | cuốn sách | cuốn sách |
| Khóa luận tốt nghiệp | .                    | 2.721     | 3.052     | 3.325     | 3.574     |

Để các nguồn học liệu phong phú và cập nhật, nhằm phục vụ tốt nhu cầu của người sử dụng, hàng năm Thư viện phối hợp với Khoa trong việc bổ sung các giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Quy trình cập nhật tài liệu thể hiện sự phối hợp giữa Thư viện và các Khoa đảm bảo tài liệu phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Trường [H9.09.02.10]. Nhà trường đã tổ chức đợt khảo sát thăm dò ý kiến bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện, hơn 90 % bạn đọc đánh giá chất lượng phục vụ ở mức độ tốt [H09.09.02.11].

Cán bộ Thư viện thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và tham gia các lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý [H9.09.02.12].

### *2. Điểm mạnh*

Trung tâm TTTV của Trường hiện nay cơ bản có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên của Trường nói chung và của ngành đạo diễn điện ảnh - Khoa Nghệ thuật điện ảnh nói riêng. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước. Ngoài ra, khoa Nghệ thuật điện ảnh có lưu trữ tư liệu riêng có tính chất chuyên sâu cho chuyên ngành đào tạo. Phòng tư liệu của Khoa được bố trí ngay khu vực làm việc và phòng học của Khoa nên rất thuận lợi cho việc khai thác của cán bộ và sinh viên.

### *3. Điểm tồn tại*

Chưa có nhiều sự hợp tác và liên kết với các Thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện.

### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trung tâm TTTV phối hợp Khoa NTĐA xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn học liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của CB, GV và người học. Ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện, giúp bạn đọc khai thác hiệu quả nguồn tài liệu có sẵn. Từ năm 2022,

Trường giao cho Trung tâm TTTV tiếp tục đầu tư mua thêm sách chuyên ngành, giáo trình, tài liệu đầy đủ cho tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo của Nhà trường. Đối với ngành đạo diễn điện ảnh cần bổ sung danh mục sách và phim; đầu tư hệ thống lưu trữ kỹ thuật số để lưu trữ phim và số hóa 1 số tài liệu cần thiết (cụ thể là các Ổ cứng dung lượng cao).

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Trung tâm TTTV căn cứ việc rà soát CTĐT, đề cương các môn học/học phần để đầu tư mua thêm sách chuyên ngành, giáo trình, tài liệu. Xây dựng chiến lược hợp tác và liên kết với các Thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

*Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có đủ phòng thực hành và trang thiết bị để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Do đặc thù của các chuyên ngành đào tạo, Trường không có hệ thống phòng thí nghiệm. Với đặc điểm là một trường đào tạo nguồn nhân lực cho nhiều ngành trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình có trình độ từ đại học đến sau đại học, do đó để thực hiện công tác đào tạo, trường có phòng thực hành, sàn tập, phòng chiếu phim, trung tâm thực hành sk-đa, nhà hát (sân khấu biểu diễn) xưởng vẽ... (sau đây gọi chung là phòng thực hành) và được bố trí phù hợp với yêu cầu thực hành của 11 khoa **[H09.09.03.01]**.

Những năm gần đây, bên cạnh khu nhà C, B, E Nhà trường đã xây mới hai tòa nhà A1, A2 và Nhà hát thể nghiệm A3. Nhà trường có hội trường lớn 300 chỗ phục vụ cho việc thực hành của sinh viên các khoa **[H09.09.03.02]**. Trường hiện có 109 phòng học lý thuyết với tổng diện tích là: 6682 m<sup>2</sup>. Phần lớn các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng chống lóa, điều hòa. Thiết bị học tập phục vụ theo yêu cầu tối thiểu của từng khoa. Các phòng học lớn sử dụng cho việc học tập trung nhiều lớp. Phòng học nhỏ sử dụng cho các lớp học nhóm, học chuyên môn của khoa Nghệ thuật Điện ảnh, khoa Truyền hình, khoa Kịch hát dân tộc v.v... Một số phòng học được trang bị máy Projector, bộ máy chiếu DVD phục vụ cho việc xem phim và nghiên cứu của sinh viên. **[H09.09.03.03]**. Nhà trường có 52 phòng thực hành với tổng diện tích 4575 m<sup>2</sup>. Đó là điều kiện cơ bản về cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu thực hành của sinh viên (đặc biệt là khối nghệ thuật). Một số phòng thực hành như: trường quay, phòng chụp ảnh, phòng dựng phim, phòng chiếu phim, phòng in tráng phim được sử dụng chung cho các khoa Nghệ thuật Điện ảnh, khoa Truyền hình, khoa Nhiếp ảnh. Các phòng thực hành của khoa Nghệ thuật điện ảnh, Kỹ thuật, Công nghệ điện ảnh và truyền

hình được đầu tư để phục vụ việc thực hành của sinh viên như: bộ bàn dựng phim, máy chiếu phim, máy tính... Đặc biệt, năm 2010 Nhà hát thể nghiệm A3 được đưa vào sử dụng, nhà hát có máy chiếu hiện đại, âm thanh, ánh sáng tương đương một sân khấu nhỏ với 320 ghế, phục vụ chiếu phim và biểu diễn nghệ thuật. Với một nhà hát thu nhỏ như vậy trong một trường nghệ thuật, Nhà trường đã có một cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại để phục vụ việc học, dạy và thực tập của sinh viên **[H09.09.03.04]**.

Thiết bị trong mỗi phòng phòng thực hành đều có tài liệu hướng dẫn sử dụng và được theo dõi tình trạng làm việc và ghi chú trong sổ ghi chép giám sát **[H09.09.03.05]**. Trường/ Khoa thường xuyên phổ biến đến người làm việc trong phòng thực hành các quy định, nội quy phòng, quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ **[H09.09.03.06]**. Các phòng thực hành được thiết kế khoa học, đảm bảo an toàn điện, an toàn cháy nổ. Giảng viên và sinh viên làm việc tại phòng thực hành luôn được học và kiểm tra các quy tắc an toàn trước khi học tập tại đây. Tất cả, các phòng thực hành đều có nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành. Các hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học của SV được thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV và cán bộ phụ trách phòng thực hành, đảm bảo việc sử dụng hệ thống phòng thực hành có hiệu quả **[H09.09.03.07]**.

Để đảm bảo các trang thiết bị trong phòng phòng thực hành, Trường giao cho Phòng Hành chính quản trị làm đầu mối quản lý (hiện nay là bộ phận hành chính, quản trị), Phòng có kế hoạch thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu **[H09.09.03.08]**. Vào đầu mỗi năm học, Phòng HCTH (HCQT) đều có kế hoạch và thông báo đến các đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất. Khoa NTĐA căn cứ nhu cầu đào tạo đề xuất mua sắm thiết bị, dụng cụ **[H09.09.03.09]**. Trường có hồ sơ theo dõi, quản lý, đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị **[H09.09.03.10]**. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch và phân bổ kinh phí cho bảo dưỡng các trang thiết bị; đầu tư mua sắm trang thiết bị để thay thế, cập nhật đáp ứng yêu cầu CTĐT **[H09.09.03.11]**. Bên cạnh đó, Trường còn có mối quan hệ mật thiết với các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình. Các đơn vị này luôn tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên của trường về thực hành, thực tập tốt nghiệp (Các hãng phim Nhà nước và Tư nhân đã tài trợ các thiết bị tiền kỳ, các môn học liên quan thiết bị công nghệ hiện mới có sự hỗ trợ từ hãng phim Truyện VN, Hãng phim TLKHTW; Trung tâm chiếu phim Quốc gia. Giám đốc TT Nguyễn Danh Dương là cựu Trưởng Khoa ĐA luôn hỗ trợ các GV và SV Đạo diễn các Phòng chiếu phim tốt nhất để trình chiếu những bài tập quan trọng với định dạng hình ảnh âm thanh tiêu chuẩn Quốc tế). Ngoài ra, do đặc thù đào tạo, Khoa NTĐA còn sử dụng chung các trang thiết bị được hỗ trợ cho các Khoa khác trong Trường (Nâng cấp Máy chiếu phòng chiếu tầng 3 nhà D (2016); 1 bộ Camera RED chuẩn Điện ảnh (2019) ....**[H09.09.03.12]**.

Nhà trường đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng về phòng thực hành đối với nhu cầu dạy học và NCKH. Kết quả cho thấy trên đa số cán bộ, giảng viên và người học không có ý kiến phản nản về tình trạng thiếu phòng thực hành [H09.09.03.13]. Trên cơ sở phản hồi của các đơn vị, Nhà trường xem xét, kiểm tra thực tế và tiến hành cập nhật trang thiết bị [H09.09.03.14]. Tuy nhiên, một số tiêu chuẩn về phương tiện thiết bị hỗ trợ học đặc thù về Hình ảnh (Đề trình chiếu phim bài tập định dạng hình ảnh có độ nét cao và âm thanh tiêu chuẩn rạp chiếu phim, có định dạng 5.1) hiện còn là yêu cầu cần thiết của Khoa NTĐA. Việc đầu tư ngày càng hạn chế do cắt giảm ngân sách công, dẫn đến những trở ngại trong đầu tư trang thiết bị phù hợp cũng như việc được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Việc hỗ trợ từ các đơn vị tuyển dụng hiện tại mang dấu ấn liên hệ cá nhân. (hiện tại, sự hỗ trợ ngày càng khó khăn và có nhiều trở ngại do lịch chiếu phim để kinh doanh nên TTCPQG chỉ có thể bố trí giờ vào sáng sớm từ 6h00 - 8h30 hoặc sau 11h đêm nên không thể thuận lợi cho công việc giảng dạy).

## *2. Điểm mạnh*

Khoa NTĐA có phòng thực hành được bố trí hợp lý và các trang bị hiện đại được đầu tư thường xuyên. Khoa luôn nhận được sự hỗ trợ của Nhà trường về đầu tư mua sắm, cải tạo và sửa chữa; các đơn vị tuyển dụng (các hãng phim, Trung tâm chiếu phim quốc gia) hỗ trợ thực hành.

## *3. Điểm tồn tại*

Công tác quản lý trang thiết bị tại một số phòng thực hành còn chưa tốt, chưa đúng quy trình. Cần nâng cao hơn nữa công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị thực hành. Thiết bị chuyên ngành đầu tư còn hạn chế do nguồn kinh phí hạn hẹp, nên việc cập nhật thực hiện quy trình công nghệ làm phim khép kín chưa thực sự bắt nhịp hiệu quả cao so với trình độ tiên tiến trên thế giới.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022, Trường tăng cường công tác quản lý trang thiết bị theo đúng chức năng nhiệm vụ của các đơn vị; tiếp tục thực hiện bảo dưỡng định kì các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2021, định kỳ 02 năm một lần thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các phòng học và phòng thực hành, hệ thống thiết bị. Trường giao cho P. HCTH tham mưu và phối hợp Khoa NTĐA để xây dựng cơ chế phối hợp với nhà tuyển dụng, các đơn vị có thiết bị thực hành hiện đại để nâng cao hiệu quả hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.*

*Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.*

### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội được trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Hệ thống máy tính của Nhà trường gồm máy chủ với 229 máy tính, trong đó 129 máy tính dành cho các phòng làm việc, các văn phòng khoa và 100 máy tính đặt tại 02 phòng máy phục vụ giảng dạy và học tập **[H09.09.04.01]**. Khuôn viên Trường, thư viện, KTX đều được phủ sóng wifi; tất cả các máy tính được kết nối với hệ thống internet 24/24 giờ phục vụ quản lý, học tập, NCKH. Nhà trường có các phần mềm chuyên dụng quản lý điều hành văn bản và trao đổi công việc, quản lý người học, tài chính và nhân sự; bản quyền sử dụng do đơn vị cung cấp chịu trách nhiệm **[H09.09.04.02]**. Thư viện trường có hơn 20 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ giảng viên toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@skda.edu.vn. **[H09.09.04.03]**.

Trong các phòng học lý thuyết được trang bị 06 máy projector tạo điều kiện thuận lợi, hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập. Thư viện điện tử của Trường được kết nối internet, để truy cập những thông tin cần thiết, khai thác tài liệu phục vụ cho công tác chuyên môn, NCKH, giảng dạy và học tập; gửi, nhận email của các phòng ban, khoa trong Trường nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng trong công việc. **[H09.09.04.04]**. Nhà trường đã thành lập Ban quản trị Trang thông tin điện tử năm 2015, 2016. Ban biên tập website được giao trách nhiệm xây dựng, cập nhật thông tin về các hoạt động của Nhà trường. Năm 2020, Nhà trường đã kiện toàn Ban biên tập website, phân công nhiệm vụ thực hiện, trang web đã được cập nhật thông tin kịp thời, phản ánh các hoạt động của Trường. Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng **[H09.09.04.05]**.

Nhà trường thường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong toàn trường **[H09.09.04.06]**. Để thực hiện quản lý hệ thống tin học, Nhà trường giao nhiệm vụ cho bộ phận đầu mối là Phòng HCTH (bộ phận HCQT) và các đơn vị chuyên môn phối hợp quản lý với 01 kỹ thuật viên (trình độ trung cấp) và các kỹ thuật viên tại các đơn vị chuyên môn có năng lực chuyên môn hỗ trợ, hướng dẫn cán bộ, người học sử dụng. Để quản lý và khai thác tối đa hiệu quả các trang thiết bị tin học trong các hoạt động dạy học, NCKH và quản lý, tại các phòng máy tính có nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các trang thiết bị tin học một cách quy chuẩn **[H09.09.04.07]**.

Nhà trường thường xuyên quan tâm trong việc ký kết các hợp đồng mua sắm các phần mềm chống virus, lưu trữ dữ liệu với các công ty bên ngoài giúp đảm bảo an toàn dữ liệu và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin. Năm 2017, theo ghi nhận của Báo cáo đánh giá ngoài Trường Đại học SKĐAHN do Trung tâm KĐCLGD – ĐH QGHN kiểm định, Trường có đầu tư sửa chữa nâng cấp hệ thống máy chủ, máy trạm và trang bị thêm một số phần mềm mới; kinh phí đầu tư khoảng 400 triệu đồng/năm [H09.09.04.08]. Bên cạnh đó, việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ chức thường xuyên [H09.09.04.09]. Tuy nhiên, do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập vào internet bị chậm. Năm 2016, Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin. Kết quả phản hồi cho thấy giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường [H09.09.04.10].

Năm học 2020-2021 nhằm bảo đảm an toàn cho SV trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Nhà trường đã thực hiện chuyển từ hình thức học tập trung sang trực tuyến. Ban Giám hiệu Nhà trường đã triển khai kế hoạch giảng dạy mới theo yêu cầu của Bộ GD & ĐT. Nhà trường ban hành nhiều văn bản hướng dẫn cách sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến để giảng viên, SV, học viên cập nhật. GV của Trường đã được tập huấn và thực hiện hoạt động giảng dạy trực tuyến thông qua phần mềm Zoom. Khoa Nghệ thuật điện ảnh đã xây dựng kế hoạch học tập phục vụ tốt việc dạy học online. Sinh viên ngành Đạo diễn điện ảnh có thể làm các bài tập trực tuyến theo sự hướng dẫn của giảng viên, khoá học tốt nghiệp năm 2020 đã được thực hiện đảm bảo đúng quy định [H09.09.04.11].

Mặc dù đã được đầu tư về cơ sở vật chất cho việc đào tạo, tuy nhiên các thiết bị như Tivi tại khu phòng học Nhà C đã quá cũ, quá nhỏ và không đáp ứng đủ điều kiện tái hiện hình ảnh (đặc thù cần chất lượng khá của SV học về Hình ảnh ĐA) - Đặc biệt không đáp ứng được khi lớp ghép 40 SV vì những SV ngồi từ nửa lớp về cuối không nhìn rõ hình ảnh. Máy tính tại phòng dựng cần có cấu hình cao để đáp ứng việc học của chuyên ngành đạo diễn.

## *2. Điểm mạnh*

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lí của Nhà trường được tin học hóa sử dụng hệ thống thông tin điện tử. Hệ thống công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính tại các phòng chức năng, hệ thống wifi) được chú trọng đầu tư và nâng cấp.

## *2. Điểm tồn tại*

Việc áp dụng CNTT trong quản lý đào tạo, thư viện, trong lưu trữ, ... còn hạn chế. Tín hiệu mạng wifi tại một số vị trí trong Nhà trường còn yếu và không ổn định. Việc bảo dưỡng, nâng cấp các máy tính tất cả các phòng dựng phim (một môn học thực hành rất

quan trọng của SV Đạo diễn) cần phải thực hiện thường xuyên hơn. Việc khảo sát ý kiến của giảng viên, nhân viên hỗ trợ và người học về tính hiệu quả sử dụng của các thiết bị trong giảng dạy /học tập, NCKH, quản lý chưa được thực hiện định kỳ.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Phòng Hành chính tổng hợp thực hiện bảo dưỡng định kì các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng Hành chính tổng hợp tăng cường công tác quản lý trang thiết bị theo đúng chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. Định kỳ 02 năm một lần thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các phòng học và phòng thực hành, hệ thống thiết bị. Đầu tư nâng cấp hệ thống máy tính tại các phòng dựng phim để hỗ trợ giảng dạy nâng cao đối với chuyên ngành đào tạo Đạo diễn điện ảnh; tăng cường CNTT trong hoạt động văn thư lưu trữ, quản lý đào tạo, thư viện; xây dựng hệ thống sao lưu dữ liệu liên quan đến đào tạo thường xuyên với tần suất an toàn (khoảng tuần/lần hoặc lâu hơn tùy vào mức độ thông tin quan trọng).

#### *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.*

*Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.*

##### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội xác định việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện là trách nhiệm của toàn thể cán bộ công chức viên chức, người lao động, người học trong Trường. Nhà trường luôn bám sát các quy định hiện hành của Nhà nước về môi trường, sức khỏe, an toàn và triển khai thực hiện bằng những hành động cụ thể [H09.09.05.01].

Về môi trường, Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội luôn quan tâm xây dựng cảnh quan và môi trường học tập, làm việc nhằm thiết lập đến việc xây dựng môi trường lành mạnh, thúc đẩy phát triển sức khỏe và an toàn cho CBGV và người học của Nhà trường. Do đặc thù đào tạo của Nhà trường, trong quy chế tuyển sinh không có người khuyết tật. Nhà trường có khuôn viên được trồng cây xanh, trồng hoa, có hồ nước thả hoa súng tạo nên một khuôn viên học tập lý tưởng cho người học [H09.09.05.02]. Để tạo thuận lợi cho cán bộ, GV và người học trong quá trình làm việc, học tập cũng như khách đến liên hệ công tác, Trường có sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học, phòng thực hành. Gắn biển “cấm hút thuốc”; treo panô, áp phích về xây dựng môi trường không khói thuốc ở các vị trí dễ quan sát trong Nhà trường [H09.09.05.03].

Bên cạnh đó, Nhà trường kí hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường làm việc hàng ngày để đảm bảo vệ sinh các phòng học, các khu giảng đường trong khuôn viên toàn



trường. **[H09.09.05.04]**. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức kiểm tra về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường **[H09.09.05.05]**.

Về việc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và sinh viên, học viên, hằng năm, để phòng chống dịch bệnh, Nhà trường đều tiến hành công tác phun thuốc phòng dịch. Năm 2020, khi xuất hiện dịch bệnh Covid 19- Nhà trường đã nghiên túc, khẩn trương thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid 19 theo quy định của Chính phủ **[H09.09.05.06]**. Nhà Trường có phòng y tế riêng, với một cán bộ y tế phụ trách, theo dõi tình hình sức khỏe cho sinh viên và CB, NV, GV phối hợp thường xuyên với các bệnh viện để thực hiện định kỳ khám sức khoẻ và đảm bảo công tác khám chữa bệnh ban đầu cho CB, NV, GV và người học **[H09.09.05.07]**. Hàng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho các sinh viên năm nhất và cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế cho sinh viên **[H09.09.05.08]**.

Về vấn đề bảo đảm an toàn trường học, Nhà trường có tường rào bao quanh, cách ly với khu dân cư. Bên cạnh đó, Trường đã phối hợp có hiệu quả với các đơn vị chức năng của Công an quận Cầu Giấy tổ chức các hội nghị triển khai công tác bảo vệ, an toàn cơ quan, tập huấn nghiệp vụ cũng như các phương án bảo vệ chính trị nội bộ, PCCC cho CBVC, nhân viên. Để nâng cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ tài sản cơ quan và mỗi cá nhân. Hàng năm, Trường tổ chức cam kết thi đua giữa các phòng ban, khoa và các lớp SV. Trường thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước. **[H09.09.05.09]**.

Nhà trường tổ chức Hội thảo về xây dựng văn hóa ứng xử trong trường để góp phần nâng cao ý thức xây dựng môi trường, sức khỏe, an toàn **[H09.09.05.10]**.

Công tác phòng chống bão lụt, phòng cháy - chữa cháy của Nhà trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường. Nhà trường có thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ **[H09.09.05.11]**; điều động sinh viên tham gia phòng chống bão lụt, cháy nổ Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy chữa cháy. Mọi hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ. Nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả về người và tài sản. **[H09.09.05.12]**.

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Bộ phận này thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm. Nhà trường có các qui định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Bảo vệ **[H09.09.05.13]**. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc

theo đúng qui định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường và các phòng học. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên kế hoạch rõ ràng [H09.09.05.14].

Để đảm bảo an ninh trường học, Nhà trường xây dựng các quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ cho cán bộ, giảng viên, người học thống nhất thực hiện trong toàn trường [H09.09.05.15].

Giai đoạn 2015-2021, Nhà trường chưa nhận được phản hồi nào không tích cực về các công tác kể trên.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và sinh viên; có phòng y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và sinh viên.

## *3. Điểm tồn tại*

Nhà ăn, căng tin của Nhà trường chưa được bố trí. Nhà trường chưa định kỳ tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi GV, CBVC, người lao động, người học về công tác bảo vệ, trật tự, an ninh và PCCC để có những điều chỉnh, bổ sung các chủ trương quy định của công tác này phù hợp với thực tiễn. Việc khuyến khích các hoạt động thể thao, rèn luyện sức khỏe cho SV và cán bộ (thực hiện ngay trong khuôn viên của Trường) còn hạn chế vì trang thiết bị về thể thao và khu nhà tập sử dụng chung với các Trường thuộc khối VHNT.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường tiếp tục xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội quy bảo vệ cơ quan, các phương án PCCC cũng như trách nhiệm của các bộ phận chức năng trong công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong khuôn viên đơn vị cho GV, CBVC, người lao động, người học. Đẩy mạnh hơn nữa công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn (ban hành quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường ĐH SKĐAHN).

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Trường xem xét việc xây nhà ăn, căng tin của Nhà trường. Quy hoạch khu nhà B với những khuôn viên hợp lý đảm bảo hơn nữa các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.*

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 9:***

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và

ngiên cứu. Tuy nhiên thiết bị cho chuyên ngành đạo diễn điện ảnh vẫn chưa cập nhật kịp thời với sự phát triển của thế giới. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành; tuy nhiên với ngành Đạo diễn điện ảnh, tài liệu vẫn còn hạn chế và chưa được cập nhật thường xuyên. Phòng thực hành được trang bị hiện đại để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; tuy nhiên vẫn chưa có những phòng học hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của cán bộ, giảng viên và người học của Trường.

### ***Đánh giá Tiêu chuẩn 9***

| Tiêu chí     | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 9 |                 |                           |
|--------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|----------------------------|-----------------|---------------------------|
|              | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức trung bình             | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|              | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 9.1 |                |   |   |     | x |   |   | 5.0                        | 5               | 100                       |
| Tiêu chí 9.2 |                |   |   |     | x |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 9.3 |                |   |   |     | x |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 9.4 |                |   |   |     | x |   |   |                            |                 |                           |
| Tiêu chí 9.5 |                |   |   |     | x |   |   |                            |                 |                           |

## **Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

### **Mở đầu**

*Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển nền giáo dục của một cơ sở đào tạo. Do đó, để đảm bảo SV đạt được chuẩn đầu ra (CĐR) ngành Đạo diễn điện ảnh, đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội nói chung và Khoa Nghệ thuật điện ảnh nói riêng đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học (CTDH) đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.*

*Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Để có CTĐT đáp ứng nhu cầu của xã hội, đảm bảo tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ, và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp đồng thời đảm bảo sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học, năm học 2018-2019, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT của tất cả các khoa/ trung tâm đào tạo, trong đó có Khoa Nghệ thuật điện ảnh [H10.10.01.01]. Bên cạnh đó, năm học 2019-2020, để thực hiện chương trình đào tạo tài năng, Khoa đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan để bổ sung, phát triển CTĐT ngành đạo diễn điện ảnh [H10.10.01.02].

Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CĐR được thực hiện theo quy trình cụ thể theo các hướng dẫn của Bộ GD & ĐT, văn bản hướng dẫn rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo của trường ĐH SKĐAHN [H10.10.01.03]. Năm 2016, thực hiện công tác kiểm định CLGD Trường cũng như Khoa NTĐA đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) [H10.10.01.04].

Để việc khảo sát được hiệu quả, Khoa đã xây dựng quy trình, lập kế hoạch thực hiện, phân công nhiệm vụ cho cán bộ thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.01.05]. Tuy nhiên, hoạt động khảo sát chưa được tổ chức định kỳ hàng năm, cũng như việc Khoa chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV tốt nghiệp sau mỗi khóa học về chất lượng CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh.

Hiện nay, công tác khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên đang được Nhà trường tiến hành thường xuyên, các ý kiến của người học được Nhà trường/Khoa xem xét điều chỉnh CTDH. Thông qua các đợt khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, tổng hợp số liệu ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV, Khoa thực hiện thảo luận về điểm mạnh, điểm tồn tại và các biện pháp khắc phục và lập kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động GD của GV. Các kết quả đánh giá này được gửi đến tài khoản cá nhân của GV để họ nắm tình hình đánh giá của SV, trên cơ sở đó, GV tự rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động cá nhân. [H10.10.01.06]. Nhà trường tổ chức kiểm tra việc đào tạo của Khoa trong đó có nội dung về điều chỉnh của giảng viên sau khi nhận được phản hồi của người học. [H10.10.01.07]. Trường đang xây dựng dự thảo quy định/quy trình về công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

## *2. Điểm mạnh*

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, người sử dụng lao động, giảng viên, nhà quản lý) đã được tiến hành qua hình thức bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn để làm cơ sở thiết kế và phát triển chương trình, đồng thời Khoa NTĐA thực hiện rà soát CTĐT theo phản hồi trực tiếp của người học được thực hiện hằng năm.

## *3. Điểm tồn tại*

Công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, định kỳ. Nhà trường và Khoa tuy đã có ký kết chính thức với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong công tác đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng, song việc ký kết trên đối với các nhà tuyển dụng ngành Đạo diễn điện ảnh còn hạn chế.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường giao cho Khoa NTĐA quy định bài bản hơn đối với việc lưu trữ thông tin về người học, cựu sinh viên, các nhà sử dụng lao động để xây dựng nguồn dữ liệu đối tượng khảo sát phong phú hơn, đồng thời quy định trách nhiệm đối với từng thành viên trong khoa về việc lưu trữ và phát triển cơ sở dữ liệu nói trên.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Trường giao cho Khoa NTĐA phối hợp với P. ĐT QLKH & HTQT hoàn thiện dự thảo quy định (trong đó có quy trình) về công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; lập kế hoạch định kỳ rà soát CTĐT (2 năm/ lần) để thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan làm căn cứ để rà soát, thiết kế, điều chỉnh và phát triển chương trình. Nghiên cứu triển khai cách thức lấy ý kiến phản hồi theo hình thức online.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến*

### *1. Mô tả hiện trạng*

Chương trình dạy học (CTDH) là cốt lõi của CTĐT. CTDH của một CTĐT ở một trình độ cụ thể bao gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR của mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, thời lượng của CTĐT và mỗi học phần. CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh được thiết kế theo 3 khối: kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành, và được sắp xếp theo 2 phần: học kỳ chung với các chuyên ngành và học kỳ đặc thù từng chuyên ngành. Trường/ Khoa thực hiện quy trình xây dựng và phát triển CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT, thể hiện rõ cấu trúc, khối lượng, kiến thức và CĐR cần đạt được của người học [H10.10.02.01]. Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo, quản lý KH & HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.02.02]. Khoa là đơn vị trực tiếp xây dựng, thiết kế và phát triển CTĐT theo hướng dẫn. Việc thiết kế và phát triển CTDH được tuân thủ theo quy trình chặt chẽ, logic từ việc xác định mục tiêu, CĐR đến việc tổ chức thực hiện, đánh giá, ..... [H10.10.02.03]. CTĐT trình độ đại học ngành Đạo diễn điện ảnh được thiết kế dựa vào ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Căn cứ vào các CĐR được ban hành trước năm 2015. Năm 2017, sau đánh giá ngoài Nhà trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT, năm 2019 hoạt động này được thực hiện trong toàn Trường, như vậy định kỳ 02 năm một lần, CTĐT trình độ đại học ngành Đạo diễn điện ảnh được điều chỉnh, cập nhật [H10.10.02.04]. Việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật được thực hiện theo văn bản hướng dẫn Nhà trường ban hành [H10.10.02.05]; Bộ môn phụ trách xây dựng đề cương chi tiết theo hướng dẫn; Hội đồng KHĐT của khoa, trường họp và thông qua đề cương chi tiết các học phần. Nội dung được cải tiến chủ yếu hướng vào việc đạt được CĐR CTĐT [H10.10.02.06]. Quá trình rà soát, điều chỉnh ĐCCT và CTDH có sự đóng ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan, nhà trường lấy ý kiến của toàn thể các đơn vị trong Trường đối với CTĐT đã được điều chỉnh trước khi ban hành, có quyết định ban hành rõ ràng [H10.10.02.07]. Việc rà soát, đánh giá CTDH được thực hiện nghiêm túc nhằm đảm bảo chất lượng dạy và học.

### *2. Điểm mạnh*

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng. CTDH được xây dựng và triển khai một cách khoa học, hiệu quả, được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

### *3. Điểm tồn tại*

Hoạt động cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế chưa được thực hiện thường xuyên đối với chuyên ngành Đạo diễn điện

ảnh. Chưa định kỳ tiến hành rà soát và đánh giá, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH; việc lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2021-2022, định kỳ 2 năm một lần, Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, phòng CTHSSV thực hiện việc thu thập ý kiến phản hồi từ GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng về quy trình thiết kế, đánh giá và cải tiến CTDH nhằm giúp SV đạt được CDR của CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA tiếp tục khảo sát các bên liên quan để có nhiều góp ý hơn cho việc thiết kế và phát triển CTĐT chuyên sâu của ngành Đạo diễn điện ảnh. Từ năm 2022, Khoa NTĐA xây dựng kế hoạch và hoàn thành công tác rà soát, phát triển CTĐT của đơn vị mình ngay cả trong điều kiện học trực tuyến.

#### *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra*

##### *1. Mô tả hiện trạng*

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định chặt chẽ trong “*Quy định về công tác khảo thí của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội*” và Quy chế đào tạo của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội **[H10.10.03.01]**; trong đó, có các quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CDR, cũng như các tiêu chí để đánh giá kết quả đạt được của người học. Hàng năm, Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường làm nhiệm vụ tiếp nhận ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, yêu cầu các khoa trong toàn Trường rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi đảm bảo chất lượng đào tạo **[H10.10.03.02]**.

Bên cạnh đó, để làm tốt công tác đánh giá kết quả học tập của ngành Đạo diễn điện ảnh, khoa Nghệ thuật điện ảnh cũng đề ra quy trình đánh giá học phần **[H10.10.03.03]** dựa trên mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì **[H10.10.03.04]**. Các hình thức kiểm tra đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. Giảng viên sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch. Ngoài ra, đề cương học phần cũng chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của hình thức kiểm tra đánh giá cho từng lần kiểm tra đánh giá cụ thể của từng học phần. Các lần kiểm tra đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh

giá cuối kỳ **[H10.10.03.05]**. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy cũng như quy trình đánh giá kết quả học tập được SV đánh giá cao. Ngoài ra, SV có thể phản hồi và cập nhật thường xuyên ý kiến về chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động khác liên quan tới việc đánh giá kết quả học tập thông qua hoạt động lấy kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên do Phòng KT & ĐBCLGD của Nhà trường phối hợp với Khoa thực hiện hằng năm. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành Đạo diễn điện ảnh đều được lấy ý kiến **[H10.10.03.06]**. Sau khi thu thập đủ dữ liệu và đưa ra phân tích tất cả các ý kiến phản hồi từ người học và người dạy, Nhà trường, khoa và bộ môn sẽ có báo cáo tổng thể ở các cuộc họp cấp trường cũng như cấp bộ môn; qua đó giảng viên xác định được những điểm mạnh và những mặt còn tồn tại cần khắc phục. Kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên được công khai trên trang Web của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức kiểm tra hoạt động đào tạo của Khoa nghệ thuật điện ảnh với các nội dung như: Kế hoạch học tập, hình thức thi, đề thi, giáo án, giáo trình của giảng viên hồ sơ giảng viên chủ nhiệm, các văn bản ghi chép họp lớp, trong đó có công tác chủ nhiệm, lý lịch khoa học của giảng viên. Hoạt động kiểm tra này giúp Nhà trường nắm được tình hình dạy học, công tác NCKH, công tác phát triển và chuyển đổi CTĐT để điều chỉnh kịp thời **[H10.10.03.07]**.

Đầu mỗi năm học, giảng viên của Khoa đều xây dựng kế hoạch giảng dạy và gửi về P. KT & ĐBCLGD, phòng dựa trên kế hoạch để giám sát, kiểm tra tiến độ. Một kênh truyền thống khác để theo dõi khối lượng giờ dạy của giảng viên là sổ đầu bài **[H10.10.03.08]**. Sổ ghi chép này còn là một công cụ quan trọng để Bộ môn và Khoa giám sát nội dung giảng dạy của tất cả các học phần. Cuối mỗi học kỳ, căn cứ trên những thông tin (về thời gian, nội dung và tình hình lớp học) được ghi trong sổ, Bộ môn và Khoa so sánh tình hình giảng dạy thực tế của từng học phần với kế hoạch đã được thiết kế trong đề cương, từ đó có những nhắc nhở và biện pháp xử lý kịp thời.

## *2. Điểm mạnh*

Quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên dựa trên những quy định, quy trình chặt chẽ có hệ thống từ cấp trường đến từng bộ môn. Các ý kiến phản hồi được thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để tìm hướng cải tiến, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đặc thù của việc đào tạo cử nhân ngành đạo diễn điện ảnh. Việc đánh giá chất lượng dạy và học, các cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành.



### *3. Điểm tồn tại*

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa được mở rộng mà mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu. Phòng KT & ĐBCLGD chưa thực hiện thống kê tỉ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra- thi để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy, qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra-thi. Chưa thực hiện đầy đủ các phân tích cũng như hệ thống hóa các thông tin ở các kênh giám sát một cách hiệu quả; việc lấy ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy mới chỉ dựa vào SV, chưa có sự trao đổi chủ động giữa GV với GV.

### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA tiếp tục bám sát các quy định, quy trình để thực hiện tốt hơn nữa việc đánh giá quá trình dạy và học; việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường và Khoa NTĐA sẽ mở rộng việc lấy ý kiến đánh giá về chất lượng giảng dạy của giảng viên như lấy ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp, giáo viên chủ nhiệm, chủ nhiệm bộ môn thông qua các hoạt động dự giờ, thăm lớp để hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên được thực chất hơn; đồng thời nghiên cứu xây dựng quy trình thống kê tỉ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra - thi để có sự điều chỉnh kịp thời về chất lượng đề thi.

### *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là trường đại học đào tạo nghệ thuật, do đó hoạt động nghiên cứu khoa học có đặt thù riêng, như việc dựng vở diễn, quay một bộ phim...và kinh nghiệm tích lũy được từ các hoạt động này được coi là một một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường [H10.10.04.01]. Hàng năm, GV và SV của Khoa tiến hành các hoạt động nghề nghiệp cụ thể để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đây được coi là hình thức nghiên cứu đề tài khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học [H10.10.04.02].

Khoa NTĐA có các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học, đó là một danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của GV Khoa NTĐA, của sinh viên khoa NTĐA [H10.10.04.03]. [H10.10.04.04].

Các kết quả NCKH được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy

trong CTDH được thực hiện bởi nhiều hình thức. Về khách quan, sau mỗi tác phẩm điện ảnh đạt giải, các bài báo, bài phân tích được đăng tải trên các trang thông tin điện tử, các tờ tạp chí chuyên ngành...chính những bài viết này là phần thông tin quan trọng để đưa vào làm tài liệu tham khảo cho các bài giảng cho ngành đạo diễn điện ảnh [H10.10.04.05]. Về chủ quan, những tác phẩm đạt giải hay những đánh giá của dư luận về khả năng nghề của GV - có dấu ấn đóng góp của GV Khoa NTĐA sẽ là minh họa thuyết phục nhất cho SV, ví dụ: Một đoạn viết về NSND- GV Lý Thái Dũng (GV môn quay phim – Phụ trách khoa NTĐA): “*Lý Thái Dũng từng đoạt nhiều giải thưởng trong sự nghiệp quay phim như giải quay phim xuất sắc tại Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 13 (2001) với *Thung lũng hoang vắng*, lần thứ 14 (2004) với *phim Hàng xóm*, lần thứ 15 (2007) với *Vũ điệu tử thần*, lần thứ 16 (2009) với *Chơi voi*. Top 5 đề cử quay phim xuất sắc nhất châu Á 2009 (AFA) tại Hong Kong năm 2010 với *Chơi voi*. Nhà quay phim Việt Nam đầu tiên quay phim cho kênh National Geographic, phim *Chợ tình ở thung lũng mây*. Đạo diễn hình ảnh (DOP) xuất sắc nhất tại Liên hoan phim quốc tế ASEAN 2017 với phim *Đảo của dân ngụ cư*” [H10.10.04.06].*

Nhà trường đưa ra các quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy-học [H10.10.04.07]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với những đề tài nghiên cứu thiết thực trong giảng dạy nhằm khơi dậy tinh thần hăng say làm khoa học của GV và người học trong toàn trường [H10.10.04.08].

*Việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học* được thể hiện đa dạng, tùy theo yêu cầu nội dung bài học, ví dụ qua việc tổng kết kinh nghiệm từ việc làm phim, các giảng viên đạt giải thưởng sẽ dùng chính những nội dung mình đạt giải để làm ví dụ cho bài giảng của mình, các sinh viên đánh giá, phân tích những bộ phim đó về các mặt nội dung, hình thức phim, kỹ thuật dựng... để nâng cao nhận thức cũng như kỹ năng làm nghề của mình. Các bài viết được đăng tải trên tạp chí của Nhà trường và nhiều tạp chí, báo khác [H10.10.04.09]. Hàng năm, GV Khoa nghệ thuật điện ảnh luôn tích cực tham gia các hoạt động trao đổi học thuật nhằm nâng cao tinh thần học hỏi, giao lưu giữa các GV cũng như người học trong toàn khoa với những GV, chuyên gia từ nhiều nước trên thế giới [H10.10.04.10]. Công tác xuất bản sách, giáo trình phục vụ học tập cũng được GV đặc biệt quan tâm. Năm 2017, Khoa Nghệ thuật điện ảnh đã có 1 giáo trình được xuất bản, trong đó, 2 giáo trình được sử dụng. Những giáo trình này là tâm huyết của các Giảng viên Nghệ thuật điện ảnh, nhằm mang lại cho người học những tài liệu học có sự đầu tư chín chu về mặt chất lượng như giáo trình “Phim tài liệu: Giáo trình Đại học”. Cuốn sách không chỉ đáp ứng được vấn đề thiếu giáo trình chuyên sâu trong chương trình giảng dạy của Khoa Nghệ thuật điện ảnh mà còn phù hợp với môi trường giảng dạy của Khoa, từ đó mang lại

sự tiếp cận dễ dàng hơn cho SV đối với một môn học khó.

Ngoài ra, sau những giải thưởng được ghi nhận, các GV được Nhà trường vinh danh tại các Hội nghị của Trường (ngày 20-11; 17-12; 15-3...) các GV chia sẻ những kinh nghiệm làm nghề cho SV, đây có thể nói là tác động rất tích cực đối việc truyền kiến thức cũng như thuyết phục người học.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa có quy định riêng về hoạt động NCKH của SV, gắn với quản lý và sản phẩm KH&CN đặc thù riêng của từng ngành trong đó có ngành Đạo diễn điện ảnh.

## *2. Điểm mạnh*

Khoa Nghệ thuật điện ảnh có đội ngũ giảng viên tích cực tham gia các hoạt động nghề nghiệp đặc thù. Trường có cơ chế khuyến khích sự tham gia của GV cũng như SV trong khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học/ hoạt động nghề nghiệp bên ngoài Nhà trường theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giáo dục và đào tạo ngành Đạo diễn điện ảnh.

## *3. Điểm tồn tại*

Do đặc thù đào tạo, ngành Đạo diễn điện ảnh chưa có những đề tài lý luận khoa học cấp nhà nước; chưa tổ chức thường xuyên hội thảo trong nước và quốc tế theo định kỳ hàng năm để thúc đẩy động lực thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn dạy-học. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước hầu như không có. Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học là những bộ phim đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa phối hợp với Nhà trường trong việc tham mưu Bộ VHTTDL về việc tính điểm nghiên cứu khoa học đối với những sản phẩm văn hóa như một bộ phim. Nhà trường cần tính đến việc thực hiện phân tầng đại học, để triển khai các đề tài NCKH phục vụ công tác đào tạo cũng như hỗ trợ các giảng viên trẻ và SV thực hiện các đề tài NCKH theo hướng ứng dụng (hoặc thực hành).

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Trường giao cho Viện SK – ĐA, Khoa NTĐA tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường ban hành các văn bản để tổ chức và quản lý tốt, hiệu quả hoạt động KH&CN trong Trường như: Quy chế hoạt động KH&CN, Quy định về NCKH của sinh viên,...; Xây dựng chính sách hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế.

## 5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

*Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến*

### 1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội luôn xác định chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác có vai trò rất lớn trong việc đảm bảo chất lượng các CTĐT của Nhà trường. Do đó, việc đánh giá và cải tiến các nhân tố này đã được Nhà trường đặc biệt chú trọng thực hiện, góp phần tạo nên văn hóa chất lượng trong công tác hỗ trợ giảng dạy, học tập và NCKH. Nhà trường thực hiện việc đánh giá và cải tiến bằng quy định các đơn vị trong Trường báo cáo trực tiếp tiến độ kế hoạch công tác trong cuộc họp giao ban hằng tháng. Tại cuộc họp này các đơn vị có chức năng hỗ trợ trong toàn Trường sẽ báo cáo kế hoạch cụ thể trong tháng tới, đồng thời ghi nhận sự phản ánh của các đơn vị Khoa/ Trung tâm đào tạo, sau khi thảo luận thống nhất, Hiệu trưởng Nhà trường sẽ kết luận cụ thể từng vấn đề. Từ đó, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường ngày càng được cải tiến **[H10.10.05.01]**.

Khoa NTĐA có trợ lý đào tạo, đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp và đội ngũ chuyên viên hỗ trợ vững chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt huyết trong công tác hỗ trợ người học. Để nâng cao chất lượng các dịch vụ và phù hợp với nguyện vọng của cán bộ công nhân viên chức và của người học, Nhà trường và Khoa thường xuyên ghi nhận ý kiến phản hồi thông qua nhiều hội nghị và nhiều kênh khác nhau. SV ngành Đạo diễn điện ảnh có thể thực hiện ý kiến phản hồi thông qua website / facebook của Khoa và thông qua cuộc họp của cán bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với phòng quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường v.v **[H10.10.05.02]**.

Việc đánh giá tình hình sử dụng và khai thác CSVC được theo dõi thông qua sổ theo dõi thường xuyên và kiểm kê tài sản cuối năm **[H10.10.05.03]**. Căn cứ vào kết quả đánh giá, Nhà trường phân bổ kinh phí hàng năm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ. Hằng năm, để toàn Trường được biết và giám sát về kinh phí chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, nhà Trường có báo cáo công khai tài chính tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức **[H10.10.05.04]**.

Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị hỗ trợ tại thư viện, phòng thực hành, nếu phát sinh hư hỏng, các cán bộ phụ trách đề nghị Phòng HCTH (bộ phận hành chính quản trị) kiểm tra để có biện pháp sửa chữa hoặc mua mới thay thế phù hợp. Việc sửa chữa, thay thế trang thiết bị được tiến hành kịp thời, đảm bảo hiệu quả sử dụng trong dạy-học phục vụ

cho CTĐT. Đặc biệt, các bộ phận phụ trách cơ sở vật chất của Nhà trường cũng thường xuyên rà soát để xử lý các vấn đề phát sinh kịp thời. Căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị trong Trường, Nhà trường dự toán kinh phí đảm bảo cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong năm. Hằng năm, Nhà trường lập dự toán dự kiến đầu tư trang bị, nâng cấp cho các xưởng thực hành, thực tập của các khoa để các đơn vị chủ động trong công tác đào tạo như: Cải tạo các phòng thực hành, thực tập, bổ sung, nâng cấp thiết bị cho phù hợp với sự phát triển của khoa học và ứng dụng công nghệ mới vào công tác giảng dạy, học tập của Nhà trường **[H10.10.05.05]**.

Năm 2015, Nhà trường đã thực hiện khảo sát ý kiến của giảng viên, người học về cơ sở vật chất của Nhà trường. Trong đó, chủ yếu khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng (cán bộ, giảng viên, người học) về các trang thiết bị phục vụ nhu cầu giảng dạy/ học tập và nghiên cứu khoa học của họ, kết quả cho thấy 85% cán bộ, giảng viên nhận xét ở mức độ tốt, 10% đánh giá ở mức khá, 5% đánh giá mức trung bình với ý kiến nhận xét và đề nghị sửa chữa khu nhà B **[H10.10.05.06]**. Hàng năm, Khoa đề xuất nhà trường bổ sung, cập nhật cho thư viện vốn tài liệu, sách cần cho việc giảng dạy và học tập, nghiên cứu **[H10.10.05.07]**. Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện chính sách xã hội hoá để đầu tư toàn bộ hệ thống điều hoà cho các phòng học khu nhà C. **[H10.10.05.08]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường năm 2012 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, trình Bộ VH TT DL phê duyệt. Đây là khung pháp lý để Nhà trường xây dựng và phát triển trong những năm tiếp theo **[H10.10.05.09]**. Năm 2015, Trường đã được Bộ VHTTDL phê duyệt đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia. Đây cũng là mục tiêu lớn của Nhà trường với hướng kinh phí mới để đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác đào tạo của Khoa **[H10.10.05.10]**.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống phòng học (nhà A1, A2) được trang bị những thiết bị cơ bản nhất phục vụ cho việc học tập như máy chiếu, micro, ánh sáng, v.v... Có các phòng thực hành phục vụ cho hoạt động dạy học chuyên ngành mang tính đặc thù của ĐDDA. Về tư liệu, Nhà trường có hệ thống thư viện hiện đại với nguồn học liệu đa dạng, phong phú và tiện ích, hệ thống công thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được Nhà trường xây dựng. Nhà trường và Khoa đã tận dụng triệt để các nguồn lực để đầu tư và cải tiến cơ sở vật chất.

## *3. Điểm tồn tại*

Ngân sách đầu tư CSVC của Trường chủ yếu phụ thuộc vào phân bổ kinh phí của Bộ VHTTDL gây trở ngại cho việc chủ động đầu tư cơ sở vật chất của trường. Trang thiết bị của một số phòng thực hành, hệ thống máy tính chưa hiện đại hóa để đáp ứng hoạt động

giảng dạy và học tập của của khoa. Ngoài ra, một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Năm 2021-2022, Nhà trường giao cho Phòng HCTH quy hoạch lại không gian riêng cho bố trí không gian riêng cho SV ngành; đồng thời Khoa tích cực huy động nguồn lực từ các tổ chức ngoài trường để hỗ trợ kinh phí xây dựng trường quay riêng cho khoa; khuyến khích SV đến thư viện trường để cập nhật những tư liệu mới, đồng thời quán triệt cán bộ giảng viên kiêm nhiệm hỗ trợ SV, đội ngũ chuyên viên đồng hành cùng SV cả trong học tập cũng như nắm bắt những khó khăn trong cuộc sống hằng ngày để có hướng khắc phục và giúp đỡ SV kịp thời trong học tập.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, định kỳ 2 năm 1 lần, Khoa NTĐA tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. Từ năm 2022, Nhà trường yêu cầu phòng chức năng xây dựng các quy trình công tác để hỗ trợ hiệu quả hơn cho CTĐT.

#### *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến*

##### *1. Mô tả hiện trạng*

Xây dựng cơ chế phản hồi, thu thập phản hồi, phân tích dữ liệu từ phản hồi, từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể, thiết thực và kịp thời là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội nói chung và Khoa Nghệ thuật điện ảnh nói riêng. Những nội dung phản hồi có thể liên quan tới tất cả những hoạt động của Nhà Trường bao gồm công tác dạy và học, hoạt động ngoại khoá, các dịch vụ tiện ích đang được sử dụng trong nhà trường. Trong năm 2014, Trường chính thức thành lập phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (tiền thân là Ban thanh tra đào tạo) để chuyên trách công tác đo lường đánh giá kết quả đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục [H10.10.06.01]. Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục được thành lập trên cơ sở nhân lực của Ban thanh tra và Đảm bảo chất lượng đào tạo, được quy định rõ ràng, cụ thể trong quy chế tổ chức hoạt động, Phòng có nhiệm vụ tham mưu giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổ chức thực hiện công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường đúng với các quy định của Nhà nước [H10.10.06.02].

Phòng KT&ĐBCLGD là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Nhà trường các hoạt động ĐBCL: tự đánh giá CSGD, CTĐT, đánh giá hoạt động GD của GV,

khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, khảo sát về cơ sở vật chất, thư viện của Nhà trường; tư vấn, hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch hành động **[H10.10.06.03]**. Ngoài ra, Khoa Nghệ thuật điện ảnh còn phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Nhà trường ban hành quy định, quy định và hướng dẫn thu thập thông tin phản hồi của người học một cách cụ thể, rõ ràng với cơ chế phản hồi mang tính hệ thống **[H10.10.06.04]**. Hiện nay, theo quy định và Hướng dẫn của ĐH SKĐAHN, vào cuối năm học hàng năm, tất cả các giảng viên cơ hữu của Khoa NTĐA phải thực hiện hoạt động tự đánh giá 4 nhiệm vụ: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn **[H10.10.06.05]**. Từ năm 2017 trở đi, Nhà trường và khoa NTĐA đã đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ cấp Khoa, phòng ban và đến các cấp lãnh đạo thông qua các phiếu khảo sát, “Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên”; “Hội nghị công chức, viên chức”, “Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng”, trang web, Facebook của Nhà trường và của khoa, vv... Để những vấn đề tồn đọng được giải quyết triệt để, hàng tháng Nhà trường tiến hành cuộc họp giao ban, Khoa báo cáo, tổng hợp những vấn đề cần giải quyết và có những giải pháp cụ thể, hiệu quả **[H10.10.06.06]**.

## *2. Điểm mạnh*

Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa bước đầu được thiết lập, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

## *3. Điểm tồn tại*

Chưa xây dựng quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Các hình thức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa đa dạng. Số lượng đối tượng khảo sát ngoài trường còn hạn chế.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường/ Khoa NTĐA tiếp tục duy trì các hình thức khảo sát hiện có; thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi từ doanh nghiệp/ nhà tuyển dụng (Tăng cường khảo sát các đối tượng ngoài trường) tạo nguồn thông tin quan trọng để Khoa có chiến lược phù hợp nhằm nâng cấp hiệu chỉnh CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA phối hợp các phòng chức năng hoàn thành dự thảo quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; xây dựng văn hóa đảm bảo chất lượng giáo dục thông qua cơ chế lấy ý kiến phản hồi.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

### ***Kết luận về tiêu chuẩn 10***

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành Đạo diễn điện ảnh được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hoạt động nghề nghiệp tương đương nghiên cứu khoa học được giảng viên và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng chiếu phim, trung tâm Âm thanh, ánh sáng) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy- học và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ còn khó khăn và chưa đầy đủ; việc thực hiện các đề tài khoa học lớn gắn với việc cải tiến CTĐT và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo chưa nhiều.

#### ***Đánh giá về Tiêu chuẩn 10:***

| Tiêu chí      | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 10 |                 |                           |
|---------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|-----------------------------|-----------------|---------------------------|
|               | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức trung bình              | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|               | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                             |                 |                           |
| Tiêu chí 10.1 |                |   |   | x   |   |   |   | 4,16                        | 05              | 100<br>(6/6)              |
| Tiêu chí 10.2 |                |   |   | x   |   |   |   |                             |                 |                           |
| Tiêu chí 10.3 |                |   |   | x   |   |   |   |                             |                 |                           |
| Tiêu chí 10.4 |                |   |   |     | x |   |   |                             |                 |                           |
| Tiêu chí 10.5 |                |   |   | x   |   |   |   |                             |                 |                           |
| Tiêu chí 10.6 |                |   |   | x   |   |   |   |                             |                 |                           |



## **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**

### **Mở đầu**

*Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. Nhà trường là một cơ sở giáo dục cung cấp nguồn nhân lực bậc cao cho nền sân khấu và điện ảnh nước nhà. Ngành Đạo diễn điện ảnh là một ngành đào tạo đặc thù, số lượng sinh viên mỗi khoa không nhiều như các ngành học khác trong Trường, tính từ Khóa đào tạo Đại học đầu tiên 1980 đến nay - Khoa ĐA đã đào tạo khoảng 400 Đạo diễn ĐA hệ chính quy. Học viên những khóa đầu tiên sau gần 40 năm ra trường đã hầu hết trở thành NSUT, NSND, đã và đang là những cán bộ chủ chốt của ngành ĐA. Quan trọng hơn, họ làm nên diện mạo của nền ĐAVN, THVN trong giai đoạn này. Tỷ lệ khoảng 70 % là SV của Khoa ĐA, chuyên ngành Đạo diễn. (NSND, NSUT Khải Hưng, Nguyễn Hữu Phần, Thanh Vân, Nhuệ Giang, Lưu Trọng Ninh, Đặng Thái Huyền, Bùi Tuấn Dũng, Đỗ Thanh Hải, ... Và hiện nay, chuyên ngành Đạo diễn ĐA của Khoa vẫn là nơi đào tạo tốt nhất của quốc gia. Số lượng thí sinh dự tuyển vẫn duy trì ở số lượng cao. Số lượng học viên chuyên ngành Đạo diễn ĐA TH đang học tại khoa TC cũng hoàn toàn được đào tạo bởi đội ngũ GV thỉnh giảng của Khoa ĐA, và Khung CTĐT cũng trên nền tảng CTĐT Đạo diễn của Khoa ĐA. Ngành thu hút được sự quan tâm của người học và nhu cầu sử dụng lao động có trình độ cử nhân ở ngành này càng ngày càng tăng. Nguồn tuyển sinh đầu vào của ngành là các học sinh đã tốt nghiệp THPT, một số đã học xong 1 ngành học khác hoặc đang công tác ở những lĩnh vực liên quan. Sau khi trúng tuyển, sinh viên được đào tạo bài bản, được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa. Hàng năm Nhà trường và Khoa Nghệ thuật điện ảnh đã thực hiện giám sát việc đạt chuẩn đầu ra (CĐR), tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến chất lượng.*

*Các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đạo diễn điện ảnh mang tính đặc thù, không phải là các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học các cấp, mà là một bộ phim, hoặc các phần của một chương trình truyền hình.... Các hoạt động này của SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CĐR của CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh, thể hiện đặc thù của Khoa, sứ mạng của Nhà trường. Trường, Khoa bước đầu thực hiện các hoạt động thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của giảng viên, người học, cựu người học, thị trường lao động và lấy đó làm cơ sở thực tiễn cho việc cải tiến CTĐT, chương trình dạy học và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng.*

*Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải*

## *tiến chất lượng*

### *1. Mô tả hiện trạng*

*Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội có bộ phận, quy trình/công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp. Theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trường, quy trình quản lý và giải quyết công việc của các đơn vị, phòng Công tác HSSV được Trường giao nhiệm vụ theo dõi và giám sát tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp [H11.11.01.01]. Bên cạnh đó, tình hình của sinh viên ngành đạo diễn điện ảnh luôn được giáo viên chủ nhiệm, Trợ lý Khoa, phòng Đào tạo, QLKH & HTQT cập nhật thông qua những buổi sinh hoạt lớp hàng tháng và thông tin phản hồi từ Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh [H11.11.01.02]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp xét kỷ luật [H11.11.01.03]. Do đó, với những SV thôi học, đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của phòng CT HSSV [H11.11.01.04]. Ban cán sự lớp và Ban chấp hành chi đoàn đều nắm được tình hình SV thôi học. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được quản lý đầy đủ thông tin tại phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, phòng CT HSSV của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo [H11.11.01.05]. Căn cứ vào các quy định về đào tạo, về quản lý HSSV, hàng năm, Trường thực hiện thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp. Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành Đạo diễn điện ảnh được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý học sinh, sinh viên thôi học, bỏ học hàng năm [H11.11.01.06]. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần nhất bao gồm: năm nhập học, tổng số người học nhập học, số người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số người học thôi học sau 1, 2, 3, 4 năm [H11.11.01.07] được tóm tắt bằng bảng số liệu sau:*

**Bảng 11.1.** Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ thôi học của SV ngành ĐDDA từ khóa tuyển sinh 2012 đến 2016.

| Khóa                                  | Tổng số sinh viên toàn khóa | Tỷ lệ SV tốt nghiệp (%) | Thời gian tốt nghiệp trung bình | Số lượng SV chưa tốt nghiệp | Số lượng SV thôi học trong năm thứ |   |                  |   |      |
|---------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|---------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|---|------------------|---|------|
|                                       |                             |                         |                                 |                             | 1                                  | 2 | 3                | 4 | Tổng |
| K32 (2012 – 2016)                     | 16                          | 37.50                   |                                 | 0                           | 0                                  | 0 | 2                | 1 | 3    |
| K33 (2013 – 2017)                     | 14                          | 85.71                   |                                 |                             | 0                                  | 1 | 2                | 0 | 3    |
| K34 (2014 – 2018)                     | 14                          | 42.86                   |                                 |                             | 0                                  | 1 | 1                | 0 | 2    |
| K35 (2015 – 2019)                     | 7                           | 76.92                   |                                 |                             | 1                                  | 2 | 0                | 1 | 4    |
| K35 (2015 – 2019)<br>(chất lượng cao) | 04<br>(ĐDDA)                |                         |                                 | 0                           | 0                                  | 0 | 2<br>(ĐDDA<br>A) |   | 2    |
| K36 (2016 – 2020)                     | 17                          | 52.94                   |                                 |                             | 0                                  | 1 | 1                | 2 | 4    |
| K37 (2017 – 2021)                     | 10                          | -                       | -                               | 1                           | 0                                  | 3 | 1                | 1 | 5    |
| K38 (2018 – 2022)                     | 17                          | -                       | -                               | -                           | 0                                  | 1 | 0                |   |      |

\* Số liệu tính đến thời điểm tháng 10/2020.

Số liệu trên cho thấy đa số SV ngành Đạo diễn điện ảnh hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Khoa luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua Giáo viên chủ nhiệm, Trợ lý khoa (đào tạo). Ban chủ nhiệm khoa có các buổi họp với cán sự lớp, giáo viên chủ nhiệm, trợ lý đào tạo vào các kỳ học để nắm được tình hình học tập của SV.

Trường thực hiện tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, đề xuất các biện pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học. Theo số liệu thống kê trên, tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành Đạo diễn điện ảnh hàng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng SV của toàn khóa. Nhìn chung, SV của Khoa thôi học là do các nguyên nhân như: đi du học, tiếp tục cùng chuyên ngành Đạo diễn hoặc Sản xuất Phim; quá khó khăn về tài chính, hoặc các em tìm được việc làm ổn định trong năm thứ 2,3 hoặc hết hạn bảo lưu mà không có điều kiện học tiếp; một số SV không cần làm TN [**H11.11.01.08**].

Trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, Nhà trường đã triển khai hệ thống học tập trực tuyến nhằm đảm bảo tiến độ học tập cho sinh viên kịp tốt nghiệp

**[H11.11.01.09].** Hệ thống GVCN, GV bộ môn, Khoa và Trường thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên và có những biện pháp cụ thể để hỗ trợ sinh viên hoàn thành chương trình học như gặp gỡ trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn khi người học gặp khó khăn, duy trì chế độ sinh hoạt lớp định kỳ hằng tháng **[H11.11.01.10]**.

Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện việc đối sánh, phân tích nguyên nhân giảm tỷ lệ tốt nghiệp, đề xuất các biện pháp khả thi để hỗ trợ người học tốt nghiệp hiệu quả. Nhà trường chưa ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát kết quả học tập của SV để có thể thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỷ lệ SV thôi học, bỏ học cũng như nguyên nhân và tỷ lệ SV tốt nghiệp.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường/ Khoa duy trì cơ chế kiểm tra nề nếp hằng tháng để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV, đồng thời nắm bắt những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp và có những đề xuất kịp thời đối với nhà trường. Tỷ lệ người học ngành Đạo diễn điện ảnh bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường.

## *3. Điểm tồn tại*

Mặc dù Nhà trường và Khoa thực hiện giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp hàng năm nhưng nhà trường chưa tìm hiểu, phân tích xác đáng nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn và thôi học; chưa có phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn. Bên cạnh đó trong quá trình xây dựng kế hoạch, chiến lược đào tạo hàng năm Khoa cũng chưa xác lập và phân tích dự đoán được tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và chưa thực hiện việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học (đối sánh năm trước, năm sau; dự đoán xu thế tỷ lệ tốt nghiệp thôi học của người tham gia CTĐT).

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Phòng CTHSSV, Phòng ĐT, QLKH & HTQT, K. NTĐA tiếp tục giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu SV tốt nghiệp, thôi học của SV chuyên ngành ĐDDA. Phát huy hơn nữa vai trò của GVCN trong việc liên hệ, theo dõi sát sao tình hình SV nhất là các SV thôi học để kịp thời động viên, giúp đỡ SV tiếp tục việc học; cập nhật tình hình để báo cáo kịp thời Khoa và lãnh đạo Trường, đồng thời có phân tích, báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở, tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA; P. CTHSSV thúc đẩy tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và giảm tỷ lệ thôi học, cần làm cho người học yêu ngành học đã chọn và

nắm rõ các điều kiện để được công nhận tốt nghiệp. Bước đầu tiến hành đối sánh với các trường khác trong nước và quốc tế về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thời học của SV chuyên ngành ĐDDA bằng việc Khoa NTĐA phối hợp với P. CTHSSV đưa vào kế hoạch, chiến lược đào tạo các phân tích dự đoán tỉ lệ tốt nghiệp, thời học từ đó tìm ra biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo.

5. *Tự đánh giá*: Đạt, mức 4/7.

*Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Thời gian tốt nghiệp là khoảng thời gian cần thiết để sinh viên hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Nhà trường giao cho P. Đào tạo, QLKH & HTQT chủ trì phối hợp với P. CTHSSV, Khoa NTĐA và các đơn vị khác (Khảo thí & ĐBCLGD, HCTH) để theo dõi/thông kê thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học thuộc CTĐT đạo diễn điện ảnh. Để tốt nghiệp, sinh viên phải có đủ điều kiện về điểm, phim tốt nghiệp, và điều kiện khác (đã đạt điểm đầu ra ngoại ngữ, điểm đạt tốt nghiệp môn LLCT... thực hiện đào tạo theo niên chế nên thời gian tốt nghiệp trung bình của SV hệ ĐH chính qui của Khoa NTĐA là 4 năm (Quy chế 25 và những quy định riêng của Trường). Đặc thù chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh là tốt nghiệp bằng phim ĐA, một sản phẩm mang tính đặc thù công nghệ cao và được làm ra bởi 1 tập thể, trong đó Đạo diễn là người chịu trách nhiệm chính. Vì vậy kế hoạch TN của một SV đạo diễn điện ảnh thường xuyên thay đổi, tỷ lệ SV hoãn TN là việc bình thường với khoa ĐA, nhiều khi việc hoãn TN lại là giải pháp lựa chọn tốt hơn. Nói cách khác, chậm tốt nghiệp là yếu tố bình thường, không liên quan tới chất lượng Đào tạo [H11.11.02.01]. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên các khóa tuyển sinh từ 2012 đến 2016 của ngành ĐDDA được thể hiện ở cột thứ 5 của Bảng 11.1. [H11.11.02.02]. Trong 5 năm học gần đây, trung bình hàng năm có **khoảng ....-.....%** SV ngành đạo diễn điện ảnh hoàn thành chương trình và được cấp bằng cử nhân Đạo diễn điện ảnh.

Bên cạnh đó, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp muộn hơn so với thời gian yêu cầu vẫn còn tồn tại (như đã giải thích ở trên). Một số nguyên nhân khiến sinh viên tốt nghiệp không đúng hạn có thể kể đến như: Gặp khó khăn về tài chính để thực hiện phim TN; muốn có sự chuẩn bị tốt hơn về mọi mặt (nghệ thuật; tài chính; nhóm thực hiện); có tỷ lệ nợ môn mà không trả kịp... [H11.11.02.03]. Trên cơ sở tìm hiểu về nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên tốt nghiệp trễ hạn, nhà trường và Khoa đề ra những biện pháp giúp sinh viên hoàn thành các học phần, kéo dài thêm thời gian tốt nghiệp (ví dụ: do dịch Covid 19) [H11.11.02.04].

Để hỗ trợ người học đảm bảo CTĐT, Nhà trường có quy định cho SV bảo lưu, hoặc học riêng với GV (không đợi khoá sau) đối các SV còn nợ môn mà hết thời gian đào tạo hoặc đã đến thời gian xét điều kiện thi tốt nghiệp [H11.11.02.05]. Nhà trường gặp khó khăn khi tìm kiếm thông tin để đối sánh vì các đơn khác không công khai các thông tin này.

## *2. Điểm mạnh*

SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân; Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Trợ lý Khoa, giáo viên chủ nhiệm để hỗ trợ SV kịp thời. Nhà trường đã có hệ thống quản lý, giám sát kế hoạch học tập và thời gian tốt nghiệp của sinh viên; Nhà trường đã có những chính sách, giải pháp hợp lý để giúp SV đảm bảo tiến độ học tập.

## *3. Điểm tồn tại*

Do đặc thù của việc tốt nghiệp chuyên ngành đạo diễn điện ảnh cũng như kinh phí làm bài tốt nghiệp (làm phim) nên thời gian tốt nghiệp của sinh viên có thể bị kéo dài để đạt được chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, SV sẽ bị vi phạm quy chế do kéo dài thời gian học và ảnh hưởng đến việc được công nhận tốt nghiệp. Nhà trường chưa thực hiện đối sánh như yêu cầu của mốc chuẩn tham chiếu trong hướng dẫn tự đánh giá CTĐT của Bộ GD & ĐT (Công văn số: 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng - KĐCLGD).

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa NTĐA, Phòng ĐT, QLKH & HTQT tiếp tục nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát và quản lý học tập cùng với các GVCN, GV bộ môn, GV hướng dẫn có định hướng và hỗ trợ sinh viên trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hỗ trợ người học hoàn thành bài tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa NTĐA, Phòng ĐT, QLKH & HTQT phối hợp xây dựng qui trình thực hiện việc tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của người học, từ đó xây dựng những quy định hỗ trợ SV (như nếu là SV giỏi, có nhiều triển vọng nhưng gặp khó khăn về tài chính hoặc muốn xin cơ chế/ chính sách của Trường về thời gian tốt nghiệp để hoàn thành phim TN đạt chất lượng). Nghiên cứu để triển khai việc đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng*

### *1. Mô tả hiện trạng*

*Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập.* Để đánh giá chất lượng đào tạo thì tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp là một thước đo quan trọng. Người học luôn đặt ra mục tiêu sau khi ra trường có việc làm phù hợp ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp và môi trường làm việc ổn định. Đây cũng là một trong những mục tiêu của Khoa và Trường đặt ra trong CTĐT. Từ năm 2017, theo quy định của Bộ GD & ĐT [H11.11.03.01], Nhà trường đã phân công Phòng CTCT&HSSV (nay là Phòng Công tác học sinh, sinh viên) phụ trách công tác hỗ trợ người học cũng như thực hiện khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, từ đó cho đến nay, hoạt động đó được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định [H11.11.03.02]. Hình thức tổ chức khảo sát bao gồm gọi điện thoại, khảo sát qua mạng internet (đăng mẫu phiếu lên website Nhà trường, cung cấp đường link cho các đối tượng sinh viên tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu, gửi chuyển kết quả trực tiếp vào hộp thư của ban khảo sát. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook,...), qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Đây là hình thức triển khai chủ yếu), khảo sát qua gửi thư (gửi phiếu khảo sát trực tiếp theo địa chỉ do sinh viên cung cấp trước khi tốt nghiệp; tiếp nhận phiếu và nhập thông tin phản hồi vào phần mềm khảo sát) và khảo sát qua phỏng vấn (thực hiện đối với các đối tượng sinh viên tốt nghiệp có hộ khẩu tại Hà Nội và vùng phụ cận; các đối tượng về Trường nhận văn bằng, chứng chỉ; các đối tượng tiếp tục học cao học để nâng cao trình độ thì lấy phiếu trực tiếp) [H11.11.03.03].

*Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được giám sát.* Nhà trường có mối liên hệ gắn bó mật thiết với các sở sở hoạt động nghệ thuật về Sân khấu, Điện ảnh và Truyền hình trong cả nước, với điều kiện thuận lợi như vậy, sinh viên tốt nghiệp của trường nhìn chung đều có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, đây cũng là các đơn vị mà Nhà trường thực hiện việc lấy thông tin về việc làm của SV, thực hiện giám sát tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp. [H11.11.03.04].

Cần phải nói thêm về đặc thù của ngành đạo diễn điện ảnh, sinh viên ra trường không thể ngày một ngày hai trở thành đạo diễn hoặc có việc làm theo đúng mong muốn, SV được gọi là có việc làm được hiểu theo nghĩa rộng, họ có thể không làm đúng ngành đào tạo nhưng có thể làm những công việc liên quan như trợ lý 3,2,1.... cho Đạo diễn, cho SX, thư ký, làm ở bộ phận "Sáng tạo" của các công ty truyền thông...vv. Những việc làm đó là một quá trình tất yếu để chuẩn bị làm nên 1 Đạo diễn ĐA trong tương lai (số tuổi thành danh của nghề này từ 40 - 70). Đạo diễn ĐA là một nghề khá đặc biệt, việc chờ đợi, đòi hỏi SV TN có tác phẩm trong thời gian gần nhất là điều không thể. Do đó, ngay cả việc thống kê tỷ lệ sinh viên có việc làm cũng cần có một cách đánh giá "đặc thù". Thực tế cho thấy, việc SV tốt nghiệp Đạo diễn trở thành người làm ở các vị trí như giám đốc điều hành công ty truyền thông, hãng phim nhỏ độc lập hay bất kể vị trí nào trong hệ thống sản xuất đến khâu phân phối sản phẩm đều là rất bình thường và 1 phần nói lên sự đa dạng về kiến thức của ngành học Đạo diễn (Hết HK 4, khung CTĐT có nội hàm gần giống với ngành

"Điện ảnh học" của TG, và SV có thể lựa chọn chuyên sâu ngành học cụ thể trong hệ thống nhân lực của ngành ĐA như: Đạo diễn, Quay phim, Biên kịch, Nhà Sản xuất. *Những phân tích trên cho thấy việc đối sánh tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp để cải tiến chất lượng đang là một trở ngại, khó khăn cho Khoa NTĐA.*

## *2. Điểm mạnh*

Đa số SV tốt nghiệp ngành Đạo diễn điện ảnh đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT ngành; Nhà Trường và Khoa coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

## *3. Điểm tồn tại*

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, có một tỷ lệ nhất định SV ngành Đạo diễn điện ảnh làm trái ngành trái nghề sau khi tốt nghiệp. Điều này cũng phản ánh tình trạng chung của xã hội, và những điểm đặc thù về nghề đạo diễn đã phân tích ở trên. Khoa và nhà trường chưa tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp để có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp, chưa khảo sát được mức bình quân thu nhập của các sinh viên ở các môi trường làm việc. Việc xác định nguyên nhân chưa có việc làm của sinh viên còn chưa được thực hiện thường xuyên. Việc đối sánh căn cứ từ tỷ lệ có việc làm của sinh viên để cải tiến chất lượng còn gặp nhiều trở ngại do các đơn vị đào tạo khác có cùng CTĐT không công khai các số liệu này.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa và Trường tổ chức liên kết với các đơn vị/ doanh nghiệp để giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa phối hợp với P.CTHSSV lập kế hoạch khảo sát về tình trạng việc làm của sinh viên ngành thuộc khoa NTĐA đã tốt nghiệp ở các khóa từ đó có thông tin đầy đủ để giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng đào tạo. Tổ chức liên kết với các đơn vị/ doanh nghiệp để giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.

## *5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

*Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng*

### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích sinh



viên tham gia nghiên cứu khoa học **[H11.11.04.01]**. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được thực hiện theo quy định hiện hành **[H11.11.04.02]**.

Hàng năm, Nhà trường chú trọng đầu tư nguồn học liệu để hỗ trợ SV học tập và nghiên cứu khoa học. Hoạt động khoa học và công nghệ được Nhà trường quan tâm như: tìm kiếm, thu thập, xử lý các dữ liệu, số liệu, dữ kiện, tin tức, tri thức nhằm tạo lập nguồn tin khoa học và công nghệ (sách, báo, tạp chí, cơ sở dữ liệu, tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học, lưu trữ luận văn, luận án sau đại học và các nguồn tin khác) **[H11.11.04.03]**.

Do đặc thù của ngành đạo diễn điện ảnh, sản phẩm nghiên cứu khoa học không như những sản phẩm thông thường. Như đã phân tích tại tiêu chí 10.4 “Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là trường đại học đào tạo nghệ thuật, do đó hoạt động nghiên cứu khoa học có đặc thù riêng, như việc dựng vở diễn, quay một bộ phim...và kinh nghiệm tích lũy được từ các hoạt động này được coi là một một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường” **[H10.10.04.01]**. Hàng năm, GV và SV của Khoa tiến hành các hoạt động nghề nghiệp cụ thể để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đây được coi là hình thức nghiên cứu đề tài khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học **[H10.10.04.04]**.

Từ năm 2015 đến nay, sinh viên của Khoa NTĐA – ngành đạo diễn điện ảnh đã đạt được nhiều giải thưởng **[H11.11.04.04]**, đây là những sản phẩm nghiên cứu khoa học đặc thù. Giải thích cho tính đặc thù này, NSND- GV- Nhà quay phim – Phó chủ nhiệm Khoa NTĐA- Thầy Lý Thái Dũng phân tích như sau: “Cùng một nội hàm kiến thức lý thuyết khi áp dụng vào thực hành, mỗi SV có 1 sự lựa chọn cách làm khác nhau (Kịch bản, cốt truyện khác nhau) vì vậy, mỗi bài tập của họ - cùng với GV, suốt học phần... thời gian tương tác của SV và GV là một quá trình hoạt động nghiên cứu... Lớp có bao nhiêu SV là có bấy nhiêu hoạt động nghiên cứu, và hình thức trả bài tập trước các GV và toàn bộ sinh viên trong lớp thật sự là một biện pháp giúp SV và GV phản biện, đối sánh kiến thức và kết quả học và dạy của chuyên ngành (mở rộng việc trả các bài tập quan trọng thì quy mô mở rộng ở cả các chuyên ngành khác trong khoa). Hầu hết trong toàn bộ học phần nghiệp vụ Đạo diễn của ngành học KHÔNG có học phần nào là lý thuyết thuần túy. Nhiều bài thực hành có trước trong chương trình học để SV rút ra, chứng minh cho lý thuyết nghề nghiệp”.

Với phân tích trên cho thấy giảng viên và sinh viên ngành đạo diễn điện ảnh đã thực hiện phương châm “giảng dạy kết hợp với thực nghiệm và NCKH”. Nhà trường có quy định cụ thể về việc khen thưởng đối với sinh viên đạt giải trong các liên hoan phim, hoặc các cuộc thi mà SV của Trường tham gia được giải **[H11.11.04.05]**.

Bên cạnh đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội nghị, hội thảo khoa học với sự tham gia của các cán bộ, SV trong Khoa. Đặc biệt là Liên hoan phim “Ông

vàng”, đây là cuộc thi hoạt động nhân kỷ niệm 35 năm thành lập Trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (17-12-1980 – 17-12-2015) nhằm khuyến khích sự tìm tòi sáng tạo của những nhà làm phim trẻ, thúc đẩy phong trào làm phim trong giới sinh viên toàn quốc [H11.11.04.06]. Trường đã tổ chức các hoạt động này 2 năm một lần và được báo chí đánh giá cao [H11.11.04.07]. Nhân kỷ niệm 40 năm thành lập trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội (17/12/1980 – 17/12/2020), khoa Nghệ thuật Điện ảnh (trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội ) đã tổ chức Lễ trao giải Liên hoan phim ngắn 2020 dành cho các cựu sinh viên và sinh viên của trường. NSND Lý Thái Dũng, Phó trưởng khoa Nghệ thuật Điện ảnh (trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội) chia sẻ: “Cuộc thi lần này mong muốn giới thiệu và ghi nhận những phim ngắn có nhân quan độc đáo, ngôn ngữ điện ảnh đa dạng, với sự tham gia của sinh viên trong các vai trò khác nhau. Liên hoan phim ngắn 2020 hy vọng khích lệ tài năng của người làm phim trẻ hôm nay” [H11.11.04.08]. Có một thực tế là động viên SV làm phim, tham gia mọi công việc của hoạt động ĐA có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo. Mỗi SV kết thúc 1 trải nghiệm đều có cho mình những kinh nghiệm tốt để làm nghề. Công việc này trải dài toàn bộ cuộc đời làm nghề của họ (tích lũy kinh nghiệm, trải nghiệm). Nó không (hoặc rất ít) hiện hữu tất yếu ở một bài viết, bài báo hay "công trình" nào đó. Người GV xem phim của họ để phân tích cho họ thấy họ đã trưởng thành như thế nào” (NSND Lý Thái Dũng).

## *2. Điểm mạnh*

Một số giảng viên của khoa cũng như giảng viên thỉnh giảng của khoa là những nhà quay phim, đạo diễn điện ảnh có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghề. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn các đồng nghiệp và sinh viên NCKH/ sáng tác. Hàng năm, khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH/ sáng tác thông qua các hoạt động hỗ trợ như tổ chức liên hoan phim như đã đề cập ở phần mô tả.

## *3. Điểm tồn tại*

Nhà trường chưa xây dựng Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, để làm rõ các nội dung liên quan đến công tác NCKH trong sinh viên của Trường, đồng thời có đề cập đến loại hình nghiên cứu khoa học đặc thù cho SV đạo diễn điện ảnh.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Nghệ thuật điện ảnh phối hợp với P. ĐT, QLKH & HTQT, Viện NCSKĐA, P. CTHSSV tham mưu với Nhà trường xây dựng Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội (trong đó có tiêu chí cho Khoa NTĐA), thể hiện được đặc thù của ngành đạo diễn điện ảnh, có thể quy đổi loại hình NCKH thành các tác phẩm điện ảnh như một bộ phim và

giải thưởng liên quan đến ngành đạo diễn điện ảnh.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng CTHSSV là đơn vị tham mưu giúp Hiệu trưởng thống nhất quản lý, chỉ đạo các hoạt động về NCKH sinh viên. Hàng năm lập kế hoạch về nội dung hoạt động NCKH sinh viên trình Hiệu trưởng duyệt, sau đó thống nhất chỉ đạo tổ chức thực hiện. Hội đồng KHĐT và các Bộ môn của Khoa đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng cách tuyên truyền, phổ biến về công tác NCKH của SV, đồng thời thành lập Hội đồng tư vấn đề tài NCKH và phát huy công tác hỗ trợ, hướng dẫn của các nhóm NCKH từ giảng viên đối với SV và đổi mới cơ chế, chính sách động viên khích lệ SV thực hiện các đề tài NCKH. Ngoài ra Nhà trường cũng đầu tư kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học được chọn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

*Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Hàng năm, Nhà Trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới [H11.11.05.01] nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo. Giảng viên và chuyên viên của Khoa được tham dự các Hội nghị cán bộ viên chức giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo khoa với cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT. Hội đồng KHĐT Trường tổ chức họp theo định kỳ để xem xét chiến lược đào tạo mà các cán bộ giảng viên của các đơn vị trong đó có khoa nghệ thuật điện ảnh kiến nghị.

Mỗi học kỳ, Trường và Khoa đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ [H11.11.05.02]. Để hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan đi vào chiều sâu và thực chất, năm 2021, Nhà trường ban hành quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.03].

Ngoài ra, hàng tháng, Khoa chỉ đạo SV tổ chức sinh hoạt lớp để lắng nghe các ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn, công khai và có sự giải trình, tiếp thu nghiêm túc của giáo viên chủ nhiệm, trợ lý khoa [H11.11.05.04] để báo cáo Ban chủ nhiệm khoa, Hội đồng KHĐT của khoa và các Bộ môn nhằm kịp thời cải tiến chất lượng

và phản hồi tới người học về sự cải tiến. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu người học, Nhà trường và Khoa đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu người học nhằm lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT và CDR của CTĐT [H11.11.05.05] để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CDR của ngành.

Bên cạnh đó, Trường và Khoa Nghệ thuật điện ảnh hàng năm cũng tiến hành khảo sát việc làm của cựu SV, gửi bảng khảo sát đến các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng các SV ra trường của Khoa để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng. [H11.11.05.06]. Nhìn chung, đa số các nhà tuyển dụng đều đánh giá cao năng lực hoạt động nghề nghiệp của cử nhân ngành Đạo diễn điện ảnh, Khoa Nghệ thuật điện ảnh. Tuy nhiên nhà tuyển dụng cũng bổ sung những kỹ năng nghề nghiệp cần đưa vào CTĐT để đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm đối với SV ngành. Đây là một nguồn thông tin quan trọng để Trường và Khoa cải tiến CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của Nhà tuyển dụng cho thấy tỷ lệ đáp ứng được yêu cầu công việc ngày càng cao.

## *2. Điểm mạnh*

CTĐT và CDR của CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh được tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan với nhiều hình thức thực chất. Đại đa số các bên liên quan hài lòng về CTĐT và CDR của CTĐT. Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được khoa và trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CDR của ngành.

## *3. Điểm tồn tại*

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường, khoa, ngành mới được thực hiện, chưa tổ chức định kỳ, thường xuyên. Mẫu biểu khảo sát, bảng hỏi chưa được cập nhật, điều chỉnh để đảm bảo đánh giá đúng thực chất và yêu cầu của các bên liên quan về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

## *4. Kế hoạch hành động*

Phát huy điểm mạnh: Năm 2022, P. KT & ĐBCLGD lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo về “Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan” nhằm đưa hoạt động tìm hiểu mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022 trở đi, Khoa NTĐA lập kế hoạch phối hợp với Phòng Khảo thí và ĐBCLGD tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

**Kết luận về tiêu chuẩn 11**

Nhìn chung, sinh viên ngành Đạo diễn điện ảnh có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT. Tuy nhiên, để có thể khắc phục một số hạn chế, Trường cần ban hành *Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội* khuyến khích các em làm NCKH (bằng hình thức làm phim), đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm... nhằm trang bị cho sinh viên để các em đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

**Đánh giá về Tiêu chuẩn 11:**

| Tiêu chí      | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 11 |                 |                           |
|---------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|-----------------------------|-----------------|---------------------------|
|               | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức trung bình              | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|               | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                             |                 |                           |
| Tiêu chí 11.1 |                |   |   | x   |   |   |   | 4.0                         | 05              | 100%                      |
| Tiêu chí 11.2 |                |   |   | x   |   |   |   |                             |                 |                           |
| Tiêu chí 11.3 |                |   |   | x   |   |   |   |                             |                 |                           |
| Tiêu chí 11.4 |                |   |   | x   |   |   |   |                             |                 |                           |
| Tiêu chí 11.5 |                |   |   | x   |   |   |   |                             |                 |                           |

### PHẦN III. KẾT LUẬN

Căn cứ vào sứ mạng của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (ĐHSK-ĐAHN) là trường đào tạo nhân lực cho ngành sân khấu, điện ảnh lớn nhất khu vực phía Bắc; là một cơ sở đào tạo nghệ thuật sân khấu và nghệ thuật điện ảnh bậc đại học và sau đại học duy nhất của cả nước. Trường có sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nguồn lực của Trường. Trường đã góp phần rất lớn trong việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của ngành văn hóa, thể thao và du lịch nói riêng và cả nước nói chung cũng như trong việc thực hiện những kế hoạch, chiến lược về giáo dục và đào tạo của Chính phủ. CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh được xem là một trong những chương trình then chốt của Nhà trường. Do đó việc đánh giá chương trình là tất yếu nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và định kỳ tham gia kiểm định chất lượng.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở phần mô tả, hiệu quả các hoạt động của CTĐT được phân tích, đánh giá chi tiết theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT cử nhân ngành Đạo diễn điện ảnh trong vòng 6 năm qua (2015 - 2021) đã đạt được những thành công, thành tựu đáng kể.

Thứ nhất, mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết. CĐR ngành Đạo diễn điện ảnh được công bố công khai đến từng sinh viên thông qua trang học tập cá nhân trên hệ thống website của Trường ở mỗi kì học, mỗi năm học.

Thứ hai, các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực Đạo diễn điện ảnh.... Quá trình bổ sung, điều chỉnh của khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của hội đồng KHĐT khoa, cựu SV, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần đều được cung

cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

Thứ ba, CTDH của ngành Đào diễn điện ảnh được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Hội đồng KH&ĐT của Khoa Nghệ thuật điện ảnh đã chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó, chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành đào diễn điện ảnh trong khu vực và trên thế giới. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Thứ tư, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành Đào diễn điện ảnh phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu thuật giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, có sự tương tác hiệu quả giữa GV và SV; các GV luôn tôn trọng và giúp đỡ người học.

Thứ năm, việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành Đào diễn điện ảnh, khoa Nghệ thuật điện ảnh được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội để đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của SV. Khoa Nghệ thuật điện ảnh luôn tập trung sâu vào đánh giá năng lực của người học thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Thứ sáu, đội ngũ giảng viên trong ngành đào diễn điện ảnh có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Khoa đã có những thành tích nhất định.

Trong giảng dạy, với số lượng người học như hiện tại, đội ngũ giảng viên của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số giảng viên có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ sinh viên. Trong NCKH, tuy vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhưng đội ngũ giảng viên của Khoa cũng đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu, nhiều giảng viên được khen thưởng hoặc nhận các giải thưởng danh

giá. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa và nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của giảng viên, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh có trình độ chuyên môn cơ bản đáp ứng được nhu cầu công việc. Ngoài ra, đội ngũ này cũng rất năng động và nhiệt huyết, do vậy, công việc luôn được triển khai và hoàn thành tốt. Ngoài ra, Trường luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý công việc của đội ngũ này. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

Thứ bảy, công việc tuyển sinh được thực hiện một cách công khai, nghiêm túc, vì thế hàng năm ngành Đạo diễn điện ảnh tuyển chọn được nhiều sinh viên có năng lực đạt yêu cầu đầu vào. Bên cạnh đó, người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Thứ tám, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng thực hành với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành. Hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của cán bộ, giảng viên và người học của Trường.

Thứ chín, công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành Đạo diễn điện ảnh được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Các hoạt động nghề nghiệp tương đương nghiên cứu khoa học được giảng viên và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng chiếu phim, trung tâm Âm thanh, ánh sáng...) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy- học và nghiên cứu khoa học.

Thứ mười, sinh viên ngành Đạo diễn điện ảnh có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT.



Bên cạnh những điểm nổi bật đã nêu trên, CTĐT cử nhân ngành Đạo diễn điện ảnh cũng cũng có một số tồn tại sau:

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT mới chỉ được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của nhà trường. Khoa chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học, cũng như chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

Thiết bị cho chuyên ngành đạo diễn điện ảnh vẫn chưa cập nhật kịp thời với sự phát triển của thế giới, tuy nhiên với ngành Đạo diễn điện ảnh, tài liệu vẫn còn hạn chế và chưa được cập nhật thường xuyên. Phòng thực hành được trang bị hiện đại để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; tuy nhiên vẫn chưa có những phòng học hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế

Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần đến các bên có liên quan còn đang được thực hiện một cách hạn hẹp, và không chuyên nghiệp. Khoa thiếu cơ sở dữ liệu cập nhật về việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các đề cương học phần. Phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng. CĐR của một số học phần chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CĐR của CTĐT.

Hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. Việc đánh giá kết quả học tập một số học phần còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được tiến hành một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; Khoa mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của nhà trường mà chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học; chưa có sự liên hệ thật sự chặt chẽ trong quá trình SV thực tập tại cơ sở, các ký kết với cơ sở thực tế chưa có những ràng buộc liên quan nhiều đến chuẩn đầu ra theo từng năm học và từng chuyên ngành mà SV phải đạt tới; Khoa chưa thiết lập được kênh thông tin riêng trên website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

CĐR của một số học phần chưa rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CĐR của chương trình đào tạo.

Thư viện chưa đảm bảo các điều kiện thuận lợi cho việc tự học, tự nghiên cứu của SV và GV. Nhiều SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu.

Với những điểm nổi bật và một số tồn tại đã nêu ra ở trên, kết quả tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Đạo diễn điện ảnh được thể hiện thông qua bảng sau:

**Phụ lục 6a: BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT CỬ NHÂN  
NGÀNH ĐẠO DIỄN ĐIỆN ẢNH**

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội**

Mã: 52210235

Tên CTĐT: **Cử nhân Đạo diễn điện ảnh**

Mã CTĐT: **7210235A**

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|-------------------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|--------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                         | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức<br>trung<br>bình     | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
|                         | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 4,33                     | 3                  | 100<br>(3/3)                    |
| Tiêu chí 1.1            |                |   |   |     | x |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.2            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.3            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 3                  | 100<br>(3/3)                    |
| Tiêu chí 2.1            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.2            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.3            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 3                  | 100<br>(3/3)                    |
| Tiêu chí 3.1            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.2            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.3            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 3                  | 100<br>(3/3)                    |
| Tiêu chí 4.1            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.2            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.3            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 5                  | 100<br>(5/5)                    |
| Tiêu chí 5.1            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.2            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.3            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.4            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.5            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|-------------------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|--------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                         | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức<br>trung<br>bình     | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
|                         | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 7                  | 100<br>(7/7)                    |
| Tiêu chí 6.1            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.2            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.3            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.4            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.5            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.6            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.7            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 5                  | 100<br>(5/5)                    |
| Tiêu chí 7.1            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.2            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.3            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.4            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.5            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 4,40                     | 5                  | 100<br>(5/5)                    |
| Tiêu chí 8.1            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.2            |                |   |   |     | x |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.3            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.4            |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.5            |                |   |   |     | x |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5.00                     | 5                  | 100<br>(5/5)                    |
| Tiêu chí 9.1            |                |   |   |     | x |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.2            |                |   |   |     | x |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.3            |                |   |   |     | x |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.4            |                |   |   |     | x |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.5            |                |   |   |     | x |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                |   |   |     |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.1           |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.2           |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                    |                                 |

| Tiêu chuẩn, tiêu chí       | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo tiêu chuẩn |                 |                           |
|----------------------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|--------------------------|-----------------|---------------------------|
|                            | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức trung bình           | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|                            | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 10.3              |                |   |   | x   |   |   |   | 4,16                     | 6/6             | 100<br>(5/6)              |
| Tiêu chí 10.4              |                |   |   |     | x |   |   |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 10.5              |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 10.6              |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                 |                           |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b>       |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 5/5             | 100<br>(5/5)              |
| Tiêu chí 11.1              |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 11.2              |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 11.3              |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 11.4              |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 11.5              |                |   |   | x   |   |   |   |                          |                 |                           |
| <b>Đánh giá chung CTĐT</b> |                |   |   |     |   |   |   | <b>4,17</b>              | <b>50/50</b>    | <b>100%</b>               |

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2022  
**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Nguyễn Đình Thi**

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (Phụ lục 7):

#### CƠ SỞ DỮ LIỆU

#### KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày ...../...../20.....

##### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Sân Khấu - Điện Ảnh Hà Nội

Tiếng Anh: Hanoi Academy of Theatre and Cinema

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: .....

Tiếng Anh: .....

3. Tên trước đây (nếu có): .....

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch

5. Địa chỉ: Khu văn hóa nghệ thuật, P Mai Dịch, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 84.4.37643397

E-mail: [skd@moet.edu.vn](mailto:skd@moet.edu.vn) Website: [www.skda.edu.vn](http://www.skda.edu.vn)

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 1980

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1980

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1984

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thực

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

##### II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Nghệ thuật Điện ảnh

Tiếng Anh: Department of Cinema

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: .....

Tiếng Anh: .....

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt: .....

Tiếng Anh: .....

15. Mã CTĐT: 7210235A

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): .....
17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 2 nhà C, Trường ĐH SKĐAHN, Khu văn hóa nghệ thuật, P Mai Dịch, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội
18. Số điện thoại liên hệ: 02437648442; Email: ntda@gmail.com Website:
19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1980
20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1980
21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1984

### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật):

Khoa Nghệ thuật điện ảnh được thành lập ngày 17/12/1980. Từ đó cho đến nay, Khoa Nghệ thuật Điện ảnh đã, đang và sẽ là một trong những trụ cột, thước đo cho sự hưng thịnh của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.

Những ngày đầu thành lập, Khoa chỉ đào tạo các lớp chuyên ngành Quay phim (do NSND, Nhà quay phim Trần Thế Dân chủ nhiệm), chuyên ngành Đạo diễn và Lý luận phê bình điện ảnh (do NGND, Đạo diễn Lê Đăng Thực chủ nhiệm). Đến năm 1982, chuyên ngành Biên kịch mới được thành lập do cố PGS. Nhà biên kịch Bành Bảo và cố PGS.TS, Nhà biên kịch Bành Châu chủ nhiệm. NGƯT, Nhà lý luận phê bình điện ảnh Vũ Quang Chính và cố Nhà lý luận phê bình điện ảnh Hoàng Thanh chủ nhiệm chuyên ngành Lý luận phê bình điện ảnh. Cho đến năm 1988, bốn chuyên ngành Đạo diễn, Quay phim, Biên kịch và Lý luận điện ảnh đã nằm trong mái nhà chung – Khoa Nghệ thuật điện ảnh do NGND, Đạo diễn Lê Đăng Thực là Trưởng khoa và ThS. Lê Cẩm Lượng làm Phó Trưởng khoa. Từ năm 1999, cương vị Trưởng khoa được NSUT, Đạo diễn Lò Văn Minh; ThS, Nhà lý luận phê bình điện ảnh Nguyễn Danh Dương và Nhà biên kịch Đoàn Minh Tuấn; Nhà quay phim, NSUT Hoàng Tấn Phát; ThS Nguyễn Quỳnh Trang và Nhà quay phim, NSND Trần Quốc Dũng lần lượt tham gia đảm nhiệm. Hiện nay, Khoa Nghệ thuật điện ảnh có hai Phó trưởng khoa là Nhà quay phim NSND Lý Thái Dũng và Thạc sĩ Phan Thúy Diệu.

Thế hệ cán bộ, giảng viên đầu tiên của khoa là các thế hệ nghệ sĩ danh tiếng trong làng điện ảnh Việt Nam như NSND, Đạo diễn Nguyễn Khắc Lợi; cố NSND, Đạo diễn Trần Đắc; NGND, Đạo diễn Lê Đăng Thực; cố NSUT, Nhà quay phim Trần Trung Nhân; NSND, Nhà quay phim Trần Thế Dân; PGS.TS Nguyễn Mạnh Lân; các Nhà lý luận phê bình điện ảnh như NGƯT Vũ Quang Chính, cố TS Phạm Ngọc Chương, PGS.TS Trần Luân Kim, Nguyễn Thị Lợi, Lê Chân và các nhà biên kịch: cố PGS Bành Bảo, cố PGS.TS Bành Châu... Đến nay, có nhiều nghệ sĩ – những cây đa cây đề của ngành điện ảnh đã yên nghỉ, nhưng nhiệt huyết và kiến thức nghề nghiệp của các thầy vẫn tồn tại và được nuôi dưỡng, nhân lên trong thế hệ các nhà điện ảnh kế cận.

Khoa Nghệ thuật điện ảnh vẫn luôn nhận được sự cộng tác với các thế hệ nghệ sĩ lão thành như NSND, Đạo diễn Nguyễn Khắc Lợi; NGND, Nhà lý luận phê bình Vũ Quang Chính; ... Các thế

hệ tiếp nối như NSUT, Đạo diễn Nguyễn Xuân Sơn; NSUT, Đạo diễn Vũ Châu; NSND, Đạo diễn Nguyễn Khải Hưng; NSND Phạm Nhuệ Giang; NSND, Đạo diễn Đào Duy Phúc; NSUT, Đạo diễn Bùi Tuấn Dũng; Nhà quay phim Trần Quốc Dũng; NSUT, Nhà quay phim Hoàng Tấn Phát; NSUT, Nhà quay phim Lý Thái Dũng; NSUT, Nhà quay phim Phạm Thanh Hà; Nhà quay phim, NSUT Trịnh Quang Tùng; PGS.TS, Nhà biên kịch Trần Thanh Hiệp; Nhà biên kịch Đoàn Minh Tuấn; Nhà biên kịch Bành Mai Phương; Nhà biên kịch Trịnh Thanh Nhã; Nhà biên kịch, Thạc sĩ Phạm Thanh Hà; PGS.TS, Nhà lý luận phê bình Vũ Ngọc Thanh... Tên tuổi và những đóng góp của thế hệ các nghệ sĩ – giảng viên đối với sự nghiệp điện ảnh Việt Nam gắn liền với sự nghiệp đào tạo điện ảnh của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.

Với bốn chuyên ngành: Quay phim điện ảnh, Đạo diễn điện ảnh, Biên kịch điện ảnh, Lịch sử-Lý luận và phê bình điện ảnh – truyền hình, thước đo kết quả học tập của sinh viên chính là những thước phim ngắn độc đáo, những kịch bản hay, những bài tiểu luận nghiên cứu phim và lịch sử điện ảnh sâu sắc. Các sinh viên được thể hiện khả năng sáng tạo của mình dưới sự gợi ý, chỉ bảo tận tình của giảng viên – những nghệ sĩ có nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp. Bằng phương pháp học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, sinh viên thường xuyên được xem phim, viết kịch bản và thực hành tại trường quay để tạo dựng nên những bộ phim mang nhiều sắc thái, vừa có tính thử nghiệm, vừa mang đậm dấu ấn của sự hồn nhiên, tinh tế và lãng mạn của thế hệ điện ảnh trẻ.

Ngoài các lớp chuyên ngành trên, khoa còn có lớp Đạo diễn tài năng dành cho những sinh viên có thành tích học tập vượt trội. Sinh viên cũng được tuyển chọn vào lớp đạo diễn và quay phim chất lượng cao để phát huy năng lực sáng tạo. Văn bằng 2 chuyên ngành đạo diễn điện ảnh ( Sản xuất phim) cũng được mở từ năm 2020 nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực tổ chức sản xuất phim.

Mỗi năm, Khoa Nghệ thuật điện ảnh đào tạo được trung bình 60 sinh viên của bốn chuyên ngành và khi ra trường các sinh viên hầu hết được các hãng phim, các đài truyền hình, các công ty truyền thông đa phương tiện, các tạp chí, các viện nghiên cứu trên toàn quốc tuyển dụng. Nhiều sinh viên đã làm vẻ vang cho trường bằng những giải thưởng trong nước và quốc tế như Đạo diễn Bùi Thạc Chuyên được giải phim ngắn tại Liên hoan phim Cannes.

Nhiều sinh cựu sinh viên ra trường, công tác tại các hãng phim, các kênh truyền hình cũng đã giành được những giải thưởng lớn trong các kỳ liên hoan phim Cánh Diều, Bông Sen và nhiều cuộc thi làm phim khác trong nước như:

- Liên hoan Phim ngắn toàn quốc năm 2004: Bùi Kim Quy (Giải Nhất);
- Liên hoan Phim ngắn toàn quốc năm 2005: Phạm Chi Mai (Giải Nhất); Nguyễn Mạnh Hà (Giải Nhì); Nguyễn Hoàng Điệp và Trần Hoàng Linh (Giải Ba);
- Giải Cánh Diều năm 2010: Thiều Hà Quang Nghĩa và Phan Huyền My (Cánh Diều Bạc hạng mục phim ngắn);



– Giải Cánh Diều năm 2012: Đặng Việt Đức (Cánh Diều Vàng hạng mục phim ngắn); Nguyễn Hồng Quân (Cánh Diều Bạc hạng mục phim ngắn); Đỗ Quốc Trung, Phùng Văn Định (Bằng khen của Ban Giám khảo)

– Giải Cánh Diều năm 2013: Trang Công Minh (Quay phim xuất sắc nhất hạng mục phim truyện điện ảnh); Lê Hiếu (Cánh Diều Bạc hạng mục phim ngắn);

– Giải Bông Sen (Liên hoan phim Việt Nam) lần thứ 18: Đinh Tuấn Vũ (Giải thưởng Ban Giám khảo);

Với sự đổi mới trong lĩnh vực đào tạo, nhà trường đã kết hợp mời các chuyên gia điện ảnh từ các nước Nga, Thụy Điển, Na Uy, Pháp, Đức, Bỉ, Ixraen... tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn và dài hạn để sinh viên được tiếp cận với các phương pháp, phong cách làm phim mới. Không chỉ được học tập trong nước, những sinh viên giỏi còn được học bổng dự các khóa học đạo diễn, dựng phim, sản xuất phim tại Nga, Hàn Quốc, Thụy Điển.

Cứ hai năm một lần, Khoa Nghệ thuật điện ảnh lại mở Liên hoan phim Ong Vàng, tạo một sân chơi mang tính nghề nghiệp nhằm tìm tòi và tôn vinh những sáng tạo của các nghệ sĩ tương lai đang ngồi trên giảng đường đại học. Những phim được Ban Giám khảo đánh giá cao được in thành đĩa phim làm tài liệu cho các lớp nghiên cứu, tham khảo, học tập.

Khoa Nghệ thuật điện ảnh đang được tiếp thêm sức mạnh với thế hệ giảng viên trẻ – chính là những sinh viên xuất sắc của Khoa được giữ lại trường hoặc đã từng có thời gian công tác tại các đơn vị sản xuất như, ThS Nguyễn Quỳnh Trang; ThS Hoàng Dạ Vũ; ThS Phan Thúy Diệu; Nhà biên kịch Bùi Kim Quy; Nhà biên kịch Đặng Thu Hà; Đạo diễn Nguyễn Hoàng Điệp; ThS Lê Minh Đức; ThS Trần Diệu Hiền; ThS Phạm Hải Yên; ThS Nguyễn Hồng Quân; ThS Nguyễn Thị Huyền Trang; ThS Trương Quế Chi; ThS Nguyễn Quốc Phương; ThS Chu Tiến Dũng; ThS Hoàng Thị Thu Thủy; ThS Trịnh Ngọc Sơn... để đội ngũ giảng viên của khoa luôn vững vàng, đầy nhiệt huyết, là niềm tin cho sự tồn tại vững bền của Khoa Nghệ thuật điện ảnh.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT:

Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục

- PGS.TS.NGND Nguyễn Đình Thi: Hiệu trưởng

- ThS Nguyễn Thị Thanh Quế: Hiệu phó

- ThS Phạm Đắc Thi: Hiệu phó

Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

- Ths Phan Thúy Diệu: Phó trưởng khoa NTĐA

*(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).*

| TT   | Các bộ phận                               | Họ và tên            | Năm sinh | Học vị, chức danh, chức vụ | Điện thoại | Email                        |
|------|---|----------------------|----------|----------------------------|------------|------------------------------|
|      | <b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục</b>        |                      |          |                            |            |                              |
| 1    | Hiệu trưởng                               | Nguyễn Đình Thi      | 1964     | PGS.TS.N GND               | 0913588863 | thidinhnguyen@hotmail.com    |
| 2    | Phó hiệu trưởng                           | Nguyễn Thanh Quế     | 1967     | ThS                        | 0985577500 | thanhque2001@gmail.com       |
| 3    | Phó hiệu trưởng                           | Phạm Đắc Thi         | 1970     | TS                         | 0912312989 | pdthi2012@gmail.com          |
|      | <b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>              |                      |          |                            |            |                              |
| I.   | Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị              |                      |          |                            |            |                              |
| 1.   | Phó trưởng khoa                           | Phan Thúy Diệu       | 1985     | ThS                        | 0916993929 | dieuphanthuy@gmail.com       |
| II.  | Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội |                      |          |                            |            |                              |
| 1.   | Bí thư Đảng ủy                            | Nguyễn Đình Thi      | 1964     | PGS.TS.N GND               | 0913588863 | thidinhnguyen@hotmail.com    |
| 2.   | Chủ tịch công đoàn trường                 | Hoàng Dạ Vũ          | 1985     | ThS                        | 0983290885 | hoangdavu2908@gmail.com      |
| 3.   | Bí thư đoàn thanh niên                    | Lê Thị Ly Như        | 1984     | ThS                        | 0985875665 | lynhu1984@gmail.com          |
| III. | Các phòng, ban                            |                      |          |                            |            |                              |
| 1.   | Trưởng phòng ĐT QLKH và HTQT              | Nguyễn Thị Hồng Hiền | 1980     | TS                         | 0912798888 | nguyenhonghien0110@gmail.com |
| 2.   | Trưởng phòng                              | Trần Tuyết Hồng      | 1983     | ThS                        | 0982387183 | tuyethongpdt.sk              |

|     |                                      |                     |      |      |            |                                |
|-----|--------------------------------------|---------------------|------|------|------------|--------------------------------|
|     | CTHSSV                               |                     |      |      |            | da@gmail.com                   |
| 3.  | Trưởng phòng Hành chính tổng hợp     | Nguyễn Thị Thu Hiền | 1983 | ThS  | 0906113599 | nguyenhienskda@gmail.com       |
| 4.  | Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCLGD      | Trịnh Thúy Hương    | 1981 | TS   | 0912804603 | trinh.thuyhuong81@gmail.com    |
| IV. | Các bộ môn                           |                     |      |      |            |                                |
| 1.  | Tổ trưởng tổ bộ môn Đạo diễn         | Nguyễn Hồng Quân    | 1982 | ThS  | 0983605182 | quan.nguyenhong.skda@gmail.com |
| 2.  | Tổ trưởng tổ bộ môn Biên kịch & LLPB | Đặng Thu Hà         | 1982 | ThS  | 0983827028 | hachi8208@gmail.com            |
| 3.  | Tổ trưởng tổ bộ môn Quay phim        | Lý Thái Dũng        | 1964 | NSND | 0903419677 | ltdungfilm@gmail.com           |

*(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)*

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 04

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: Không

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 04

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

- Ngành Đạo diễn ĐA-TH (SX phim) văn bằng 2: 01

*(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).*

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

|                                 | Có                                  | Không                    |
|---------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| Chính quy                       | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Không chính quy                 | <input type="checkbox"/>            | <input type="checkbox"/> |
| Từ xa                           | <input type="checkbox"/>            | <input type="checkbox"/> |
| Liên kết đào tạo với nước ngoài | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Liên kết đào tạo trong nước

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): .....

32. Tổng số các ngành đào tạo: 04

#### IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

| TT  | Phân loại   | Nam | Nữ | Tổng số |
|-----|---|-----|----|---------|
| I   | <b>Đội ngũ cơ hữu<sup>1</sup></b><br><i>Trong đó:</i>   | 7   | 5  | 12      |
| I.1 | Đội ngũ trong biên chế  | 7   | 4  | 11      |
| I.2 | Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn                               | 0   | 1  | 1       |
| II  | <b>Các đối tượng khác</b><br>Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>2</sup> ) | 12  | 6  | 18      |
|     | <b>Tổng số</b>  |     |    | 30      |

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

| TT | Trình độ, học vị, chức danh | Số lượng GV | Giảng viên cơ hữu (GV)                |  |                                 | GV thỉnh giảng trong nước | GV quốc tế |
|----|-----------------------------|-------------|---------------------------------------|--|---------------------------------|---------------------------|------------|
|    |                             |             | GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |                           |            |
|    |                             |             |                                       |  |                                 |                           |            |

<sup>1</sup> Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>2</sup> Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>3</sup> Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

| TT  | Trình độ, học vị, chức danh | Số lượng GV | Giảng viên cơ hữu (GV)                |  |                                 | GV thỉnh giảng trong nước | GV quốc tế |
|-----|-----------------------------|-------------|---------------------------------------|--|---------------------------------|---------------------------|------------|
|     |                             |             | GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |                           |            |
| (1) | (2)                         | (3)         | (4)                                   | (5)  | (6)                             | (7)                       | (8)        |
| 1   | Giáo sư, Viện sĩ            | 0           | 0                                     | 0  | 0                               | 0                         | 0          |
| 2   | Phó Giáo sư (NSND/NSUT)     | 10          | 1                                     | 0  | 0                               | 9                         | 0          |
| 3   | Tiến sĩ khoa học            | 0           | 0                                     | 0  | 0                               | 0                         | 0          |
| 4   | Tiến sĩ                     | 2           | 0                                     | 0  | 0                               | 2                         | 0          |
| 5   | Thạc sĩ                     | 18          | 10                                    | 0  | 1                               | 7                         | 0          |
| 6   | Đại học                     | 10          | 1                                     | 0  | 0                               | 9                         | 0          |
| 7   | Cao đẳng                    | 0           | 0                                     | 0  | 0                               | 0                         | 0          |
| 8   | Trình độ khác               | 0           | 0                                     | 0  | 0                               | 0                         | 0          |
|     | <b>Tổng số</b>              | <b>40</b>   | <b>12</b>                             | <b>0</b>   | <b>1</b>                        | <b>27</b>                 | <b>0</b>   |

*(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)*

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 13 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 13/13

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).



| TT  | Trình độ, học vị, chức danh | Hệ số quy đổi | Số lượng GV | GV cơ hữu                             |   |                                 | GV thỉnh giảng | GV quốc tế | GV quy đổi |
|-----|-----------------------------|---------------|-------------|---------------------------------------|---|---------------------------------|----------------|------------|------------|
|     |                             |               |             | GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |                |            |            |
| (1) | (2)                         | (3)           | (4)         | (5)                                   | (6)                                     | (7)                             | (8)            | (9)        | (10)       |
|     | Hệ số quy đổi               |               |             | 1,0                                   | 1,0                                     | 0,3                             | 0,2            | 0,2        | 0          |
| 1   | Giáo sư, Viện sĩ            | 5,0           | 0           | 0                                     | 0                                       | 0                               | 0              | 0          | 0          |
| 2   | Phó Giáo sư                 | 3,0           | 10          | 3                                     | 3                                       | 0                               | 1,8            | 0          | 7,8        |
| 3   | Tiến sĩ khoa học            | 3,0           | 0           | 0                                     | 0                                       | 0                               | 0              | 0          | 0          |
| 4   | Tiến sĩ                     | 2             | 2           | 0                                     | 0                                       | 0                               | 0,4            | 0          | 0,4        |
| 5   | Thạc sĩ                     | 1             | 18          | 10                                    | 0                                       | 0,3                             | 1,4            | 0          | 11,7       |
| 6   | Đại học                     | 0,3           | 10          | 0,3                                   | 0                                       | 0                               | 0,54           | 0          | 0,84       |
|     | Tổng                        |               |             |                                       |   |                                 |                |            | 20,74      |

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

| TT | Trình độ/học vị  | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Phân loại theo giới tính (ng) |    | Phân loại theo tuổi (người) |       |       |       |      |
|----|------------------|----------|-----------|-------------------------------|----|-----------------------------|-------|-------|-------|------|
|    |                  |          |           | Nam                           | Nữ | < 30                        | 30-40 | 41-50 | 51-60 | > 60 |
| 1  | Giáo sư, Viện sĩ | 0        | 0         | 0                             | 0  | 0                           | 0     | 0     | 0     | 0    |

| TT | Trình độ/học vị  | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Phân loại theo giới tính (ng) |    | Phân loại theo tuổi (người) |       |       |       |      |
|----|------------------|----------|-----------|-------------------------------|----|-----------------------------|-------|-------|-------|------|
|    |                  |          |           | Na m                          | Nữ | < 30                        | 30-40 | 41-50 | 51-60 | > 60 |
| 2  | Phó Giáo sư      | 0        | 0         | 0                             | 0  | 0                           | 0     | 0     | 0     | 0    |
| 3  | Tiến sĩ khoa học | 0        | 0         | 0                             | 0  | 0                           | 0     | 0     | 0     | 0    |
| 4  | Tiến sĩ          | 0        | 0         | 0                             | 0  | 0                           | 0     | 0     | 0     | 0    |
| 5  | Thạc sĩ          | 10       | 83.3      | 4                             | 6  | 0                           | 9     | 1     | 0     | 0    |
| 6  | Đại học          | 2        | 16.7      | 1                             | 1  | 0                           | 1     | 0     | 1     | 0    |
|    | <b>Tổng</b>      | 12       |           | 5                             | 7  |                             | 10    | 1     | 1     |      |

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 38,5 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 2/12

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 10/12

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

| TT | Tần suất sử dụng  | Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học |         |
|----|---|--|---------|
|    |   | Ngoại ngữ  | Tin học |
| 1  | Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)                     | 0  | 100     |
| 2  | Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)                | 30   | 0       |
| 3  | Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)               | 40   | 0       |
| 4  | Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)                | 30   | 0       |
| 5  | Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc) | 0  | 0       |



|             |      |      |
|-------------|------|------|
| <b>Tổng</b> | 100% | 100% |
|-------------|------|------|

**V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)**

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

| Năm học     | Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người) | Số trúng tuyển (người) | Tỷ lệ cạnh tranh | Số nhập học thực tế (người) | Điểm tuyển đầu vào/thang điểm | Điểm trung bình của sinh viên được tuyển | Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người) |
|-------------|--------------------------------------|------------------------|------------------|-----------------------------|-------------------------------|--|---|
| 2019 - 2020 | 71                                   | 23                     | 1:3.08           | 20                          | 16.75                         | 20.93                                    | 0   |
| 2018 - 2019 | 69                                   | 18                     | 1:3.8            | 17                          | 17.25                         | 20                                       | 0   |
| 2017 - 2018 | 57                                   | 14                     | 1:4.07           | 10                          | 16.50                         | 20                                       | 0   |
| 2016 - 2017 | 57                                   | 19                     | 1:3              | 17                          | 17.00                         | 19.68                                    | 0   |
| 2015 - 2016 | 51                                   | 14                     | 1:3.64           | 13                          | 17.50                         | 20.86                                    | 0   |

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

| Các tiêu chí         | 2019-2020 | 2018-2019 | 2017 - 2018 | 2016-2017 | 2015-2016 |
|----------------------|-----------|-----------|-------------|-----------|-----------|
| 1. Nghiên cứu sinh   |           |           |             |           |           |
| 2. Học viên cao học  |           |           |             |           |           |
| 3. Sinh viên đại học | 57        | 60        | 51          | 62        | 56        |
| Trong đó:            |           |           |             |           |           |

| Các tiêu chí          | 2019-2020 | 2018-2019 | 2017 - 2018 | 2016-2017 | 2015-2016 |
|-----------------------|-----------|-----------|-------------|-----------|-----------|
| Hệ chính quy          |           |           |             |           |           |
| Hệ không chính quy    |           |           |             |           |           |
| 4. Sinh viên cao đẳng |           |           |             |           |           |
| Trong đó:             |           |           |             |           |           |
| Hệ chính quy          |           |           |             |           |           |
| Hệ không chính quy    |           |           |             |           |           |
| 5. Học sinh TCCN      |           |           |             |           |           |
| Trong đó:             |           |           |             |           |           |
| Hệ chính quy          |           |           |             |           |           |
| Hệ không chính quy    |           |           |             |           |           |
| 6. Khác ...           |           |           |             |           |           |

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

|                                  | Năm học   |           |            |           |           |
|----------------------------------|-----------|-----------|------------|-----------|-----------|
|                                  | 2019-2020 | 2018-2019 | 2017 -2018 | 2016-2017 | 2015-2016 |
| Số lượng (người)                 | 0         | 0         | 0          | 0         | 0         |
| Tỷ lệ (%) trên tổng số người học |           |           |            |           |           |

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

| Các tiêu chí                                | 2019-2020 | 2018-2019 | 2017 - 2018 | 2016-2017 | 2015-2016 |
|---|-----------|-----------|-------------|-----------|-----------|
| 1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> ) | 4800      | 4800      | 4800        | 4800      | 4800      |

|   | Năm học          |                  |                  |                  |                  |
|---|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
|   | 2019-2020        | 2018-2019        | 2017 - 2018      | 2016-2017        | 2015-2016        |
| Số lượng (người)  | 0                | 0                | 0                | 0                | 0                |
| Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên  |                  |                  |                  |                  |                  |
| 2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)           |                  |                  |                  |                  |                  |
| 3. Người học được ở trong ký túc xá (người)                                     | 4                | 6                | 2                | 2                | 3                |
| 4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người) | 4 m <sup>2</sup> | 4 m <sup>2</sup> | 4 m <sup>2</sup> | 4 m <sup>2</sup> | 4 m <sup>2</sup> |

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

| Các tiêu chí  | Năm tốt nghiệp |           |             |           |           |
|---|----------------|-----------|-------------|-----------|-----------|
|   | 2019-2020      | 2018-2019 | 2017 - 2018 | 2016-2017 | 2015-2016 |
| <b>1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ</b> |                |           |             |           |           |
| 2. Học viên tốt nghiệp cao học                              |                |           |             |           |           |
| 3. Sinh viên tốt nghiệp đại học                             |                |           |             |           |           |
| Trong đó:   |                |           |             |           |           |
| Hệ chính quy  | 11             | 10        | 6           | 12        | 6         |
| Hệ không chính quy  |                |           |             |           |           |
| 4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng                            |                |           |             |           |           |
| Trong đó:   |                |           |             |           |           |
| Hệ chính quy  |                |           |             |           |           |
| Hệ không chính quy  |                |           |             |           |           |
| 5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp                            |                |           |             |           |           |
| Trong đó:   |                |           |             |           |           |
| Hệ chính quy  |                |           |             |           |           |
| Hệ không chính quy  |                |           |             |           |           |
| 6. Khác...  |                |           |             |           |           |

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

| Các tiêu chí  | Năm tốt nghiệp |           |             |           |           |
|---|----------------|-----------|-------------|-----------|-----------|
|   | 2019-2020      | 2018-2019 | 2017 - 2018 | 2016-2017 | 2015-2016 |
| 1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).   |                |           |             |           |           |
| 2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).  |                |           |             |           |           |
| 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:<br><br>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4<br><br>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây: |                |           |             |           |           |
| 3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).  |                |           |             |           |           |
| 3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).   |                |           |             |           |           |
| 3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp   |                |           |             |           |           |
| 4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:<br><br>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5<br><br>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện  |                |           |             |           |           |

| Các tiêu chí   | Năm tốt nghiệp |           |             |           |           |
|--|----------------|-----------|-------------|-----------|-----------|
|  | 2019-2020      | 2018-2019 | 2017 - 2018 | 2016-2017 | 2015-2016 |
| CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:  |                |           |             |           |           |
| 4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).<br>- Sau 6 tháng tốt nghiệp.<br>- Sau 12 tháng tốt nghiệp.  |                |           |             |           |           |
| 4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).   |                |           |             |           |           |
| 4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.   |                |           |             |           |           |
| 5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:<br><br>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.<br><br>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây: |                |           |             |           |           |
| 5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).  |                |           |             |           |           |
| 5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).  |                |           |             |           |           |
| 5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).   |                |           |             |           |           |

*Ghi chú:*

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

| TT  | Phân loại đề tài    | Hệ số** | Số lượng  |           |           |           |           | Tổng (đã quy đổi) |
|-----|---------------------|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-------------------|
|     |                     |         | 2015-2016 | 2016-2017 | 2017-2018 | 2018-2019 | 2019-2020 |                   |
| (1) | (2)                 | (3)     | (4)       | (5)       | (6)       | (7)       | (8)       | (9)               |
| 1   | Đề tài cấp NN       | 2,0     | 0         | 0         | 0         | 0         | 1         | 2.0               |
| 2   | Đề tài cấp Bộ/Tỉnh* | 1,0     | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |
| 3   | Đề tài cấp trường   | 0,5     | 1         | 0         | 1         | 0         | 1         | 1.5               |
|     | <b>Tổng</b>         |         |           |           |           |           |           | <b>3.5</b>        |

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 3.5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 3.5/12

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

| TT | Năm   | Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ) | Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%) | Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người) |
|----|-------|--|---|--|
| 1  | 20... | 0  | 0   | 0  |
| 2  | 20... | 0  | 0   | 0  |
| 3  | 20... | 0  | 0   | 0  |
| 4  | 20... | 0  | 0   | 0  |
| 5  | 20... | 0  | 0   | 0  |

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

| Số lượng đề tài         | Số lượng cán bộ tham gia |                |                   | Ghi chú |
|-------------------------|--------------------------|----------------|-------------------|---------|
|                         | Đề tài cấp NN            | Đề tài cấp Bộ* | Đề tài cấp trường |         |
| Từ 1 đến 3 đề tài       | 1                        | 0              | 1                 |         |
| Từ 4 đến 6 đề tài       | 0                        | 0              | 0                 |         |
| Trên 6 đề tài           | 0                        | 0              | 0                 |         |
| Tổng số cán bộ tham gia |                          |                | 2                 |         |

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

| TT | Phân loại sách   | Hệ số* | Số lượng    |            |            |            |            | Tổng (đã quy đổi) |
|----|------------------|--------|-------------|------------|------------|------------|------------|-------------------|
|    |                  |        | 2015 - 2016 | 2016- 2017 | 2017- 2018 | 2018- 2019 | 2019- 2020 |                   |
| 1  | Sách chuyên khảo | 2,0    | 0           | 0          | 1          | 0          | 0          | 2                 |
| 2  | Sách giáo trình  | 1,5    | 0           | 0          | 0          | 0          | 0          | 0                 |



|   |                |     |   |   |   |   |   |   |
|---|----------------|-----|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Sách tham khảo | 1,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Sách hướng dẫn | 0,5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|   | <b>Tổng</b>    |     | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 2

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2/12

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

| Số lượng sách                  | Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách |                 |                |                |
|--------------------------------|---|-----------------|----------------|----------------|
|                                | Sách chuyên khảo                          | Sách giáo trình | Sách tham khảo | Sách hướng dẫn |
| Từ 1 đến 3 cuốn sách           | 1   | 0               | 0              | 0              |
| Từ 4 đến 6 cuốn sách           | 0   | 0               | 0              | 0              |
| Trên 6 cuốn sách               | 0   | 0               | 0              | 0              |
| <b>Tổng số cán bộ tham gia</b> | 0   | 0               | 0              | 0              |

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

| TT | Phân loại tạp chí                     | Hệ số** | Số lượng  |           |           |           |           | Tổng (đã quy đổi) |
|----|---------------------------------------|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-------------------|
|    |                                       |         | 2015-2016 | 2016-2017 | 2017-2018 | 2018-2019 | 2019-2020 |                   |
| 1  | Tạp chí khoa học quốc tế              | 1,5     | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |
| 2  | Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước | 1,0     | 1         | 3         | 1         | 0         | 0         | 5                 |
| 3  | Tạp chí / tập san của cấp trường      | 0,5     | 5         | 6         | 4         | 2         | 3         | 10                |

| TT | Phân loại tạp chí | Hệ số** | Số lượng  |           |           |           |           |  | Tổng (đã quy đổi) |
|----|-------------------|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|--|-------------------|
|    |                   |         | 2015-2016 | 2016-2017 | 2017-2018 | 2018-2019 | 2019-2020 |  |                   |
|    |                   |         | 6         | 7         | 8         | 9         | 0         |  |                   |
|    | Tổng              |         |           |           |           |           |           |  | 15                |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 15

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 15/12

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

| Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí | Nơi đăng                                   |                                       |                              |
|---|--|---------------------------------------|------------------------------|
|   | Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...) | Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước | Tạp chí / tập san cấp trường |
| Từ 1 đến 5 bài báo                                  | 0  | 1                                     | 3                            |
| Từ 6 đến 10 bài báo                                 | 0  | 0                                     | 0                            |
| Từ 11 đến 15 bài báo                                | 0  | 0                                     | 0                            |
| Trên 15 bài báo                                     | 0  | 0                                     | 0                            |
| Tổng số cán bộ tham gia                             | 0  | 1                                     | 3                            |

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

| TT | Phân loại hội thảo | Hệ số** | Số lượng  |           |           |           |           | Tổng (đã quy đổi) |
|----|--------------------|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-------------------|
|    |                    |         | 2015-2016 | 2016-2017 | 2017-2018 | 2018-2019 | 2019-2020 |                   |
|    |                    |         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |                   |
| 1  | Hội thảo quốc tế   | 1,0     | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |

|   |                     |      |   |   |   |   |   |      |
|---|---------------------|------|---|---|---|---|---|------|
| 2 | Hội thảo trong nước | 0,5  | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1    |
| 3 | Hội thảo cấp trường | 0,25 | 2 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1.25 |
|   | <b>Tổng</b>         |      |   |   |   |   |   | 2.25 |

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 2.25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2.25/12

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

| Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo | Cấp hội thảo     |                     |                   |
|---|------------------|---------------------|-------------------|
|   | Hội thảo quốc tế | Hội thảo trong nước | Hội thảo ở trường |
| Từ 1 đến 5 báo cáo  | 0                | 2                   | 3                 |
| Từ 6 đến 10 báo cáo   | 0                | 0                   | 0                 |
| Từ 11 đến 15 báo cáo  | 0                | 0                   | 0                 |
| Trên 15 báo cáo   | 0                | 0                   | 0                 |
| <b>Tổng số cán bộ tham gia</b>  | 0                | 2                   | 3                 |

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

| Năm học     | Số bằng phát minh, sáng chế được cấp<br>(ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp) |
|-------------|---|
| 20...-20... | 0   |
| 20...-20... | 0   |
| 20...-20... | 0   |
| 20...-20... | 0   |
| 20...-20... | 0   |

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

| Số lượng đề tài            | Số lượng người học tham gia |                |                   | Ghi chú |
|----------------------------|-----------------------------|----------------|-------------------|---------|
|                            | Đề tài cấp NN               | Đề tài cấp Bộ* | Đề tài cấp trường |         |
| Từ 1 đến 3 đề tài          | 0                           | 0              | 0                 | 0       |
| Từ 4 đến 6 đề tài          | 0                           | 0              | 0                 | 0       |
| Trên 6 đề tài              | 0                           | 0              | 0                 | 0       |
| Tổng số người học tham gia | 0                           | 0              | 0                 | 0       |

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(*Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

| TT | Thành tích nghiên cứu khoa học                | Số lượng    |             |             |             |             |
|----|---|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|    |   | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... | 20...-20... |
| 1  | Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo  |             |             |             |             |             |
| 2  | Số bài báo được đăng, công trình được công bố |             |             |             |             |             |

**VII. Cơ sở vật chất, thư viện**

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 20.610,8

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 50

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):.....

Nơi làm việc: 35 Nơi học: 11.257 (trong đó có 6682 m<sup>2</sup> phòng học và 4575 m<sup>2</sup> phòng thực hành)

59. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: 6682

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 8,77/1

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện:  
2212

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 1310

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 5

- Dùng cho người học học tập: 100

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 100/146

### **VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng**

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 12

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 0%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 83.3%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 57

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 4.75/1

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 52.94

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): .....

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): .....

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): .....

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,5/12

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: ...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2/12

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 15/12

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,25/12

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0.68/1

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 8,77/1

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 4 m<sup>2</sup>/1

**2. Các tư liệu, tài liệu liên quan: Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký; Kế hoạch TĐG**

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI  
Số: 96/QĐ-SKĐAHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo Đạo diễn điện ảnh

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-BVHTTDL ngày 06/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 ban hành về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 ban hành về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Xét đề nghị của ông (bà) Trưởng Khoa Nghệ thuật Điện ảnh; Phòng Khảo thí & ĐBCLGD,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo *Đạo diễn điện ảnh*, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo *Đạo diễn điện ảnh* có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Các ông/bà có tên tại Điều 1, Trưởng các đơn vị phòng, khoa, trung tâm và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:  
- Như Điều 3;  
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD, NTV (25).

HIỆU TRƯỞNG  


PGS.TS. Nguyễn Đình Thi

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠO DIỄN ĐIỆN ẢNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 96/QĐ-SKĐAHN ngày 17 tháng 01 năm 2018*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội)*

| TT  | Họ và tên                     | Chức danh,<br>chức vụ  | Nhiệm vụ                  |
|-----|-------------------------------|--|---------------------------|
| 1.  | PGS.TS. NGƯT. Nguyễn Đình Thi | Hiệu trưởng  | Chủ tịch                  |
| 2.  | TS. NSƯT. Nguyễn Thị Thu Hà   | Phó Hiệu trưởng  | Phó Chủ tịch              |
| 3.  | NSND. Lý Thái Dũng            | Phó Trưởng<br>Khoa Nghệ thuật Điện ảnh                       | Phó Chủ tịch              |
| 4.  | ThS. Nguyễn Thị Thanh Quế     | Phó Hiệu trưởng  | Thành viên                |
| 5.  | NSƯT. Bùi Tuấn Dũng           | Đạo diễn Phim Truyện ĐA                                      | Thành viên                |
| 6.  | NCS. Nguyễn Thị Hồng Hiền     | Phó Trưởng Phòng<br>Đào tạo & QLKH                           | Thành viên                |
| 7.  | NCS. Nguyễn Thị Thu Hiền      | Trưởng Phòng Tổ chức Cán<br>bộ, Đối ngoại                    | Thành viên                |
| 8.  | TS. Trịnh Thúy Hương          | Trưởng Phòng<br>Khảo thí & ĐBCLGD                            | Thành viên                |
| 9.  | NCS. Phạm Đắc Thi             | Trưởng Phòng<br>CTCT, QLHSSV                                 | Thành viên                |
| 10. | ThS. Lê Minh Đức              | Giảng viên<br>Tổ Bộ Môn Đạo Diễn<br>Khoa Nghệ thuật Điện ảnh | Thành viên<br>(Thư ký HĐ) |
| 11. | SV. Trần Thị Hà Trang         | SV - Lớp Đạo diễn K36  | Thành viên                |

(Danh sách gồm có 11 người).



## DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 96/QĐ-SKĐAHN ngày 17 tháng 01 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội)

| TT | Họ và tên                 | Chức danh, chức vụ                          | Nhiệm vụ             |
|----|---------------------------|---|----------------------|
| 1. | NSND. Lý Thái Dũng        | Phó Trưởng Khoa<br>Nghệ thuật Điện ảnh      | Trưởng Ban<br>Thư ký |
| 2. | ThS. Lê Minh Đức          | Giảng viên<br>Khoa Nghệ thuật Điện ảnh      | Phó Ban<br>Thư ký    |
| 3. | ThS. Vũ Phương Linh       | Giảng viên<br>Khoa Nghệ thuật Điện ảnh      | Thành viên           |
| 4. | NCS. Nguyễn Thị Hồng Hiền | Phó Trưởng Phòng<br>Đào tạo & QLKH          | Thành viên           |
| 5. | ThS. Hoàng Dạ Vũ          | Phó Viện trưởng<br>Viện Sân khấu - Điện ảnh | Thành viên           |
| 6. | NCS. Nguyễn Thị Thu Hiền  | Trưởng Phòng<br>Tổ chức Cán bộ, Đối ngoại   | Thành viên           |
| 7. | TS. Trịnh Thúy Hương      | Trưởng Phòng<br>Khảo thí & ĐBCLGD           | Thành viên           |

(Danh sách gồm có 07 người)

## DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 96/QĐ - SKĐAHN ngày 17 tháng 01 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

| TT            | Họ và tên                           | Chức danh, chức vụ                         | Nhiệm vụ    |
|---------------|-------------------------------------|--|-------------|
| <b>Nhóm 1</b> | <b>Phụ trách tiêu chuẩn 1,2,3,4</b> |  |             |
| 1.            | NSND. Lý Thái Dũng                  | Phó Trưởng Khoa<br>Nghệ thuật Điện ảnh     | Trưởng nhóm |
| 2.            | NCS. Nguyễn Thị Hồng Hiền           | Phó trưởng Phòng Đào tạo<br>& QLKH         | Thành viên  |
| 3.            | ThS. Trần Thị Tuyết Hồng            | Phó trưởng Phòng Đào tạo<br>& QLKH         | Thành viên  |
| 4.            | Bà Bùi Kim Quy                      | Giảng viên Khoa<br>Nghệ thuật Điện ảnh     | Thành viên  |
| 5.            | Bà Phạm Thị Ngọc Anh                | CV Phòng Đào tạo &<br>QLKH                 | Thành viên  |
| 6.            | Ông Nguyễn Anh Vũ                   | CV Phòng Đào tạo &<br>QLKH                 | Thành viên  |
| 7.            | Bà Nguyễn Thùy Dương                | CV Phòng Đào tạo &<br>QLKH                 | Thành viên  |
| <b>Nhóm 2</b> | <b>Phụ trách tiêu chuẩn 6,7</b>     |  |             |
| 1.            | ThS. Hoàng Dạ Vũ                    | Phó Viện trưởng<br>Viện SK-ĐA              | Trưởng nhóm |
| 2.            | NCS. Nguyễn Thị Thu Hiền            | Trưởng Phòng TCCB, ĐN                      | Thành viên  |
| 3.            | Bà Phạm Thị Hồng Ngân               | CV Phòng Tổ chức CB,<br>ĐN                 | Thành viên  |
| 4.            | Bà Trần Thị Phương Thúy             | CV Phòng CTCT,<br>QLHSSV                   | Thành viên  |
| <b>Nhóm 3</b> | <b>Phụ trách tiêu chuẩn 5,8,11</b>  |  |             |
| 1.            | NCS. Phạm Đắc Thi                   | Trưởng Phòng<br>CTCT,QLHSSV                | Trưởng nhóm |
| 2.            | NCS. Bùi Thanh Tú                   | Phó Trưởng Phòng CTCT,<br>QLHSSV           | Thành viên  |
| 3.            | Bà Nguyễn Thị Hường                 | CV Phòng CTCT,<br>QLHSSV                   | Thành viên  |
| 4.            | Bà Hoàng Thị Thúy                   | Phòng Khảo thí &<br>ĐBCLGD                 | Thành viên  |
| <b>Nhóm 4</b> | <b>Phụ trách tiêu chuẩn 9,10</b>    |  |             |
| 1.            | TS. Trịnh Thúy Hương                | Trưởng Phòng<br>Khảo thí & ĐBCLGD          | Trưởng nhóm |
| 2.            | ThS. Trần Nguyên Anh                | Phó Trưởng Phòng HC,QT                     | Thành viên  |
| 3.            | Bà Nguyễn Thị Vinh                  | CV Phòng Khảo thí &<br>ĐBCLGD              | Thành viên  |
| 4.            | Bà Nguyễn Thị Quỳnh Phương          | Giám đốc Trung tâm<br>Thông tin - Thư viện | Thành viên  |

(Danh sách gồm có 19 người)

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI  
Số: 747/QĐ-SKĐAHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân  
Ngành Đạo diễn điện ảnh Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-BVHTTDL ngày 06/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trường Phòng Khảo thí & ĐBCLGD.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Đạo diễn điện ảnh Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội gồm các ông/ bà có tên trong danh sách kèm theo. Giúp việc cho Hội đồng có Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Đạo diễn điện ảnh Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội Bộ theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành; thay thế Quyết định số 96/QĐ-SKĐAHN ngày 17/01/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo Đạo diễn điện ảnh.

**Điều 4.** Các ông/bà trưởng các đơn vị trong toàn Trường và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

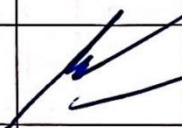
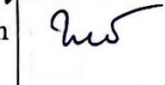
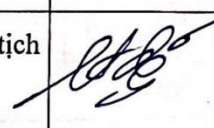
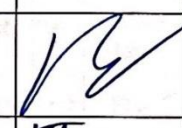


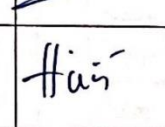


Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- K. Nghệ thuật ĐA, P.KT&ĐBCLGD;
- Website Nhà trường;
- Lưu: VT, NTV (25).



Nguyễn Đình Chi




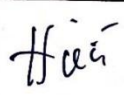



**DANH SÁCH KIẾN TOÀN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH ĐẠO DIỄN ĐIỆN ẢNH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 706 /QĐ-SKĐAHN ngày 26 tháng 6 năm 2020 của*  
*Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)*

| TT | Họ và tên               | Chức danh, chức vụ   | Nhiệm vụ     | Ký tên  |
|----|-------------------------|--|--------------|---|
| 1  | Ông Nguyễn Đình Thi     | PGS. TS. NGND. Hiệu trưởng   | Chủ tịch     |    |
| 2  | Bà Nguyễn Thị Thanh Quế | ThS. Phó Hiệu trưởng   | Phó Chủ tịch |    |
| 3  | Ông Lý Thái Dũng        | NSND. Phó Trưởng khoa Nghệ thuật Điện ảnh, giảng dạy môn nghiệp vụ quay phim | Phó Chủ tịch |    |
| 4  | Bà Trịnh Thúy Hương     | TS. Trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục                      | Thư ký       |   |
| 5  | Ông Bùi Tuấn Dũng       | NSUT. Đạo diễn phim truyện Điện ảnh.   | Thành viên   |  |
| 6  | Bà Nguyễn Thị Hồng Hiền | TS. Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý KH & Hợp tác quốc tế                       | Thành viên   |  |
| 7  | Bà Nguyễn Thị Thu Hiền  | ThS. Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp                                       | Thành viên   |  |
| 8  | Bà Lê Minh Đức          | ThS. Giảng viên dạy môn Nghiệp vụ đạo diễn, khoa Nghệ thuật Điện ảnh         | Thành viên   |  |
| 9  | Bà Nguyễn Tú Anh        | SV lớp Đạo diễn Điện ảnh K38   | Thành viên   |  |

*(Danh sách gồm có 09 người).*

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH ĐẠO DIỄN ĐIỆN ẢNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHÁU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 706/QĐ-SKĐAHN ngày 26 tháng 6 năm 2020 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

| TT | Họ và tên               | Chức danh, chức vụ                                      | Nhiệm vụ          | Ký tên  |
|----|-------------------------|---|-------------------|---|
| 1  | Ông Lý Thái Dũng        | NSND. Phó Trưởng khoa Nghệ thuật Điện ảnh               | Trưởng Ban thư ký |    |
| 2  | Bà Lê Minh Đức          | ThS. Giảng viên khoa Nghệ thuật Điện ảnh                | Thành viên        |    |
| 3  | Bà Nguyễn Thị Hồng Hiền | TS. Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý KH & Hợp tác quốc tế  | Thành viên        |    |
| 4  | Bà Nguyễn Thị Thu Hiền  | ThS. Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp                  | Thành viên        |   |
| 5  | Bà Phan Thúy Diệu       | ThS. Phó trưởng khoa Nghệ thuật Điện ảnh                | Thành viên        |  |
| 6  | Ông Nguyễn Hồng Quân    | ThS. Giảng viên khoa Nghệ thuật Điện ảnh                | Thành viên        |  |
| 7  | Bà Trịnh Thúy Hương     | TS. Trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục | Thành viên        |  |

(Danh sách gồm có 07 người)

## DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Ban hành kèm theo quyết định số 706/QĐ-SKĐAHN ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

| Số TT  | Tiêu chuẩn phụ trách   | Số TC | Họ và tên               | Chức vụ/ đơn vị                               | Nhiệm vụ        |
|--------|--|-------|-------------------------|---|-----------------|
| Nhóm 1 | <b>Tiêu chuẩn 1:</b><br>Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)<br><br><b>Tiêu chuẩn 2:</b><br>Bản mô tả CTĐT       | 3+3   | Ông Lý Thái Dũng        | NSND, Phó Trưởng khoa Nghệ thuật Điện ảnh     | Trưởng nhóm     |
|        |  |       | Bà Trịnh Thúy Hương     | TS, Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD            | Phó trưởng nhóm |
|        |  |       | Bà Lê Minh Đức          | ThS, giảng viên khoa Nghệ thuật Điện ảnh      | Thư ký          |
|        |  |       | Bà Nguyễn Thị Hồng Hiền | TS, Trưởng phòng Đào tạo, QLKH & HTQT         | Thành viên      |
|        |  |       | Bà Phạm Thị Ngọc Anh    | ThS, chuyên viên phòng Đào tạo, QLKH & HTQT   | Thành viên      |
| Nhóm 2 | <b>Tiêu chuẩn 3:</b><br>Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.<br><br><b>Tiêu chuẩn 10:</b><br>Nâng cao chất lượng               | 3+6   | Ông Nguyễn Hồng Quân    | ThS, giảng viên khoa Nghệ thuật Điện ảnh      | Trưởng nhóm     |
|        |  |       | Bà Trần Thị Tuyết Hồng  | ThS, Phó Trưởng phòng Đào tạo, QLKH & HTQT    | Phó trưởng nhóm |
|        |  |       | Bà Hoàng Dạ Vũ          | ThS, Phó Viện trưởng Viện Sân khấu – Điện ảnh | Thành viên      |
|        |  |       | Bà Trương Quế Chi       | ThS, giảng viên khoa Nghệ thuật Điện ảnh      | Thành viên      |
|        |  |       | Bà Hoàng Thị Thúy       | CN, chuyên viên phòng Khảo thí & ĐBCLGD       | Thành viên      |
| Nhóm 3 | <b>Tiêu chuẩn 4:</b><br>Phương pháp tiếp cận trong dạy và học<br><br><b>Tiêu chuẩn 8:</b><br>Người học và hoạt động hỗ trợ người học | 3+5   | Bà Phan Thúy Diệu       | ThS, Phó Trưởng khoa Nghệ thuật Điện ảnh      | Trưởng nhóm     |
|        |  |       | Ông Trịnh Ngọc Sơn      | ThS, giảng viên khoa Nghệ thuật Điện ảnh      | Phó trưởng nhóm |
|        |  |       | Bà Trần Diệu Hiền       | ThS, giảng viên khoa Nghệ thuật Điện ảnh      | Thành viên      |
|        |  |       | Bà Nguyễn T. Diệu Thu   | ThS, chuyên viên phòng Đào tạo, QLKH & HTQT   | Thành viên      |
|        |  |       | Bà Nguyễn Thị Hương     | CN, chuyên viên phòng Công tác HS/SV          | Thành viên      |

|           |   |     |                          |  |                 |
|-----------|---|-----|--------------------------|--|-----------------|
| Nhóm<br>4 | <b>Tiêu chuẩn 5:</b><br>Đánh giá kết quả học tập của người học<br><br><b>Tiêu chuẩn 11:</b><br>Kết quả đầu ra   | 5+5 | Ông Lý Thái Dũng         | NSND, Phó Trưởng khoa Nghệ thuật Điện ảnh                | Trưởng nhóm     |
|           |   |     | Ông Nguyễn Quốc Phương   | ThS, giảng viên khoa Nghệ thuật Điện ảnh                 | Phó trưởng nhóm |
|           |   |     | Bà Đặng Thu Hà           | ThS, giảng viên khoa Nghệ thuật Điện ảnh                 | Thành viên      |
|           |   |     | Bà Ngô Thị Thắm          | ThS, giảng viên phòng Đào tạo, QLKH & HTQT               | Thành viên      |
|           |   |     | Bà Trần Thị Phương Thúy  | CN, chuyên viên phòng Công tác HS/SV                     | Thành viên      |
| Nhóm<br>5 | <b>Tiêu chuẩn 6:</b><br>Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên<br><br><b>Tiêu chuẩn 7:</b><br>Đội ngũ nhân viên  | 7+5 | Bà Nguyễn Thị Thu Hiền   | ThS, Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp                   | Trưởng nhóm     |
|           |   |     | Ông Nguyễn Hồng Sơn      | ThS, Phó Trưởng phòng Đào tạo, QLKH & HTQT               | Phó trưởng nhóm |
|           |   |     | Bà Tạ Thu Phượng         | CN, chuyên viên bộ phận TCCB, phòng Hành chính, Tổng hợp | Thành viên      |
|           |   |     | Bà Nguyễn Thị Phương     | CN, chuyên viên bộ phận TCCB, phòng Hành chính, Tổng hợp | Thành viên      |
|           |   |     | Ông Nguyễn Đức Anh       | ThS, GV bộ phận TCCB, phòng Hành chính, Tổng hợp         | Thành viên      |
| Nhóm<br>6 | <b>Tiêu chuẩn 9:</b><br>Cơ sở vật chất và trang thiết bị<br>- Viết Phần mở đầu, phần Kết luận, Phụ lục 7a<br>- Kết nối, biên tập phần Báo cáo<br>- Kết nối, biên tập phần Minh chứng<br><b>Phụ lục 8.</b> Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT | 5   | Bà Trịnh Thúy Hương      | TS, Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD                       | Trưởng nhóm     |
|           |   |     | Ông Trần Nguyên Anh      | ThS, Phó Trưởng phòng Hành chính, Tổng Hợp               | Phó trưởng nhóm |
|           |   |     | Bà Nguyễn T.Quỳnh Phương | CN, Giám đốc Trung tâm thông tin –Thư viện               | Thành viên      |
|           |   |     | Bà Nguyễn Thị Vinh       | CN, chuyên viên phòng Khảo thí & ĐBCLGD                  | Thành viên      |
|           |   |     | Bà Lê Thị Thu Hà         | CN, chuyên viên phòng Khảo thí & ĐBCLGD                  | Thành viên      |

(Danh sách gồm có 27 người)

Số: 114 /KH-SKĐAHN

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2018

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**Chương trình đào tạo: Đạo diễn điện ảnh và Diễn viên kịch – điện ảnh**

Kính gửi: Trường các đơn vị trong toàn Trường

Triển khai chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2018 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, Nhà trường thông báo đến các đơn vị về Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Đạo diễn điện ảnh và Diễn viên kịch – điện ảnh như sau:

**1. Mục đích tự đánh giá**

- Xác định mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo (CTĐT) **Đạo diễn điện ảnh và Diễn viên kịch – điện ảnh** so với bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Là cơ sở để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT, đồng thời là căn cứ để giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của CTĐT; cơ sở cho người học lựa chọn chương trình, nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

- Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

**2. Phạm vi tự đánh giá**

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

**3. Công cụ tự đánh giá**

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; hướng dẫn 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.



#### 4. Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách

Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách được thành lập theo các Quyết định số 96/QĐ-SKĐAHN (CTĐT Đạo diễn điện ảnh) ngày 17 tháng 01 năm 2018 và Quyết định số 112/QĐ-SKĐAHN (CTĐT Diễn viên kịch – điện ảnh) ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Nhà trường.

#### 5. Thời gian biểu thực hiện

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (khoảng 6 - 8 tháng), theo lịch trình sau:

| Thời gian  | Các hoạt động  |
|--|--|
| <b>Tuần 1 – 2</b><br>(15/01/2018-<br>22/01/2018) | <ol style="list-style-type: none"><li>Họp Ban Giám hiệu và lãnh đạo Khoa Nghệ thuật điện ảnh, Khoa Sân khấu để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</li><li>Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</li><li>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để:<ul style="list-style-type: none"><li>Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li><li>Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;</li><li>Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li><li>Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.</li></ul></li></ol> |
| <b>Tuần 3 - 4</b><br>06/3/2018-<br>12/3/2018     | <ol style="list-style-type: none"><li>Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.</li><li>Tổ chức họp về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan.</li><li>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua:<ul style="list-style-type: none"><li>Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT;</li><li>Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT);</li></ul></li></ol>  |

| Thời gian                                     | Các hoạt động  |
|---|--|
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.</li> </ul>  |
| <b>Tuần 5 – 8</b><br>14/3/2018 –<br>04/4/2018 | <ol style="list-style-type: none"> <li>Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.</li> <li>Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.</li> <li>Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>Mô tả thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.</li> </ol> |
| <b>Tuần 9 – 15</b><br>09/4/2018-<br>21/5/2018 | <ol style="list-style-type: none"> <li>Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li> <li>Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li> </ol>   |
| <b>Tuần 16</b><br>21/5/2018-<br>28/5/2018     | <p>Hội đồng tự đánh giá CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;</li> <li>Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá;</li> <li>Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;</li> <li>Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;</li> <li>Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.</li> </ul>  |
| <b>Tuần 17-18</b><br>04/6/2018-<br>11/6/2018  | <ol style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).</li> <li>Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các đơn vị liên quan để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.</li> </ol>   |

| Thời gian                                    | Các hoạt động   |
|--|---|
| <b>Tuần 19-21</b><br>12/6/2018-<br>02/7/2018 | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các đơn vị liên quan) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.</li> <li>2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, .... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.</li> </ol>  |
| <b>Tuần 22-23</b><br>01/8/2018-<br>13/8/2018 | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện;</li> <li>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng Nhà trường để xem xét.</li> </ol>  |
| <b>Tuần 24</b><br>14/8/2018-<br>21/8/2018    | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>2. Trường bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để họp đồng với tổ chức KĐCLGD tiến hành thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.</li> </ol> |

## 6. Tổ chức thực hiện

### 6.1. Trách nhiệm của Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

- **Trách nhiệm của Hội đồng tự đánh giá:** Hội đồng tự đánh giá CTĐT có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, đôn đốc và triển khai công tác tự đánh giá CTĐT; tham gia phản biện, nghiệm thu và đánh giá mức độ đạt được của báo cáo tự đánh giá CTĐT; tư vấn cho Hiệu trưởng về các biện pháp nhằm cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động của CTĐT.

- **Trách nhiệm của Ban thư ký:** Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá.

- **Trách nhiệm của các nhóm công tác chuyên trách:** Tham gia tập huấn tự đánh giá CTĐT; tổ chức thu thập minh chứng, viết báo cáo tiêu chí/ tiêu chuẩn theo đúng kế hoạch về thời gian và đảm bảo chất lượng; tham gia bảo vệ tiêu chí/ tiêu chuẩn trước Hội đồng tự đánh giá; thực hiện các nhiệm vụ, yêu cầu theo nội dung phân biện của Hội đồng; đề xuất với Hội đồng tự đánh giá các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

## **6.2. Trách nhiệm của khoa có chương trình tự đánh giá**

- Phổ biến kế hoạch, nội dung công tác tự đánh giá CTĐT tới toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên của Khoa;

- Đôn đốc, giám sát các thành viên của Khoa tham gia công tác tự đánh giá CTĐT hoàn thành đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng;

- Phối hợp với phòng Khảo thí & ĐBCLGD để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo báo cáo tự đánh giá, giám sát hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT và báo cáo kết quả cho Ban Giám hiệu;

- Định kỳ hằng tháng, báo cáo Hiệu trưởng về tiến độ triển khai tự đánh giá CTĐT thông qua phòng Khảo thí & ĐBCLGD.

## **6.3. Trách nhiệm của phòng Khảo thí & ĐBCLGD**

- Giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác tư vấn hoạt động tự đánh giá CTĐT;

- Tư vấn, hướng dẫn các đơn vị trong Trường thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT khi có yêu cầu;

- Đôn đốc, giám sát thực hiện công tác tự đánh giá và báo cáo Hiệu trưởng;

- Phối hợp với Khoa để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, giám sát hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT và báo cáo kết quả cải tiến cho Ban Giám hiệu.

#### 6.4. Trách nhiệm của đơn vị phòng chức năng, trung tâm, Viện, Xưởng, Nhà hát và các tổ chức đoàn thể trong Trường

- Phổ biến hoạt động tự đánh giá CTĐT tới toàn thể cán bộ viên chức của đơn vị;
- Phối hợp với Khoa Nghệ thuật điện ảnh, Khoa Sân khấu và phòng Khảo thí & ĐBCLGD trong công tác tự đánh giá CTĐT như: cung cấp thông tin, minh chứng cho các nhóm chuyên trách khi được yêu cầu; biên soạn các văn bản (*kế hoạch, báo cáo, quy định, quy trình, hướng dẫn...*) theo các lĩnh vực được Hiệu trưởng phân công nhằm đáp ứng bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT;
- Triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng được phân công cho đơn vị.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh và Diễn viên kịch – điện ảnh của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, Hiệu trưởng yêu cầu trường các đơn vị trong toàn Trường nghiêm túc triển khai nội dung và tiến hành thực hiện kế hoạch theo thời gian đã quy định./.

##### **Nơi nhận:**

- BGH (để b/c);
- Đơn vị trong toàn trường (để t/h);
- Hội đồng TĐG theo Quyết định (để t/h);
- Các nhóm công tác theo Quyết định (để t/h);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, NTV (35).



**PGS.TS. Nguyễn Đình Thi**

### 3. Danh mục minh chứng sử dụng trong TĐG và viết báo cáo TĐG (Phụ lục 9).

| Tiêu chí            | T<br>T      | Mã minh chứng   | Tên minh chứng  | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...   | Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện | Ghichú            |                  |
|---------------------|-------------|---|---|---|---|-------------------|------------------|
| <b>Tiêu chuẩn 1</b> | <b>1</b>    |   |   |   |   |                   |                  |
| <b>Tiêu chí 1.1</b> | 1           | H1.01.01.01   | Các văn bản quy định trong việc xây dựng chương trình đào tạo Đạo diễn ĐA | - TT Số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015  | ĐH SKĐA                                   | P.ĐT,QLK H&HTQT   |                  |
|                     |             |   |   | - Luật Giáo dục Số 08/2012/QH13 ngày 06/08/2012   |   |                   |                  |
|                     |             |   |   | - Luật giáo dục Số 07/VBHN-VPQH ngày 31/12/2015   |   |                   |                  |
|                     |             |   |   | - Thông tư 07: Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu.   |   |                   | Bộ Giáo dục & ĐT |
|                     |             |   |   | - Luật giáo dục ĐH 2012   |   | Quốc hội          |                  |
|                     |             |   |   | - Luật giáo dục 2015  |   |                   |                  |
|                     | 2           | H1.01.01.02   | Sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội         | Quyết định số 1219/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2016 Về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội” | ĐH SKĐAHN                                 | Phòng KT & ĐBCLGD |                  |
|                     | 3           | H1.01.01.03   | Mục tiêu đào tạo chương trình Đạo diễn ĐA                                 | Ban hành kèm theo Quyết định số 727/QĐ-SKĐAHN, ngày 26/7/2018   | ĐH SKĐA                                   |                   |                  |
| 4                   | H1.01.01.04 | Mục tiêu đào tạo chương trình Đạo diễn ĐA <u>trước</u> năm 2018 | Ban hành kèm theo Quyết định số./QĐ-                                      | ĐHSKĐAHN  | P. Đào tạo, QLKH &                        |                   |                  |

|                     |   |              |   |   |           |                                       |
|---------------------|---|--------------|---|---|-----------|---------------------------------------|
|                     |   |              |   | SKĐAHN, ngày<br>.../...../20.....   |           | HTQT                                  |
|                     | 5 | H1.01.01.05  | Các văn bản về việc xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT ngành Đạo diễn ĐA   | Biên bản họp Khoa, biên bản giao nhiệm vụ cho các giảng viên thực hiện.                           | Khoa NTĐA |                                       |
|                     | 6 | H1.01.01.06  | Công văn lấy ý kiến các bên liên quan về Chương trình đào tạo Đạo diễn ĐA   | Phiếu khảo sát thông tin (trong chu kỳ đánh giá từ năm 2015-2021)                                 | ĐH SKĐAHN | Khoa NTĐA                             |
|                     | 7 | H1.01.01.07  | Kết quả lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan   | Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát các bên liên quan (Ghi rõ ngày tháng năm hoàn thành bảng tổng hợp). | ĐH SKĐAHN | P.Khảo thí & ĐBCLGD                   |
| <b>Tiêu chí 1.2</b> | 1 | H1.01.02.01. | Văn bản về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đáp ứng CĐR                                  | Kế hoạch số 558/KH-SKĐAHN ngày 30/8/2017  | ĐH SKĐAHN | ĐT, QLKH & HTQT                       |
|                     | 2 | H1.01.02.02. | - Bản mô tả/ đề cương CTĐT và bản mô tả/ đề cương môn học/ học phần; ma trận các kỹ năng<br>-Trích Mục tiêu các môn học trong CTĐT năm 2015     | Giai đoạn 2015-2021   | ĐH SKĐAHN | ĐT, QLKH & HTQT                       |
|                     | 3 | H1.01.02.03. | Trích Mục tiêu các môn học trong CTĐT năm 2019  | Trích bản mô tả CTĐT.   | ĐH SKĐAHN | ĐT, QLKH & HTQT<br>H1.01.02.02.<br>DC |
|                     | 4 | H1.01.02.04. | - Tổng hợp kết quả học tập của sinh viên (bảng TN, bảng điểm 5 năm).<br>- Những tác phẩm SV đạt giải trong các cuộc thi                         | Bảng điểm, bảng xếp loại tốt nghiệp<br>Có 09 giải thưởng (liệt kê)                                | ĐH SKĐAHN | ĐT, QLKH & HTQT<br>K.NTĐA             |
|                     | 5 | H1.01.02.05  | Phiếu khảo sát nội dung CTĐT dành cho GV, nhà khoa học, cán bộ quản lý trong lĩnh vực đào tạo liên quan đến khoa NTĐA (ngành đạo diễn điện ảnh) | Giai đoạn 2015-2021   | Khoa NTĐA | Khoa NTĐA                             |
|                     |   |              | Tổng hợp kết quả khảo sát việc làm và chất lượng khóa học dành cho  | Thư ngỏ của nhà trường gửi  | SKĐAHN    | Khoa NTĐA                             |

|                     |   |             |   |   |           |                                       |
|---------------------|---|-------------|---|---|-----------|---------------------------------------|
|                     |   |             | cụ SV ngành đạo diễn điện ảnh từ năm 2015 - 2020  | các cụ SV kèm phiếu khảo sát                          |           |                                       |
| <b>Tiêu chí 1.3</b> | 1 | H1.01.03.01 | Văn bản về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đáp ứng CDR  | Giai đoạn 2015-2021                                   | ĐH SKĐAHN | ĐT, QLKH & HTQT ;Khoa NTĐA H1.01.02.1 |
|                     | 2 | H1.01.03.02 | Tổng hợp các ý kiến đóng góp của cụ sinh viên và nhà sử dụng lao động về CTĐT   | Giai đoạn 2015-2021                                   | ĐH SKĐAHN | Khoa NTĐA H1.01.02.05                 |
|                     | 3 | H1.01.03.03 | Bảng tổng hợp thực trạng nhân lực ngành Đạo diễn điện ảnh trên thị trường   | Giai đoạn 2015-2021                                   | ĐH SKĐAHN | Khoa NTĐA                             |
|                     | 4 | H1.01.03.04 | Bảng ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia trong và ngoài trường cùng với những ý kiến của các SV, cụ SV, các nhà tuyển dụng   | Giai đoạn 2015-2021                                   | ĐH SKĐAHN | Khoa NTĐA H1.01.02.05                 |
|                     | 5 | H1.01.03.05 | Quyết định ban hành, Biên bản họp rà soát CTĐT.   | Biên bản họp 25/4/2018                                | ĐH SKĐAHN | Phòng ĐT, QLKH & HTQT H1.01.02.01     |
|                     | 6 | H1.01.03.06 | Sổ tay sinh viên; đường link website để xem các thông tin về CDR  | <a href="http://skda.edu.vn/">http://skda.edu.vn/</a> | ĐH SKĐAHN | Website Trường                        |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b> | 2 |             |   |   |           |                                       |
| <b>Tiêu chí 2.1</b> | 1 | H2.02.01.01 | - Các văn bản liên quan đến việc triển khai hoạt động cập nhật, điều chỉnh, hoàn thiện bản mô tả CTĐT<br>- Chương trình đào tạo trước năm 2018 và CTĐT sau năm 2018, những bổ sung, chỉnh sửa liên quan đến CTĐT đạo diễn điện ảnh (bao gồm cả CTĐT tài năng) | Biên bản họp HĐ ngày 22/4/2018                        | ĐH SKĐAHN | Phòng ĐT, QLKH & HTQT H1.01.02.01     |
|                     | 2 | H2.02.01.02 | <b>Bản mô tả chương</b> trình đào tạo Đạo diễn điện ảnh SKĐA  | Quyết định số ngày tháng                              | ĐH SKĐAHN | Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA       |



|                     |   |             |   |   |           |   |
|---------------------|---|-------------|---|---|-----------|---|
|                     |   |             |   |   |           |   |
|                     | 3 | H2.02.01.03 | Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của ngành Đạo diễn điện ảnh SKĐA trước và sau điều chỉnh năm 2018  | Giai đoạn 2015-2021   | ĐH SKĐAHN | Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA             |
|                     | 4 | H2.02.01.04 | Biên bản họp/ bản đóng góp ý kiến của các bên liên quan đến CTĐT (kèm phiếu khảo sát, phiếu tiếp thu ý kiến đóng góp, nội dung chỉnh sửa được thống nhất sau tiếp thu) Bảng tổng hợp ý kiến xây dựng CTĐT | B/bản họp năm 2018<br>Báo cáo của khoa ngày 31/01/2018<br>Giấy đề nghị thông qua các nội dung sửa đổi CTĐT ngày 27/2/2018 | ĐH SKĐAHN | Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA             |
| <b>Tiêu chí 2.2</b> | 1 | H2.02.02.01 | Quy trình xây dựng đề cương môn học   | Mẫu thiết kế đề cương chi tiết.   | ĐH SKĐAHN | Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA             |
|                     | 2 | H2.02.02.02 | Chương trình đào tạo ngành Đạo diễn điện ảnh  | Quyết định số 118/QĐ-SKĐAHN ngày 31/10/2018   | ĐH SKĐAHN | Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA             |
|                     | 3 | H2.02.02.03 | Đề cương chi tiết các môn học/ học phần thuộc ngành đạo diễn điện ảnh   | Giai đoạn 2015-2021   | ĐH SKĐAHN | Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA             |
|                     | 4 | H2.02.02.04 | Biên bản họp/ bản đóng góp ý kiến của các bên liên quan đến CTĐT (kèm phiếu khảo sát, phiếu tiếp thu ý kiến đóng góp, nội dung chỉnh sửa được thống nhất sau tiếp thu)                                    | Giai đoạn 2015-2021   | ĐH SKĐAHN | Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA H2.02.01.04 |
| <b>Tiêu chí 2.3</b> | 1 | H2.02.03.01 | website của Trường <a href="http://skda.edu.vn/">http://skda.edu.vn/</a>  | Web Trường  | ĐH SKĐAHN | Ban QT WEB                                  |
|                     | 2 | H2.02.03.02 | Thông báo những cập nhật, thay đổi về CTĐT (cụ thể như việc thay đổi tên các môn học Lý luận chính trị); thông báo về các thông tin trong xây dựng chương trình đào tạo tài năng                          | Giai đoạn 2015-2021   | ĐH SKĐAHN | Phòng ĐT, QLKH & HTQT                       |
|                     | 3 | H2.02.03.03 | Phiếu phản hồi của người  | Trích kết quả   | ĐH SKĐAHN | P.KT  |

|                     |          |             |   |   |           |                                    |
|---------------------|----------|-------------|---|---|-----------|------------------------------------|
|                     |          |             | học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (có mục hướng dẫn về việc công bố đề cương môn học/ học phần) và những kết quả khảo sát hằng năm cho thấy SV đánh giá cao về hoạt động này của giảng viên khoa NTĐA.    | phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa Đào tạo ĐĐA |           | ĐBCLGD                             |
|                     | 4        | H2.02.03.04 | Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được điều chỉnh định kỳ   | Quyết định số ngày tháng  | ĐH SKĐAHN | Phòng ĐT, QLKH & HTQT H2.02.01.02  |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b> | <b>3</b> |             |   |   |           |                                    |
| <b>Tiêu chí 3.1</b> | 1        | H3.03.01.01 | Các văn bản liên quan đến việc xây dựng chương trình dạy học (Biên bản họp khoa, biên bản họp với phòng Đào tạo, QLKH & HTQT).  | Biên bản họp HĐ ngày 22/4/2018  | ĐH SKĐAHN | K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT             |
|                     | 2        | H3.03.01.02 | Bản tổng hợp góp ý của các bên liên quan về CTDH; Thông báo, thư ngỏ hoặc phiếu khảo sát về việc xin ý kiến góp ý để điều chỉnh, rà soát CTĐT   | Giai đoạn 2015-2021   | ĐH SKĐAHN | K.NTĐA H1.01.02.02                 |
|                     | 3        | H3.03.01.03 | Đề cương chi tiết các môn học/ học phần thuộc ngành đào tạo điện ảnh  | Giai đoạn 2015-2020   | ĐH SKĐAHN | K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT             |
|                     | 4        | H3.03.01.04 | Ma trận kỹ năng; hồ sơ giảng dạy của GV; tài liệu bài giảng   | Giai đoạn 2015-2020   | ĐH SKĐAHN | K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT H1.01.01.06 |
|                     | 5        | H3.03.01.05 | Bản mô tả chương trình đào tạo; Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học trình độ CN chuyên ngành ĐĐA năm 2018 phân theo nội dung (kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, bài tốt nghiệp - đồ | Giai đoạn 2015-2021   | ĐH SKĐAHN | K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT             |

|                     |   |             |   |  |                              |  |
|---------------------|---|-------------|---|--|------------------------------|--|
|                     |   |             | án TN; Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học trình độ CN chuyên ngành ĐDDA năm 2018 phân theo thời gian (học kỳ)  |  |                              |  |
|                     | 6 | H3.03.01.06 | Bản mô tả học phần/ môn học   | Giai đoạn 2015-2021                            | ĐH SKĐAHN                    | K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT                   |
|                     | 7 | H3.03.01.07 | Kế hoạch giảng dạy  | Kế hoạch giảng dạy từng kỳ giai đoạn 2015-2020 | K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT       | ĐH SKĐAHN                                |
| <b>Tiêu chí 3.2</b> | 1 | H3.03.02.01 | - Bản mô tả Chương trình dạy học; - Bản mô tả môn học/ học phần; - Sơ đồ/ kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH; - Ma trận các kỹ năng. | Giai đoạn 2015-2021                            | ĐH SKĐAHN                    | K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT                   |
|                     | 2 | H3.03.02.02 | - Đề cương chi tiết các môn học; - Hồ sơ giảng viên. - Ngân hàng câu hỏi thi/ đề thi.   | Giai đoạn 2015-2021                            | ĐH SKĐAHN                    | K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT                   |
|                     | 3 | H3.03.02.03 | - Kết quả học tập của các khóa ngành đạo diễn điện ảnh từ 2015- 2020; - Tổng hợp phiếu và ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên;                | Giai đoạn 2015-2021                            | P.ĐT, QLKH & HTQT Khoa TNTĐA | Khoa NTĐA P.Khảo thí &ĐBCLGD H2.02.03.03 |
| <b>Tiêu chí 3.3</b> | 1 | H3.03.03.01 | - Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học/ học phần; - Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học phân theo nội dung<br>Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học phân theo thời gian          | Giai đoạn 2015-2021                            | ĐH SKĐAHN                    | P.ĐT, QLKH & HTQT KNTĐA H1.01.02.01      |
|                     | 2 | H3.03.03.02 | - Sơ đồ/ kế hoạch thể   | 23 ý kiến (các ý                               | ĐH                           |  |

|                     |          |             |  |  |           |  |
|---------------------|----------|-------------|--|--|-----------|--|
|                     |          |             | hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH.<br>- Ma trận kỹ năng   | kiến đánh giá tương đối tốt).  | SKĐAHN    | K.NTĐA ĐT, QLKH & HTQT                             |
|                     | 3        | H3.03.03.03 | Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH.<br><br>- Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của ngành đạo diễn điện ảnh trước và sau điều chỉnh năm 2018   | Biên bản họp   | ĐH SKĐAHN | K.NTĐA ĐT, QLKH & HTQT                             |
|                     | 4        | H3.03.03.04 | Bảng đối sánh CTĐT với hai trường đại học quốc tế (trường INSAS của Bỉ và Đại học Nam California)  | Bảng so sánh   | Khoa NTĐA | Khoa NTĐA<br><b>H1.01.03.02</b>                    |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b> | <b>4</b> |             |  |  |           |  |
| <b>Tiêu chí 4.1</b> | 1        | H4.04.01.01 | - Quyết định về việc công bố triết lý giáo dục của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;<br><br>Văn bản thông báo về việc rà soát, cập nhật, bổ sung, sửa đổi CTĐT;<br>Trang Website của Trường   | Quyết định số 273/QQD-SKĐAHN ngày 31/3/2017<br>Ngày tháng năm rà soát  | ĐH SKĐAHN | P.HCTH;<br>K.NTĐA ĐT, QLKH & HTQT<br>H1.01.02.01   |
|                     | 2        | H4.04.01.02 | - Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học/học phần;<br>Đề cương chi tiết các môn học sau năm 2018  | Giai đoạn 2015-2021  | ĐH SKĐAHN | .NTĐA ĐT, QLKH & HTQT<br>H1.01.02.02               |
|                     | 3        | H4.04.01.03 | Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH.<br><br>Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của ngành đạo diễn điện ảnh trước và sau điều chỉnh năm 2018<br><br>- Quy trình xây dựng CTĐT tài năng ngành đạo diễn điện ảnh | QĐ số 869/QQD-SKĐAHN ngày 20/8/2019.<br>QĐ số 873/QQD-SKĐAHN ngày 20/8/2019.<br><br>B/bản họp khoa ngày 15/10/2019 | ĐH SKĐAHN | H1.01.01.05<br>H2.02.01.03<br>NTĐA ĐT, QLKH & HTQT |

|                     |   |             |   |  |           |  |
|---------------------|---|-------------|---|--|-----------|--|
|                     |   |             |   |  |           |  |
|                     | 4 | H4.04.01.04 | Tổng hợp ý kiến khảo sát của bên liên kiến khảo sát của các bên liên  | Thời gian khảo sát   | ĐH SKĐAHN | NTĐA ĐT, QLKH & HTQT H2.02.01.04                       |
|                     | 5 | H4.04.01.05 | Văn bản liên quan đến việc công bố triết lý giáo dục của Trường; CĐR, đề cương chi tiết các môn học ngành Đạo diễn ĐA   | Thông báo số 158/TB-SKĐAHN ngày 31/3/2017  | ĐH SKĐAHN | NTĐA ĐT, QLKH & HTQT H1.01.02.02                       |
|                     | 6 | H4.04.01.06 | Hồ sơ giảng viên  | Giai đoạn 2015-2021  | ĐH SKĐAHN | NTĐA ĐT, QLKH & HTQT H3.03.01.07                       |
|                     | 7 | H4.04.01.07 | Sổ tay sinh viên, các tài liệu tuần sinh hoạt công dân; bài phát biểu khai giảng năm học mới của Hiệu trưởng; các văn bản của Đoàn TNCSHCM về việc giới thiệu Nhà trường; tờ rơi quảng bá về Trường trong các ngày hội tuyển sinh | Dùng chung MC H8.08.04.02<br>Dùng chung MC H8.08.04.03   | ĐH SKĐAHN | NTĐA P.CTHSSV H3.03.01.07                              |
|                     | 8 | H4.04.01.08 | Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên   | Trích kết quả của Khoa NTĐA  | ĐH SKĐAHN | P.KTĐBC LGD Dùng chung MC H3.03.02.03                  |
| <b>Tiêu chí 4.2</b> | 1 | H4.04.02.01 | - Các văn bản hướng dẫn xây dựng CTĐT;<br>- Quy chế khảo thí;<br>- CTĐT ngành đạo diễn điện ảnh   | Giấy đề nghị ngày 23/10/2017<br><br>Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021. | ĐH SKĐAHN | ĐT, QLKH & HTQT; Khoa NTĐA<br><br>P. Khảo thí & ĐBCLGD |
|                     | 2 | H4.04.02.02 | Các minh chứng về điều chỉnh, rà soát, cập nhật CTĐT; đổi mới phương pháp giảng dạy   | hồ sơ lưu trong giai đoạn tự đánh giá 2015-2021  | ĐH SKĐAHN | ĐT, QLKH & HTQT; Khoa NTĐA                             |

|    |             |   |   |           |                                 |  |
|----|-------------|---|---|-----------|---------------------------------|--|
|    |             |   |   |           |                                 |  |
| 3  | H4.04.02.03 | Hồ sơ giảng viên  | Hồ sơ lưu các năm từ 2015-2021  | ĐH SKĐAHN | Bộ phận TCCB<br>Khoa NTĐA       |  |
| 4  | H4.04.02.04 | Bản mô tả CTĐT  | Năm 2015-2021   | ĐH SKĐAHN | ĐT, QLKH & HTQT;<br>Khoa NTĐA   |  |
| 5  | H4.04.02.05 | Bản đối sánh CTĐT trước và sau 2018   | Năm 2021  | ĐH SKĐAHN | ĐT, QLKH & HTQT;<br>Khoa NTĐA   |  |
| 6  | H4.04.02.06 | Danh sách giảng viên, kế hoạch giảng dạy chuyên ngành ĐD ĐA 2015-2020                                   | Hồ sơ lưu các năm từ 2015-2021  | ĐH SKĐAHN | Khoa NTĐA                       |  |
| 7  | H4.04.02.07 | Sơ đồ bố trí các môn học theo học kỳ  | Hồ sơ lưu các năm từ 2015-2021  | Khoa NTĐA | Khoa NTĐA<br>T                  |  |
| 8  | H4.04.02.08 | Bản mô tả học phần/ môn học. Kế hoạch giảng dạy của giảng viên; sổ tay giảng viên; nhật ký giảng dạy... | Giai đoạn 2015-2021   | Khoa NTĐA | Khoa NTĐA                       |  |
| 9  | H4.04.02.09 | Kết quả khảo sát phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên                           | T/báo số 217/TB-SKĐA ngày 14/6/2019 về việc thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi học kỳ 2 năm học 2018-2019<br>T/báo số 286/TB-SKĐA ngày 14/8/2020 về việc thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi học kỳ 2 năm học 2019-2020<br>T/báo số 284/TB-SKĐA ngày 05/7/2021 về việc thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi học kỳ II năm học 2020-2021 | ĐH SKĐAHN | Khoa NTĐA,<br>Phòng KT & ĐBCLGD |  |
| 10 | H4.04.02.10 | Đề cương chi tiết các môn học   | Phiên bản các năm trước và trong thời kỳ tự đánh giá (2015-2021).   | ĐH SKĐAHN | Khoa NTĐA                       |  |
| 11 | H4.04.02.11 | Minh chứng được trích từ  | Trích phần của  | ĐH SKĐAHN | Khoa                            |  |

|                     |          |             |   |  |           |  |
|---------------------|----------|-------------|---|--|-----------|--|
|                     |          |             | kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên  | K.NTĐA                                 |           | NTĐA<br>Phòng KT &<br>ĐBCLGD                 |
|                     | 12       | H4.04.02.12 | Thống kê danh sách sinh viên ngành đạo diễn điện ảnh đạt được các giải thưởng về Phim   | Năm 2015-2021                          | Khoa NTĐA | Phòng<br>CTHSSV                              |
| <b>Tiêu chí 4.3</b> | 1        | H4.04.03.01 | Bản mô tả CTĐT/ môn học/ học phần; đề cương chi tiết các môn học; Minh chứng về các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập, chẳng hạn như: dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại các doanh nghiệp   | Năm 2015-2021                          | ĐH SKĐAHN | ĐT, QLKH & HTQT;<br>Khoa NTĐA<br>H1.01.02.02 |
|                     | 2        | H4.04.03.02 | Đề cương chi tiết môn học   | Phiên bản các năm 2015-2021            | ĐH SKĐAHN | Khoa NTĐA                                    |
|                     | 3        | H4.04.03.03 | Phản hồi của người học  | Giai đoạn 2015-2021                    | ĐH SKĐAHN | Phòng KT &<br>ĐBCLGD                         |
|                     | 4        | H4.04.03.04 | Hoạt động ngoại khóa của Đoàn TNCS HCM  | Hình ảnh, bài viết giai đoạn 2015-2021 | ĐH SKĐAHN | Đoàn<br>TNCSHCM<br>H4.04.01.07               |
|                     | 5        | H4.04.03.05 | Danh mục sách, tài liệu tham khảo của ngành đạo diễn điện ảnh được bổ sung qua các năm (2015-2020)  | Thống kê danh sách                     | ĐH SKĐAHN | TTTTTV                                       |
|                     | 6        | H4.04.03.06 | Minh chứng liên quan đến hội thi Tài năng sinh viên, LHP Ong Vàng   | Thông báo áp phích của khoa            | ĐH SKĐAHN | KNTĐA  |
|                     | 7        | H4.04.03.07 | Bảng trích lục kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên   | Giai đoạn 2015-2021                    | ĐH SKĐAHN | Phòng KT &<br>ĐBCLGD                         |
|                     | 8        | H4.04.03.08 | Trích số liệu khảo sát việc làm của sinh viên ngành đạo diễn điện ảnh; ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động về hiệu quả/ chất lượng công việc đặc biệt là khả năng tự học, sáng tạo để tiếp cận công nghệ/ dây chuyền sản xuất mới). | Trong giai đoạn 2015-2021              | ĐH SKĐAHN | Phòng CT<br>HSSV                             |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b> | <b>5</b> |             |   |  |           |  |
| <b>Tiêu chí 5.1</b> | 1        | H5.05.01.01 | Các quy định, quy chế về tuyển sinh của ngành đạo diễn điện ảnh.  | Đề án TS từ năm 2015 đến 2021          | ĐH SKĐAHN | P.ĐT, QLKH & HTQT                            |

|                         |   |             |   |  |                         |   |
|-------------------------|---|-------------|---|--|-------------------------|---|
|                         |   |             | Đề án tuyển sinh riêng  |  |                         | Khoa NTĐA                                   |
|                         | 2 | H5.05.01.02 | Thông báo tuyển sinh năm<br>văn bằng 2  | Ngày tháng năm   | SKĐAHN                  | P. Đào tạo,<br>QLKH &<br>HTQT<br>H8.08.02.2 |
|                         | 3 | H5.05.01.03 | Quy chế đào tạo đại học<br>(quy chế 25);<br>Quy định liên quan đến kiểm<br>tra đánh giá<br><br>Quy định khảo thí  | Quy chế 25 -<br>Ban hành kèm<br>theo Quyết<br>định số 25<br>/2006/QĐ-<br>BGDĐT ngày<br>26 tháng 6 năm<br>2006 của Bộ<br>trưởng Bộ<br>Giáo dục và<br>Đào tạo.<br><br>QĐ số<br>148/QĐ-<br>SKĐAHN<br>ngày<br>19/02/2021 về<br>việc ban hành<br>Quy định công<br>tác khảo thí của<br>trường<br>ĐH SKĐAHN | BGD&ĐT<br><br>ĐH SKĐAHN | P. Khảo thí &<br>ĐBCLGD                     |
|                         | 4 | H5.05.01.04 | Bản mô tả CTĐT/ĐC chi<br>tiết các môn học   | Phiên bản các<br>năm 2015-2021   | ĐH SKĐAHN               | Khoa NTĐA                                   |
|                         | 5 | H5.05.01.05 | Các văn bản hướng dẫn<br>thực tập, tiêu chí đánh<br>giá kết quả thực tập và các<br>quy định về điều kiện tốt<br>nghiệp, văn bản mô tả quy<br>trình thi tốt nghiệp | Nghị quyết số<br>04/NQ-HĐT<br>ngày 10/8/2021   | ĐH SKĐAHN               | P.ĐT, QLKH<br>& HTQT<br><br>Khoa NTĐA       |
| <b>Tiêu chí<br/>5.2</b> | 1 | H5.05.02.01 | Quy chế 25 - Ban hành<br>kèm theo Quyết định số<br>25 /2006/QĐ-BGDĐT<br>ngày 26 tháng 6 năm 2006<br>của Bộ trưởng Bộ Giáo<br>dục và Đào tạo                       | Quyết định số<br>25/2006/QĐ-<br>BGDĐT ngày<br>26/6/2006  | Bộ GD&<br>ĐT            | P. Đào tạo,<br>QLKH &<br>HTQT               |
|                         | 2 | H5.05.02.02 | Quy định của Trường ĐH<br>SKĐA về kiểm tra, đánh<br>giá (quy chế khảo thí).<br>Mô tả quy trình kiểm tra<br>đánh giá của Khoa                                      | <b>Quyết định số<br/>148/QĐ-<br/>SKĐAHN<br/>ngày /02/2021</b>  | ĐH<br>SKĐAHN            | P.Khảo thí<br>&ĐBCLG<br>D                   |



|                     |                     |             |   |   |                        |                                      |
|---------------------|---------------------|-------------|---|---|------------------------|--------------------------------------|
|                     |                     |             | NTĐA;   | Trích bản mô tả CTĐT  |                        |                                      |
|                     | 3                   | H5.05.02.03 | Đề cương chi tiết môn học/ học phần   | Các phiên bản trong thời gian đánh giá 2015-2021  | ĐH SKĐAHN              | ĐT, QLKH & HTQT;<br>Khoa NTĐA        |
|                     | 4                   | H5.05.02.04 | Sổ tay sinh viên  | Phiên bản các năm 2015-2021   | ĐH SKĐAHN              | Phòng CTHSSV<br>Khoa NTĐA            |
|                     | 5                   | H5.05.02.05 | Tổng hợp khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của giảng viên   | Giai đoạn 2015-2021   | ĐH SKĐAHN              | P. Khảo thí & ĐBCLGD                 |
| <b>Tiêu chí 5.3</b> | 1                   | H5.05.03.01 | Quy chế đào tạo hiện hành; quy chế khảo thí;<br><br>Các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐH SKĐAHN                     | Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006<br><b>Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày /02/2021</b><br>Quyết định số 1324/QĐ-SKĐAHN ngày 30/12/2015 | Bộ Giáo dục &ĐT SKĐAHN | P..Khảo thí & ĐBCLGD                 |
|                     | 2                   | H5.05.03.02 | Các minh chứng, ví dụ cụ thể về bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm, bài tập theo dự án, viết báo cáo, tiểu luận của ngành đạo diễn điện ảnh | Liệt kê bài tập, bài thuyết trình 2015-2021   | SKĐAHN                 | Khoa NTĐA                            |
|                     | 3                   | H5.05.03.03 | Biên bản các cuộc họp đánh giá đề thi của bộ môn; các bộ câu hỏi thi được duyệt   | Giai đoạn 2015-2021   | SKĐAHN                 | Khoa NTĐA<br>P. ĐT, QLKH & HTQT      |
|                     | 4                   | H5.05.03.04 | Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi   | Năm 2015-2021   | ĐH SKĐAHN              | Khoa NTĐA<br>P.Khảo thí & ĐBCLGD     |
|                     | 5                   | H5.05.03.05 | Quy chế khảo thí, đáp án kèm ngân hàng câu hỏi thi  | <b>Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày /02/2021</b>  | SKĐAHN                 | P.Khảo thí & ĐBCLGD                  |
|                     | 6                   | H5.05.03.06 | Các phiếu coi thi, chấm thi của chuyên ngành đạo diễn điện ảnh  | Năm 2015-2021   | ĐH SKĐAHN              | P. Đào tạo, QLKH & HTQT<br>Khoa NTĐA |
|                     | <b>Tiêu chí 5.4</b> | 1           | H5.05.04.01   | Văn bản quy định về thời gian giảng viên chấm bài,  | Quy định về            | ĐH SKĐAHN                            |

|                     |          |             |  |   |           |   |
|---------------------|----------|-------------|--|---|-----------|---|
|                     |          |             | đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của người học về kết quả đánh giá.<br><br>(Quy định khảo thí; các văn bản quy định về công bố kết quả thi, kiểm tra)  | công tác khảo thí của trường ĐHSKĐAHN ban hành kèm theo QĐ số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021 |           | Khảo thí & ĐBCLGD Khoa NTĐA             |
|                     | 2        | H5.05.04.02 | Website, fanpage của Khoa/ Trường  |   | SKĐAHN    | Khoa NTĐA                               |
|                     | 3        | H5.05.04.03 | Sổ tay sinh viên   |   | SKĐAHN    | P. CT HS/SV                             |
|                     | 4        | H5.05.04.04 | Hồ sơ thanh tra công tác đào tạo tại khoa Nghệ thuật điện ảnh  | Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 04/5/2021<br>Thông báo số 192/TB-SKĐAHN ngày 04/5/2021     | SKĐAHN    | P. Khảo thí & ĐBCLGD                    |
|                     | 5        | H5.05.04.05 | Thông báo công bố kết quả phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên  | Giai đoạn 2015-29021  | SKĐAHN    | P. Khảo thí & ĐBCLGD                    |
| <b>Tiêu chí 5.5</b> | 1        | H5.05.05.01 | Văn bản quy định về thời gian giảng viên chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của người học về kết quả đánh giá.<br><br>(Quy định khảo thí; các văn bản quy định về công bố kết quả thi, kiểm tra) | Năm 2015-2021   | ĐH SKĐAHN | ĐT, QLKH & HTQT;<br>P.Khảo thí & ĐBCLGD |
|                     | 2        | H5.05.05.02 | Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, biên bản các cuộc đối thoại trực tiếp giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, sổ tay sinh viên   | Năm 2015-2021   | ĐH SKĐAHN | Khoa NTĐA;<br>Phòng CT HS,SV            |
|                     | 3        | H5.05.05.03 | Biên bản họp lớp, sổ tay chủ nhiệm   | Năm 2015-2021   | ĐHSKĐAHN  | Khoa NTĐA                               |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b> | <b>6</b> |             |  |   |           |   |
| <b>Tiêu chí 6.1</b> | 1        | H6.06.01.01 | Quy hoạch phát triển Trường ĐHSKĐAHN giai đoạn 2011-2015, 2016-2020 và tầm nhìn 2030(Quyết định số 644/QĐ-SKĐAHN ngày  | Quyết định số 84/QĐ-BVHTTDT ngày 09/1/2014<br>Quyết định số 544/QĐ-                         | ĐHSKĐAHN  | P.HCTH                                  |

|   |             |   |   |           |                    |
|---|-------------|---|---|-----------|--------------------|
|   |             | <p>15/12/2011);<br/>         Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030 (Tháng 12/2013)<br/>         Quyết định số 84/QĐ-BVHTTDL Phê duyệt Đề án phát triển Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2014 - 2020(Quyết định số 84/QĐ- BVHTTDL (09/01/2014);<br/>         Quyết định phê duyệt Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia (QĐ số 2971/QĐ-BVHTTDL ngày 01/9/2015)</p> | <p>SKĐAHN ngày 15/12/2011.<br/>         Quyết định số 644/QĐ- SKĐAHN ngày 15/12/2011;<br/>         Kế hoạch tháng 5 năm 2013</p>  |           |                    |
| 2 | H6.06.01.02 | <p>Văn bản quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc khoa và tương đương thuộc Trường</p>  | <p>Quyết định số 1596/QĐ-BVHTTDT ngày 19/5/2021</p>   | ĐH SKĐAHN | Phòng HC,TH (TCCB) |
| 3 | H6.06.01.03 | <p>Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2012-2015 và 2015-2020.</p>  | <p>Quyết định số 1135/QĐ-SKĐAHN ngày 30/11/2015</p>   | ĐH SKĐAHN | Phòng HC,TH (TCCB) |
| 4 | H6.06.01.04 | <p>Các văn bản, thông báo về hoạt động rà soát, bổ sung quy hoạch</p>   | <p>Hướng dẫn số 61/HD-BCSĐ-BVHTTDT ngày 30/11/2012<br/>         Công văn số 40/CV-BCS<br/>         Đảng BVHTTDT ngày 11/4/2017<br/>         Hướng dẫn số 28/HD-BCSĐ-BVHTTDT ngày 15/3/2017<br/>         Công văn số 5212/CV-BVHTTDT ngày 19/11/2018</p> | BỘ VHTTDT | Phòng HC,TH (TCCB) |

|   |             |   |   |                        |                                    |
|---|-------------|---|---|------------------------|------------------------------------|
| 5 | H6.06.01.05 | Các văn bản quy định của trường trong công tác bổ nhiệm các cán bộ lãnh đạo và các quy định về tiêu chuẩn, chức danh cán bộ quản lý trường, phó các đơn vị trong trường.  | Năm 2015-2021   | ĐH SKĐAHN              | P.HCTH (bộ phận TCCB)              |
| 6 | H6.06.01.06 | Đề án vị trí việc làm của Khoa (trích Đề án vị trí việc làm của Trường đã được Bộ VHTTDL phê duyệt)   | Quyết định số 4965/QĐ-BVHTTD ngày 28/12/2018                                  | Bộ VHTTDL              | Phòng HC,TH (TCCB)                 |
| 7 | H6.06.01.07 | Phiếu đánh giá phân loại cán bộ, viên chức; Báo cáo đánh giá các mặt hoạt động của Nhà trường đọc trước Hội nghị cán bộ công chức, viên chức; Các văn bản nhận xét, đánh giá về năng lực và hiệu quả trong công việc của các vị trí lãnh đạo các cấp trong trường.  | Năm 2015-2021   | ĐH SKĐAHN<br>ĐH SKĐAHN | P.HCTH (bộ phận TCCB)<br>Khoa NTĐA |
| 8 | H6.06.01.08 | - Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên của ngành thiết kế mỹ thuật sân khấu – điện ảnh trong 5 năm (2015-2020);<br><u>Trong đó</u> trích Thống kê các thông báo, danh sách các cán bộ, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm từ 2015 đến nay; trích Thống kê danh sách các cán bộ, giảng viên được tham gia tập huấn về chuyên môn ở nước ngoài. | Năm 2015-2021   | ĐH SKĐAHN              | P.HCTH (bộ phận TCCB)              |
| 9 | H6.06.01.09 | Biên bản tổng hợp các cuộc họp bình xét thi đua trong toàn trường (2015-2020)<br><br>Trích thông tin hồ sơ về chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội  | Trích thông tin của các giảng viên khoa NTĐA - chuyên ngành đạo diễn điện ảnh | ĐH SKĐAHN              | P.HCTH (bộ phận TCCB)              |

|                     |    |              |  |  |           |                                     |
|---------------------|----|--------------|--|--|-----------|-------------------------------------|
|                     | 10 | H6.06.01.10  | Danh mục bằng ngoại ngữ, chứng chỉ học tập tại nước ngoài của giảng viên giảng dạy ngành đạo diễn điện ảnh | Có tổng hợp danh sách và chứng chỉ .   | ĐH SKĐAHN | P.HCTH (bộ phận TCCB)               |
|                     | 11 | H6.06.01.11  | Chiến lược ngắn hạn và dài hạn quy hoạch phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn theo quy định                     | Giai đoạn 2015-2021  | ĐH SKĐAHN | P.HCTH (bộ phận TCCB)<br>H6.06.01.3 |
| <b>Tiêu chí 6.2</b> | 1  | H06.06.02.01 | Hồ sơ giảng viên; danh sách sơ yếu lý lịch giảng viên khoa NTĐA  | Giai đoạn 2015-2021  | ĐH SKĐAHN | P.HCTH (bộ phận TCCB)               |
|                     | 2  | H06.06.02.02 | Hồ sơ giảng viên; danh sách sơ yếu lý lịch giảng viên bộ môn đạo diễn điện ảnh khoa NTĐA                   | Giai đoạn 2015-2021  | ĐH SKĐAHN | P.HCTH (bộ phận TCCB)               |
|                     | 3  | H06.06.02.03 | Danh sách giảng viên thỉnh giảng khoa NTĐA - ngành đạo diễn ảnh  | Giai đoạn 2015-2021  | ĐH SKĐAHN | P.HCTH (bộ phận TCCB)<br>K.NTĐA     |
|                     | 4  | H06.06.02.04 | Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT  | Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT ngày 23/9/2015   | Bộ GD&ĐT  |                                     |
|                     | 5  | H06.06.02.05 | Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT  | Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT ngày 16/12/2015  | Bộ GD&ĐT  |                                     |
|                     | 6  | H06.06.02.06 | Thông tư 47/2014/TT-BGD&ĐT ngày 31/12/2014   | Thông tư 47/2014/TT-BGD&ĐT ngày 31/12/2014<br>Quyết định 1415/QĐ-SKĐAHN ngày 8/12/2020 | Bộ GD&ĐT  |                                     |
|                     | 7  | H06.06.02.07 | Thông tư 20/2020/TT-BGD&ĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học   | Thông tư 20/2020/TT-BGD&ĐT ngày 27/7/2020  | Bộ GD&ĐT  |                                     |
|                     | 8  | H06.06.02.08 | Hồ sơ thi đua khen thưởng lưu phòng TCCB   | Giai đoạn 15-21  | ĐH SKĐAHN | P.HCTH (bộ phận TCCB)               |
|                     | 9  | H06.06.02.09 | Biên bản giao, nhận nhiệm vụ cho giảng viên của Khoa đầu mỗi năm   | Giai đoạn 15-21  | ĐH SKĐAHN | Khoa NTĐA                           |

|                         |    |              |   |  |              |                             |
|-------------------------|----|--------------|---|--|--------------|-----------------------------|
|                         |    |              | học   |  |              |                             |
|                         | 10 | H06.06.02.10 | Danh sách tăng lương/<br>danh sách thi đua (2015-<br>2020)  | Giai đoạn 15-21  | ĐH<br>SKĐAHN | P.HCTH<br>(bộ phận<br>TCCB) |
|                         | 11 | H06.06.02.11 | Danh hiệu chiến sĩ thi đua<br>cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng<br>khen các cấp, giải thưởng<br>của giảng viên khoa<br>NTĐA | Giai đoạn 15-21  | ĐH<br>SKĐAHN | P.HCTH<br>(bộ phận<br>TCCB) |
|                         | 12 | H06.06.02.12 | Hồ sơ phiếu phản hồi của<br>người học về hoạt động<br>giảng dạy của giảng viên<br>(giảng viên khoa NTĐA)          | Thông báo 32/TB-<br>SKĐAHN ngày<br>17/1/2018<br>Thông báo<br>217/TB-SKĐAHN<br>ngày 14/6/2019<br>Thông báo<br>286/TB-SKĐAHN<br>ngày<br>14/8/2020<br>Thông<br>báo 284/TB-<br>SKĐAHN ngày<br>5/7/2021 | ĐH<br>SKĐAHN | P.Khảo thí &<br>ĐBCLGD      |
| <b>Tiêu<br/>chí 6.3</b> | 1  | H6.06.03.01  | Những văn bản quy định<br>cụ thể về tiêu chí tuyển<br>giảng viên (trích thông<br>báo tuyển giảng viên)            | Thông báo số<br>343/TB-<br>SKĐAHN<br>ngày 8/6/2017   | ĐH<br>SKĐAHN | Bộ phận<br>TCCB             |
|                         | 2  | H6.06.03.02  | Thông báo tuyển GV<br>(website....)   | Thông báo số<br>343/TB-<br>SKĐAHN<br>ngày 8/6/2017   | ĐH<br>SKĐAHN | Bộ phận<br>TCCB             |
|                         | 3  | H6.06.03.03  | Các quy định tuyển dụng<br>trước 2018   | Kế hoạch số<br>305/KH-<br>SKĐAHN<br>ngày 15/5/2017   | ĐH<br>SKĐAHN | Bộ phận<br>TCCB             |
|                         | 4  | H6.06.03.04  | Đề án tự tuyển dụng của<br>Trường   | Kế hoạch số<br>305/KH-<br>SKĐAHN<br>ngày 15/5/2017   | ĐH<br>SKĐAHN | Bộ phận<br>TCCB             |
|                         | 5  | H6.06.03.05  | Hồ sơ giảng viên/ hợp đồng<br>giảng dạy   | Bộ phận TCCB<br>lưu có ý kiến<br>bao giờ cần sẽ<br>trình).   | ĐH<br>SKĐAHN | Bộ phận<br>TCCB             |
|                         | 6  | H6.06.03.06  | Quyết định thành lập hội<br>đồng sát hạch giảng viên<br>(hội đồng dự giờ giảng)                                   | Quyết định. số<br>1558/QĐ-<br>SKĐAHN<br>30/12/2016<br>Quyết định. số<br>430/QĐ-  | ĐH<br>SKĐAHN | Bộ phận<br>TCCB             |

|                         |   |             |  |  |                             |                              |
|-------------------------|---|-------------|--|--|-----------------------------|------------------------------|
|                         |   |             |  | SKĐAHN<br>18/5/2020  |                             |                              |
|                         | 7 | H6.06.03.07 | Quyết định phân công giảng viên hướng dẫn tập sự   |  | ĐHSKĐAHN                    | Khoa NTĐA                    |
|                         | 8 | H6.06.03.08 | Danh sách giảng viên thỉnh giảng cho khoa NTĐA   | Giai đoạn 2015-20201   | ĐHSKĐAHN                    | Khoa NTĐA<br>H6.06.02.03     |
|                         | 9 | H6.06.03.09 | Quy hoạch cán bộ từng giai đoạn  | Giai đoạn 2015-20201   | ĐHSKĐAHN                    | Bộ phận<br>TCCB              |
| <b>Tiêu chí<br/>6.4</b> | 1 | H6.06.04.01 | Hồ sơ lý lịch giảng viên (lưu tại bộ phận TCCB); hồ sơ năng lực giảng viên.  | Bộ phận TCCB lưu có ý kiến bao giờ cần sẽ trình).              | ĐHSKĐAHN<br>Bộ phận<br>TCCB | Bộ phận<br>TCCB              |
|                         | 2 | H6.06.04.02 | Các văn bản thông báo về tổ chức cho giảng viên tham gia hoạt động sáng tác;<br>Các minh chứng từ giảng viên được tham gia các hoạt động sáng tác.   | Giai đoạn 2015-20201   | ĐHSKĐAHN                    | Khoa NTĐA                    |
|                         | 3 | H6.06.04.03 | Danh sách giảng viên khoa NTĐA tham dự các hoạt động nghệ thuật được nhà trường đề cử  | Giai đoạn 2015-20201   | ĐHSKĐAHN                    | Khoa NTĐA                    |
|                         | 4 | H6.06.04.04 | Thông kê các giải thưởng mà GV Khoa NTĐA đã đạt được trong   | giai đoạn 2015-2021  | ĐHSKĐAHN                    | Khoa NTĐA                    |
|                         | 5 | H6.06.04.05 | Đề án vị trí việc làm  | giai đoạn 2015-2021  | ĐHSKĐAHN                    | P HCTH<br>(TCCB)             |
|                         | 6 | H6.06.04.06 | Nhà trường đã ban hành quy định về khối lượng công việc đối với GV trong đó xác định rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn và thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV;<br>văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức | (Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015)                  | ĐHSKĐAHN                    | Bộ phận<br>TCCB<br>Khoa NTĐA |
|                         | 7 | H6.06.04.07 | Quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn   | Quyết định số 1889/QĐ-BVHTTDT ngày 15/6/2021                   | ĐHSKĐAHN                    | Bộ phận<br>TCCB              |
|                         | 8 | H6.06.04.08 | Phiếu lấy ý kiến góp ý và biên bản thống kê các ý kiến GV đóng góp để hoàn thiện văn bản về thi đua; đánh giá phân loại CCVC trước khi ban hành văn bản.   | THông báo số 582/TB-SKĐAHN ngày 8/9/2017<br>Có tổng hợp ý kiến | ĐHSKĐAHN                    | Bộ phận<br>TCCB              |

|                     |    |             |   |   |            |  |
|---------------------|----|-------------|---|---|------------|--|
|                     | 9  | H6.06.04.09 | thông báo, hướng dẫn về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của giảng viên qua các năm   | Giai đoạn 2015-2021   | ĐH SKĐA HN | Bộ phận TCCB<br>H6.06.04.07              |
|                     | 10 | H6.06.04.10 | Trích báo cáo tổng kết thi đua, khen thưởng hằng năm (Kết quả đánh giá giảng viên khoa NTĐA) (2015-2020)  | Giai đoạn 2015-2021   | ĐH SKĐA HN | Bộ phận TCCB<br>H6.06.02.08              |
|                     | 11 | H6.06.04.11 | Danh sách đề nghị khen thưởng cho giảng viên (trong đó có khoa NTĐA) tại hội nghị CCVC hằng năm hoặc báo cáo đề nghị khen thưởng gửi cho Bộ VHTTDL (2015-2020)                                    | Giai đoạn 2015-2021   | ĐH SKĐA HN | Bộ phận TCCB                             |
|                     | 12 | H6.06.04.12 | Thông kê kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên  | Trích lục đối với khoa NTĐA   | ĐH SKĐA HN | P.Khảo thí & ĐBCLGD<br>H6.06.02.12       |
| <b>Tiêu chí 6.5</b> | 1  | H6.06.05.01 | Các văn bản liên quan đến việc cử giảng viên đi học tập, bồi dưỡng, hội thảo...(quyết định cử đi học);<br>Quyết định hỗ trợ học phí; các văn bản về kinh phí hỗ trợ các hoạt động học tập cho GV. | Quyết định số 995/QĐ-SKĐA HN ngày 14/9/2018<br>Quyết định số 1288/QĐ-SKĐA HN ngày 5/11/2020<br>Quyết định số 302/QĐ-SKĐA HN ngày 24/4/2020<br>Quyết định số 197/QĐ-SKĐA HN ngày 12/3/2021 | ĐH SKĐA HN | Bộ phận TCCB<br>P.CT HS/SV               |
|                     | 2  | H6.06.05.02 | Thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài;<br><br><b>Quy chế đối ngoại</b>   | Công văn số 2360/QĐ-BVHTTDT-ĐT ngày 25/6/2020<br>Công văn số 2481/QĐ-BVHTTDT-ĐT ngày 07/6/2018<br><br>Quyết định số 678/QĐ-SKĐA HN ngày 23/6/2020   | ĐH SKĐA HN | P.ĐT,<br>QLKH&HTQ<br>T Bộ phận đối ngoại |



|              |   |             |  |  |          |   |
|--------------|---|-------------|--|--|----------|---|
|              |   |             |  |  |          |   |
|              | 3 | H6.06.05.03 | Quy chế chi tiêu nội bộ  | Quyết định số 36/QĐ-SKĐAHN ngày 05/01/2017   | DHKSĐAHN | P.HC, TH Bộ phận Tài vụ                   |
|              | 4 | H6.06.05.04 | Thông tin do Khoa NTĐA cung cấp: về tọa đàm, hội thảo, tham gia BGK các LHP QG, CDV, LHP sinh viên các trường ĐA Thế giới..., các tổ chức Văn hóa nghệ thuật độc lập của VN và Quốc tế   | Có các MC về thông tin về LH phim (lưu tại khoa)   | DHKSĐAHN | Khoa NTĐA                                 |
| Tiêu chí 6.6 | 1 | H6.06.06.01 | Đề án vị trí việc làm (căn cứ Luật viên chức năm 2010)/ bản mô tả vị trí công việc của Khoa NTĐA   | Dùng chung MC H6.06.01.06  |          |   |
|              | 2 | H6.06.06.02 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Minh chứng về: phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; kiểm tra công tác tổ chức dự giờ; kế hoạch giảng dạy của GV</li> <li>- Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (theo thông tư 47) và các quy định cụ thể của Trường thực hiện thông tư 47 năm 2014;</li> <li>- Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (văn bản cụ thể hóa của Trường về Thông tư 20 năm 2020)</li> <li>- Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra công tác đào tạo của Khoa NTĐA)</li> </ul> | <p>Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015), trong đó xác định rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn và thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV</p> <p>Kê hoạch kiểm tra số 104/KH-SKĐAHN ngày 12/3/2021.</p> <p>Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 04/5/2021.</p> <p>Thông báo số 192/TB-SKĐAHN ngày 4/5/2021</p> | DHKSĐAHN | P.HC, TH P. Khảo thí & ĐBCLGD H6.06.02.12 |
|              | 3 | H6.06.06.03 | Kế hoạch giảng dạy của   | Giai đoạn 2015-  | DHKSĐAHN | P.ĐT, QLKH                                |

|                     |   |             |   |  |              |  |
|---------------------|---|-------------|---|--|--------------|--|
|                     |   |             | giảng viên khoa NTĐA  | 2021   |              | & HTQT<br>Khoa NTĐA<br>H3.03.01.07                   |
|                     | 4 | H6.06.06.04 | Các biên bản họp bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau tại Khoa NTĐA   | Giai đoạn 2015-2021  | ĐHSKĐAHN     | P.HC,TH<br>H6.06.02.08                               |
|                     | 5 | H6.06.06.05 | - Quy chế thi đua khen thưởng của Trường<br><br>- Văn bản quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn.   | Giai đoạn 2015-2021  | ĐHSKĐAHN     | P.HC,TH Bộ phận TCCB<br>H6.06.02.08                  |
|                     | 6 | H6.06.06.06 | Danh sách kết quả bình xét thi đua (các năm từ 2015 đến 2020)<br>Danh sách đề nghị khen thưởng cho giảng viên (trong đó có khoa NTĐA) tại hội nghị CCVC hằng năm hoặc báo cáo đề nghị khen thưởng gửi cho Bộ VHTTDL (2015-2020) | Giai đoạn 2015-2021  | ĐH<br>SKĐAHN | P.HC,TH<br>Bộ phận<br>TCCB                           |
| <b>Tiêu chí 6.7</b> | 1 | H6.06.07.01 | Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐH SKĐAHN;<br>Các thông báo triển khai kế hoạch KHCN hằng năm của Trường (thông báo, biểu mẫu...để các giảng viên đăng ký đề tài nghiên cứu)   | (Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014).                                 | ĐSKĐAHN      | P.HC,TH<br>Bộ phận<br>TCCB                           |
|                     | 2 | H6.06.07.02 | Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu khoa học của Trường ĐHSKĐAHN   | Quyết định số 198/QĐ-SKĐAHN ngày 14/3/2017.                                    | ĐH<br>SKĐAHN | Viện SKĐA  |
|                     | 3 | H6.06.07.03 | - Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (theo thông tư 47) và các quy định cụ thể của Trường thực hiện thông tư 47 năm 2014;<br>- Quy định chế độ làm   | Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015)<br>Kế hoạch số 104/KH-SKĐAHN ngày | ĐH<br>SKĐAHN | P.HC,TH<br>Bộ phận<br>TCCB<br>P.Khảo thí &<br>ĐBCLGD |

|   |             |   |  |           |                                 |
|---|-------------|---|--|-----------|---------------------------------|
|   |             | việc đối với giảng viên(vấn bản cụ thể hóa của Trường về Thông tư 20 năm 2020)<br>- Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra công tác đào tạo của Khoa NTĐA)<br>Kết quả đánh giá, phân loại giảng viên | 12/3/2021.<br>Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 04/5/2021.<br>Thông báo số 192/TB-SKĐAHN ngày 04/5/2021   |           |                                 |
| 3 | H6.06.07.04 | Kết luận tiêu chí 7.3 trong Báo cáo đánh giá ngoài Danh mục giải thưởng của GV khoa NTĐA (2015-2020) (Khoa tổng hợp)  | Công văn số 202 /KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017   | ĐH SKĐAHN | P.Khảo thí & ĐBCLGD H6.06.04.04 |
| 5 | H6.06.07.05 | Quy định tạm thời về hoạt động sở hữu trí tuệ cho các đề tài NCKH của Trường ĐHSKĐAHN   | Quyết định số 1054/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016  | ĐH SKĐAHN | Viện SKĐA                       |
| 6 | H6.06.07.06 | Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong NCKH của Trường ĐHSKĐAHN   | Quyết định số 1055/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016  | ĐH SKĐAHN | Viện SKĐA                       |
| 7 | H6.06.07.07 | Quyết định thành lập Hội đồng thông qua đề cương NCKH cấp Trường và các Quyết định Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH cấp Trường   | Quyết định số 15/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2015<br>Quyết định số 996/QĐ-SKĐAHN ngày 16/10/2015<br>Quyết định số 79/QĐ-SKĐAHN ngày 28/1/2016<br>Quyết định số 714/QĐ-SKĐAHN ngày 17/5/2016<br>Quyết định số 280/QĐ-SKĐAHN ngày 14/4/2016<br>Quyết định số 1330/QĐ-SKĐAHN ngày 10/11/2016<br>Quyết định số 73/QĐ-SKĐAHN ngày |           |                                 |

|  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  | 09/2/2017<br>Quyết định số<br>172/QĐ-<br>SKĐAHN ngày<br>10/3/2017<br>Quyết định số<br>343/QĐ-<br>SKĐAHN ngày<br>24/4/2017<br>Quyết định số<br>374/QĐ-<br>SKĐAHN ngày<br>4/5/2017<br>Quyết định số<br>235a/QĐ-<br>SKĐAHN ngày<br>21/3/2017<br>Quyết định số<br>1285/QĐ-<br>SKĐAHN ngày<br>13/11/2017<br>Quyết định số<br>28/QĐ-<br>SKĐAHN ngày<br>9/01/2018<br>Quyết định số<br>190/QĐ-<br>SKĐAHN ngày<br>27/2/2018<br>Quyết định số<br>1253/QĐ-<br>SKĐAHN ngày<br>9/11/2018<br>Quyết định số<br>135/QĐ-<br>SKĐAHN ngày<br>21/2/2019<br>Quyết định số<br>194/QĐ-<br>SKĐAHN ngày<br>15/3/2019<br>Quyết định số<br>1161/QĐ-<br>SKĐAHN ngày<br>7/01/2019<br>Quyết định số<br>154/QĐ-<br>SKĐAHN ngày<br>2/3/2020<br>Quyết định số<br>411/QĐ-<br>SKĐAHN ngày |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|

|                             |          |              |  |  |           |                                     |
|-----------------------------|----------|--------------|--|--|-----------|-------------------------------------|
|                             |          |              |  | 18/5/2020<br>Quyết định số<br>1330/QĐ-<br>SKĐAHN ngày<br>18/11/2020  |           |                                     |
| <b>Tiêu<br/>chuẩn<br/>7</b> | <b>7</b> |              |  |  |           |                                     |
| <b>Tiêu<br/>chí 7.1</b>     | 1        | H07.07.01.01 | Những văn bản về tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên trước 2018 (2015-2018) và sau năm 2018 (2018-2020). | Giai đoạn 15-18 và 18-20   | ĐH SKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB               |
|                             | 2        | H07.07.01.02 | Danh sách, bản mô tả công việc của nhân viên, hồ sơ lý lịch của đội ngũ nhân viên  | Trích trong đề án VTVL   | ĐH SKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB               |
|                             | 3        | H07.07.01.03 | Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phần phát triển đội ngũ)  | Kế hoạch tháng 5/2013<br>Quyết định 84/QĐ-BVHTTDL ngày 09/01/2014<br>Quyết định số 34/QĐ-BVHTTDL ngày 09/01/2016 | ĐH SKĐAHN | Bộ phận TCCB                        |
|                             | 3        | H07.07.01.04 | Đề án vị trí việc làm  | Công văn số 3403/BVHTTDL-TCCB ngày 30/9/2014.  | Bộ VHTTDT | P.HC, TH Bộ phận TCCB               |
|                             | 5        | H07.07.01.05 | Minh chứng về việc phân công nhân viên (các phòng chức năng) trực tiếp hỗ trợ Khoa NTĐA                                    | Năm 2016-2021  | ĐH SKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB<br>H6.06.01.6 |
|                             | 6        | H07.07.01.06 | Hệ thống các văn bản của Trường về Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Nhà trường        | Đề án vị trí việc làm  | ĐH SKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB               |
|                             | 7        | H07.07.01.07 | Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội   | Nghị quyết 04/NQ-HĐT ngày 10/8/2021  | ĐH SKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB               |
|                             | 8        | H07.07.01.08 | Quy chế chi tiêu nội bộ  |  | ĐH SKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận Tài vụ             |
|                             | 9        | H07.07.01.09 | Minh chứng về việc chuyển đổi ngạch viên   | Giai đoạn 2015-2021  | ĐH SKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB               |

|                     |    |              |   |   |          |                                 |
|---------------------|----|--------------|---|---|----------|---------------------------------|
|                     |    |              | chức  |   |          |                                 |
|                     | 10 | H07.07.01.10 | Minh chứng hỗ trợ kinh phí, thời gian cho cán bộ phục vụ tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo chuyên ngành và tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ | Các Quyết định cử đi học tập, tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ học phí | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB           |
|                     | 11 | H07.07.01.11 | Danh sách cán bộ được phân công làm trợ lý Khoa NTĐA  | Giai đoạn 2015-2021   | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB Khoa NTĐA |
|                     | 12 | H07.07.01.12 | Kết quả bình xét thi đua khối phòng chức năng (2015-2020)   | Giai đoạn 2015-2021   | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB           |
| <b>Tiêu chí 7.2</b> | 1  | H07.07.02.01 | Minh chứng về các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm  | Giai đoạn 2015-2021   | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB           |
|                     | 2  | H07.07.02.02 | Hồ sơ của đội ngũ nhân viên   | Giai đoạn 2015-2021   | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB           |
|                     | 3  | H07.07.02.03 | Thông báo tuyển dụng được đăng tải trên kênh thông tin đại chúng hoặc web của Trường  | Giai đoạn 2015-2021   | ĐHSKĐAHN | Bộ phận web trường              |
|                     | 3  | H07.07.02.04 | Quy hoạch cán bộ từng giai đoạn (2015-2020)   | Giai đoạn 2015-2021   | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB           |
|                     | 5  | H07.07.02.05 | Hồ sơ nâng ngạch chuyên viên lên chuyên viên chính  | Giai đoạn 2015-2021   | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB           |
|                     | 6  | H07.07.02.06 | Minh chứng về việc điều chuyển nhân viên  | Giai đoạn 2015-2021   | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB           |
| <b>Tiêu chí 7.3</b> | 1  | H07.07.03.01 | Quy chế thi đua của Trường  | Các phiên bản của quy chế này từ năm 2015-2021                    | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB           |
|                     | 2  | H07.07.03.02 | Các bản đăng ký thi đua hằng năm của đội ngũ nhân viên  | Văn bản thống kê các năm từ 2015-2021.                            | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB           |
|                     | 3  | H07.07.03.03 | Báo cáo thành tích của đội ngũ nhân viên (hồ sơ xét thi đua, khen thưởng)   | Giai đoạn 15-21   | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB           |
|                     | 3  | H07.07.03.04 | Kết quả thi đua hằng năm (hồ sơ thi đua)  | Giai đoạn 15-21   | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB           |
|                     | 5  | H07.07.03.05 | Minh chứng về việc lấy ý kiến góp ý của các đơn vị mỗi lần ban hành mới quy chế thi đua, khen thưởng (thông báo lấy ý kiến góp ý cho dự thảo quy chế,   | Thông báo số 582/TB-SKĐAHN ngày 8/9/2017                          | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB           |

|              |   |              |  |   |          |                       |
|--------------|---|--------------|--|---|----------|-----------------------|
|              |   |              | phiếu góp ý của các đơn vị)  |   |          |                       |
|              | 6 | H7.07.03.06  | Hồ sơ thi đua, danh sách đạt danh hiệu thi đua hằng năm của đội ngũ nhân viên  | Giai đoạn 15-21                               | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB |
|              | 7 | H7.07.03.07  | Minh chứng về việc “Đội ngũ trợ lý Khoa NTĐA được đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và được hỗ trợ kinh phí”    | Giai đoạn 15-21                               | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB |
| Tiêu chí 7.4 | 1 | H07.07.04.01 | Thông báo tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ  | Giai đoạn 15-21                               | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB |
|              | 2 | H07.07.04.02 | Danh mục các khóa học, đào tạo, tập huấn và danh sách đội ngũ nhân viên của Trường tham gia học tập.                 | Giai đoạn 15-21                               | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB |
|              | 3 | H07.07.04.03 | Quyết định cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tập huấn và minh chứng về chi trả kinh phí của Trường                     | Giai đoạn 15-21                               | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB |
|              | 4 | H07.07.04.04 | Minh chứng về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.                           | Giai đoạn 15-21                               | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB |
|              | 5 | H07.07.04.05 | Sơ yếu lý lịch viên chức hằng năm (phiếu bổ sung thông tin); các giấy chứng nhận, chứng chỉ hoàn thành sau khóa học. | Giai đoạn 15-21                               | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB |
|              | 6 | H07.07.04.06 | Minh chứng về việc phân bổ ngân sách đào tạo cho đội ngũ nhân viên   | Giai đoạn 15-21                               | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TV   |
|              | 7 | H7.07.04.07  | Danh sách đội ngũ nhân viên được cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ hoặc được nâng ngạch chuyên viên                          | Giai đoạn 15-21                               | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB |
| Tiêu chí 7.5 | 1 | H07.07.05.01 | Bản mô tả vị trí công việc   | Quyết định số 4965/QĐ-BVHTTDL ngày 28/12/2018 | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB |
|              | 2 | H07.07.05.02 | Quy chế thi đua khen thưởng  | Giai đoạn 15-21                               | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB |
|              | 3 | H07.07.05.03 | Biên bản phân công công việc của nhân viên (lưu tại đơn vị)  | Giai đoạn 15-21                               | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB |
|              | 4 | H07.07.05.04 | Nhận xét của trưởng phòng/ giám đốc trung  | Giai đoạn 15-21                               | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH Bộ phận TCCB |

|                     |          |              |  |  |                        |                       |
|---------------------|----------|--------------|--|--|------------------------|-----------------------|
|                     |          |              | tâm/ biên bản họp bình xét thi đua tại mỗi đơn vị cho từng cá nhân   |  |                        |                       |
|                     | 5        | H07.07.05.05 | Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của Trường (2015-2020)   | Trích biên bản họp ngày 5/10/2016<br>Trích biên bản họp ngày 9/11/2017<br>Trích biên bản họp ngày 15/10/2018<br>Trích biên bản họp ngày 30/9/2019<br>Trích biên bản họp ngày 24/9/2020 | ĐHSKĐAHN               | P.HC, TH Bộ phận TCCB |
|                     | 6        | H07.07.05.06 | Quy trình, biểu mẫu bình xét danh hiệu thi đua   | Quy định thi đua khen thưởng   | ĐHSKĐAHN               | P.HC, TH Bộ phận TCCB |
|                     | 7        | H7.07.05.07  | Danh sách nhân viên được nhận các danh hiệu thi đua hằng năm và được tăng lương trước niên hạn (2015-2020)                             | Giai đoạn 15-21  | ĐHSKĐAHN               | P.HC, TH Bộ phận TCCB |
|                     | 8        | H7.07.05.08  | Thông báo lấy ý kiến đóng góp cho Quy chế thi đua khen thưởng; biên bản tổng hợp góp ý cho dự thảo quy chế thi đua trước khi ban hành. | Giai đoạn 15-21  | ĐHSKĐAHN               | P.HC, TH Bộ phận TCCB |
|                     | 9        | H7.07.05.09  | Báo cáo thanh tra nhân dân hằng năm (2015-2021)  | Giai đoạn 15-21  | Ban Thanh tra nhân dân | Bộ phận TTND          |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b> | <b>8</b> |              |  |  |                        |                       |
| <b>Tiêu chí 8.1</b> | 1        | H08.08.01.01 | Liệt kê tên văn bản là quy chế của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường   | Thông báo TS số 71/TB-SKĐAHN ngày 8/3/2016;<br>Thông báo TS số 142/TB-SKĐAHN ngày 20/3/2017;<br>Thông báo TS số 102/TB-SKĐAHN ngày   | ĐH SKĐAHN              | P.ĐT,QLKH &HTQT       |



|                 |   |              |   |   |           |                                     |
|-----------------|---|--------------|---|---|-----------|-------------------------------------|
|                 |   |              |   | 28/2/2018;<br>Thông báo TS<br>số 89/TB-<br>SKĐAHN<br>ngày<br>11/3/2019;<br>Thông báo TS<br>số 139/TB-<br>SKĐAHN<br>ngày 6/4/2021<br>Đề án tuyển sinh<br>từ năm 2017 đến<br>2021 |           |                                     |
|                 | 2 | H08.08.01.02 | <a href="http://skda.edu.vn">http://skda.edu.vn</a> .<br>Thông tin (băng đĩa, hình<br>ảnh trong Ngày hội tuyển<br>sinh - thường tổ chức đầu<br>năm ở Đại học Bách khoa<br>HN) | Giai đoạn 15-<br>21   | ĐH SKĐAHN | P.ĐT,<br>QLKH&<br>HTQT<br>Khoa NTĐA |
|                 | 3 | H08.08.01.03 | Các thông báo/ kế hoạch<br>tuyển sinh, tờ rơi, trang<br>thông tin điện tử của<br>Trường/ Khoa/ Facebook<br>của Trường.  | Giai đoạn 15-<br>21   | ĐH SKĐAHN | P.ĐT,<br>QLKH&<br>HTQT<br>Khoa NTĐA |
|                 | 4 | H08.08.01.04 | Thông tin minh chứng về<br>lớp giải đáp thắc mắc<br>(2015-2020)   | Kê hoạch số<br>102-KH-<br>SKĐAHN<br>ngày 28/2/2018<br>Kê hoạch số<br>89-KH-<br>SKĐAHN<br>ngày 11/3/2019   | ĐH SKĐAHN | Khoa NTĐA                           |
|                 | 5 | H08.08.01.05 | Minh chứng về việc đưa<br>thông tin tuyển sinh về<br>các địa phương; đón học<br>sinh THPT đến thăm quan<br>trải nghiệm tại Trường   | Kế hoạch số<br>418/KH-<br>SKĐAHN<br>ngày 8/11/2019  | ĐH SKĐAHN | P.ĐT, QL<br>KH&HTQT<br>Khoa NTĐA    |
|                 | 6 | H08.08.01.06 | Biên bản họp rút kinh<br>nghiệm công tác tuyển<br>sinh hằng năm   | Giai đoạn 15-<br>21   | ĐH SKĐAHN | P.ĐT,<br>QLKH&<br>HTQT<br>Khoa NTĐA |
| Tiêu<br>chí 8.2 | 1 | H08.08.02.01 | Văn bản quy chế tuyển<br>sinh của Bộ Giáo dục và<br>Đào tạo các năm (2015-<br>2020)   | Thông tư số<br>03/2015/TT-<br>BGDDĐT ngày<br>26/02/2015   | Bộ GDĐT   | P.ĐT,<br>QLKH&<br>HTQT              |
|                 | 2 | H08.08.02.02 | Đề án tuyển sinh của<br>Trường ĐH SKĐAHN  | Đề án tuyển<br>sinh của trường<br>các năm<br>2019,2020,2021   | ĐH SKĐAHN | P.ĐT,<br>QLKH&<br>HTQT              |

|   |              |   |  |           |                              |
|---|--------------|---|--|-----------|------------------------------|
| 3 | H08.08.02.03 | Danh sách HDTS, các Ban phục vụ TS, Ban TTr (2015-2020)   | Quyết định số 436/QĐ – SKDAH N ngày 14/5/2019<br>Quyết định số 955/QĐ – SKDAH N ngày 14/8/2020   | ĐH SKĐAHN | P. HC, TH<br>Bộ phận<br>TCCB |
| 4 | H08.08.02.04 | Tài liệu; biên bản tập huấn tuyển sinh hằng năm   | Quy chế tuyển sinh 2017  | ĐH SKĐAHN | Bộ phận<br>TCCB              |
| 5 | H08.08.02.05 | Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh (sau khi tuyển sinh và công bố kết quả trúng tuyển)  | Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 14/8/2015<br>Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 11/9/2015<br>Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 12/8/2016<br>Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 25/7/2017<br>Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 4/8/2017<br>Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 6/8/2018<br>Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 1/8/2019<br>Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 7/9/2020 | ĐH SKĐAHN | P.ĐT,<br>QLKH&<br>HTQT       |
| 6 | H08.08.02.06 | website của Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội ( <a href="http://skda.edu.vn/">http://skda.edu.vn/</a> ); facebook của Trường <a href="https://www.facebook.com/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng-%C4%90%E1%BA%A1i-H%E1%BB%8Dc-">https://www.facebook.com/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng-%C4%90%E1%BA%A1i-H%E1%BB%8Dc-</a> | Sử dụng MC H05.05.04.02  | ĐH SKĐAHN | P.ĐT,<br>QLKH&<br>HTQT       |

|   |              |  |  |                             |                           |  |
|---|--------------|--|--|-----------------------------|---------------------------|--|
|   |              |  | <a href="#">S%C3%A2n-Kh%E1%BA%A5u-%C4%90i%E1%BB%87n-%E1%BA%A2nh-H%C3%A0-N%E1%BB%99i-954942391290706/</a>   |                             |                           |  |
| 7 | H08.08.02.07 | Hồ sơ của Ban Thanh tra tuyển sinh (2015-2020) | <p><b>- Chính quy Đại học, Trung cấp</b><br/> Quyết định số 676/QĐ-SKĐAHN ngày 14/7/2015<br/> Quyết định số 756/QĐ-SKĐAHN ngày 11/7/2016<br/> Quyết định số 756/QĐ-SKĐAHN ngày 11/7/2016<br/> Quyết định số 689/QĐ-SKĐAHN ngày 27/6/2017<br/> Quyết định số 611/QĐ-SKĐAHN ngày 04/7/2018<br/> Quyết định số 192/QĐ-SKĐAHN ngày 15/3/2019<br/> Quyết định số 561/QĐ-SKĐAHN ngày 27/5/2020<br/> Quyết định số 954/QĐ-SKĐAHN ngày 14/8/2020</p> <p><b>- Hệ vừa làm vừa học</b><br/> Quyết định số 997/QĐ-SKĐAHN ngày 19/10/2015<br/> Quyết định số 1222/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2016</p> | ĐHSKĐAHN<br>Bộ phận<br>TCCB | P.Khảo thí<br>&<br>ĐBCLGD |  |

|                     |   |              |   |   |                        |                 |
|---------------------|---|--------------|---|---|------------------------|-----------------|
|                     |   |              |   | Quyết định số 1515/QĐ-SKĐAHN ngày 23/12/2016<br>Quyết định số 1039/QĐ-SKĐAHN ngày 27/9/2017<br>Quyết định số 1097/QĐ-SKĐAHN ngày 10/10/2018<br>Quyết định số 1068/QĐ-SKĐAHN ngày 14/10/2019<br>Quyết định số 1268/QĐ-SKĐAHN ngày 27/10/2020 |                        |                 |
| <b>Tiêu chí 8.3</b> | 1 | H08.08.03.01 | Quy chế 25 - quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy   | Quyết định 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006  | Bộ Giáo dục và Đào tạo | P.ĐT, QLKH&HTQT |
|                     | 2 | H08.08.03.02 | Các văn bản quy định đào tạo riêng của Trường ĐHSKĐAHN;   | Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN ngày 17/10/2018  | ĐHSKĐAHN               | P.ĐT, QLKH&HTQT |
|                     | 3 | H08.08.03.03 | Tập hợp các quy định do phòng CT HSSV tham mưu HT ban hành.   | Sổ tay sinh viên  | ĐHSKĐAHN               | P. CT HS/SV     |
|                     | 4 | H08.08.03.04 | Quy chế về công tác học sinh sinh viên  | Giai đoạn 2015-2021   | ĐHSKĐAHN               | P. CT HS/SV     |
|                     | 5 | H08.08.03.05 | Mình chứng về đội kiểm tra nề nếp giảng dạy học tập (2015-2021) gồm các thông báo về chấn chỉnh nề nếp, các biên bản cuộc họp về kiểm tra nề nếp giảng đường; | Giai đoạn 15-21   | ĐHSKĐAHN               | P. CT HS/SV     |
|                     | 6 | H08.08.03.06 | Báo cáo nhanh tình hình học tập giảng dạy được công bố trong cuộc họp giao ban hằng tháng. Kết luận các cuộc họp giao ban hằng tháng                          | Giai đoạn 15-21   | ĐHSKĐAHN               | P. CT HS/SV     |
|                     | 7 | H08.08.03.07 | Mình chứng về việc tổ chức đội kiểm tra nề nếp giảng dạy và học tập.  | Giai đoạn 15-21   | ĐHSKĐAHN               | P. CT HS/SV     |
|                     | 8 | H08.08.03.08 | Thời khóa biểu các năm học (2015-2020) - của  | Giai đoạn 15-21   | P.ĐT, QLKH&HTQ         | Khoa NTĐA       |

|    |              |  |   |  |                   |            |
|----|--------------|--|---|--|-------------------|------------|
|    |              |  | khoa NTĐA   |  | T                 |            |
| 9  | H08.08.03.09 |  | Email trao đổi với giảng viên Lý Thái Dũng - Phó trưởng khoa NTĐA (2015-2020)   |  | Khoa NTĐA         | Khoa NTĐA  |
| 10 | H08.08.03.10 |  | Email trao đổi với giảng viên Lý Thái Dũng - Phó trưởng khoa NTĐA (2015-2020);<br>Sổ tay sinh viên; Minh chứng về tuần giáo dục công dân. | Công văn số 4146/BGDĐT-CTHSSV ngày 14/8/2015<br>Kế hoạch số 293 /KH – SKĐAHN ngày 4/9/2015<br>Công văn số 3836/BGDĐT-CTHSSV ngày 8/8/2016...                   | BGDĐT<br>DHSKĐAHN | P.CT HS,SV |
|    |              |  |   | Kế hoạch số 12 /KH – SKĐAHN ngày 5/1/2017<br>Kế hoạch số 575 /KH – SKĐAHN ngày 5/9/2017<br>Kế hoạch số 576 /KH – SKĐAHN ngày 5/9/2017<br>Kế hoạch số 381 /KH – |                   |            |
|    |              |  |   | SKĐAHN ngày 28/8/2018<br>Kế hoạch số 406 /KH – SKĐAHN ngày 13/9/2018<br>Kế hoạch số 407 /KH – SKĐAHN ngày 13/9/2018  |                   |            |
|    |              |  |   | Kế hoạch số 286 /KH – SKĐAHN ngày 14/8/2019<br>Kế hoạch số 358/KH – SKĐAHN ngày 27/9/2019  |                   |            |
|    |              |  |   | Công văn số 3321/BGDĐT-  |                   |            |

|                     |    |              |  |   |           |                               |
|---------------------|----|--------------|--|---|-----------|-------------------------------|
|                     |    |              |  | CTHSSV ngày 28/8/2020<br>Kế hoạch số 307 /KH – SKĐAHN ngày 8/9/2020<br>Kế hoạch số 349 /KH – SKĐAHN ngày 12/10/2020<br>Kế hoạch số 350 /KH – SKĐAHN ngày 12/10/2020 |           |                               |
|                     | 11 | H08.08.03.11 | Minh chứng về Hội nghị đối thoại với sinh viên hằng năm  | Giai đoạn 15-21   | ĐH SKĐAHN | P. CT HS/SV                   |
|                     | 12 | H08.08.03.12 | Điểm thi lưu trữ tại Phòng ĐT, QLKH& HTQT  | Giai đoạn 15-21   | ĐH SKĐAHN | P.ĐT, QLKH& HTQT<br>Khoa NTĐA |
|                     | 13 | H08.08.03.13 | Biên bản ghi nhớ kiểm tra điểm thi   | Giai đoạn 15-21   | ĐH SKĐAHN | P.Khảo thí & ĐBCLGD           |
|                     | 14 | H08.08.03.14 | Biên bản xét học bổng, xét danh hiệu, cảnh báo học vụ, xét điều kiện lên lớp, điểm rèn luyện, xét điều kiện để được làm bài tốt nghiệp.... | Các Biên bản đánh giá kết quả rèn luyện từ 2016 đến 2020  | ĐH SKĐAHN | P. CT HS/SV                   |
| <b>Tiêu chí 8.4</b> | 1  | H08.08.04.01 | Quy chế tổ chức hoạt động của Trường   | Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014   | ĐH SKĐAHN | P.HCTH Bộ phận TCCB           |
|                     | 2  | H08.08.04.02 | Minh chứng từ các báo cáo công tác Đoàn TNCSHCM (2015-2020); sổ ghi chép của giáo viên chủ nhiệm; quyết định bổ nhiệm trợ lý Khoa NTĐA.    | Giai đoạn 15-21   | ĐH SKĐAHN | P.HCTH Bộ phận TCCB           |
|                     | 3  | H08.08.04.03 | Các minh chứng về việc tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa.   | Giai đoạn 15-21   | ĐH SKĐAHN | P. CT HS/SV                   |
|                     | 4  | H08.08.04.04 | Sổ tay sinh viên   | Giai đoạn 15-21   | ĐH SKĐAHN | P. CT HS/SV                   |
|                     | 5  | H08.08.04.05 | Hình ảnh, minh chứng về việc tổ chức đón tiếp sinh viên đầu khóa của Khoa NTĐA   | Giai đoạn 15-21   | ĐH SKĐAHN | Khoa NTĐA                     |
|                     | 6  | H08.08.04.06 | Minh chứng về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho SV  | Giai đoạn 15-21   | ĐH SKĐAHN | P. CT HS/SV                   |
|                     |    |              |  |   |           |                               |

|                     |          |              |   |  |            |                           |
|---------------------|----------|--------------|---|--|------------|---------------------------|
|                     | 7        | H08.08.04.07 | Minh chứng miễn giảm học phí theo quy định của Nhà nước (người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, cũng như việc trợ cấp xã hội cho SV)                             | Giai đoạn 15-21  | ĐH SKĐA HN | P. CT HS/SV               |
|                     | 8        | H08.08.04.08 | Báo cáo hằng năm về tổng kết đánh giá tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp (2015-2020); báo cáo ba công khai.  | Giai đoạn 15-21  | ĐH SKĐA HN | P. CT HS/SV               |
|                     | 9        | H08.08.04.09 | Minh chứng cho việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa.   | Giai đoạn 15-21  | ĐH SKĐA HN | P. CT HS/SV               |
|                     | 10       | H08.08.04.10 | Minh chứng về việc sinh viên được giải thưởng về phim.  | Giai đoạn 15-21  | ĐH SKĐA HN | Khoa NTĐA                 |
|                     | 11       | H08.08.04.11 | Mô tả vị trí việc làm của giảng viên khoa NTĐA;<br>Kế hoạch hằng tháng (giao ban);<br>Kế hoạch P. CTHSSV;<br>Kết luận của HT về công tác HSSV.                              | Giai đoạn 15-21  | ĐH SKĐA HN | P. CT HS/SV               |
|                     | 12       | H08.08.04.12 | Danh sách sinh viên được đề nghị xét học lớp tài năng   | Giai đoạn 15-21  | ĐH SKĐA HN | Khoa NTĐA                 |
|                     | 13       | H08.08.04.13 | Biên bản về việc tổ chức sinh hoạt lớp  | Giai đoạn 15-21  | Khoa NTĐA  |                           |
|                     | 14       | H08.08.04.14 | Minh chứng được cung cấp từ Khoa về các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV | Giai đoạn 15-21  | ĐH SKĐA HN | P. CT HS/SV               |
|                     | 15       | H08.08.04.15 | Minh chứng được cung cấp từ Đoàn TNCSHCM  | Giai đoạn 15-21  | ĐH SKĐA HN | Đoàn TN                   |
|                     | 16       | H08.08.04.16 | Danh mục danh hiệu thi đua của SV khoa NT ĐA đạt được   | Giai đoạn 15-21  | ĐH SKĐA HN | Khoa NTĐA                 |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b> | <b>9</b> |              |   |  |            |                           |
| <b>Tiêu chí 9.1</b> | 1        | H09.09.01.01 | Công khai cơ sở vật chất hằng năm (Báo cáo Ba công khai)<br>Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và   | Phụ lục 19, báo cáo Ba công khai hằng năm<br>Quyết định 223/BC | ĐH SKĐA HN | P.KTĐB<br>CLGD;<br>P.HCTH |

|                     |   |              |  |   |           |              |
|---------------------|---|--------------|--|---|-----------|--------------|
|                     |   |              | các phòng chức năng  | SKĐAHN ngày 19/6/2019                         |           |              |
|                     | 2 | H09.09.01.02 | Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị...; sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng...<br>Sơ đồ thiết bị phòng cháy chữa cháy và kế hoạch ứng phó khẩn cấp         | Giai đoạn 15-21                               | ĐHSKĐAHN  | P. HCTH      |
|                     | 3 | H09.09.01.03 | Văn bản, minh chứng cho thấy Trường được sử dụng Khu khu thể chất, khu ký túc xá thuộc Bộ VHTTDL quản lý.  | Sơ đồ trường ĐHSKĐAHN - 2020                  | ĐHSKĐAHN  | P. HCTH      |
|                     | 4 | H09.09.01.04 | Quy chế hoạt động của Trường (chức năng, nhiệm vụ Phòng HCTH)  | Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 5/11/2014    | ĐHSKĐAHN  | P. HCTH      |
|                     | 5 | H09.09.01.05 | Thông báo về việc bổ sung thiết bị cơ sở vật chất.<br>Kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị.   | Thông báo số 112/TB-HCTH ngày 19/3/2021       | ĐHSKĐAHN  | P. HCTH      |
|                     | 6 | H09.09.01.06 | Kế hoạch chiến lược phát triển về cơ sở vật chất (Đề án xây dựng Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thành trường ĐH trọng điểm quốc gia) - Kế hoạch xây dựng Nhà B | Quyết định số 1714 /QĐ-BVHTTDL ngày 26/5/2021 | Bộ VHTTDL |              |
|                     | 7 | H09.09.01.07 | Báo cáo tài chính năm học (Trong Hội nghị cán bộ CCVC hằng năm).   | Giai đoạn 15-21                               | ĐHSKĐAHN  | P. HCTH (TV) |
|                     | 8 | H09.09.01.08 | Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội  | Năm 2017                                      | ĐHSKĐAHN  | P.KTĐ BCLGD  |
| <b>Tiêu chí 9.2</b> | 1 | H09.09.02.01 | Báo cáo tự đánh giá Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (2010-2015) (tiêu chí 9.2)  | Năm 2017                                      | ĐHSKĐAHN  | P.KTĐ BCLGD  |
|                     | 2 | H09.09.02.02 | Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ VHTTDL ban hành về Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học.                                | Quyết định số 13/2008/QĐ-BVHTTDL              | ĐHSKĐAHN  | P. HCTH      |
|                     | 3 | H09.09.02.03 | Sơ đồ bí trí thư viện.   | Sơ đồ   | ĐHSKĐAHN  | P. HCTH      |



|                     |    |              |  |                             |          |                           |
|---------------------|----|--------------|--|-----------------------------|----------|---------------------------|
|                     | 4  | H09.09.02.04 | Minh chứng về việc bổ sung tài liệu, sách báo hằng năm   | Giai đoạn 15-21             | ĐHSKĐAHN | TTTTTV                    |
|                     | 5  | H09.09.02.05 | Đề cương chi tiết môn học/ học phần  | Giai đoạn 15-21             | ĐHSKĐAHN | K.NTĐA                    |
|                     | 6  | H09.09.02.06 | Minh chứng về thư viện điện tử   | Số ngày tháng               | ĐHSKĐAHN | TTTTTV                    |
|                     | 7  | H09.09.02.07 | cơ sở dữ liệu của Trung tâm thông tin thư viện   | danh sách thống kê thư viện | ĐHSKĐAHN | TTTTTV                    |
|                     | 8  | H09.09.02.08 | Thống kê sách, tài liệu của ngành đạo diễn điện ảnh  | Giai đoạn 15-21             | ĐHSKĐAHN | K.NTĐA                    |
|                     | 9  | H09.09.02.09 | Thống kê sách, tài liệu của ngành đạo diễn điện ảnh  | Giai đoạn 15-21             | ĐHSKĐAHN | K.NTĐA;<br>TTTTTV         |
|                     | 10 | H09.09.02.10 | Thông báo của TTTTTV về bổ sung các giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chuyên ngành đào tạo.(Các văn bản đề xuất nhu cầu, các kế hoạch, dự toán, hóa đơn, thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện như: sách báo, tạp chí, tài liệu....) | Giai đoạn 15-21             | ĐHSKĐAHN | K.NTĐA;<br>TTTTTV         |
|                     | 11 | H09.09.02.11 | Minh chứng về việc khảo sát thăm dò ý kiến bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện (phiếu khảo sát, quy trình xử lý dữ liệu...)   | Giai đoạn 15-21             | ĐHSKĐAHN | TTTTTV                    |
|                     | 12 | H09.09.02.12 | Minh chứng về việc học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ của cán bộ TTTTTV.   | Giai đoạn 15-21             | ĐHSKĐAHN | P.HCTH<br>Bộ phận<br>TCCB |
| <b>Tiêu chí 9.3</b> | 1  | H09.09.03.01 | Sơ đồ phòng thực hành, sản tập, phòng chiếu phim, trung tâm thực hành sk-đa  | Trong sơ đồ trường          | ĐHSKĐAHN | P.HCTH<br>Bộ phận<br>HCQT |
|                     | 2  | H09.09.03.02 | Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng  | Trong sơ đồ trường          | ĐHSKĐAHN | P.HCTH<br>Bộ phận<br>HCQT |
|                     | 3  | H09.09.03.03 | Thống kê danh mục trang thiết bị của phòng thực hành phục vụ đào tạo và NCKH   | Giai đoạn 15-21             | ĐHSKĐAHN | P.HCTH<br>Bộ phận<br>HCQT |
|                     | 4  | H09.09.03.04 | Danh sách các phòng thực hành mà Khoa NTĐA sử dụng.<br>Thống kê danh mục trang thiết bị trường quay, phòng chụp ảnh, phòng   | Văn bản thống kê            | ĐHSKĐAHN | Bộ phận<br>HC, QT         |

|    |              |   |                                    |          |                |
|----|--------------|---|------------------------------------|----------|----------------|
|    |              | dựng phim, phòng chiếu phim, phòng in tráng phim  |                                    |          |                |
| 5  | H09.09.03.05 | Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thực hành  | Số ngày tháng                      | ĐHSKĐAHN | Bộ phận HC, QT |
| 6  | H09.09.03.06 | Minh chứng về việc Trường/ Khoa thường xuyên phổ biến đến người làm việc trong phòng thực hành các quy định, nội quy phòng, quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ (biên bản, thông báo, quy định về việc giảng dạy và học tập trong các phòng thực hành)   | Dùng chung minh chứng H09.09.03.05 | ĐHSKĐAHN | Bộ phận HC, QT |
| 7  | H09.09.03.07 | Nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành (ảnh chụp các bảng nội quy được dán tại các phòng thực hành).   | Dùng chung minh chứng H09.09.03.05 | ĐHSKĐAHN | Bộ phận HC, QT |
| 8  | H09.09.03.08 | Quy chế tổ chức hoạt động (P. HCTH - Bộ phận HCQT)<br>Quy định về quản lý và khai thác trang thiết bị thực hành. (cung cấp số, ngày tháng ban hành QĐ)<br>Kế hoạch công tác tháng của bộ phận HCQT (trong đó có các kế hoạch về duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị phòng thực hành).<br>Nhật ký sử dụng trang thiết bị phòng thực hành | Liệt kê văn bản                    | ĐHSKĐAHN | Bộ phận HC, QT |
| 9  | H09.09.03.09 | kế hoạch và thông báo đến các đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất;<br><br>Các phiếu đề xuất mua sắm trang thiết bị của Khoa NTĐA (2015-2020);   | Giấy đề nghị các năm               | ĐHSKĐAHN | Bộ phận HC, QT |
| 10 | H09.09.03.10 | Báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị (tần suất sử dụng, thời gian hoạt động, số giờ vận hành...)   | Giai đoạn 15-21                    | ĐHSKĐAHN | Bộ phận HC, QT |
| 11 | H09.09.03.11 | Tổng hợp kinh phí đã đầu tư mua sắm, sửa chữa, bảo  | Giai đoạn 15-21                    | ĐHSKĐAHN | Bộ phận HC, QT |

|                     |    |              |   |   |          |                        |
|---------------------|----|--------------|---|---|----------|------------------------|
|                     |    |              | duỡng trang thiết bị  |   |          |                        |
|                     | 12 | H09.09.03.12 | Danh sách các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình;<br>Danh mục thiết bị mua sắm cho khoa TH, NA, KTĐA...  | biên bản kiểm kê tài sản năm 2018           | ĐHSKĐAHN | Bộ phận HC, QT         |
|                     | 13 | H09.09.03.13 | Dữ liệu phản hồi của NH và các bên liên quan về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị   |   | ĐHSKĐAHN | Bộ phận HC, QT         |
|                     | 15 | H09.09.03.14 | Danh mục các trang thiết bị được cập nhật hằng năm trong giai đoạn (2016-2021)  | Giai đoạn 15-21                             | ĐHSKĐAHN | Bộ phận HC, QT         |
| <b>Tiêu chí 9.4</b> | 1  | H09.09.04.01 | Thông kê hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin, trang thông tin điện tử  | Biên bản kiểm kê tài sản năm 2018           | ĐHSKĐAHN | P. HCTH                |
|                     | 2  | H09.09.04.02 | Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐH SKĐAHN   | (Năm 2017- tiêu chí 9.4)                    | ĐHSKĐAHN | P. KT& ĐBCLGD          |
|                     | 3  | H09.09.04.03 | Tổng hợp các biên bản kiểm kê tài sản từ năm 2015-2020.   | Biên bản kiểm kê tài sản năm 2018           | ĐHSKĐAHN | P. HCTH                |
|                     | 4  | H09.09.04.04 | Thư viện điện tử;<br>Sổ sách theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử  | Năm 2016 - 2021                             | ĐHSKĐAHN | P.HC, TH TT thư viện   |
|                     | 5  | H09.09.04.05 | Ban biên tập website;<br>Phân công nhiệm vụ<br><br>Quyết định thành lập Ban quản trị trang thông tin điện tử.<br>Văn bản phân công bộ phận/người phụ trách hệ thống CNTT;<br>Quy chế hoạt động của Trường<br>Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng | Quyết định số 962/QĐ/-SKĐAHN ngày 16/9/2019 | ĐHSKĐAHN | P.HCTH<br>Bộ phận TCCB |

|                     |    |              |  |  |                           |  |
|---------------------|----|--------------|--|--|---------------------------|--|
|                     | 6  | H09.09.04.06 | Văn bản liên quan đến: kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong toàn trường  | Giai đoạn 15-21  | ĐHSKĐAHN                  | P.HCTH                                   |
|                     | 7  | H09.09.04.07 | Nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các trang thiết bị tin học một cách quy chuẩn  | Giai đoạn 15-21  | ĐHSKĐAHN                  | P.HCTH                                   |
|                     | 8  | H09.09.04.08 | Báo cáo đánh giá ngoài Trường Đại học SKĐAHN do Trung tâm KĐCLGD – ĐH QGHN;<br><br>Báo cáo tài chính (2015-2020) dành cho Danh mục máy tính, phần cứng, phần mềm, ... được cập nhật hằng năm (2015-2020).  | Dùng chung minh chứng<br>H09.09.04.02<br><br>Báo cáo tài chính 2015-2020             | ĐHSKĐAHN                  | P.Khảo thí &ĐBCLGD<br><br>Bộ phận tài vụ |
|                     | 9  | H09.09.04.09 | Minh chứng việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ chức thường xuyên   | Thông báo số 153/TB-SKĐAHN ngày 19/5/2020  | ĐHSKĐAHN                  | P.HCTH                                   |
|                     | 10 | H09.09.04.10 | Báo cáo tự đánh giá Trường ĐHSKĐAHN (để đăng ký kiểm định và được đánh giá ngoài năm 2017)   | Dùng chung minh chứng<br>H09.09.04.02  | ĐHSKĐAHN                  | Khảo thí &ĐBCLGD                         |
|                     | 11 | H09.09.04.11 | Kết quả tốt nghiệp năm 2020 ngành đạo diễn điện ảnh  |  | ĐHSKĐAHN                  | P.ĐT, QLKH & HTQT                        |
| <b>Tiêu chí 9.5</b> | 1  | H09.09.05.01 | Liệt kê các văn bản của Nhà nước chỉ đạo công tác này, Nhà trường đang thực hiện như: của Chính phủ quy định về môi trường dực an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.<br>Quy định về việc tăng cường thực hiện phòng chống tác hại thuốc lá và lạm dụng đồ uống có cồn trong ngành giáo dục | Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017<br><br>Chỉ thị số 6036/CT-BGDĐT ngày 17/12/2014 | Chính phủ<br><br>ĐHSKĐAHN | P. CT HS/SV                              |
|                     | 2  | H09.09.05.02 | Hình ảnh chụp các cảnh quan của Trường   | Có minh chứng ảnh  | ĐHSKĐAHN                  | Bộ phận HC, QT                           |
|                     | 3  | H09.09.05.03 | Sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học,   | Dùng chung minh chứng  | ĐHSKĐAHN                  | P. HCTH                                  |

|    |              |  |  |                      |                |
|----|--------------|--|--|----------------------|----------------|
|    |              | phòng thực hành.   | H09.09.03.02                             |                      |                |
| 4  | H09.09.05.04 | Hợp đồng với Công ty vệ sinh Hoàn mỹ   | Hợp đồng ngày 1/7/2021                   | ĐHSKĐAHN P. HCTH     | Bộ phận HC, QT |
| 5  | H09.09.05.05 | Minh chứng: Nhà trường đã tổ chức kiểm tra về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường.  | Biên bản giám sát ngày 28/5/2019         | ĐHSKĐAHN P. HCTH     | Bộ phận HC, QT |
| 6  | H09.09.05.06 | Các thông báo phun thuốc muối, thuốc sát khuẩn thời kỳ chống dịch covid 19. Thông báo phòng chống dịch và triển khai học trực tuyến thời kỳ dịch bệnh.   | Biên bản giám sát ngày 28/5/2019         | ĐHSKĐAHN P. HCTH     | Bộ phận HC, QT |
| 7  | H09.09.05.07 | Thông báo khám sức khỏe cho cán bộ Trường (2015-2020)  | Kế hoạch số 435/KH-SKĐAHN ngày 28/9/2018 | ĐHSKĐAHN P. HCTH     | Bộ phận HC, QT |
| 8  | H09.09.05.08 | Minh chứng khám sức khỏe cho sinh viên năm nhất và bảo hiểm y tế cho sinh viên.  | Kế hoạch số 435/KH-SKĐAHN ngày 28/9/2018 | ĐHSKĐAHN P. CT HS,SV | Bộ phận HC, QT |
| 9  | H09.09.05.09 | Thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước.  | Thông báo 18/TB-SKĐA ngày 17/1/2020      | ĐHSKĐAHN P. HCTH     | Bộ phận HC, QT |
| 10 | H09.09.05.10 | Minh chứng về Hội thảo văn hoá ứng xử....  | Năm 2015-2021                            | ĐHSKĐAHN P. HCTH     | Bộ phận HC, QT |
| 11 | H09.09.05.11 | Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ   | Năm 2015-2021                            | ĐHSKĐAHN P. HCTH     | Bộ phận HC, QT |
| 12 | H09.09.05.12 | Phương án phòng chống cháy nổ  | Dùng chung minh chứng H08.08.05.12       | ĐHSKĐAHN P. HCTH     | Bộ phận HC, QT |
| 13 | H09.09.05.13 | Quy chế tổ chức hoạt động  | Dùng chung minh chứng H6.06.07.01        | ĐHSKĐAHN P. HCTH     | Bộ phận TCCB   |
| 14 | H09.09.05.14 | -Hệ thống camera Minh chứng về: - Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên <u>kế hoạch</u> rõ ràng<br>-Dữ liệu về tập huấn/điễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn hằng năm<br>-Các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực | Có minh chứng                            | ĐHSKĐAHN P. HCTH     | Bộ phận TCCB   |

|                      |           |              |  |  |                             |                           |
|----------------------|-----------|--------------|--|--|-----------------------------|---------------------------|
|                      |           |              | hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn,...   |  |                             |                           |
|                      | 15        | H09.09.05.15 | Các quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ   | Quyết định số 458/QĐ-SKĐAHN ngày 27/5/2016   | DH SKĐAHN P. HCTH           | Bộ phận TCCB              |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b> | <b>10</b> |              |  |  |                             |                           |
| <b>Tiêu chí 10.1</b> | 1         | H10.10.01.01 | Minh chứng về: năm học 2018-2019, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT của tất cả các khoa/ trung tâm đào tạo.  | Kế hoạch số 558/KH SKĐA HN ngày 30/8/2017  | ĐH SKĐAHN                   | P.ĐT, QLKH & HTQT         |
|                      | 2         | H10.10.01.02 | Văn bản giao nhiệm vụ/quy trình thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH (trích thông tin từ Kết luận của Hiệu trưởng trong cuộc họp giao ban – Có phần nói về việc chuẩn bị cho CTĐT tài năng).<br>Minh chứng việc tổ chức hội thảo chương trình đào tạo tài năng của Khoa NTĐA. | Quyết định số 869/QĐ-SKĐAHN ngày 20/8/2019   | ĐH SKĐAHN                   | K.NTĐA                    |
|                      | 3         | H10.10.01.03 | Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.<br>Các văn bản của Trường ĐH SKĐA HN về vấn đề này.        | Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015<br><br>Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN ngày 17/10/2019 | Bộ GD & ĐT<br><br>ĐH SKĐAHN | P.ĐT, QLKH & HTQT         |
|                      | 4         | H10.10.01.04 | Danh sách các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân   | Danh sách các bên liên quan chuẩn bị cho công tác kiểm   | ĐH SKĐAHN                   | P.KTĐBC LGD; P.ĐT, QLKH & |

|                      |   |              |   |   |            |                 |
|----------------------|---|--------------|---|---|------------|-----------------|
|                      |   |              | viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) được thiết lập từ khi chuẩn bị cho công tác KĐCLGD (năm 2017).   | định chất lượng giáo dục  |            | HTQT            |
|                      | 5 | H10.10.01.05 | -Biên bản giao nhiệm vụ của Khoa trong việc thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT.<br>Biên bản họp cấp Khoa, Tổ giao nhiệm vụ thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan<br>-Phiếu khảo sát/dữ liệu khảo sát/báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, người học và người sử dụng lao động để xây dựng và phát triển CTDH | Tổng hợp kết quả khảo sát về chương trình đào tạo ,chuẩn đầu ra 2019-2020   | ĐH SKĐAHN  | P.KTĐBC LGD     |
|                      | 6 | H10.10.01.06 | Thông báo/ kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học/ Thông báo công bố kết quả phản hồi của người học   | Thông báo kèm bảng thống kê từ 2016 đến 2021  | ĐH SKĐAHN  | P.KTĐBC LGD     |
|                      | 7 | H10.10.01.07 | Hồ sơ kiểm tra công tác đào tạo tại Khoa NTĐA.  | Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 4/5/2021<br>Kế hoạch 193 /KH-SKĐAHN ngày 16/5/2021<br>Thông báo 192 TB-SKĐAHN ngày 4/5/2021<br>Kết luận thanh tra 274 /KL_SKĐAHN ngày 2021 | ĐH SKĐAHN  | P.KTĐBC LGD     |
| <b>Tiêu chí 10.2</b> | 1 | H10.10.02.01 | Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây   | Thông tư 7/2015/2017/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015  | Bộ GD & ĐT | ĐT, QLKH & HTQT |

|   |              |   |   |           |                     |  |
|---|--------------|---|---|-----------|---------------------|--|
|   |              |   | dựng, thẩm định ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;   |           |                     |  |
| 2 | H10.10.02.02 | Phòng Đào tạo, quản lý KH & HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT:<br>Ban hành kế hoạch, Quyết định thành lập HĐ, (liệt kê toàn bộ các hoạt động của P. ĐT QLKH & HTQT về vấn đề này)<br><b>Mô tả chi tiết về quy trình thiết kế, phát triển CTĐT đảm bảo chất lượng đào tạo.(P. ĐT QLKH &amp; HTQT vẽ sơ đồ này dựa trên những việc đã làm để hoàn thành công tác rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2019)</b> | Quyết định số 357/QĐ-SKĐAHN ngày 4/5/2018<br>Quyết định số 727/QĐ-SKĐAHN ngày 26/7/2018<br>Quyết định số 1221/QĐ-SKĐAHN ngày 7/11/2017<br>Quyết định số 1476/QĐ-SKĐAHN ngày 28/12/2017<br>Quyết định số 357/QĐ-SKĐAHN ngày 4/5/2018 | ĐH SKĐAHN | ĐT QLKH & HTQT      |  |
| 3 | H10.10.02.03 | Minh chứng về quá trình Khoa NTĐA rà soát điều chỉnh CTĐT (năm 2019) (các biên bản họp về vấn đề này, tổng kết vấn đề)  | Dùng chung minh chứng H2.02.01.01   | SKĐAHN    | P.Khảo thí & ĐBCLGD |  |
| 4 | H10.10.02.04 | Bảng đối sánh những nội dung chính đã cập nhật trong CTDH qua các năm (2015, 2019)  | Dùng chung minh chứng H2.02.01.01<br>Dùng chung minh chứng H2.02.01.03  | SKĐAHN    | ĐT, QLKH & HTQT     |  |
| 5 | H10.10.02.05 | Các văn bản mẫu phiếu đề cương chi tiết do phòng đào tạo thiết kế   | Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN ngày 27/7/2018  | SKĐAHN    | ĐT, QLKH & HTQT     |  |
| 6 | H10.10.02.06 | Khoa thống kê các nội dung điều chỉnh CTĐT ngành đạo diễn điện ảnh (trích lại biên bản do thư ký ghi chép trong các cuộc họp của Hội đồng thẩm định)  | Giai đoạn 15-21   | SKĐAHN    | ĐT, QLKH & HTQT     |  |
| 7 | H10.10.02.07 | Thông báo lấy ý kiến góp ý CTĐT đã được điều chỉnh, tổng hợp ý kiến đóng góp từ các đơn vị toàn Trường, Quyết định ban hành CTĐT năm  | Biên bản họp hội đồng khoa học cấp trường ngày 25/4/2018  | ĐH SKĐAHN | ĐT QLKH & HTQT      |  |



|                      |   |              |   |  |                              |                                |
|----------------------|---|--------------|---|--|------------------------------|--------------------------------|
|                      |   |              | 2019.<br>Hồ sơ: Các minh chứng lấy từ cuộc họp của hội đồng thẩm định (phải được ghi thành biên bản chi tiết); trong đó có ý kiến nhận xét của các phản biện (có bản nhận xét kèm theo); kết quả kiểm phiếu (có biên bản kiểm phiếu kèm theo) và kết luận của Hội đồng thẩm định cấp trường, có chữ ký của các thành viên hội đồng. |  |                              |                                |
| <b>Tiêu chí 10.3</b> | 1 | H10.10.03.01 | “Quy định về công tác khảo thí của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội” và Quy chế đào tạo của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội  | Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 12/2/2021 | SKĐAHN                       | P.Khảo thí & ĐBCLGD            |
|                      | 2 | H10.10.03.02 | Thông báo của P. KT &ĐBCLGD về việc tiếp nhận ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, yêu cầu các khoa trong toàn Trường rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi   | Thông báo số 506/TB-SKĐAHN ngày 22/11/2018 | SKĐAHN                       | P.Khảo thí & ĐBCLGD            |
|                      | 3 | H10.10.03.03 | Minh chứng: khoa Nghệ thuật điện ảnh cũng đề ra quy trình đánh giá học phần   | Mô tả quy trình                            | ĐH SKĐAHN                    | ĐT QLKH & HTQT                 |
|                      | 4 | H10.10.03.04 | Mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì  | Minh chứng nằm trong ngân hàng đề thi      | ĐH SKĐAHN                    | ĐT QLKH & HTQT                 |
|                      | 5 | H10.10.03.05 | Đề cương chi tiết học phần  | Năm 2015 -2021                             | ĐH SKĐAHN<br>ĐT, QLKH & HTQT | Khoa NTĐA                      |
|                      | 6 | H10.10.03.06 | Phòng KT & ĐBCLGD của Nhà trường phối hợp với Khoa thực hiện hàng năm. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành Đạo diễn điện ảnh đều được lấy ý kiến  | Năm 2015 -2021                             |                              | Phòng KT & ĐBCLGD<br>Khoa NTĐA |
|                      | 7 | H10.10.03.07 | Hồ sơ kiểm tra hoạt động  | Giai đoạn 15-21                            | SKĐAHN                       | P.Khảo thí &                   |

|                      |   |              |   |  |                |                           |
|----------------------|---|--------------|---|--|----------------|---------------------------|
|                      |   |              | đào tạo của Khoa nghệ thuật điện ảnh  |  |                | ĐBCLGD                    |
|                      | 8 | H10.10.03.08 | Kế hoạch giảng dạy của giảng viên   | Giai đoạn 15-21  | SKĐAHN         | ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA |
| <b>Tiêu chí 10.4</b> | 1 | H10.10.04.01 | Văn bản Sứ mạng, tầm nhìn của Trường  | Quyết định số 1219/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2016                           | SKĐAHN         | P.Khảo thí &ĐBCLGD        |
|                      | 2 | H10.10.04.02 | Các hoạt động nghề nghiệp cụ thể: Liệt kê việc tổ chức giải ong vàng, việc gửi phim đi dự thi, việc tham gia các hoạt động liên quan đến nghệ thuật điện ảnh được ghi nhận. | Các hoạt động nghề nghiệp cải tiến việc dạy học (2015-2020)            | SKĐAHN         | K. NTĐA                   |
|                      | 3 | H10.10.04.03 | Danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của GV Khoa NTĐA   | Danh sách giải thưởng của giảng viên khoa NTĐA (2015-2020)             | K. NTĐA        | K. NTĐA                   |
|                      | 4 | H10.10.04.04 | Danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của SV Khoa NTĐA   | Danh sách giải thưởng của sinh viên khoa NTĐA (2015-2020)              | K. NTĐA        | K. NTĐA                   |
|                      | 5 | H10.10.04.05 | Liệt kê các bài viết liên quan đến tác phẩm điện ảnh được giải thưởng (trong đó có sự góp mặt của GV khoa NTĐA)   | Danh sách giải thưởng của giảng viên khoa NTĐA (2015-2020)             | K. NTĐA        | K. NTĐA                   |
|                      | 6 | H10.10.04.06 | Sự cực đoan và dụi dàng của tay máy vàng Lý Thái Dũng (tác giả Ngọc Diệp)   | Danh sách các bài viết về tác phẩm ,thực hành của giảng viên khoa NTĐA | K. NTĐA        | K. NTĐA                   |
|                      | 7 | H10.10.04.07 | Quy định về chế độ làm việc của giảng viên  | Quyết định số 1415/QĐ-SKĐAHN ngày 8/12/2020                            | SKĐAHN         | Bộ phận TCCB              |
|                      | 8 | H10.10.04.08 | Danh sách tên Hội nghị, hội thảo của Trường tổ chức - Các hội nghị, hội thảo, v.v để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH.  | Liệt kê văn bản  | SKĐAHN         | Viện SKĐA                 |
|                      | 9 | H10.10.04.09 | Liệt kê các bài viết trên tạp chí của Nhà trường và nhiều tạp chí, báo khác về các tác phẩm điện ảnh đạt giải có sự góp mặt của GV khoa                                     |  | Tạp chí SKĐAHN | Tạp chí ĐA                |

|                      |    |              |   |   |         |                                      |
|----------------------|----|--------------|---|---|---------|--------------------------------------|
|                      |    |              | NTĐA.   |   |         |                                      |
|                      | 10 | H10.10.04.10 | Danh sách chuyên gia nước ngoài đến làm việc tại Trường (2015-2020).  | Bảng thống kê kế hoạch công tác với giảng viên ,chuyên gia nước ngoài đến trường giảng dạy từ năm 2015 đến 2020 | SKĐAHN  | ĐT, QLKH & HTQT<br>Bộ phận Đối ngoại |
|                      | 11 | H10.10.04.11 | Liệt kê sách, giáo trình phục vụ học tập do GV khoa NTĐA thực hiện.   | Danh sách giáo trình phục vụ học tập khoa NTĐT 2015 -2020   | SKĐAHN  | K. NTĐA                              |
| <b>Tiêu chí 10.5</b> | 1  | H10.10.05.01 | Kế hoạch công tác tháng và kết luận của Hiệu trưởng tại các cuộc họp giao ban hằng tháng (2015-2020)  | Kế hoạch và kết luận từ 2017 đến 2020   | SKĐAHN  | Bộ phận HC, QT                       |
|                      | 2  | H10.10.05.02 | Biên bản các cuộc họp: cán bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với phòng quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường | Giai đoạn 15-21   | SKĐAHN  | P.CT HS,SV                           |
|                      | 3  | H10.10.05.03 | Sổ theo dõi CSVC thường xuyên<br>Biên bản kiểm kê tài sản cuối năm  | Biên bản kiểm kê tài sản ngày 31/12/2019  | SKĐAHN  | Bộ phận HC, QT                       |
|                      | 4  | H10.10.05.04 | Báo cáo công khai tài chính tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức (các năm từ 2015-2020)  | Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 2020 và dự toán ngân sách 2021  | SKĐAHN  | Bộ phận Tài vụ                       |
|                      | 5  | H10.10.05.05 | Giấy đề nghị mua sắm sửa chữa của các khoa, các phòng   | Giai đoạn 15-21   | SKĐAHN  | Bộ phận HC, QT                       |
|                      | 6  | H10.10.05.06 | -Thông báo về việc bổ sung minh chứng cho báo cáo tự đánh giá<br><br>- Mẫu phiếu khảo sát   | Số 365/TB-SKĐAHN ngày 12/10/2015  | SKĐAHN  | P.Khảo thí & ĐBCLGD                  |
|                      | 7  | H10.10.05.07 | Đề xuất của Khoa NTĐA hoặc cung cấp bài tập tốt nghiệp (đồ án tốt nghiệp) cho Thư viện  | Biên bản bàn giao bài tốt nghiệp khoa NTĐA từ K32 đến K37   | K. NTĐA | K. NTĐA                              |
|                      | 8  | H10.10.05.08 | chính sách xã hội hoá (trích nội dung họp giao ban về vấn đề lấp điều hoà khu nhà C)  | Số ngày tháng   | SKĐAHN  | Bộ phận HC, QT                       |
|                      | 9  | H10.10.05.09 | Bản quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường đến  | Năm 2014  | SKĐAHN  | Bộ phận HC, QT                       |

|                      |           |              |   |   |                |                            |
|----------------------|-----------|--------------|---|---|----------------|----------------------------|
|                      |           |              | năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030   |   |                |                            |
|                      | 10        | H10.10.05.10 | Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia.  | Quyết định số 2971/QĐ-BVHTTDL ngày 1/9/2015                         | SKĐAHN         | Bộ phận TCCB               |
| <b>Tiêu chí 10.6</b> | 1         | H10.10.06.01 | Quyết định số 538/QĐ – BVHTTDL quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội  | Quyết định số 538/QĐ BVHTTDL Hà Nội ngày 06/3/2014                  | BVHTTDL        | Bộ phận TCCB               |
|                      | 2         | H10.10.06.02 | Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội  | Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 05/11/2014 Trường ĐHSKĐAHN | SKĐAHN         | Bộ phận TCCB               |
|                      | 3         | H10.10.06.03 | Hệ thống minh chứng về công việc của Phòng KT & ĐBCLGD (báo cáo tổng kết công tác hằng năm từ 2015-2020).   | Kế hoạch, Bảng kê hoạch công tác, báo cáo tiến độ từ 2016 đến 2020  | SKĐAHN         | P.Khảo thí & ĐBCLGD        |
|                      | 4         | H10.10.06.04 | - Quy định/Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và tổng hợp phiếu phản hồi.<br>- Các văn bản quy định/hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan | Quyết định số 1158/QĐ-SKĐAHN ngày 30/9/2016                         | SKĐAHN         | P.Khảo thí & ĐBCLGD        |
|                      | 5         | H10.10.06.05 | Các mẫu phiếu đánh giá cuối năm (dùng cho công tác thi đua khen thưởng)   | Giai đoạn 15-21   | SKĐAHN         | Bộ phận TCCB               |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b> | <b>11</b> |              |   |   |                |                            |
| <b>Tiêu chí 11.1</b> | 1         | H11.11.01.01 | Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (chức năng, nhiệm vụ của P. CTHSSV)  | Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 05/11/2014                 | Đại học SKĐAHN | Phòng Hành chính, Tổng hợp |
|                      | 2         | H11.11.01.02 | Sổ GV chủ nhiệm, các báo cáo của K. TKMT về P. Đào tạo, QLKH & HTQT...  | Sổ tay GVCN năm 2015-2021   | ĐHSKĐAHN       | K. TKMT                    |

|                      |    |              |   |  |                |                            |
|----------------------|----|--------------|---|--|----------------|----------------------------|
|                      | 3  | H11.11.01.03 | Hệ thống biên bản xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, xét kỷ luật...   | Biên bản từ năm 2015-2021  | Đại học SKĐAHN | P.CTHSSV, P.ĐT QLKH & HTQT |
|                      | 4  | H11.11.01.04 | Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của phòng CT HSSV   |  | Đại học SKĐAHN | P.CTHSSV                   |
|                      | 5  | H11.11.01.05 | Minh chứng xét điều kiện TN, và tổng kết điểm để làm căn cứ giám sát quá trình học của SV (SV tốt nghiệp và thôi học được quản lý đầy đủ thông tin tại phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, phòng CT HSSV của Nhà trường). | Quyết định số 1208/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 08/10/2020 v/v công nhận đủ điều kiện TN cho lớp DV Kịch, ĐA-TH K36                                | Đại học SKĐAHN | P.CTHSSV, P.ĐT QLKH & HTQT |
|                      | 6  | H11.11.01.06 | Liệt kê tên các quy định của Bộ GD &ĐT; của Trường về công tác đào tạo, QLHSSV  | Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 17/10/2018 v/v ban hành Quy định công tác đào tạo ĐH theo hình thức chính quy của Trường ĐH SKĐAHN | Đại học SKĐAHN | P.CTHSSV, P.ĐT QLKH & HTQT |
|                      | 7  | H11.11.01.07 | Thống kê thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây (2015-2020)  | Năm 2015-2021  | Đại học SKĐAHN | P.CTHSSV                   |
|                      | 8  | H11.11.01.08 | Hồ sơ, quyết định cho thôi học, bảo lưu...  | Năm 2015-2021  | Đại học SKĐAHN | P.CTHSSV                   |
|                      | 9  | H11.11.01.09 | Minh chứng về triển khai hệ thống học tập trực tuyến do dịch Covid 19   | Thông báo ngày 5/2/2020 số 94/TB-SKĐAHN ngày 12/3/2020 113/TB-SKĐAHN ngày 26/3/2020 Số 93/TB-SKĐAHN ngày 31/3/2020 của phó hiệu trưởng       | Đại học SKĐAHN | P.CTHSSV                   |
|                      | 10 | H11.11.01.10 | Minh chứng về việc kiểm tra nề nếp giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên (Thông báo, biểu mẫu thống kê...)  | Thông báo số 294/TN-SKĐAHN ngày 19/8/2019 của phó hiệu trưởng  | Đại học SKĐAHN | P.CTHSSV                   |
| <b>Tiêu chí 11.2</b> | 1  | H11.11.02.01 | Quy trình để 1 SV Khoa NTĐA được công nhận tốt nghiệp.  | Văn bản ghi rõ ngày tháng năm  | Đại học SKĐAHN | P.ĐT QLKH & HTQT           |

|                      |   |              |  |  |                |                             |
|----------------------|---|--------------|--|--|----------------|-----------------------------|
|                      | 2 | H11.11.02.02 | Bảng 11.1 (tiêu chí 11.1) Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ thôi học của SV ngành Đạo diễn ĐA từ khóa tuyển sinh 2012 đến 2016. (cột 5)   | Số liệu tính đến thời điểm tháng 10/2020.  | Đại học SKĐAHN | P.CTHSSV, P. ĐT QLKH & HTQT |
|                      | 3 | H11.11.02.03 | Biên bản họp xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, hồ sơ xin bảo lưu của SV Đạo diễn ĐA (2015-2020).  | Biên bản từ năm 2015-2021  | Đại học SKĐAHN | P.CTHSSV,                   |
|                      | 4 | H11.11.02.04 | Thông báo lùi lịch bảo vệ TN dự kiến do dịch bệnh covid 19.<br>Hoặc các lý do khác....   | Thông báo số ngày tháng năm ban hành   | Đại học SKĐAHN | P.CTHSSV, P. ĐT QLKH & HTQT |
|                      | 5 | H11.11.02.05 | Quy định về việc học riêng hoặc quy định về bảo lưu....  | Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 17/10/2018 Trường ĐHSKĐAHN   | Đại học SKĐAHN | P. ĐT QLKH & HTQT           |
| <b>Tiêu chí 11.3</b> | 1 | H11.11.03.01 | Công văn 2919/BGDĐT-GDDH của Bộ giáo dục và Đào tạo về Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp<br><br>Công văn 3943/BGDĐT-GDDH ngày 31/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp | <a href="https://thuvienphapluat.vn/cong-van/giao-duc/cong-van-2919-bgdtt-gddh-2017-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-sinh-vien-tot-nghiep-355820.aspx">https://thuvienphapluat.vn/cong-van/giao-duc/cong-van-2919-bgdtt-gddh-2017-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-sinh-vien-tot-nghiep-355820.aspx</a><br><a href="https://www.dropbox.com/">https://www.dropbox.com/</a> | BGDĐT          | P. CTHSSV                   |
|                      | 2 | H11.11.03.02 | Tổng hợp kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2017   | <a href="http://skda.edu.vn/2017/12/19/tong-hop-ket-qua-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-nam-2017/">http://skda.edu.vn/2017/12/19/tong-hop-ket-qua-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-nam-2017/</a>  | Đại học SKĐAHN | P. CTHSSV                   |
|                      | 3 | H11.11.03.03 | Minh chứng về việc khảo sát tỷ lệ có việc làm của ngành Đạo diễn ĐA  | Năm 2015-2021  | Đại học SKĐAHN | P. CTHSSV                   |
|                      | 4 | H11.11.03.04 | Báo cáo tự đánh giá Trường ĐH SKĐAHN   | Năm 2017   | Đại học SKĐAHN | P. KT & ĐBCLGD              |
| <b>Tiêu chí 11.4</b> | 1 | H11.11.04.01 | Thông tư 22 Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.  | Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo  | BGDĐT          | P. CTHSSV                   |

|                      |   |              |  |   |                |                |
|----------------------|---|--------------|--|---|----------------|----------------|
|                      |   |              |  | đục và Đào tạo  |                |                |
|                      | 2 | H11.11.04.02 | Quy định Về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học           | Thông tư số 19/2012/ TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)  | BGDĐT          | P. CTHSSV      |
|                      | 3 | H11.11.04.03 | Số liệu bổ sung tài liệu cho thư viện  | Có danh sách hợp danh mục   | SKĐAHN         | Khoa NTĐA      |
|                      | 4 | H11.11.04.04 | Danh mục các giải thưởng do SV chuyên ngành đạo diễn, khoa NTĐA đạt được.                          | Danh sách tổng hợp giải thưởng  | SKĐAHN         | Khoa NTĐA      |
|                      | 5 | H11.11.04.05 | Các quy định về khen thưởng học sinh sinh viên   | Từ năm 2016 - 2020  | SKĐAHN         | P. CTHSSV      |
|                      | 6 | H11.11.04.06 | Liên hoan phim Ong vàng – Cơ hội dành cho nhà làm phim trẻ   | <a href="https://nhandan.com.vn/dong-chay/lien-hoan-phim-ong-vang-co-hoi-danh-cho-nha-lam-phim-tre-249311/">https://nhandan.com.vn/dong-chay/lien-hoan-phim-ong-vang-co-hoi-danh-cho-nha-lam-phim-tre-249311/</a>                                     | SKĐAHN         | Khoa NTĐA      |
|                      | 7 | H11.11.04.07 | 152 phim dự Liên hoan phim ngắn Ong vàng   | <a href="https://tuoitre.vn/152-phim-du-lien-hoan-phim-ngan-ong-vang-524847.htm">https://tuoitre.vn/152-phim-du-lien-hoan-phim-ngan-ong-vang-524847.htm</a>   | SKĐAHN         | Khoa NTĐA      |
|                      |   | H11.11.04.08 | Liên hoan phim ngắn 2020 dành cho các cựu sinh viên và sinh viên                                   | <a href="https://baotintuc.vn/van-hoa/lien-hoan-phim-ngan-2020-danh-cho-cac-cuu-sinh-vien-va-sinh-vien-20201215175008171.htm">https://baotintuc.vn/van-hoa/lien-hoan-phim-ngan-2020-danh-cho-cac-cuu-sinh-vien-va-sinh-vien-20201215175008171.htm</a> | SKĐAHN         | Khoa NTĐA      |
| <b>Tiêu chí 11.5</b> | 1 | H11.11.05.01 | Hội nghị cán bộ, viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt   | Giấy triệu tập Hội nghị cán bộ công chức viên chức 8h30 thứ 5 ngày 16/01/2020 MC các năm 2015-2021  | Đại học SKĐAHN | P. HCTH        |
|                      | 2 | H11.11.05.02 | MC: tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần (mẫu phiếu) | Mẫu phiếu   | Đại học SKĐAHN | K. NTĐA        |
|                      | 3 | H11.11.05.03 | Dự thảo Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan                                | Năm 2022  | Đại học SKĐAHN | P. KT & ĐBCLGD |

|  |   |              |  |                |                |         |
|--|---|--------------|--|----------------|----------------|---------|
|  | 4 | H11.11.05.04 | Biên bản họp lớp, họp khoa NTĐA                            | Biên bản họp   | Đại học SKĐAHN | K. NTĐA |
|  | 5 | H11.11.05.05 | Danh sách cựu sinh viên khoa NTĐA                          | Danh sách      |                | K. NTĐA |
|  | 6 | H11.11.05.06 | Khảo sát việc làm của cựu SV (phiếu khảo sát, thư ngỏ....) | Phiếu khảo sát |                | K. NTĐA |